



LƯƠNG KHẢI MINH
CAO VỊ HOÀNG

LÀM THẾ NÀO ĐỂ GIẾT MỘT
TỔNG THỐNG

TẬP MỘT

LƯƠNG KHÁI MINH
và CAO VỊ HOÀNG
tức
CAO THẾ DUNG

LÀM THẾ NÀO
ĐỂ GIẾT MỘT TỔNG THỐNG ?
Bút ký lịch sử

TẬP I

*Trăm năm trong cuộc biến đàu
Nhưng điều trông thấy mà đau đớn lòng*

NGUYỄN-DU

- Ký giả Đinh từ Thức, người đặt tên cho tập Bút ký này
« Làm thế nào để giết một Tổng Thống ? »

Chân thành ghi ân quý Thượng tọa, Linh mục,
Đại đức, quý Nhân sĩ, quý vị Tướng lĩnh và Sĩ quan,
quý Văn nhân ký giả cùng các nhân chứng trong biển
cố và thân hữu của chúng tôi đã cung cấp cho chúng
tôi những tài-liệu-sống và quan yếu nhất để hoàn
thành thiên bút ký này.

LƯƠNG KHẢI MINH

và

CAO VỊ HOÀNG tức CAO THỂ DUNG

Album lục

TẬP MỘT

CHƯƠNG I

ĐINH MỆNH ĐÃ AN BÀI	Trang	9
Giây phút cuối cùng	16	
Tiếp khách lần cuối	17	
Thận chí nhà giàu	21	
Đạo phủ	30	

CHƯƠNG II

NGƯỜI SỐNG VÀ NGƯỜI CHẾT	33
Anh đi đường anh tôi đi đường tôi	38
Mộng công hầu	40
Bàn tay phù thủy	41
Tường mới kếp cũ	44
Chê độ Diệm không Diệm	46
Bàn tay móc nối	48
Địa phương	49
Tướng không quân	51
Nước với lửa	53
Tối lui đúng lúc	55
Ngày trở về	57
Nỗi buồn nho nhỏ	58
Ngồi chờ xơi nước	60
Ngài Ngoại trưởng	62
Cháy nhà ra mặt chuột	65
Cái gai cần nhờ	65

CHƯƠNG III

TRONG THẾ GIỚI CỦA QUYỀN UY VÀ CỖ ĐƠN. 69

Câu hỏi giao du	71
Hành hương Vĩnh long	80
Chữ lễ trong tinh thần Nho gia	83
Làm lớn	95
Uy quyền	111
Định mệnh an bài	114
Con người tình cảm	117
Mối tình bí mật của Tổng thống Ngô đình Diệm	118
Mon coeur à son secret	122

CHƯƠNG IV

TỔNG THỐNG DIỆM VÀ CÔNG GIÁO . . . 127

Hậu quả	136
Cá nhân và tập thể	137
Chùm mâu thuẫn và ngộ nhận — kỳ thi	149

CHƯƠNG V

TỪ CHẾ ĐỘ NGŨ ĐÌNH DIỆM ĐẾN CÁI CHẾT CỦA NGŨ ĐÌNH CẢN . . . 155

Người em út	157
Tàu vi thượng sách	163
Ông lãnh sự	167
Chết vì của	172
Phú hộ đồng quê	176
Công lý	177
Người tử tù	178
Đảng là ta	180

CHƯƠNG VI

TRƯỜNG HỢP BÀ NGŨ ĐÌNH NHU . . . 187

Ảnh hưởng của bà Nhu đối với Đức cha Thục	223
---	-----

Ảnh hưởng của bà Nhu đối với ông chồng	227
Ngô đình Nhu : một học giả uyên thâm	246

CHƯƠNG VII

CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ NGƯỜI MỸ	263
Mộng ước hiệp thương hai miền Nam Bắc	266
Bắt tay với Cộng sản chỉ là chiến thuật trả đũa Hoa kỳ	270
Chấp nối duyên xưa	273
Ngô đình Nhu — Tường Kinh Quốc và gã chủ nợ kéo kiệt.	277
Người Mỹ « nó » viện trợ có điều kiện như rứa	280
Chính Hoa kỳ đã đẩy ông Nhu vào thế chân tường	282
Không thể làm tay sai một cách trơ trẽn.	285
Mỹ muốn VN có một thứ C.I.A kiểu Mỹ	287
Cái thế của kẻ khó ăn đong.	289
Chính quyền Ngô đình Diệm — Sihanouk và Mỹ	290
Sihanouk thoát chết, kế hoạch của ông Nhu bất thành	294
Chủ trương của Hoa kỳ theo Ngô đình Nhu là một sự lưỡng gạc xấu xa	298
Được nhập Việt tịch, người Miền 1959 coi đó như một thắng lợi	300
Khi Sihanouk tranh đấu cho Phật giáo Việt nam	304
Mối thù biên giới	306
Ngô đình Nhu và vụ đảo chánh hụt của Dap Choun	311
Tướng Dap Choun và 100 ký lô vàng của VNCH	313
Trong khi bị xử tử, hai điệp viên VN hô lớn : « Việt Nam muôn năm »	316
Con số 80% : sự thực hay là huyền thoại ?	325

TẬP HAI

CHƯƠNG VIII

PHẬT GIÁO VÀ TỔNG THỐNG DIỆM	327
Ngày lịch sử 7.5-1963 (đ.1)	342

Bài thuyết pháp nầy lửa	347
Tiếng nổ rung chuyển cả nước	360
AI là thủ phạm ?	366
Thủ phạm mang tên Scott	367
« Cú Scott ».	370
Cuộc hòa giải âm thầm	404
Đồ thêm dầu vào lửa	427
Lửa đã thực sự bùng lên	436
Bản thông cáo chung	443
Cái chết của một nhà văn.	462
Vụ án li-11-1960	473
Khi huyền thoại như cát gặp mưa	484
Khi Mỹ và Cộng sản quyết tâm nhảy vào cuộc	491
Chuẩn bị dư luận đề ra tay	516
Giải pháp cuối cùng	523

CHƯƠNG IX

DIỄN TIẾN CỦA MỘT CUỘC BINH BIẾN . 547

Ba phiên họp lịch sử	549
Từ Bravo I đến Bravo II.	555
Ngày N và giờ G	557
Giác mơ trở về	565
Bắt đầu nổ súng.	566
Giờ đã điem.	569
Mời Cự xuống hầm	572
Đánh nhau bằng mồm	578
Dưới hầm	581
Đào chánh giả	583
Phá đồ và lên tặc.	585
Đài Phát thanh Saigon.	595
Trên lầu, dưới nhà	597

Trong cơn đau	599
Từ Đà Lạt đợi lệnh	605
Dùng dằng nửa ở nửa đi	611
Đứa trẻ thơ	613
Sân đuôi	616

CHƯƠNG X

TRÊN BƯỚC ĐƯỜNG CÙNG	619
Chết vì chủ quan hay chết vì phản bội?	623
Trong Dinh	626
Đường giây dờ đứt	628
Thành bại trong gang tấc	632
L' état c'est moi	633
Rời đi trời chưa sáng	637
Từ hầm Dinh gia Long tới nhà Mã Tuyên	644
Ruột thịt	648
Giờ thứ 25	649
Đêm dài nhất	655
Giây phút cuối cùng	657
Nhỏ cò tận góc	664
« Je reste neutre »	667
Trước giờ lâm chung	669
Bước chân cuối cùng	675
« C'est comme ça »	678
Chết chưa phải là hết	681
Tài liệu của giới hữu trách quân đội về cái chết của hai ông Diệm và Nhu	683

CHƯƠNG XI

BẢY NĂM SAU CUỘC PHONG TRẦN	698
--	-----

CHƯƠNG I

ĐỊNH MỆNH ĐÃ AN BÀI?

Sáng sớm ngày 2-11-1963, sau một đêm dài nhất, một đêm không ngủ, trong lúc tiếng súng vẫn còn nổ lè tè đầu đây, với nhiều đám khói tại trung tâm Thủ đô còn bốc lên nghi ngút, từ các máy thu thanh phát ra lời loan báo của phe đảo chánh đã hạ được dinh Gia-Long thủ phủ cuối cùng của chế độ Ngô-dình-Diệm nhưng anh em ông Diệm đã trốn thoát khỏi Dinh Gia-Long.

Khoảng 10 giờ cùng ngày, Đài phát thanh Saigon loan một tin vắn tắt : « Anh em ông Diệm bị bắt tại Chợ Lớn, và đã tự tử » ! Dư luận bàn tán xôn xao, phần đông nghi ngờ : Không tin anh em ông Diệm đã chết, và nhất là không tin anh em ông Diệm tự sát. Vì ai cũng biết : cố T.T. Diệm là một người ngoan đạo, mà đạo Thiên Chúa cấm tự sát. Trong khi ấy phe đảo chánh không cho biết thêm tin tức nào

về cái chết. Trong khi báo chí thì không dám nói rằng anh em ông Diệm bị giết.

Ngày 6-1-63, nhật báo New York Times in hình xác Tổng-thống Diệm bị còng tay với lời chú thích « suicide with no hand » (tự sát không có tay) có ý mỉa mai lời thông báo của phe đảo chánh rằng anh em ông Diệm đã tự sát. Về sau, người ta đã có thể công khai nói rằng anh em cố T.T. bị giết. Nhưng ai giết? Và ai ra lệnh giết? Đó là một nghi vấn cho đến nay vẫn chưa được hoàn toàn phơi bày ra ánh sáng.

Thời gian như chiếc lá bay vèo. Mọi việc tưởng như mới xảy ra ngày hôm qua thế mà đã 6 năm. Vào thế kỷ trước khi tốc độ còn tính bằng chục cây số thì 6 năm qua là quãng thời gian quá ngắn chưa đủ một khoảng cách không gian cần và đủ để có thể phơi bày tất cả mọi sự thật về một biến cố lịch sử. Nhưng ngày nay, tốc độ tính bằng ngàn cây số, sáu năm là thời gian quá đủ để nói thật, nói hết về một biến cố lịch sử. Mỗi biến cố lịch sử có một giá trị riêng của nó, vào thời đại của nó. Mỗi giai đoạn lịch sử, cũng có một giá trị khác nhau. Chỉ riêng sự thật có giá trị muôn đời. Và cái gì là sự thật, phải trả về với sự thật.

Viết về một giai đoạn cầm quyền suốt 9 năm của cố TT Ngô-đình-Diệm, không nhằm mục đích biện minh cho ai, hoặc kết tội ai, mà chỉ muốn nói lên một sự thực.

Sự thực sẽ ghi tội và công trạng của những người có công. Người viết không dám làm việc của một sử gia, mà chỉ muốn góp một phần nhỏ vào việc soi sáng cho một giai đoạn gay go của lịch sử, một giai đoạn đầy những biến chuyển và bí mật.

Cái chết của Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm không đơn giản như một vụ thanh toán chính trị và thoán đoạt quyền hành ở cấp lãnh đạo thượng tầng quốc gia.

Cái chết của ông đã biểu hiệu trọn vẹn thân phận của người dân nhược tiểu Á Phi và gần hơn nữa, thân phận của một người VN yêu nước dù có phạm những lỗi lầm nào vẫn còn giữ được lòng tự ái quốc gia và cả cái danh dự của dân tộc. Trước hết, cái chết của ông dù cách nào cũng chỉ là kết quả của một lòng yêu nước và chỉ vì không chịu cúi đầu khuất phục trước những thế lực của ngoại bang, nhằm khuynh đảo đất nước này và tạo ra những hoàn cảnh tan rã và mỗi ngày càng thêm tan rã.

Tổng-Thống Diệm và bào đệ Ngô-đình-Nhu bị bắn chết vào sáng ngày 2-11-63 tức là đã 6 năm qua. Thời gian này quả là quá ngắn ngủi so với giòng lịch sử. Nhưng với thời đại của tốc độ không gian như hiện nay thì sáu năm cũng không phải là một quãng đường quá ngắn. Nhận định về cái chết của anh em TT Diệm ngay bây giờ cũng không phải là vấn đề quá sớm, vội vàng vì hiển nhiên trong 6 năm qua, miền Nam đã trải qua bao nhiêu biến cố, bao nhiêu lần thay chủ đờn ngôi. Nhưng sự kiện diễn biến của thời cuộc cũng đã đủ cung ứng chất liệu cho ta có thể bình tâm nhận

định về cái chết của TT Diệm cùng sự sụp đổ của chế độ Đệ-Nhất Cộng-Hòa.

Vấn đề công và tội của Cựu Hoàng Bảo Đại, của Chủ tịch Hồ-chí-Minh, của TT Ngô-đình-Diệm đều thuộc thẩm quyền phê phán của lịch sử dân tộc sau này. Song sự nhận định phê phán nào cũng không thể bỏ qua thực tại bi thảm của dân VN trong nửa thế kỷ vừa qua. Sự nhận định phê phán xuất phát từ quan điểm nào cũng phải đặt trên lập trường dân tộc như một lập trường căn bản. Từ thực tại Việt-Nam, từ tâm hồn Việt-Nam và trong hoàn cảnh bi thảm của xứ sở, chúng tôi trình bày ở đây chỉ nhằm sáng tỏ những sự thực từ mắt thấy tai nghe và kinh nghiệm tang thương của xứ sở.

Trước và sau ngày 1-11-1969 (ngày Quốc Khánh của Đệ II Cộng-Hòa) trong quốc dân đã nổi dậy một vài khuynh hướng và phong trào đòi phục hồi danh dự cho cố TT Diệm và làm sống lại cái chết bi thảm của ông và các bào đệ ông. Đồng thời lại có một vài khuynh hướng khác không đồng ý như vậy vì nếu phục hồi danh dự cho cố Tổng-thống Diệm tức là đã công khai phủ nhận ý nghĩa của ngày 1-11-1963 mà khuynh hướng trên vẫn coi đó là một ngày cách mạng với niềm tự hào phát xuất từ danh nghĩa cao đẹp này.

Cái chết của TT Diệm hiển nhiên không thể so sánh với cái chết của Hoàng đế Louis XVI đối với cách mạng Pháp 1789. Dù cách nào cái chết của ông

đã được nhiều người VN thấp nén hương lòng đề tưởng niệm. Giả dụ nếu TT chết vì mưu toan của ngoại bang thì cái chết của vị tử đạo vì quyền tự quyết dân tộc.

Những khuynh hướng và phong trào trên đây chung quanh vấn đề phục hồi danh dự cho cố Tổng Thống Diệm dù cách nào cũng chỉ là những phản ứng xuất phát từ lòng « yêu ghét » rất chủ quan và chỉ là kết quả của phản ứng nhất thời của từng tập thể. Do đó sẽ thiếu trung thực và vô tư cần có.

Nhận định về cái chết của TT Diệm cũng như vấn đề công tội của chế độ Ngô-đình-Diệm trước hết phải tách rời tinh thần chủ quan phe phái và phải vượt trên và ở ngoài phương vị tôn giáo cũng như các chính kiến dị biệt.

Trước mắt và trong tâm hồn người viết sẽ chỉ thấy một con người VN Ngô-đình-Diệm bên đoạn đường lịch sử 9 năm (1954-1963). Con người ấy như thế nào? Đã làm được gì cho VN? Đã tranh đấu như thế nào cho nền độc lập trong thời Pháp thuộc và đã bảo vệ chủ quyền và danh dự của dân tộc như thế nào trước thế lực Mỹ cùng những ưu và khuyết điểm của ông như thế nào trong suốt 9 năm nắm giữ giềng mối quốc gia với một uy quyền chói sáng? Và ai là thủ phạm chính trong những âm mưu hạ sát Ngô-đình-Diệm?

Từ phía Cộng-sản khi còn sinh thời, cố Chủ tịch Hồ-chí-Minh đã nhận định Tổng-thống Ngô-đình-Diệm là một nhà Ái Quốc.

— Ái Quốc theo cách thức của TT Diệm. Vậy cách thức đã thể hiện như thế nào trong cuộc đời của ông và chế độ Đệ I CH.

GIẤY PHÚT CUỐI CÙNG

Trước khi nhận định toàn bộ về con người Ngô-đình-Diệm và chế độ của ông chúng tôi xin ghi lại ở đây những giây phút cuối cùng cuộc đời của một TT đã một thời tiêu biểu cho uy quyền của dân tộc Việt.

Nhân dịp tiếp các phái đoàn quân dân chính trong ngày Quốc Khánh 26-10-1963, Tổng-Thống Diệm, bằng một giọng ai oán, thoáng buồn ông nói : « chế độ này tuy còn nhiều khuyết điểm, cũng còn hơn nhiều chế độ khác.

Người ta chê là độc tài nhưng chỉ ngại, còn những thứ độc tài khủng khiếp hơn. Tôi tiến thì theo tôi, tôi lui thì bắt tôi, tôi chết thì trả thù cho tôi. (1)

Trong thời gian này, tinh thần của TT Diệm đang trải qua cơn dao động cực độ. Những nhân vật gần ông, đều nhận thấy ông trở nên nóng nảy bất thường, hay thờ dài, nét mặt đăm chiêu thoáng buồn. Có lẽ TT Diệm đã linh cảm được tai họa sắp đến với ông, gia đình và chế độ. Ông Ngô-đình-Nhu lại càng biểu lộ một cách mau chóng. Ông Nhu già hẳn đi, nét mặt chảy dài. Bức hình của ông Nhu đăng trên tuần báo Express số 909 — (15-12-1968) chính là một trong mấy bức hình

(1) Theo Đoàn Thêm — Những ngày chưa quên tr 236-238.

chụp vào những ngày cuối cùng trong đời ông. Khuôn mặt ông Nhu càng in một vẻ căm hận cùng với vẻ đẹp của đường nét điêu khắc.

Tuy nhiên ông Nhu vẫn giữ được vẻ điềm tĩnh và sẵn sàng đối phó...

Theo tác giả Đoàn Thêm sớm ngày 30-10-1963, ông Diệm lững thững xuống vườn hoa trước cửa dinh Gia-Long, coi mấy chậu non, bộ nhỏ mới đắp xong và đặt ở gốc cây. Ông bận đồ xám nhạt, đội mũ len, chống chiếc ba trong như khi đi thăm địa điểm Dinh Điền. Ông ngắm vài phút ngó lên bức ảnh lớn của ông treo cao đằng sau bàn giấy của ông Đồng Lý Bộ Phủ Tổng Thống rồi mỉm cười lên lầu.

Bốn hôm sau, khi được chính phủ cách mạng cho trở lại dinh để dọn đồ, thì thấy ảnh kia bị bắn vỡ tan tành ».

TIẾP KHÁCH LẦN CUỐI

Ngày 31-10, hầm trú ẩn xây trong dinh Gia-Long đã hoàn tất có thể chịu đựng loại bom 500 kilô. Cũng vào ngày đó, Ông Ngô đình-Nhu tiếp kiến các đại diện Ủy ban Liên Hiệp Bảo vệ Phật-giáo. Cùng ngày phái đoàn điều tra Liên Hiệp Quốc về vụ Phật-giáo VN đáp máy bay ra Huế để tiếp tục cuộc điều tra. Đại sứ Cabot Lodge đã nhận được đầy đủ tin tức về kết quả và thái độ của Phái đoàn này tại Saigon và thấy rằng sẽ bất lợi cho những toan tính và âm mưu của Ông Lodge. Vụ án đàn áp Phật giáo phải được duy

tri đề lấy có lật đồ chế độ Ngô-đình-Diệm như Ông Lodge mong muốn.

Sáng 1-11 nhằm vào ngày lễ các Thánh, công sở đều được nghỉ, Tổng thống Diệm đã tiếp người bạn « đồng minh » Hoa-Kỳ cuối cùng trong đời ông. Đó là Đô-đốc Harry D. Felt, Tổng Tư-lệnh lực-lượng Mỹ tại Thái-bình-Dương. Đô-đốc Harry D. Felt chắc hẳn biết rõ những gì sắp xảy tới trong mấy giờ nữa kết thúc chế độ của Tổng thống Diệm mà ông ta theo lễ nghi vẫn xưng tụng như một nhà lãnh đạo anh minh của miền Nam.

Hồi 13 giờ 30 súng bắt đầu từ nhiều nơi trong đô thành... Ai gây nện tiếng súng đó ? Bắt đầu từ một thế lực nào ? Tướng lãnh ? Quân chúng ? Mỹ ?

Thực ra, những âm mưu lật đổ Tổng thống Diệm đã sắp đặt từ tháng 5-1963 rồi âm thầm tiến hành... Buổi tối ngày 28-10, do sự sắp xếp từ trước Trung-tướng Trần-Văn-Đôn đã tiếp xúc bí mật với giới chức Mỹ tại nhà một nha sĩ (1). Tướng Đôn luôn luôn nhắc nhở xin người Mỹ giữ bí mật hoàn toàn và không thảo luận vấn đề này với bất cứ một ai, ông đã cố gắng thuyết phục ĐS Cabot Lodge chấp nhận chương trình hành động của nhóm ông và làm như thế nào để Hoa thịnh Đốn đồng ý cho bật đèn xanh càng sớm càng hay.

Lúc đầu nhóm đảo chánh dự định khai hỏa vào ngày 31-10 (theo sự tiết lộ của Đại-tá Lu Conein).

(1) Theo tài liệu của Robert Shaplen — *The Lost Revolution*.

Trước nữa, nhóm đảo chánh cùng với sự đạo diễn của mấy chuyên viên CIA đã dự định đảo chánh nhân ngày kỷ niệm Quốc-Khánh 26-10. Nhưng đêm 26-10, ông Nhu đã nhận được báo cáo đầy đủ: Nhóm đảo chánh với tướng Đôn, Minh sẽ ra tay hành động trong cuộc duyệt binh tại đường Thống Nhất vào sáng 25-10 (1). Dịp này sẽ bắt sống Tổng-thống Diệm và ông Nhu sau đó sẽ thanh toán Dinh Gia-Lông và thành Cộng-Hòa. Vào phút chót, ông Smith Trưởng Phòng CIA tòa đại sứ Mỹ (người thay thế Đại-tá Richardson) đã thông báo kịp thời cho Lu Conein biết là chưa thể bật đèn xanh vì đã có kẻ bên trong tòa Đại sứ Mỹ tiết lộ cho ông Nhu. Kề từ ngày Đại-sứ Logde sang Việt-Nam thay thế Nolting cũng không ngoài nhiệm vụ đặc biệt là làm thế nào lật đổ được chế độ Diệm đồng thời thi hành kế hoạch của Mỹ trong giai đoạn mới. Hiên nhiên là Cabot Logde đã đóng vai trò một nhà « lãnh đạo » đứng bật đèn cho cuộc đảo chánh 1-11-63. Cabot Logde được coi như tiếng nói có thẩm quyền của phe « Tự do » Harriman-Hilsman và tổ chức Việt-Nam Task Force.

Những nguyên nhân nào khiến cho Mỹ phải gấp rút tìm mọi cách lật chế độ TT Diệm? Hẳn nhiên, về phía Mỹ không phải là nguyên nhân Phật giáo. Đơn giản là vì quyền lợi Mỹ trước hết.

Cái gai chính yếu của ĐS Logde cũng như Smith-Conein và nhóm đảo chánh là tướng Tôn-thất-Đình.

(1) Theo bản báo cáo mật của Cảnh-Sát Đặc Biệt thuộc thẩm quyền của ông Dương-văn-Hiếu — Phó Tổng Giám Đốc CSQG.

Làm sao nhỏ được cái gai này ? Tuy nhiên, cho đến ngày 28-11 tướng Đôn có thể đã tạm yên tâm về mặt tướng Đính. Điều mà phe đảo chánh lo ngại nhất là Lực Lượng Đặc Biệt của Đại-tá Lê quang-Tung, lực lượng này vẫn được coi như thành phần nòng cốt của chế độ TT Diệm. Ngày 29-11, Tướng Tôn-thất-Đính với tư cách Tư lệnh Quân đoàn III (và từng là Tổng trấn Saigon-Gia-Định) ông ra lệnh cho các đơn vị thuộc LLDB di chuyển ra khỏi Saigon. Đó cũng là một phần kế hoạch nhằm vô hiệu hóa những lực lượng trung thành với chế độ. Hơn nữa, tướng Đính đang được lòng tin cậy của ông Nhu. Theo dư luận đồn đại sau ngày đảo chánh 1-11-63 thì chính ông Nhu đã trao phó cho tướng Đính thực hiện một cuộc đảo chánh giả với danh hiệu Bravo I và II nhằm phá vỡ kế hoạch đảo chánh thực của nhóm tướng lãnh đang liên kết với Cabot Lodge.

Nếu thực sự cuộc Đảo chính sẽ xảy ra, ông Nhu chấp nhận một cách không nghi ngờ việc tướng Đính « móc nối » với nhóm Đôn, Minh. Chính ông Nhu đã từng nói với tướng Huỳnh-văn-Cao « Khánh với Đính là chỗ người trong nhà cả. Không lo ». Ông Nhu tuy cao tay lắm nhưng đâu có thể học được chữ ngờ qua trường hợp của tướng Đính ! Tương kế tựu kế, tướng Đính nắm cơ hội này để quật ngược lại thế cờ cuối cùng của ông Nhu...Không có sự tham dự của tướng Đính, cuộc Đảo chánh 1-11-63 không thể thành công.

Cái lối của ông Nhu là cái lối của một nhà chiến

thuật và chiến lược nhìn và tiên liệu quá xa phạm vi hạn hẹp của chiến thuật, giai đoạn. Hơn nữa vì lòng tin cậy, ông Nhu đã chọn nhầm một người mà chính ông Nhu trước đây đã cho là «khó sài». Nhưng vẫn xử dụng vì tự cho rằng mình cao tay ấ.

Mặt khác, trước đó Đại-tá Đỗ-Mậu quyền Giám đốc Nha An ninh quân đội, một môn đệ tin cậy của TT Diệm đã phúc trình cho hai ông Nhu, Diệm hay là hiện VC đang tập trung tại vùng ven đô và âm mưu đánh phá Saigon. Dĩ nhiên đây chỉ là bản phúc trình giả với mục đích làm lạc hướng theo dõi của chính quyền và đồng thời có cơ đề phân tán một số đơn vị trung thành của ông Diệm ra khỏi Saigon. Nhờ vậy phe đảo chánh sẽ giảm thiểu được sức chống đối của phe chính phủ.

Hồi 12 giờ 30 ngày 1-11, tướng Trần-văn-Đôn cùng một số tướng tá nòng cốt triệu tập Hội nghị trong Bộ Tổng Tham Mưu với sự tham dự hầu hết các Tướng Lãnh và một số Tư-lệnh Quân Binh Chung. Tướng Tôn-thất-Đỉnh không có mặt trong Hội nghị này và lúc đó ông đang phải túc trực tại Tổng Hành dinh Quân đoàn III. Người thì cho rằng đến giờ phút quyết liệt, phe đảo chánh vẫn chưa tin hẳn tướng Đỉnh và có lẽ đó cũng là lý do tướng Đỉnh không có mặt trong buổi hội nghị quan trọng đó ?

THIỆN CHÍ NHÀ GIÀU

Theo tiết lộ của Georges Chaffard qua bài báo tựa

đề La paix manquée en 1963 (1) đề lời kéo tướng Đính vào phe Đảo chánh, Mỹ đã trao cho tướng Đính một số tiền ứng trước là 1 triệu Dollars kết quả do sự thương lượng giữa tướng Đôn và ĐS Cabot Lodge vào ngày 24.10. Số tiền ứng trước này được coi là thiện chí cụ thể của Mỹ giúp phe đảo chánh có chút phương tiện để thực hiện kế hoạch hoàn thành cách mạng.

Tướng cũng nên nhắc lại khoảng cuối tháng 10, dư luận trong chính giới và ngoại giao đoàn đã dồn đại về những hoạt động của nhóm mại vụ Pháp thuộc Sở « Hành Động » (Action) do tướng De Gaulle gửi qua Saigon với nhiệm vụ bảo vệ an ninh cho 2 anh em ông Diệm.

Sáng 1-11, ĐS Cabot Lodge hướng dẫn Đô đốc Felt đến Dinh Gia-Long thăm xã giao TT Diệm. Nhân dịp này TT Diệm đã cho Cabot Lodge biết là đang có dư luận về một cuộc đảo chánh nhằm lật đổ TT Diệm. Ông Diệm nói như thế là có ý bảo cho ông Cabot Lodge biết, ông luôn luôn theo dõi đường đi nước bước của Mỹ trong âm mưu lật đổ chế độ hiện hữu. Đại-sứ Cabot Lodge vẫn một nụ cười vồn vã hứa chắc với TT Diệm, nếu có sự chẳng hay xảy ra như dư luận đồn đại, người Mỹ sẽ bảo đảm cho cá nhân Tổng-thống. Cũng vào giữa khoảng thời gian đó, Đại-tá Lu Conein đã đến gặp tướng Đôn và túc trực bên phe đảo chánh trong suốt ngày 1 và 2 ngay tại Bộ Tổng Tham Mưu. Ông ta là trung gian giữa tòa

(1) Tuần báo Express số 909 — dđch.

Đại-sứ Mỹ và phe đảo chánh. Hay đúng hơn, ông ta thủ vai trò của kẻ điều động và thực hiện kế hoạch đã được thảo luận và quyết định chung giữa tòa Đại-sứ Mỹ và phe đảo chánh ? (1).

Khi ở Dinh Gia-Long trở về DS Lodge đã nhận được đầy đủ tin tức từ Bộ Tổng Tham Mưu báo cáo cho biết kế hoạch đang tiến hành...

Rồi một ngày trôi qua như mọi người Việt-Nam đều biết, cuộc đảo chánh hoàn toàn thành công với sự xuất hiện của các Tướng Lãnh mang danh xưng là những con người cách mạng và ở trong tờ chức mới lúc đầu mệnh danh « Hội đồng các tướng lãnh » sau đổi thành « Hội đồng Quân nhân Cách mạng ».

Nhằm vào đúng ngày lễ các đấng linh hồn, một trong những lễ quan trọng nhất của tín đồ Thiên chúa giáo, hai anh em Tổng-Thống Diệm cùng bị thẩm sát sau khi đã dâng trọn những lời cầu nguyện cuối cùng tại nhà thờ Cha Tam Chợ lớn, với sự chứng kiến của Linh Mục Jean — một Linh mục thuộc Hội Thừa sai Ba Lê (MEP).

Chi tiết về cái chết của TT Diệm đến nay tuy không còn là điều bí mật song đã có quá nhiều những chi tiết mâu thuẫn nhau.

(1) Theo sự tiết lộ của Lu Conein thì ông được mời đến với tư cách Cố vấn Mỹ tại Bộ Nội Vụ tham dự phiên họp thường lệ của Bộ Tổng Tham Mưu và sau khi đảo chánh xảy ra thì tướng Đôn giữ khéo Lu Conein ở lại Bộ TTM như một thứ con tin và một bảo đảm an ninh cho các tướng lãnh.

Trong những giờ phút cuối, Tổng-thống Diệm đã tỏ ra hoàn toàn mệt mỏi và không còn tin tưởng bao nhiêu khi phe Đào chánh báo cho anh em ông biết là đã bắt Đại-tá Tung và ông này cùng lực lượng của ông đã đầu hàng phe Cách mạng. Tổng-thống Diệm bấy giờ chỉ còn đặt tin tưởng vào Quân đoàn IV của tướng Huỳnh-văn-Cao và nhất là Quân đoàn II của tướng Khánh mà ông Nhu hoàn toàn tin cậy. Song tướng Cao đã không làm được gì khác hơn. Sư đoàn 7 nằm trong tay Đại tá Nguyễn hữu Có. Phụ tá Tư lệnh Quân đoàn III. Anh em ông Diệm chỉ còn lại lực lượng phòng vệ trong Dinh. Tất nhiên là lực lượng này không còn phương thế nào hành động khác hơn là đánh thốc thủ trong 4 bức tường thành Cộng-Hòa và Dinh Gia-Long. Trước một tình thế bi đát như vậy, ông Nhu quyết định ra đi — Tổng-thống Diệm mặc nhiên chiều theo quyết định của ông em « đi mô... đi thì đi... » Đó là lời gió cuốn mây trôi của Tổng Thống Diệm.

8 giờ 30 Tổng thống Diệm, ông Nhu, Đại úy Đỗ Thọ và Đại úy Bằng rời khỏi Dinh Gia Long trên bước đường của định mệnh.

Khi tiếp thu dinh Gia-Long, Trung-tá Phạm ngọc Thảo không tìm thấy anh em TT Diệm và cấp báo cho tướng Trần-thiện-Khiêm rõ. Tướng Khiêm ra lệnh cho Trung-tá Thảo phải đi tìm kiếm.. Theo tiết lộ của những người trong cuộc, tướng Khiêm dặn Phạm-ngọc-Thảo phải tìm mọi cách đón anh em TT Diệm, phải bảo vệ an ninh cho anh em ông có được như vậy thì Tướng Khiêm và phe của Trung tá Khải mới có thể thực hiện được kế hoạch lật ngược thế cờ.

Khi được tin dinh Gia Long đã thất thủ thì lúc ấy chính là lúc trong Hội đồng quân nhân cách mạng và nhóm tướng tá đảo chánh cũng đã chia thành năm bảy phe qua những xu hướng chính trị và quyền lợi trái ngược nhau.

Riêng Trung tá Phạm-ngọc-Thảo từ trước ngày đảo chánh đã có những liên lạc mật thiết với đại tá Đỗ-Mậu và tướng Khiêm. Ông Thảo là người được tướng Khiêm tin cậy và cả hai đều là những tướng tá được chế độ tin dùng. Riêng tướng Khiêm sau vụ đảo chánh hụt 11.11.60, Ông trở thành vị tướng lãnh thân cận của Tổng-Thống Diệm và được coi như « người con tin cần » trong gia đình Tổng Thống.

Đường lối và trong thâm tâm của phe Phạm-ngọc-Thảo chỉ muốn thay đổi cơ cấu của chế độ mà thôi...

Song tình thế đã biến chuyển khác hẳn và trái với ước mong trong thâm tâm Thảo từ buổi đầu, Ông Thảo hẳn đã biết rõ những xu hướng khác nhau trong HĐCM trong đó đã có một xu hướng chủ trương phải giết hai anh em ông Diệm để trừ hậu họa và đó cũng là chủ trương của một số nhân vật Mỹ mà Ông Fithel là đại diện. Ông này vẫn chủ trương : chế độ Ngô-đình-Diệm phải được cải tổ toàn bộ nếu TT Diệm không khứng chịu thì Tổng-Thống phải ra đi hoặc bị thủ tiêu.

Xu hướng thanh toán Tổng-Thống Diệm qui tụ mấy tướng lãnh đã sẵn lòng bất mãn với chế độ từ lâu... Đó là các tướng Trần-tử-Oai, Mai-hữu-Xuân,

Mặc dầu những người như Trung-tướng Trần-văn-Đôn từng được chế độ của TT Dệm đặc biệt ưu đãi, tín cần trong suốt 9 năm của chế độ.

Tướng Đôn liên tiếp được trao phó những chức vụ quan trọng, từ Tư-lệnh vùng I đến Tư lệnh lục quân, rồi quyền Tổng Tham-mưu-trưởng. Ba tướng Đôn, Kim, Oai được coi là thành phần nòng cốt của HQ-NCM. Người Mỹ tin cần vào tướng Đôn hơn cả. Sở dĩ tướng Dương-văn Minh được trao phó vai trò chính vì đối với quân đội lúc ấy và trong hàng tướng lãnh thì uy tín của tướng Minh trội bật hơn cả.

Ta có thể nói năm tướng Minh, Đôn, Kim, Oai Xuân đứng riêng một phe. Chưa có chứng cứ nào rõ rệt để nói rằng Tướng Khiêm, Đại-tá Mậu, Trung tá Thảo đứng về một phe khác không mấy thân hữu và tín cần đối với phe kia. Nhưng dù sao tướng Khiêm vẫn là người tỏ ra ôn hòa đối với chế độ Ngô-dình-Diệm mà chính ông đã trưởng thành trong chế độ ấy. Còn Trung-tá Phạm-ngọc-Thảo— một tín đồ Thiên Chúa giáo có đầu óc tiến bộ và quốc gia cực đoan, kể từ biến cố Phật giáo, ông quyết liệt chủ trương phải thay đổi thành phần và cơ cấu của chế độ. Trung-tá Thảo là người thứ nhất đã can đảm trình bày với tướng Khiêm tất cả ước vọng và kế hoạch của ông khi Tướng Khiêm đang nắm quyền Tham mưu trưởng Liên quân, cái trục liên lạc thân hữu của Trung-tá Thảo có thể mô tả : Thảo, Mậu, Tuyền. Thảo là bạn tâm tình của Bác sĩ Trần-kim-Tuyền và chính Thảo cũng đã thẳng thắn

tỏ bày ước vọng và kế hoạch của ông cho Bác sĩ Tuyền rõ.

Kể từ tháng năm 1963 theo sự lượng tính và tiên liệu của BS Tuyền nếu không cấp thời có một chương trình hành động đề cứu nguy chế độ thì khó lòng ngăn ngừa được cuộc đảo chánh. Trung tá Thảo cũng lo âu như thế. Từ khi ông Tuyền ra đi thì Thảo không còn gì ràng buộc mật thiết với chế độ. Song Thảo vẫn tiếp tục móc nối một số tướng tá vẫn được coi là người của chính quyền nhằm thực hiện một cuộc đảo chánh cốt sửa sai, hơn là san bằng, đồng thời có thể ra tay trước phe tướng Minh và vô hiệu hóa mọi âm mưu trong kế hoạch của họ và lật ngược thế cờ để nắm phần chủ động.

Thảo đã đóng một vai trò quan hệ trong cuộc đảo chánh 1-11-63 và Thảo được đặt dưới quyền xử dụng trực tiếp của tướng Khiêm.

Dù chủ trương như thế nào, Đại tá Thảo cũng đã là một trong mấy người thân tín của chế độ TT Diệm đã trực tiếp lật đổ chế độ này. Ông Thảo đã được HĐQTNCM trao phó phần vụ phát thanh. Đây mới là thứ khí giới sắc bén nhất để xô đổ chế độ Ngô-dinh-Diệm. Ví như không có phần phát thanh từ lúc đầu thì cục diện chưa chắc đã đổi thay mau lẹ.

Khi phe tướng Minh, Kim, Đôn nhận được tin Ông Diệm đang ở Chợ lớn đã cấp tốc ra lệnh cho Đại tá Dương-ngọc-Lâm đem thiết quân vận M.113 vào đón bắt. Đại tá Lâm lúc ấy đang nắm quyền Tổng Giám

Độc Địa-phương-quân (một trong số tướng tá được chế độ đặc biệt ưu đãi, tin dùng). Ông Lâm là người theo đảo chánh vào phút chót. Công tác đầu tiên mà ông được phe đảo chánh trao phó là đem quân vào Chợ lớn đề đón bắt anh em Tổng thống Diệm. Tất nhiên là ông đã không được lòng tin cậy của phe chủ chốt. Do đó, tướng Mai-hữu-Xuân được tướng Minh chỉ định đi theo giám sát Đại tá Lâm.

Tóm lại, đã có hai toán quân vào Chợ lớn tìm bắt anh em TT Diệm. Mỗi toán có thể nói thuộc về một phe, nhằm riêng một mục đích. Thay vì Trung tá Thảo nếu biết rõ anh em ông Diệm đang ở nhà thờ Cha Tam thì cái chết đã không đến với anh em ông Diệm ít nhất là cũng cứu thoát được ông Diệm. Song Thảo lại chỉ đến lục soát nhà Mã Tuyên trong lúc đó anh em TT Diệm đang đang lễ ở nhà thờ Cha Tam. Ông Thảo trở về tay không đồng thời cũng mang theo sự thất bại của nhóm ông.

Và có phải chính ông Diệm báo tin cho tướng Khiêm đề nhận sự đầu hàng và cho biết đang ở nhà thờ Cha Tam không? Một nghi vấn cho rằng: có lẽ viên Sĩ quan tùy viên của ông vào phút chót đã phản phúc và báo cho phe đảo chánh biết nơi anh em đang trú ẩn. Sự thực không phải là Đỗ-Thọ đã phản phúc Tổng-thống Diệm. Đại-úy Đỗ-Thọ được Tổng-thống bảo đi gọi điện thoại về Bộ Tổng Tham Mưu cho tướng Khiêm nhưng Thọ lại gọi điện thoại trực tiếp cho Đại-tá Đỗ-Mậu là chú ruột của ông.

Vậy thì anh em ông Diệm có đầu hàng phe đảo

chánh không ? Những diễn biến tại Dinh Gia Long và tại nhà Mĩ-Tuyên từ 12g30 ngày 1-11 đến 4 giờ đêm 2-11 sẽ giúp cho sự gia sạu này đi đến một kết luận rõ rệt hơn.

Khi Đại-tá Lâm đem quân đến nhà thờ Cha Tam thì lúc đó HQNCRM vẫn chưa dám quyết định chung là dứt khoát về số phận của anh em TT Diệm. Một người trong cuộc cho biết : « Anh nào cũng run hết trước một quyết định dứt khoát và tối quan hệ đến sự thành hay bại của cuộc đảo chánh. Hội đồng chia thành 3, 4 phe : 1 phe nhất định phải thanh toán ngay. Tuy nhiên phe này chỉ rỉ tai bàn kín với nhau mà thôi. Phe khác chủ trương đề anh em ông Diệm lưu vong ra ngoại quốc. Phe thứ ba giữ thái độ dè dặt... Phe quyết định thanh toán lấy có rằng, nếu anh em ông Diệm còn sống thì cuộc đảo chánh sẽ bất thành vì tay chân của ông không sớm thì muộn cũng sẽ phản công. Và lại, phe này thấy rằng ngay trong HQNCRM cũng đã quá phân nửa từng là người thân tín của TT Diệm và ông Nhu. Điều lo ngại hơn nữa là họ vẫn chưa nắm được tướng Tôn-thất-Đỉnh và binh quyền lợi đang nằm gọn trong tay Đỉnh cũng như một số tướng tá khác như tướng Nguyễn-Khánh Quân Đoàn II, tướng Huỳnh-văn-Cao Quân Đoàn IV, Đại-tá Cao-văn-Viên Tư lệnh Nhảy Dù và Đại-tá Huỳnh-hữu-Hiền Tư lệnh Không Quân (2 Sĩ quan cấp Tá này đã thẳng thắn từ chối tham gia phe đảo chánh). Giả thử, nếu đưa anh em TT Diệm về trình diện HQNCRM thì biết đâu sự hiện diện của anh

em ông lại không thể làm nản lòng và gây sức động lương tâm những người thân tín cũ của ông. Nếu chỉ nhằm đến mục đích hoàn thành cuộc đảo chánh và tránh mọi hậu họa thì phe này khi ra tay hạ sát TT Diệm cũng không có gì khó hiểu.

ĐÀO PHỦ

Ai giết anh em ông Diệm ? Theo Robert Shaplen trong cuốn *The Lost Revolution* thì có hai dữ kiện : Dữ kiện thứ nhất theo đó chính tướng Mai-hữu-Kuân đã ra lệnh giết anh em ông Diệm. Dữ kiện thứ hai và có đủ yếu tố tin được thì chính Tướng Dương-văn Minh chủ tịch HQQNCM đã trực tiếp ra lệnh hạ sát. Người thi hành lệnh đó là Đại úy Nhung.

Trước vụ thảm sát này, một số Tướng lãnh trong HQQNCM đã phản đối và đặc biệt tướng Đinh đã nổi giận dữ dội, đập điện thoại và gục đầu khóc ngay tại văn phòng của ông ở trại Lê-văn-Duyệt (mặc dù theo ký giả David Habertam của tờ *The New York Times* (1) thì ông Đinh là người đã phản bội ông Diệm nếu không có sự phản bội của tướng Đinh thì cũng chưa có cuộc Đảo chánh 1-11-63.)

Thi hài anh em Tổng thống Diệm được đặt trong 2 bộ quan tài thuộc loại trung bình rồi được âm thầm an táng trong vòng thành Bộ Tổng Tham Mưu với sự hiện diện của vợ chồng người cháu gái. Hai anh em ông được làm thủ tục khai tử tại

(1) Số ra ngày 6-1-1963.

Quận Tân-Bình. Về nghề nghiệp của Tổng-thống Diệm được ghi là Tuân-Vũ và ông Nhu là Quản-Thủ Thư-Viện.

Khi tướng Nguyễn-hữu-Có làm Tổng Tham Mưu Trường đã nghe lời một thầy Địa lý và Bói số cho rằng, nếu không cải táng anh em ông Diệm đến một nơi khác thì sẽ còn Đảo chánh. Do đó di cốt anh em Tổng thống Diệm được đưa ra nghĩa trang Mạc-đình-Chi.

*
* *

CHƯƠNG II

***NGƯỜI SỐNG
VÀ
NGƯỜI CHẾT***

1 giờ 30, Saigon ngái ngủ trong ánh nắng gay gắt. Từng loạt súng nổ làm thức giấc dân Đô thành. Tin Đảo chánh lan truyền trong dư luận từ mấy tháng nay bây giờ đã trở thành sự thực. Nhưng ai làm vụ này và rồi sẽ ra sao ?

Trong một quán cóc vùng Cống Bà Xếp Lê-văn-Duyệt, 4 chàng thanh niên ngồi uống café, nghe ngóng tình hình.

Chàng thứ nhất : Lật đồ đi cho xong, dân chúng chán ngấy rồi. Nghệt thở quá chịu sao nổi.

Chàng thứ hai : Chuyến này, anh em Quốc gia có làm nên trò trống gì không. Lúc này, đảo chánh là nguy hiểm.

Chàng thứ ba : Dù thế nào cũng phải duy trì ông Diệm ở vị trí Quốc Trưởng.

Chàng thứ tư : Đã đẹp là đẹp hết... phải làm mới lại hết, phải thay đổi tất cả.

Bốn chàng thanh niên đều là cán bộ của VNQDD, một chàng nhà văn mơ tưởng đến ngày huy hoàng của Cách mạng. Một chàng tín đồ Phật giáo thuần thành trong lòng vẫn còn ôm mối cừu hận đêm 21-8 Cảnh sát và Lực Lượng Đặc Biệt tấn công chùa. Còn hai chàng tín đồ Thiên chúa giáo. Họ đang bàng hoàng trước giờ khởi điểm của một biến chuyển lịch sử.

Ai đây sẽ lãnh đạo quốc gia ? Những khuôn mặt lớn nào sẽ xuất hiện ? Lúc ấy, dám chắc rằng không một ai có thể liệu Phó Tổng Thống Thơ sẽ làm « Cách Mạng ». Nhưng cũng không ai ngạc nhiên thấy Trung tướng Dương-văn-Minh trở thành Chủ-tịch Hội-đồng Quân Nhân Cách Mạng.

Hầu hết giới trẻ lúc ấy đều mơ ước Miền Nam có được một cuộc Cách Mạng thực sự đặt trên nền tảng quốc gia dân tộc. Cho nên khi nghe tin Đảo chánh với một HDQNCM thì không ai khỏi phấn khởi..

Bốn chàng thanh niên trên, thức gần trắng đêm nghe tin Cách Mạng và nghe sùng nờ từng giờ hồi hộp âu lo.

Sáng 2-11-63 Saigon bốc bùng trong một khí thế vũ bão. Đường phố đông nghẹt những người... Các Phật tử, đua nhau chen tiến về chùa Xá Lợi, Giác Minh, Từ Quang đề thăm hỏi tin tức các Thầy... Thanh niên nam nữ lũ lượt kéo nhau lên Dinh Gia Long và thành Cộng-Hòa.

Thế là cáo chung một chế độ.

9 giờ 15, Đài phát thanh loan tin : « Anh em ông Diệm và ông Nhu đã tự tử ».

Tại sao lại tự tử ?

Hàng ngàn người nô nức kéo nhau ra đường như một ngày đại hội. Thanh niên nam nữ trong niềm khát vọng thực, trong nhiệt tình chan hòa của giòng máu nóng tuổi trẻ kéo nhau từng lớp lớp về phía trung tâm thành phố. Quân Cách mạng được nhiệt liệt hoan nghênh và được dân chúng tặng quà với sự tán thưởng như các vị anh hùng của dân tộc.

Chàng thanh niên tên Thịnh, tên Tuy, tên Vĩnh không thể tin là anh em ông Diệm tự tử... Ba chàng thanh niên cúi đầu đọc cho hai ông một kinh Lạy Cha cùng với lời nguyện cầu trong tâm tưởng...

Chàng thanh niên tên Trâm, tên Duyệt lòng tràn đầy phấn khởi với bao nhiêu niềm tin vào Cách Mạng. Đảng sẽ hồi sinh sau 9 năm thối thóp... Các anh sẽ làm tất cả, dựng lại Đảng, tích cực dẫn thân...

Từng đoàn thanh niên nam nữ hè nhau đi đập phá trụ sở Việt-tấn Xã và 9 tờ báo được coi là thân chính quyền. 26 trụ sở các Hội đoàn được coi là của Chính quyền cũng bị đập phá tan hoang.

Tướng Dương-văn-Minh trở nên một thần tượng mới. Tướng Đôn, Đính được suy tôn như các vị anh hùng lỗi lạc.

Tư thất của một số nhân vật thuộc chế độ cũ cũng bị đám đông kéo đến đập phá. Thiệt hại nặng nề là tư thất của các ông Ngô-trọng-Hiếu, Cao-xuân-Vỹ. Đám đông nam nữ hò reo vang dậy. SV Thịnh hội tưởng lại khí thế trong những ngày đầu Cách Mạng anh cho rằng, « Quả thực đã có một giờ Cách Mạng, một ngày Cách Mạng trào dâng trong nhiệt huyết tuổi trẻ và nhiều tầng lớp dân chúng... Khí thế lúc ấy như vũ bão... » Đám đông Sinh viên Học sinh tràn vào trụ sở Phong trào phụ nữ Liên đới đập phá tan hoang và tinh thần lên cao.

Chế độ Ngô-đình-Diệm cáo chung trước hết là do kết quả của những chùm mâu thuẫn nội bộ và sự góp công lật đổ chế độ của một số viên chức thư lại chỉ biết cúi đầu thi hành, không một sáng kiến làm mới và xây dựng chế độ.

ANH ĐI ĐƯỜNG ANH TÔI ĐI ĐƯỜNG TÔI

Sự xuất hiện của Tướng Khánh trên chính trường VN cùng với sự ủng hộ tích cực của Mỹ qua vai trò của Cabot Lodge đến hai Ông Minh, Thơ là một đôi bạn tâm giao, thân thiết. Ông Thơ Ông Minh cũng như tấm tình thân thiết đối với Ông Ngô-trọng-Hiếu và Ông Huỳnh-hữu-Nghĩa. Khi đảo chánh thành công thì tứ tài tứ chia làm 2 ngả : Ông Hiếu và ông Nghĩa rủ nhau vào khám Chí Hòa. Ông Thơ và Ông Minh lên đến hàng tột đỉnh « công danh ». Tại sao lại như vậy ? Một lớp người từng lương cao bổng hậu của chế độ cũ song một phần thì nối tiếp nhau đi vào khám

Chí Hòa, hay nếu không cũng bị vong gia bại sản. Còn một phần khác nối đuôi nhau tiến lên theo ngọn triều cách mạng, chẳng qua đó cũng chỉ là bức tranh « vân cầu » muôn đời của thế sự.

Những lý do nào khiến cho đôi bạn Thơ, Hiếu trong phút chốc kẻ được CM trọng hậu như một vị « bán anh hùng » còn người thì bị lên án như một « hung thần » tay sai của vợ chồng ông Nhu.

Trước năm 1954, khi ông Thơ còn làm Tỉnh Trưởng Long-Xuyên, thì ông Hiếu làm Trưởng-Ty Ngân-kho và hai người trở thành bạn tri giao thân thiết. Ngoài tướng Minh với ông Hiếu, ông Thơ còn một người bạn tâm giao khác là ông Huỳnh-hữu-Nghĩa nguyên Bộ trưởng Lao Động.

Phút chốc thế sự đổi thay, anh đi đường anh tôi đi đường tôi...ông Ngô-trọng-Hiếu sau khi ra tù, ngày nay ở trong 1 căn nhà bình dân trong xóm Thị Nghè sáng chiều leo lên chiếc vespa cũ di đê đi dạy học, vào lớp nói tiếng Tây thả dàn ngâm Kiều, học Chinh phụ ngâm. Đêm đêm nằm tay vắt trán mà suy ngẫm trò đời. Cựu Phó Tổng-Thống Thơ từ ngày «thời làm» Thủ Tướng lui về vui thú trong cảnh toại hưởng kỳ thành lâu lâu di Pháp một chuyến đi Nhật một chuyến.. Và mới được Nhật tặng huy chương (1968).

Sự thực đối với chế độ cũ, Phó TT Thơ đã có công với rất nhiều người. Nhờ sự đề bạt của Phó TT Thơ mà nhiều người có lương cao bổng hậu, áo mũ xanh sang. Trong số những người này có cả Tướng

Tá, Tổng Bộ-trưởng. Chính ông Ngô-trọng-Hiếu cũng là người bạn chí tình của ông Thơ và được ông Thơ đề bạt lên TT Diệm (chính phủ Ngô-đình-Diệm thành lập ngày 7-7-54, ông Nguyễn-ngọc-Thơ đã đề nghị cho ông Ngô-trọng-Hiếu làm Tổng-trưởng Thông-tin nhưng sau có sự trục trặc nên ông Bùi-kiên-Tín giữ chức vụ này). Chính ông Nguyễn-ngọc-Thơ đã giới thiệu và vận động đề ông Hiếu đi làm Đại diện Chính phủ tại Cambodge (hàng Đặc-Sứ).

Sau này đôi bạn Hiếu, Thơ trở thành xa lạ nhau trước hết chỉ vì nguyên nhân : Ông Hiếu bị coi là người thân tín của ông Ngô-đình-Nhu, còn ông Thơ lại được TT Diệm không những kính nể mà còn coi nhau như tình anh em. Ông Nguyễn-ngọc-Thơ rất kiêng kỵ những ai được coi là « người » của ông Nhu.

Tại sao như vậy ? Báo chí ngoại quốc nói rằng tướng Big Minh bị ông Nhu ganh ghét và loại trừ.

Điều đó có đúng không ?

Ông Cố vấn Nhu đã nghĩ về tướng Big Minh như thế nào ? Nhất là vai trò của Phó TT Nguyễn-ngọc-Thơ ra sao trong 9 năm của chế độ cũ và 3 tháng sau đảo chánh ? Trong chương này xin nói lại cho rõ mà không nhằm tô hồng hay bôi đen ai.

MỘNG CÔNG HẦU

Sau ngày 1-11-63, một số đông chính khách đã có bụng mừng thầm là phen này thế nào họ cũng được Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng chiếu cố. Cụ thể hơn hết là cố làm sao vận động cho

minh và phe đảng mình được Tướng Lãnh và các «Thầy» đề bạt vào ghế nào đó trong chính phủ Cách mạng, mà Tướng Dương-văn-Minh đang thăm dò đề chọn một số vị « lương đồng quốc gia » chèo lái con thuyền VN trong 1 giai đoạn mới.

Trong 2 ngày 2 và 3-11 Tướng Minh rất bận rộn và phải dành nhiều thì giờ tiếp xúc với 1 số chính khách có tên tuổi.

Những người sau đây được coi là có nhiều hy vọng được chỉ định làm Thủ tướng Chính phủ : quí Ông Trần-văn-Văn, Phan-huy-Quát, Vũ-văn-Mẫu, Trần-văn-Hương, Nguyễn-ngọc-Thơ... Ai cũng tưởng HĐ QNCM sẽ không bao giờ đề cử cựu Phó TT Thơ làm Thủ tướng vì như vậy «khó coi» nếu xét về tình cảm và «không thể được» xét về cái lý.

Song như lịch sử đã diễn biến, cuối cùng chỉ có ông Nguyễn-ngọc-Thơ được HĐQNCM lựa chọn. Nói là HĐQNCM lựa chọn chỉ là cách nói theo nguyên tắc và trên văn từ. Thực tế không phải như vậy.

BÀN TAY PHỦ THỦY

Trước khi Đại sứ Cabot Lodge thừa lệnh Hoa-thịnh-Đốn cho bật đèn xanh vào giờ H đề các tướng lãnh bắt tay vào đại sự thì cũng vào lúc đó, trực liên lạc Hoa-thịnh-Đốn Saigon bắt đầu hoạt động từng giờ từng phút. Công việc đảo chánh đã trở thành «thứ yếu». Điều quan hệ nhất đối với Hoa-thịnh-Đốn là tìm được người thừa kế chính phủ Ngô-đình-Diệm

cho hợp tình hợp lý. Cái tình ở đây phải hiểu là hợp với « hảo ý » của giới chức Mỹ, phải được lòng « các thầy » trong hàng ngũ lãnh đạo Phật giáo và đồng thời có thể làm cho đồng bào Thiên Chúa Giáo được an tâm. Ông Lodge vốn là một tay « cao thủ » trong ngành ngoại giao Mỹ và từ lâu bị nghi ngờ có những hoạt động riêng cho cơ quan CIA.

Tuy vậy ông ta luôn luôn tỏ ra tôn trọng những nguyên tắc ngoại giao. Từ sáng ngày 2 ông Lodge đã tiếp xúc rộng rãi với ngoại giao đoàn nhất là mấy vị Đại sứ được coi là những « *Voix* » có ảnh hưởng đến chính sách Mỹ tại VN và cả khu vực Á Châu. Tòa Đại-sứ mà ông Lodge quan tâm nhất đó là các Đại-sứ Anh, Đại-sứ Nhật sau nữa là Tòa Khâm sứ đại diện cho tòa thánh Vatican tại Quốc gia VN. Dĩ nhiên là tòa Khâm sứ đã hoàn toàn dè dặt và chỉ cư xử với ông Lodge theo mức độ ngoại giao bình thường.

Lúc đầu đã có một vài ứng viên được giới chức Mỹ lưu tâm và dùng làm trái ballon nhỏ để thăm dò. Đó là giáo sư Vũ-văn-Mẫu, cựu Ngoại trưởng của Tổng-thống Diệm, một vài người Mỹ thuộc phòng chính trị tòa ĐS Mỹ cho rằng, ông Mẫu vừa có tiếng trong giới ngoại giao, vừa có thành tích đối với Phật giáo nhân vụ giáo sư Mẫu « xuống tóc » và qua Ấn-Độ hành hương đề gọi là phản đối chính phủ về vụ Phật giáo. Ông Mẫu lại là một luật gia tên tuổi khéo léo mềm mỏng. Tuy vậy, một vài giới Mỹ không hài lòng vì một diềm duy nhất vì GS Vũ-văn-Mẫu là người BV di cư. Lập trường của ông Mẫu lại không rõ rệt,

Ông không được lòng tin cậy của Phật giáo cũng như các nhà « lãnh đạo mới » đồng thời một số người khác lại coi Giáo sư Mậu như một người có trách nhiệm về sự ám sát tinh thần (*Assassinat Moral*) đối với chế độ của TT Diệm. Theo giới am tường chính sự tại HĐQNCM thì ngay các tướng lãnh cũng « lờ mờ » không biết ai sẽ được chỉ định làm tân Thủ-tướng và nhiều vị tướng trong HĐ cho đến phút chót mới biết tin ông Thơ được chỉ định.

Trọn ngày 3-11, giới chức Mỹ vẫn chưa dứt khoát trong việc « khuyến cáo » tướng Minh chỉ định ai.

Ngoại trưởng Dean Rusk cũng như Thứ trưởng Harriman dĩ nhiên trong cương vị của họ không thể bày tỏ ý định nào. Nhưng qua những cuộc đàm đạo với ĐS Lodge một số chính khách VN cũng đã hiểu được rằng, người Mỹ muốn một Thủ-tướng thuộc *type* « ôn hòa trung dung » được hiểu theo cái nghĩa thư lạ bàn giấy. Khuynh hướng Thượng tọa Trí Quang vẫn còn xa lạ với GS Mậu.

Giới chức Mỹ muốn được tiếp tục đều đặn như không có chuyện gì xảy ra nghĩa là ông Diệm chết là chuyện riêng còn chế độ của ông thì vẫn cần duy trì miễn sao thuận với tình cảnh mới. Sau này, người ta cho rằng, Đại sứ Lodge bị Phật giáo cho vào mê hồn trận và xô mũi đồng thời Mỹ cũng như HĐQNCM đã bị chi phối bởi áp lực rất mạnh mẽ của phía Phật giáo. Sự thực như thế này : HĐQNCM có thể chịu sự chi phối mạnh mẽ như vậy, song ông ĐS Lodge thì không.

Cái vẻ bên ngoài thì ĐS Lodge nghiêng hẳn về phía Phật giáo của các Thượng tọa Tâm Châu và Trí Quang. Nhưng trong đường hướng mới của Mỹ, ông Lodge đã «lựa chọn» phía Phật giáo Nam Việt (Mai-thọ-Truyền).

Vì giản dị, Phật giáo Nam-Việt trong quá khứ được coi là hiền hòa, không có những tham vọng chính trị là một tập thể tương đối thuần thành về phương diện tôn giáo. Hơn nữa phía Phật giáo Nam Việt sau 1-11.63 đã tỏ ra dè dặt, hay đúng hơn, tách khỏi các thầy Tâm Châu và Trí Quang.

Trong một chiến thuật giai đoạn thì ĐS Lodge phải đi với PG của các Thượng tọa Tâm Châu và Trí Quang. Trong một chiến lược và từ cục bộ đến toàn bộ, thì ông Lodge không thể sử dụng người của khối này trong tư thế Thủ Tướng CP vì đây được coi là khởi điểm của lộ trình mới. Do lẽ đó, ĐS Lodge đã khuyến cáo tướng Minh nên tìm người này người nọ. Ông Lodge rất khôn khéo không chỉ rõ đích danh ai nhưng với một số tiêu chuẩn nào đó tướng Minh có thể tìm ngay được vị Thủ Tướng hợp với ý ông lại hợp với ý Đại sứ Mỹ.

TƯỜNG MỚI KẸP CŨ

Người đó, như lịch sử đã ghi : *Theo Hiến Ước tạm thời số 1; tướng Minh với tư cách Quốc trưởng đã chỉ định ông Nguyễn-ngọc-Thơ thành lập chính phủ : Sắc lệnh lại do chính ông Nguyễn-ngọc-Thơ ấn ký. Thành phần gồm 14 Tổng Bộ Trưởng chia ra 4 sắc thái rõ rệt : 1 — chuyên viên như kỹ sư Trần*

ngọc-Oành, Phạm hoàng-Hồ, 2— chính trị gia không « ưa » chế độ cũ (nhưng lại có ít nhiều liên lạc bí mật) là GS Âu-trường-Thanh. 3— tướng lĩnh gồm 3 vị được coi là thân cận của Tướng Minh. 4— Còn lại là các vị thuộc chế độ cũ từng là then chốt trong guồng máy của chế độ đó (từng là Tổng Thư ký Phủ Tổng thống như ông Nguyễn-thành-Cung đến KS Trần lê-Quang là một chuyên viên được TT Diệm thương yêu và coi như người trong nhà. Một vài vị khác được coi là chế độ cũ nếu hiểu như một công chức và quân nhân của mọi triều đại). Những Tổng Bộ trưởng là người của chế độ cũ tuy được « Cách Mạng » xài tạm song trước hết phải là người của ông Thơ nếu không thì cũng không bị ông Thơ ghét hay bị nghi ngờ là người của ông Nhu. Ông Thơ có thể chấp nhận một cách vui vẻ nếu cộng sự viên là « con cái » của TT Diệm song ông sẽ quay mặt đi và coi như kẻ đáng ghét nhất nếu ai đến với ông mà trước đây lại từng được ông Ngô-đình-Nhu tin cần trọng dụng. Đó cũng là đầu mối của tám thảm kịch « chế độ Ngô-đình-Diệm ».

Việc chỉ định ông Nguyễn-ngọc-Thơ được làm Thủ-tướng mặc dầu người Mỹ đã lượng tình được sự bất hợp tác của Phật giáo và Đảng phái nhất là ông Thơ lại không thể tìm được cảm tình đối với đại đa số Phật tử Hòa hảo... tất nhiên là Cao đài cũng không ủng hộ. Biết như thế người Mỹ vẫn tiến hành và tích cực khuyến cáo tướng Minh. Bởi vì giản dị là người Mỹ đã có sẵn một giải pháp mà

Ông Cabot Lodge đang bỏ túi. Tạm thời trong lúc chuyển tiếp phải có ông Thơ (cũng như khi « giải pháp » ấy được ném ra tức là lúc Tướng Nguyễn-Khánh được đem lên diễn đài thì ông Lodge vẫn phải khuyến cáo tích cực đề tướng Minh đóng vai trò « tạm thời trong lúc chuyển tiếp ».

CHẾ ĐỘ DIỆM KHÔNG DIỆM

Dù không được lòng ai, dù bị mang tiếng đã làm sống lại một chế độ « Diệm không Diệm » song sự lựa chọn ông Thơ có nhiều cái hợp lý: 1) ông Thơ là bạn tri kỷ của tướng Minh. 2) ông Thơ đã quen việc trong suốt 9 năm của chế độ cũ. 3) ông Thơ trước sau vẫn là Đốc phủ sứ với tất cả cái nghĩa của giới này trước năm 1945. Ông Thơ đầu sào vẫn là một địa chủ nên người Mỹ có đủ yếu tố đề tin tưởng vào lập trường địa chủ của ông. 4) Ông Thơ tuy làm quan lại thời Pháp nguyên Bí thư của toàn quyền Decoux nhưng Ông Thơ không phải mẫu người được Pháp đào tạo, từ truyền thống văn hóa Pháp như Ông Ngô-đình-Nhu hay KS Trần-văn-Văn v.v.. Điều mà người Mỹ rất ngại.

Có một dư luận trong chính giới thân Mỹ lúc ấy là : nếu không có sự thăm sát anh em Tổng thống Diệm thì Đại-sứ Trần-văn-Chương đã trở về nước và ông có nhiều hy vọng làm Thủ tướng. Song vì con rề ông bị thăm sát, một nhạc gia tất nhiên không thể làm như vậy (đây chỉ là một phần dư luận được tung ra đề thăm dò vào lúc ấy). (Cũng nên ghi thêm, ngày 28,

10 63 nguyên Đại-sứ Trần-văn-Chương đã lên tiếng công kích nặng nề chế độ Tổng thống Diệm và con rề ông).

Kề từ ngày 4.11 phe các tướng Minh, Đôn, Kim, Xuân, Đính trở thành ngũ hồ song sự phân hóa trong HỘQNCM càng trở nên rõ rệt mỗi bên đều đề cao cảnh giác.

Một số các đơn vị tham dự Đảo chánh được điều động ra khỏi Đô-thành. Một số Sĩ-quan cấp tá như Phạm-ngọc-Thảo bị theo dõi sát nút (Đại-tá Đỗ-Mậu được thăng Thiếu-tướng nhưng vô quyền sau được bổ nhiệm Tổng lãnh sự VN tại Hong-Kong).

Tuy mấy tướng lãnh như các tướng Xuân, Đôn, Đính, Kim... đang có thực quyền sinh sát song sự « hiện diện » của một vài tướng lãnh cũng như sự xuất hiện của cựu Trung tá Trần-đình-Lan đã làm cho giới chức Mỹ không hài lòng. Người Mỹ không những « ky » văn hóa Pháp mà « ky » cả những ai bị nghi ngờ « người của Pháp ». Như thế, ta cũng hiểu được rằng, trong lúc mà Mỹ tin tưởng sẽ chiến thắng CS bằng con đường và cách thức của Mỹ thì ở đây, Mỹ có thể chấp nhận CS nằm vùng (nếu sự nằm vùng có lợi về phía Mỹ) song không thể chấp nhận sự hiện diện và thao túng của Phòng Nhì cũng như các tay phản gián Pháp.

Đó cũng là lý do khiến Trần-đình-Lan cũng như Vương-văn-Đông đã phải cuốn gói ra đi mặc dù a người này đã có thành tích « diệt Cộng » « khét tiếng trước năm 1954. (Thực ra thì cơ quan CIA Mỹ cũng

biết rõ rằng, Trần-đình-Lan hay Vương-văn-Đông sẽ không làm nên trò trống gì nhưng họ lại dùng 2 Sĩ quan thân Pháp này như một bằng chứng cho « hồ sơ » được gọi là Trung lập của bộ ba Minh, Kim, Xuân và bằng chứng đó là một phần « luận cứ » đề biện minh cho cuộc Chính lý của tướng Khánh).

BÀN TAY MỐC NỔI

Khi Phó Tổng thống Thơ được chỉ định thành lập Chính phủ đồng thời các Đảng phái, Phật giáo cũng tiêu tan hy vọng mà họ vẫn hướng về HDQNCM coi như đây là nơi sẽ có nhiều phép lạ xây dựng cơ đồ cho đất nước.

Thủ tướng Thơ trả lời Báo chí dạo đó là Thủ tướng đã có ý định từ chức Phó Tổng thống từ dạo tháng 9 tháng 10... nhưng Trung tướng Dương-văn-Minh cản ngăn (?) vì sợ hỏng chuyện. Thủ tướng Thơ cũng cho biết ông có biết về những kế hoạch lật đổ TT Diệm. Sau này, một vài người bạn rất thân của TT Thơ cho rằng, đó chỉ là cách ông Thơ biện minh cho sự hiện diện của ông khi được « cách mạng » trọng dụng. Sự thực, trước ngày 1-11-63 kể cả bạn bè thân cận của Phó TT Thơ chưa bao giờ thấy ông ngó ý từ chức Phó Tổng thống, ông Thơ chỉ thực sự bị từ chức Phó Tổng thống khi cuộc đảo chánh thành công.

Vai trò của ông Nguyễn-ngọc-Thơ đã liên hệ như thế nào đối với TT Diệm và Trung tướng Dương-văn-Minh sau này ? Trước hết, tướng Minh khi còn là trung tá đã được ông Nguyễn-ngọc-Thơ đề bạt lên

Tổng-thống Ngô-đình-Diệm (1954) và cũng nhờ sự đề bạt của ông Thơ nên TT Diệm đã một thời hoàn toàn tin cậy tướng Minh.

Như đoạn trên đã viết, Phó TT Thơ là bạn tâm giao với tướng Minh và hai ông Hiếu và Nghĩa.

Khi TT Diệm còn hoạt động ở trong bóng tối, ông Huỳnh-hữu-Nghĩa được coi là một cán bộ giao liên tin cậy. Chính ông Nghĩa đã có công « móc nối » giữa anh em TT Diệm và Trung-tướng Trịnh-minh-Thế. Đồng thời Tổng-thống Ngô-đình-Diệm quen biết Phó TT Thơ cũng do sự móc nối của ông Nghĩa. Rồi Phó TT Thơ lại là người móc nối Trung-tá Dương-văn-Minh (1954) với TT Diệm. Đó cũng là cái « vòng vo thân hữu » trong giới chính trị Miền Nam. Nhờ cái « vòng vo thân hữu » đó, nhiều khi không cần tài cho lắm, song nếu có anh em đưa đầy đẽ bặt thì vấn đề tạo lập công danh kẻ như truyện đi du ngoạn lại trúng số « cá cặp ».

ĐỊA PHƯƠNG

Khi ông Ngô-đình-Diệm về nước chấp chánh, có hai vấn đề mà TT Diệm quan tâm bậc nhất về phương diện nội bộ : 1) Yếu tố nhân sự và vấn đề nhân sự Miền Nam. 2) Thành phần lãnh đạo trong quân đội. Ông Ngô-đình-Diệm mấy năm đầu vẫn quan niệm dứt khoát rằng, Bắc Nam Trung không thành vấn đề. Điều quan trọng họ có làm việc được không. Song TT Diệm tế nhị hơn ông em điều này : « *phải dùng người sinh quán tại miền Nam ít nhất cũng phải theo*

một tỷ lệ tương đối so với dân số Nam phần ». Cũng bởi lý do đó ngay từ buổi đầu, ông Nguyễn-ngọc-Thơ đã được TT Diệm lưu tâm đặc biệt. Ông Thơ lại có một quá khứ « hành chánh » hợp với nhân giới TT Diệm vì ông Thơ là một Đốc phủ sứ.

Theo quan niệm của TT Diệm thì đó là một giới « biết việc » cho nên không phải chỉ riêng một ĐPS Nguyễn-ngọc-Thơ được trọng dụng mà nhiều ĐPS khác đã được TT Diệm đặc biệt cất nhắc như trường hợp Đốc phủ sứ Hải, Đốc phủ sứ Công.

TT Ngô-dình-Diệm lại dùng ông Thơ như một tâm điểm đề móc nối với hàng ngũ quan lại và địa chủ tại miền Nam. Trong 2 năm đầu 1954 - 1956 ông Thơ đã thành công trong nhiệm vụ này. Uy tín của ông đối với TT Diệm càng ngày càng vững chắc, nhất là ông Thơ được coi như người có công lớn trong vụ tướng Hòa Hảo Ba Cụt, cùng các vụ giáp xếp với mấy nhóm Hòa Hảo khác (1). Trong chế độ NĐD có 2 người được TT Diệm kính nể đó là NT Vũ.văn.Mẫu và Phó TT Nguyễn-ngọc-Thơ. Riêng ông Thơ, TT Diệm thường xưng hô là « Ngài » TT Diệm thường nói với Phó TT Thơ đại khái như : « Ngài thấy thế nào ? Ngài đi thế dùm tôi việc này ». Trong những lúc không có mặt ông Thơ, ông Diệm vẫn thường, « một tiếng Phó TT hai tiếng Phó TT. Cụ Phó như thế, Ngài như vậy ». Rất ít khi Tổng-thống Diệm gọi ông Thơ bằng « ông ». Về phía quân đội, khi về

(1) Nhóm Hòa Hảo Trần-văn-Soái tự Năm Lửa, Lâm-thành-Nguyên Nguyễn-giác-Ngộ.

nước chấp chánh, TT Diệm coi như « tay trắng » không có một tên quân, không có một tướng tá nào được coi là « người của mình ». Trọng lúc hoàn toàn thiếu cán bộ quân sự tin cậy, ông Nguyễn-ngọc-Thơ đã đề bạt Trung-tá Dương-văn-Minh. Tất nhiên là TT Diệm rất hoan hỷ chấp nhận. Từ đó Trung-tá Minh được coi là Sĩ quan cấp Tá được TT Diệm yêu mến nhất tin cậy nhất. Trung-tá Minh lần lượt được trao phó các chức vụ quan trọng như Tư lệnh chiến dịch Rừng Sát và chiến dịch bình định tại miền Tây. TT Diệm vẫn thường coi tướng Minh là một thứ « *homme de bataille* »... Sau vụ chiến thắng Rừng Sát, Đại-tá Minh dẫn đầu đoàn quân tiến về Thủ đô đi trên đại lộ Catinat rồi về Dinh Độc Lập... trước bao nhiêu tiếng hoan hô vang dậy. Báo chí của nhà nước lại được dịp thổi phồng, tán dương rất bay bướm. Tổng-thống Ngô-đình-Diệm buổi sáng hôm ấy đã sẵn ở thềm Dinh Độc-Lập để đón mừng « người anh hùng Rừng Sát »... Sau này TT Diệm vinh thăng Đại-tá Minh lên Thiếu tướng.

TƯỚNG KHÔNG QUÂN

Xét về hai con người, một PTT Thơ và một tướng Dương-văn-Minh thì tướng Minh được Tổng thống Diệm trọng hậu ngay từ buổi đầu và nể bạt một cách dễ dàng. Ông trở thành ngôi sao sáng trong hàng tướng tá kể từ đầu năm 1955. Ông Thơ phải đợi đến năm 1956 mới được bổ nhậm Phó Tổng thống, mặc dầu ông đã tham gia chính phủ đầu tiên của TT Diệm với tư cách Bộ-Trưởng Nội vụ (7-7-54)

song vai trò còn lu mờ và chỉ như một viên chức phụ tá Thủ-tướng. Tướng Minh càng ngày càng được Tổng-thống Diệm tín nhiệm và yếu mển nhờ hội được mấy điều kiện mà TT Diệm cho là xứng đáng theo hai tiêu chuẩn. 1) Tướng Minh có vóc dáng một Tướng lãnh đường hoàng. 2) Tướng Minh không có những vụ công khai lem nhem về vấn đề « vợ nọ con kia hay bài bạc ». Hơn nữa, do sự kính mển PTT Thơ nên TT Diệm cũng mển trọng tướng Minh.

Khi thành lập Bộ Tư lệnh Hành Quân tướng Minh được chỉ định làm Tư lệnh, lúc ấy ông đã đeo ba sao và nguyên là Tư lệnh Quân khu Thủ đô. Giới thân cận TT Diệm cho rằng TT Diệm đặc biệt lưu tâm đến bộ Tư lệnh Hành quân và đề cử tướng Minh. TT Diệm coi như là một tín nhiệm đặc biệt. Ông Diệm rất mù mờ về lãnh vực quân sự. Hai tiếng hành quân đối với ông là cả một sự trọng đại. Khi chỉ định tướng Minh TT Diệm đã cho rằng chỉ có tướng Minh mới xứng đáng vì Tổng thống vẫn cho rằng tướng Minh là một *homme de bataille*.

Tuy vậy, tướng Minh lại không mấy ham ở một chức vụ « không quân » này.

Tướng Minh thường tỏ ra không hảo ý với vị Trung-tướng tư lệnh quân khu thủ đô (trước ngày 11-11-1960). Tướng Minh vẫn phê bình công khai là ông Trung-tướng này « nhày dù — đi tắt ».

Trước vụ 11-11-1960, chế độ cũ không hề thảo

mắc đến tướng Minh vì coi ông là người thân tín của « ông cụ » Nhưng sau ngày 11-11-60 vì tướng Minh tuyên bố đứng trung lập giữa chính quyền và phe đảo chánh (1) rồi lại có báo cáo là trước ngày đảo chánh tướng Đôn có vào Saigon và gặp tướng Minh cũng như tướng Kim ở ngay Bộ Tư lệnh HQ. Đó cũng là lý do làm cho tướng Minh xa dần chế độ.

NƯỚC VỚI LỬA

Giữa tướng Minh và ông Ngô-đình-Nhu ít có sự liên lạc. Người cận thân nhất của ông Nhu hiểu rõ hơn ai hết là ông Nhu đề ý đến tướng Minh qua một vài biến cố quan trọng như vụ Rừng Sắt, chiến dịch thanh toán các lực lượng võ trang Hòa Hảo, vụ đảo chánh hụt 11-11-60 mặc dù ông Nhu có đọc trên báo Journal Extrême Orient thấy tướng thuật tướng Minh tuyên bố « Je reste neutre » ông cũng làm thinh. Thực ra thì ông Nhu không đề ý đến tướng Minh. Vì có « máu say » chính trị nên tướng lãnh như tướng Minh dưới mắt ông cũng chỉ là nhà quân sự bình thường. Ông Nhu cho rằng tướng Minh có tài chiến đấu nhưng ở một mức nào thôi chứ không phải là một chiến lược gia quân sự. Ông Nhu chỉ bắt đầu đề ý đến tướng Minh kể từ tháng 9/63, khi có những tin đồn về một cuộc đảo chánh của tướng lãnh.

Nhưng tại sao tướng Minh lại « ky » ông Nhu và cho rằng ông Nhu « ghen ghét » với mình ? Theo báo

(1) Báo Journal Extrême Orient 13-11-1960

chỉ có một lý do thầm kín như thế này : Sau vụ thanh toán Bình Xuyên tại Saigon và Rừng Sát, dân chúng loan truyền «huyền thoại» nhằm suy tôn tướng Minh, là tướng Minh tịch thu được bao nhiêu vàng bạc đều đem nộp cho Tổng-thống. Lại có một nguồn tin khác trong giới chỉ huy quân sự tại Saigon đạo ấy, là, khi tướng Minh làm Tư lệnh hành quân dẹp BX, tịch thu được rất nhiều « bao bố » giấy bạc. Nhiều bao bạc bị rơi xuống nước nên ướt đầm. Số giấy bạc này được mang vào phơi khô và « ủi » cho phẳng phiu ngay tại Tòa Tỉnh-trưởng Chợ lớn.

Sau đó, không hiểu được đem đi đâu và chia phần cho những ai ? Có điều rõ rệt là chính quyền hồi đó không nhận được một đồng xu nào trong số bạc lớn lao này nếu có. Tuy vậy, chính quyền cũng không thấy lên tiếng về vụ tướng Minh đem nộp vàng bạc của BX. cho Tổng-thống Diệm cũng như số bạc lớn lao trên đây nếu có thì bỏ vào túi riêng của những ai ? Phải chăng vì thế mà có sự tránh né ?

Một lý do khác nữa khiến tướng Minh « ky » ông Nhu đơn giản là vì PTT Thơ cũng « ky » ông Nhu. Tuy được Tổng-thống Diệm kính nể song PTT Thơ lại tỏ ra không hài lòng với ông Nhu. Thường ngày, ông Thơ vẫn vào Dinh nhưng chỉ vào thẳng văn phòng Tổng-thống — đệ trình công việc, có khi hàng tháng ông mới gặp ông Nhu một lần và hai người cũng chỉ trao đổi một vài câu thăm hỏi xã giao. Ông Nhu thì cho rằng ông Thơ không biết gì về chính trị và cái khả năng hành chánh của ông cũng đã quá lỗi thời.

Nhưng ông anh kính mến ông Thơ thì ông em cũng phải kính mến. Dưới mắt ông Nhu, Phó Tổng-thống Thơ cũng là người « được việc » nhất là ông lại chịu khó đại diện Tổng-thống trong các buổi hội hè, lễ nghi. Sự thực ông Nhu không bao giờ hỏi han PTT Thơ về các việc chính trị, ông Nhu cho rằng ông Thơ không có khả năng về lãnh vực này. Ông Nhu không ghét ông Thơ, trái lại tỏ ra có thiện cảm nhất là ông Thơ lại khôn khéo và luôn luôn tỏ ra khiêm tốn bình dị (Tuy là Phó Tổng thống mỗi lần ông Thơ đi đâu thì đều im lìm... không kèn trống ồn ào không cả xe hộ tống... ông lại có thói quen ngồi cạnh bên tài xế).

Vào năm 1957, khi tiễn chân Tổng-thống Diệm công du tại Mỹ, Phó TT Thơ gặp ông Nhu tại Phi trường Tân Sơn Nhất đã nói nhỏ với ông Nhu : « *Tôi không hiểu tại sao ông BS. Tuyền cứ cho người theo dõi tôi hoài* ». Mấy hôm sau, ông Nhu nói lại việc đó với ông Tuyền « *làm thế nào mà ông Phó TT lại phàn nàn như vậy* » Ông Tuyền rất đỗi ngạc nhiên vì ông không có người đề làm việc đó. Và cũng không nghĩ đến làm việc đó.

TỚI LUI ĐÚNG LÚC.

Ông Nguyễn-ngọc-Thơ đã có một hành động hết sức đẹp trong dịp cải tổ chánh phủ ngày 24-9-54 (với sự tham gia rộng rãi của các giáo Phái Cao-Đài, Hòa Hảo) hành động đó như sau : Ông Thơ nguyên Tỉnh trưởng Long Xuyên vốn là khu vực được coi như lãnh thổ của Hòa Hảo, giáo phái này đã từ lâu tỏ ra

« thiếu thân thiện » nếu không nói hiềm khích đối với ông Thơ. Sau khi trở thành Bộ trưởng Nội vụ của chính phủ NDD, ông Thơ lại càng bị Hòa Hảo nghi ngờ. Trong lần cải tổ chánh phủ vào tháng 9 kề trên, phe Hòa Hảo Trần-văn-Soái « lên tiếng » với ông Ngô-đình-Nhu rằng : họ chỉ tham gia chính phủ với điều kiện này điều kiện kia trong đó có một điều kiện không chấp nhận sự có mặt của ông Thơ trong thành phần nội các mới.

TT Ngô-đình-Diệm phản đối với lý do, từ ngày ông Thơ lên làm Bộ Trưởng Nội Vụ cho đến lúc ấy, ông Thơ chưa có một lầm lỗi nào trái lại ông đã làm việc một cách tận tâm đặc lực. TT Diệm nhất quyết không nhượng bộ phe Trần-văn-Soái về điểm này. Khi hai bên chính phủ và Hòa Hảo còn đang « marchander » ông Thơ biết sự việc này, chính ông nói với Tổng-thống Diệm xin tự ý rút lui đề TT Diệm xử trí với phe Hòa Hảo.

Vì biết là phe Hòa Hảo coi ông Thơ như kẻ thù, TT Ngô-đình-Diệm tìm cách đề ông « vắng mặt » một thời gian, đó cũng là ý muốn của ông. Vì vậy, ông Thơ được bổ nhiệm làm Đại sứ Việt-Nam tại Nhật-Bản. Vào tháng 4-1955 sau khi chính phủ Liên-Hiệp Quốc-Gia tan vỡ, Trần-văn-Soái, Lương-trọng-Tường từ chức... Hòa Hảo chống lại chính phủ NDD và miền Tây mịt mờ khói lửa, ông Đại-sứ Nguyễn-ngọc-Thơ được gọi về nước, vẫn giữ nguyên chức vụ Đại sứ song ông được Tổng-thống Diệm trao

phó cho nhiệm vụ đặc biệt là giải quyết tất cả các vấn đề chính trị tại miền Tây. Ông Thơ được coi là Đại diện Thủ-tướng CP trong việc kiểm soát chiến dịch bình định và thu xếp vụ Hòa-Hảo.

Sau khi vụ Hòa-Hảo được coi như thanh toán xong, ông Thơ lại trở qua Nhật. Đó cũng là ý muốn của ông.

Thực ra thì ông Thơ tự muốn « làm mờ » vai trò của mình trong vụ Hòa-Hảo nhất là vụ bắt tướng Hòa-Hảo Lê-quang-Vinh mà ông Thơ là người có trách nhiệm. Ông trở qua Nhật là vì vậy mặc dù Thủ-tướng Diệm có ý giữ ông ở lại nước nhận một chức vụ quan trọng hơn.

NGÀY TRỞ VỀ

Tháng 3-1956, tướng Hòa-Hảo Trần-văn-Soái trở về hợp tác với chính phủ, tướng Dương-văn-Minh hợp báo nói về trường hợp qui thuận của tướng Soái, Chiến dịch miền Tây được coi như kết thúc. Tướng Minh cho biết, chiến dịch Hoàng Diệu đã tịch thu được 20 kilo vàng 16 triệu 1/2 bạc mặt số tiền này ông đem nộp cho chính phủ và dùng xây cất một Cô Nhi Viện Quốc gia. Đồng thời 5656 sĩ quan và binh sĩ Hòa-Hảo đã về hợp tác với chính phủ trong một buổi lễ tại Cái Vồn (8-3-56). Vấn đề Hòa-Hảo miền Tây coi như xong. Ông Nguyễn-ngọc-Thơ lúc ấy mới công khai tham chánh và được bổ nhiệm Bộ-Trưởng Kinh-tế thay thế Bộ trưởng Trần-văn-Mẹo (16-5-56).

Tuy hai ông Diệm Nhu muốn ông Thơ nắm Bộ

Nội-Vụ vì TT Diệm coi đó là sở trường của ông Thơ nhưng ông Thơ không nhận và ông chỉ thích Bộ Kinh-tế, ông Thơ chính thức trở thành người của chế độ. Trong buổi tiếp tân vào tối ngày 26-10-55 — Quốc Khánh đầu tiên của Đệ I Cộng-Hòa, ông Thơ xuất hiện bên cạnh Tổng-thống Diệm với tư cách Phó Tổng-thống. Buổi tiếp tân hôm ấy, trong bộ phục mới của cấp tướng, Thiếu-tướng Minh được mọi người chú ý đặc biệt vì ông đã trở thành « con cưng » của chế độ và đang được Tổng-thống thương yêu. Bạn bè của Phó Tổng-thống cũng lên vù vù từ đó.

NỖI BUỒN NHỎ NHỎ

Vì không mấy khi được ông Nhu tham khảo về chính sự, Phó TT Thơ mỗi ngày càng xa cách ông Cố vấn với mặc cảm rằng, ông Nhu chỉ là một Cố vấn. Đối với công quyền ông không có « kilo » nào vì cố vấn không phải là một « titre Officiel ». Phó Tổng-thống mới là nhân vật số 2. Do đó ông phải hơn ông Nhu và sẽ không cần biết ông Nhu, chỉ cần biết TT. Tuy vậy, mỗi lần gặp ông Nhu, Phó Tổng-thống Thơ vẫn mềm mỏng, khôn khéo và tỏ ra rụt rè. Tuy bên trong, có lẽ, Phó Tổng-thống Thơ không được hài lòng do một số những bất mãn nào đó, có khi chỉ là chuyện rất tầm thường.

Thí dụ như vụ Thiếu-tá Đỗ-kiến-Nhiều, tỉnh trưởng Long-Xuyên (1957). Thiếu-tá Nhiều được coi là người thân của gia đình Phó TT Thơ và ông Thơ đề bạt cho về làm Tỉnh-trưởng nơi quê hương của

Ông. Ông Nhiều làm Tỉnh-trưởng tỉnh này đã khá lâu. Sau vì một vụ « si-căng-đan tình ái » ông Nhiều bị mất chức. Vì si-căng-đan này đã làm sôi nổi dư luận miền Tây. Nội vụ đại cương : Một sĩ quan cho cấp của Hòa Hảo bị bắt. Ông ta có một cô vợ trẻ khá nhan sắc... Nghe đâu trong một dịp ông Nhiều gặp mặt vợ này làm âm lên, gây si-căng-đan lớn... không hiểu trong vụ Hòa Hảo có âm mưu hạ uy tín ông Nhiều không ?

Ông bị thuyên chuyển và Thiếu-tá Nguyễn-văn-Minh được thay thế. Thiếu-tá Minh là một sĩ quan trẻ, cũng có ít nhiều liên hệ với Phó Tổng-thống Thơ. Trước khi được làm Tỉnh-trưởng Long-Xuyên, ông Minh là Tban-tra Bảo-an tại mấy tỉnh Hậu giang. Sau vụ này, Phó TT Nguyễn-ngọc-Thơ tỏ ra phiền muộn không ít. Thiếu-tá Minh bị « phe » của Phó TT Thơ nghi ngờ là người của ông Nhu. Đó cũng là lý do sau ngày 1-11-63 ông TT Nguyễn-văn-Minh bị « hành hạ » khá nhiều trước khi đi làm Tư lệnh Sư đoàn 21 BB. (1966).

Còn một chuyện « phiền muộn » khác nữa chẳng hạn năm 1957 Thiếu-tá Nhan-minh-Trang bị mất chức Tỉnh-trưởng Rạch-Giá. Tuy Phó TT Thơ không nói ra, nhưng coi đó như một điều phiền muộn.

Thiếu tá Trang gọi PTT Thơ là « dượng ruột » (sau Đảo chánh được thăng Đại-tá và từng là chánh văn phòng của Thủ-tướng Thơ sau làm Tỉnh trưởng Gia định). Về vụ này, chính đương sự là Thiếu-tá Trang không lấy gì làm bất mãn vì lỗi không do ông mà lại do sự « lem nhem » của ông trưởng ty Quan

Thuế. Nhưng do sự không khéo của chính quyền khi lựa chọn người thay thế, đã không hỏi ý PTT Thơ, vì ông Thơ vẫn cho rằng mình rất thông thạo am tường dân Miền Tây, nhất là 3 Tỉnh Rạch-Giá, Châu-Đốc, Long-Xuyên. Đó cũng là một điều làm cho ông Thơ không hài lòng chính quyền hồi đó đã thiếu kinh nghiệm tâm lý quần chúng và địa phương nên thay vì bổ nhiệm một Tỉnh Trưởng sinh trưởng tại miền Tây thì lại cử Trung-tá Hoàng-Lạc là người Bắc di cư. Kinh nghiệm cho biết phạm những Tỉnh miền Tây hay miền Đông đã có 1 sắc thái đặc biệt thì chính quyền không bao giờ bổ nhiệm một ông Tỉnh Trưởng người Bắc hay người Trung đó không phải là sắc thái địa phương đòi phải như vậy nếu muốn ông Tỉnh-trưởng làm « được việc » và chiếm được lòng dân địa phương. Bổ nhiệm Trung-tá Hoàng-văn-Lạc có thể chính quyền hồi đó cho rằng Rạch-Giá với khu định cư Cái-Sắn phải gắn bó chặt chẽ với khối dân di cư thì ông Tỉnh-trưởng là người Bắc sẽ thuận tiện hơn. Cũng cần ghi nhận : Thiếu-tá Nhan-minh-Trang rất có công lao trong sự thành lập khu Dinh-Điền Cái-Sắn.

Dù vậy đã tạo nên một số ngộ nhận nhất là Trung-tá Lạc trước khi làm Tỉnh trưởng lại là Tư lệnh Lữ đoàn LBPVTT.

NGỒI CHỜ XƠI NƯỚC

Tuy nhiên, sự việc không đơn giản như vậy. Đối với ông Thơ, chính quyền « của ông » lại gây

cho ông một sự hiểu lầm to lớn khác là khi chính phủ cải tổ ngày 28-5-1961, ông Thơ bị mất chức Bộ trưởng Kinh tế cho dù ông được nâng lên hàng Bộ trưởng đặc nhiệm phối hợp phát triển kinh tế. Nhưng ông Thơ lại cho rằng chức đó chỉ « ngồi chơi xơi nước »... Ông đã hoàn toàn mất thực quyền về kinh tế. Tại một quốc gia tiến bộ, và trong một chế độ tiến bộ thì người lãnh đạo phải là người hoạch định và phối hợp kế hoạch chứ không thể là người chỉ biết cúi đầu thi hành kế hoạch. Nhưng ở nước chậm tiến như VN người « lãnh đạo » không chịu như vậy họ chỉ thích đóng vai trò « thừa hành » để được thượng cấp sai khiến thuộc cấp.

Từ một tâm lý lãnh đạo như vậy, nên chức Bộ trưởng đặc nhiệm phối hợp đã chĩa « nước nổi » gì. Hơn nữa, người thay ông Thơ lại còn quá trẻ « tức ông Hoàng-khắc-Thành (em KS Hoàng-Kinh tốt nghiệp cao học Thương Mại). Nhất là ông Thành lại thuộc giới khoa bảng, mới hồi hương.

Trong khi đó ông Thơ tuy là Đốc phủ sứ song không phải là dân khoa bảng.

Ông Thành lại là người Bắc và bị coi là chân tay của Bộ trưởng Nguyễn-dinh-Thuần. Ông Thành là người trẻ có khả năng, tính tình thẳng thắn, nhưng lại khá vụng về trong thuật xử thế cho nên ông Thơ cho rằng ông Thành đi thẳng với phú TT về mọi vấn đề kinh tế, qua mặt ông là Phó TT đặc nhiệm kế hoạch KT.

Từ những sự kiện lật vạt như vậy đã tạo cho

Phó Tổng-thống Thơ có mặc cảm bị tước đoạt quyền hành và ông cho rằng phe ông Nhu đã « chơi » ông.

Khi ông Thơ không còn làm Bộ trưởng Kinh tế thì ông Ngô-trọng-Hiểu lại được cất nhắc lên làm Bộ trưởng Công dân vụ một tay quán xuyên ba ngành Thông tin, Thanh niên và Công dân vụ (thực tế thì chỉ có ngành Công dân vụ) ông Hiểu được coi là người của ông Nhu và mỗi ngày càng được chế độ tin dùng. Có lẽ đó cũng là lý do khiến cho đôi bạn Thơ, Hiểu mỗi ngày thêm xa cách nhau.

Kể từ chiến dịch Rừng Sát uy tín của tướng Minh mỗi ngày một tăng cường trong Quân đội. Uy tín đó phải công nhận rằng, guồng máy tuyên truyền (Báo chí — Đài phát thanh) của chế độ cũ đã có công phát triển và hào quang hóa « anh hùng Rừng Sát » nhất là từ đêm liên hoan tại trường Pétrus Ký (1956) các đoàn thể đã không tiếc lời ca tụng tướng Minh và các chiến sĩ Rừng Sát. Tướng Minh lại biết « tự làm vắng mặt mình » khi thấy cần, ít ồn ào và trầm lặng khó hiểu cho nên « huyền thoại Rừng Sát miền Tây » lại càng có dịp thêu thùa hoa lá trong Quân đội nhất là giới Sĩ quan trẻ.

Trước năm 1963 Tướng Minh cũng chỉ đủ túc dụng hàng ngày không nghèo không giàu đó là ưu điểm đề tăng cường uy tín của ông trong giới trẻ.

NGÀI NGOẠI TRƯỞNG

Như trên đã viết, nhiều tướng tá nhờ sự đề bạt của PTT Thơ nên suốt 9 năm của chế độ NĐĐ đã

được hưởng mũ áo xênh xang. Điền hình là ông Albert Nguyễn-Cao.

Ông Cao khi là Sĩ-quan cấp úy đã từng là sĩ quan tùy viên của tướng Nguyễn-văn-Hình. Đáng lý ra khi tướng Hình đại bại thì ông Cao cũng khó lòng tiến thân được. Nhưng rồi nhờ « uy thế » của Ô. Nguyễn-ngọc-Thọ, Thiểu-tá Cao từ Trưởng khu Dinh-diền Cao-nguyên leo lên Tổng-ủy trưởng Dinh-diền. Thời Nguyễn-Khánh được phong Chuẩn-tướng và là Đồng lý Văn phòng của tướng Khánh.

Bức tranh « *ván cầu* » của thế sự đã diễn ra bao nhiêu « *hình thù* » hào quang một phút rồi đen tối cũng chỉ có một phút.

Đã có bao nhiêu huyền thoại xây trên đồ vớ và cái hèn mọn nhất của con người. Cũng nên nhắc lại nhân dịp nhắc đến « huyền thoại » này « huyền thoại » kia... trong 7, 8 năm làm Ngoại trưởng thì GS Vũ văn Mẫu cũng là một huyền thoại, GS Mẫu vì được « ông cụ » kính nể. Cho nên mọi người cũng kính nể có khi đến độ « thần thánh » nhà trí thức đại khoa bảng này.

GS Mẫu là một luật gia uyên thâm (Thạc sĩ Tư pháp Giáo sư thực thụ Đại học Luật khoa Saigon). Sự ăn nói mạch lạc và cách đi đứng đàng hoàng của ông đã dễ dàng thu hút được cảm tình và sự kính nể của TT Diệm. Nhưng ông Diệm « vớ mông » đau điếng người khi ông Mẫu « xuống tóc » cho đến lúc sau này TT Diệm vẫn biện minh cho lòng kính nể ông Mẫu.

« Ngài đang hoàng đấỵ, nhưng phải làm thế cũng chỉ vì Ngài nễ bà Ngoại trưởng » (ông Mầu là người thứ hai sau ông Thơ được ông Diệm gọi là Ngài). Số là, giới cận thần tại Dinh Gia-Long và Bộ Ngoại giao bấy giờ cho biết : ông Ngoại trưởng rất « vj nễ » phu nhân. Phu nhân lại đau yếu luôn luôn và bị mất 1 lá phổi. Phu nhân cũng như gia đình Ngoại trưởng rất mộ đạo Phật. Thế nhưng trong vụ Phật giáo trước tháng 8, NT rất im lặng, không hề tỏ một thái độ nào có thể bất lợi cho vị Tồng-thống và chế độ mà ông phục vụ.

Buổi sáng ngày 20-8 Ngoại trưởng Mầu còn hướng dẫn tân Đại-sứ Anh đến trình ủy nhiệm thư tại Dinh Gia-Long. Ông đã bày tỏ thái độ hoàn toàn đồng ý với chính phủ. Song buổi chiều ngày 21-8 đột nhiên ông Ngoại trưởng lại *xuống tóc* phản đối. Đó là một hành động đẹp theo tinh thần kẻ sĩ Phương Đông. Nhưng dư luận lại cho rằng, ông phải làm như thế vì Phu nhân làm áp lực dữ dội quá. Sau này, ông Nguyễn-đình-Thuần thuật lại : « Nếu ông ấy xuống tóc và xin đi hành hương, nhưng đừng làm cái việc cố « vận động chạy chọt đề đòi thật nhiều dollars, ba bốn ngàn gì đó, thì cũng còn coi được ». Ông Thuần mà phê bình GS Mầu như thế thì kẻ cũng hơi kỳ (Theo dư luận tại Viện Hối Đoái thì Phủ Tồng-thống chỉ thị Viện này đề GS cựu Ngoại trưởng được đòi 5.000 dollars.)

Vì tiếng sủng đảo chánh bùng nổ, ông Thuần tuy với tư cách Bộ-Trưởng QP (Phụ tá Quốc Phòng kiêm

Bộ-trưởng Phủ Tổng-thống) song lại chuẩn lẹ nhất đến nỗi trong dinh không còn biết ông ở đâu đề liên lạc.

CHÁY NHÀ RA MẶT CHUỘT

Đêm 1.11, ông Thuận và ông Nguyễn-Lương là hai Bộ-trưởng đến trình diện tại HĐQNCM sớm nhất. Một vị tướng phê bình « *Cháy nhà mới ra mặt chuột. Chế độ ông Diệm sụp đổ cũng chỉ vì có những Bộ trưởng như vậy. Khi đến trình diện thì rút dè khúm núm quá, chả bù với khi còn thét ra lửa* ».

Nhờ sự đầu hàng sớm như vậy, cũng như sự rút rè khúm núm, hải sợ hai ông được HĐQNCM cho về nhà thông dong. Ít lâu sau, ông Thuận qua Pháp, vì vợ con ông đã ở sẵn bên đó. Ông Nguyễn Lương được thông dong đến một năm sau, thời tướng Khánh, ông bị bắt vì tội Cần lao. Thật là số mệnh an bài... trước đó thì chả sao. Ông Nguyễn-Lương bị đưa vào khám Chí Hòa hôm trước, thì hôm sau ông bị đưa lên xe bíp bùng ra máy bay trực chỉ Côn Sơn.

— Ông ? Tôi đâu có tội gì ?.. Riêng Hoa-kiều Mã Tuyên bị lao lý trước, Ông Lương hàng năm trời, nhưng Tuyên vẫn cam phận « *tội gì thì tội chớ* ».

CÁI GAI CẦN NHỎ

Chính phủ Nguyễn Khánh kết tội ông Nguyễn Lương là cán bộ cao cấp của Cần lao quả là bóp méo sự thật. Ông Lương thuộc hàng quan lại lớp cũ —

Năm 1955, ông đã lên đến ngạch Chương Lý tòa Thượng Thẩm. Khi GS Vũ-quốc-Thông giữ Bộ Y-tế và Xã hội thì ông Nguyễn-Lương làm Tổng Giám đốc Xã hội (Viên Chánh Văn-Phòng của ông là Hoàng thế Phiệt sau trở thành Nghị sĩ của Thượng Viện Đệ II Cộng Hòa) — Khi Nha Tổng Giám đốc Xã hội tách khỏi Bộ Y tế và trực thuộc Phủ Tổng thống thì đây là dịp ông Lương được gần Tổng-thống Diệm. Nhờ tài ăn nói lưu loát và am tường luật pháp, ông Lương rất được Tổng thống Diệm tín nhiệm. Đứng trước Tổng thống Diệm ông luôn luôn chấp tay cung kính... Ông trở thành Cố Vấn Luật Pháp của Tổng thống và sau được bầu làm chủ tịch Liên đoàn Công chức Cách mạng Quốc gia.

Cái chết của TT Diệm mang theo sự sụp đổ của chế độ Đệ 1 Cộng-Hòa đồng thời tố cáo luôn bộ mặt thực của một số thư lại gia nhân. Chính họ đã góp công lật đổ, trước hết vẫn là một thảm kịch đó đã kéo dài trên một thế kỷ. Những viên đạn nổ vào đầu Ông Diệm chỉ là kết quả của bao nhiêu mâu thuẫn nội bộ của những ưu diễm và nhảm lẫn, của sự phân hóa trong hàng ngũ quốc gia, và đồng thời cũng là kết quả của cuộc hôn nhân miễn cưỡng giữa Mỹ và Việt xa hơn nữa là sự « thọc gậy bánh xe » của Pháp và gần hơn nữa là Cộng sản. Đối với Cộng sản thì ông Diệm hay ai cũng thế thôi đều là kẻ thù của họ, nếu bản chất là quốc gia.

Người quốc gia tiến bộ và thực tâm yêu nước, biết bảo vệ chủ quyền thì lại càng trở thành kẻ thù

nguy hiểm nhất của CS. Năm 1945-1946, Cộng sản đã không giết Tổng đốc Hồ-đắc-Điền hay hung thần Vi-văn-Định, song họ đã phải than vãn ngay Lê-Ninh (lãnh tụ VQ — Dân chúng đạo ấy đã có câu : Việt Quốc Lê-Ninh, Việt-Minh Trần-văn-Giàu) và một Phan-văn-Hùm, một Tạ-thu-Thâu cùng bao nhiêu người quốc gia khác.

Cộng sản đã sửa soạn cho ông Diệm một cái chết theo kỹ thuật đoản kỳ và trường kỳ của họ kể từ năm 1954 khi ông ở hải ngoại về nước chấp chánh.

Thực dân Pháp cũng đã chuẩn bị cho ông một « cái chết » từ khi Trần-đình-Lan đang cầm quyền phòng VI và Biệt đội Con Ó (1954). Từ đầu năm 1963, một số người Mỹ cũng bắt tay vào làm công việc ấy. Năm 1963 con số cố vấn Mỹ tại miền Nam đã lên đến 14.000 người đồng thời tại Bộ Ngoại Giao Mỹ thành lập một ủy ban nghiên cứu hỗn hợp về sự xử dụng « sức mạnh » của Mỹ tại VN, ủy ban ấy mang một danh xưng thật đẹp « Việt Nam Tark Force » mà người đứng đầu là Hilsman. Vấn đề chủ quyền quốc gia đối với TT Diệm đã trở thành đầu mối cho tấn thảm kịch Việt Mỹ. Nếu Hilsman đặc trách Á Châu sự vụ có phận sự nghiên cứu những phương thức Mỹ nhằm tiêu diệt CS tại VN, thì song hành với công việc này Hilsman cũng đã « sửa soạn » theo kỹ thuật của Mỹ đề « hạ » một Tổng thống cứng đầu như ông Ngô-đình-Diệm. Lu Conein cũng như Smith và Hilsman, Fishtel nghĩa là cả guồng máy CIA đã góp công vào sự sửa soạn này.

CHƯƠNG III

TRONG THẾ GIỚI CỦA QUYỀN UY VÀ CÔ ĐƠN

CÂU HỎI GIAO DU

Sau ngày đảo chánh, một số đồng các sĩ quan thuộc LỘLBPVPTT đều bị bắt giữ. Máy sĩ quan tùy viên đều phải trả lời một số câu hỏi như : « Có thấy những người đàn bà nào vào phòng riêng của TT Diệm ? TT Diệm có « giao du » với bà Nhu không ? » Đại úy Lê công Hoàn, một sĩ quan tùy viên phục vụ bên cạnh TT Diệm 5 năm đã trả lời trên giấy tờ : « Tôi cả quyết không bao giờ có chuyện như vậy nếu có mà tôi bảo là không tôi xin chịu mất đầu ».

Vậy thì sự tương quan trong nếp sống gia đình thường nhật giữa vợ chồng ông Nhu và TT Diệm ra sao ?

TT Diệm ở trong một căn phòng riêng, ngủ trên tấm đi văng gỗ.

Mỗi tối, ông già Ân chăng màn, sáng sớm lại tháo

gờ. TT Diệm thường dùng bữa ngay trong căn phòng này. Ông vẫn ăn một mình trong suốt chín năm, trừ những buổi tiệc tùng dạ hội. Đối với gia đình ông Nhu thì TT Diệm sống một thế giới riêng. Rất ít khi TT Diệm ăn cơm chung với gia đình ông Nhu. Hoặc khi sang phòng ông Nhu dùng cơm thì TT Diệm dùng món ăn riêng của ông. Trong dinh có 2 đầu bếp. Một đầu bếp của vợ chồng ông Nhu. Một đầu bếp của Tổng-thống Diệm. Đầu bếp của Tổng-thống thì rất nhàn hạ. Sáng ông điềm tâm bằng cháo trắng với dưa chua hoặc cá thu kho mặn. Trưa ông Tổng thống không mấy khi ăn cơm mà chỉ dùng trái cây hoặc rau sà lát trộn dầu hoặc súp lơ, cải bắp luộc. Bữa chính của ông là bữa tối. Thứ cơm mà ông dùng là cơm gạo lứt đỏ.

Món ăn của ông hầu như không thay đổi qua mấy món như mắm ruốc, dưa thịt kho, cá kho cải xào. Tóm lại ông ăn uống như một người trung lưu của xứ Quảng Bình hay Huế.

Thông lệ, mỗi sáng sĩ quan tùy viên đem vào phòng ông một xấp báo đủ loại. Ông vừa đọc vừa ăn điềm tâm.

Thỉnh thoảng, có gì đặc biệt lắm ông mới sang phòng của vợ chồng ông Nhu ngồi uống nước, chuyện lan man. Theo sĩ quan tùy viên Lê công Hoàn cũng như Đại úy Bằng, ông già Ân thì ông Diệm và ông Nhu không mấy khi anh em hàn huyên tâm sự. Ông rất kính trọng và vâng lời Đức Cha Thục theo quan niệm « *Quyền huynh thế phụ.* »

Trước khi qua Rome, dự Công đồng Vatican II

Đức Cha Thục vào Dinh ở lại vài ngày. Như thường lệ, đức cha Thục vào chào ông em Tổng thống.

Theo sĩ quan tùy viên Hoàn thì anh em Tổng-thống Diệm rất giữ lễ với nhau chứ không suồng sã tự nhiên. Khi về Dinh, Đức Cha Thục thường dùng cơm với ông bà Nhu và mỗi lần như vậy, Tổng-thống Diệm lại ghé qua phòng ông em nhân tiện đáp lễ ông anh. Đức Cha Thục nói gì thì Tổng-thống Diệm nghe điều đó. Tuy nhiên, mỗi lần không vừa ý, Tổng-thống Diệm lại chỉ thờ dài, cau có và hết sức bần găt với sĩ quan tùy viên. Cũng không mấy khi ông bà Nhu vào phòng riêng của Tổng-thống Diệm trừ mấy đứa con trai của ông Nhu.

Căn phòng riêng của Tổng-thống Diệm vừa là phòng ngủ, vừa là chỗ làm việc, bao giờ cũng có hai cận vệ gác ở ngoài cửa cùng với một sĩ quan tùy viên túc trực suốt ngày đêm (thay phiên như làm việc theo từng « ca ».) Bất kỳ một ai thăm viếng về phía quân sự đều qua tay sĩ quan tùy viên (sự sắp xếp do Tham Mưu Biệt Bộ). Sự thăm viếng về phía dân sự và ngoại giao đoàn đều do Nha Nghi Lễ đảm trách.

Không kể Đỗ-Thọ đã chết, 3 sĩ quan tùy viên còn sống (trong đó có Đại-úy Lê-châu-Lộc) cùng với Đại-úy Bằng hầu cận đều cho biết: « Họ không hề bị ông bà Nhu chi phối. Gặp ông bà ấy thì chào hỏi vạy thôi. Họ làm việc trực tiếp với TT Diệm và làm việc theo kiểu « người nhà » phi nguyên tắc luật lệ. Vào phòng ông Tổng-thống lúc nào

cũng được và cửa phòng ông không bao giờ khóa mà chỉ khép. Người được coi là ngang ngược và hay gây gỗ với bà Nhu là ông Đại-úy Bằng. Thế giới của ông Tổng-thống là thế giới tình cảm.

Qui tụ quanh ông, phái cao cấp là ông Võ-văn-Hải, gần ông Tổng-thống là ông Bí thư Trần-Sử rồi đến 4 sĩ quan tùy viên, ông già Ân. Đại-úy Bằng và mấy người thân cận khác. Tìm hiểu cuộc sống riêng tư và tâm tình của một ông Tổng-thống không gì bằng tìm hiểu ngay những người thân cận quanh ông trong nếp sống thường nhật. Tại một nước Cộng-sản, cá nhân lãnh đạo chưa phải là yếu tố quan hệ bậc nhất. Tập thể lãnh đạo mới là điều quan hệ và chi phối toàn thể. Tại các quốc gia Tây phương có một cơ chế cai trị vững chắc và một truyền thống dân chủ thì một cá nhân lãnh đạo cũng chưa phải là một yếu tố quan trọng bậc nhất.

Nhưng ở Việt-Nam thì lại khác. Con người quốc gia ở Miền Nam lại hoàn toàn khác hẳn. Cá nhân lãnh đạo trở thành yếu tố quan trọng bậc nhất và chi phối toàn thể, cho nên đời sống riêng tư và tâm tình của một ông Tổng-thống lãnh đạo trở thành nguyên động lực tiềm ẩn chi phối con đường lãnh đạo và cai trị và đời sống riêng tư ấy tự nó đã có giá trị đề nhận định con người lãnh đạo quốc gia. Thói quen hút thuốc lá, ăn cơm tây uống rượu mạnh, hay thú trăng hoa hoặc hay ưa nói bậy, thích tuyên bố lăng xăng thì tự nó đã lập thành *bản chất* và sự lãnh đạo quốc gia cũng như uy quyền và danh dự của nhà lãnh đạo cũng

tùy thuộc vào bản chất này. Vận mệnh và danh dự quốc gia cũng lại tùy thuộc vào bản chất này.

Bởi vậy, viết về giai đoạn lịch sử 1955-1963 không thể bỏ qua phần tìm hiểu con người TT Ngô-đình-Diệm để từ đó soi sáng một tâm lý chính trị.

Tâm lý chính trị này là một phần căn bản giúp cho sử gia dễ dàng phân tách và dẫn giải các sự kiện lịch sử qua hướng đi của nó qua sự chèo lái của nhà lãnh đạo.

Tổng-thống Diệm thích làm thơ. Tất nhiên là thơ Đường luật. Ông còn biết vẽ và nét vẽ rất đẹp. Bức vẽ cuối cùng của ông là ngôi Thánh đường dự định sẽ xây cất ở khu Phương Hoàng. Ông đã có ý định không ra ứng cử TT nhiệm kỳ 1965 và sẽ lui về sống an dưỡng ở khu Phương Hoàng.

Trước đó, đã có một dự án chỉnh trang toàn thể khu Cồn Hến tại Huế để làm nơi TT Diệm trở về vui thú điền viên. Khu này được coi là một trong mấy nơi thơ mộng nhất của Huế cách thôn Vỹ Dạ chỉ một con sông. Khi dự án được trình lên, ông Tổng-thống không vừa ý và cho dẹp bỏ.

Rồi tự tay ông phác họa khu Phương Hoàng. Ngôi Thánh đường cũng tự tay ông vẽ. TT Diệm ưa thích đánh cờ tướng nhưng lại không phải là tay cao cờ.

Nhiều lần, trong lúc cao hứng, ông cho gọi Đại-úy Bàng và Ngô-đình-Trác vào phòng riêng của ông bảo hai người đánh cờ để ông ngồi xem, ông có thể ngồi như vậy trong một, hai giờ liền.

Thú lớn nhất của ông là chụp ảnh và rửa hình. Thịnh thoảng cao hứng ông lại đưa bọn con ông Nhu ra chụp một vài « pô » hay chụp mấy sĩ quan tùy viên.

Tướng Lê-văn-Kim được coi là « người bạn » của Tổng-thống về phương diện chụp hình và rửa hình. Một lần vào năm 61, vợ chồng BS Trần-kim-Tuyển đang coi Ciné ở Đại-Nam thì có thuộc viên đến tìm, cho biết : « Tổng-thống điện thoại gọi BS vào Dinh gấp » Hai vợ chồng bỏ dở xuất Ciné trở vào Dinh. Bà vợ ngồi dưới xe chờ chồng từ 10 giờ sáng đến gần 2 giờ chiều mới thấy chồng trở ra. Nhân chứng được ông Tổng-thống tiếp gần 4 giờ liền không ngoài việc máy ảnh và chụp hình. Vì ông mới mua 1 cái máy Canon cho nên gọi nhân chứng vào đề chỉ cho cách sử dụng. Mỗi lần như thế ông Diệm rất vui tươi cởi mở.

Đặc biệt là TT Diệm không uống được rượu, chỉ cần làm một hộp nhỏ, mặt ông đã đỏ gay... Tuy vậy trong phòng ông cũng có một chai rượu nho, thịnh thoảng ông nhắm nháp đôi chút và những lần như vậy giới hầu cận đều biết ngay là Tổng-thống gặp chuyện vui. Đầu bếp trong Dinh phải chế tạo riêng 1 loại xâm banh. Loại xâm banh này chỉ là nước ngọt cho vào chai đúng « *marque champagne* » hảo hạng và khi mở cũng nổ chát và xùi bọt như xâm banh thực. Khi có tiệc lớn cùng dự với các Đại sứ và quốc khách thì ông Tổng-thống dùng xâm banh loại này. Tổng-thống Diệm ăn uống không có giờ giấc nào cả. Bữa cơm chiều có thể là 8 giờ hoặc 10 giờ... Khi gặp ai vui chuyện, Tổng-thống Diệm có thể mạn đàm lan

man cả 2, 3 giờ liền. Ông hay dùng thứ Páté chaud ở Bưu điện và ông cho là ngon tuyệt hạng. Giá mua 5đ, một cái nhưng Bà Nhu dặn bồi bếp nói Cụ hỏi bao nhiêu thì phải nói là 1đ. Bà Nhu giải thích: « Nói như thế để ông Cụ được vui ». Tổng-thống Diệm vẫn tấm tắc khen ngợi: « Páté chaud 1đ, mà ngon quá bay ơi! Như vậy thì lương lính nó được 900đ, vợ con nó cũng sung sướng quá hả? »,

Như trên đã viết ông Diệm rất kính trọng và vâng lời các anh. Ông lại luôn luôn sống xa mẹ. Sau khi từ chức Lại bộ Thượng thư triều đình Huế (1933) ông không về sống ở Phú-Cam mà về ở trong một ngôi nhà của ông Ngô-dình-Khôi tại Vinh-Điện, Quảng-Nam. Ngôi nhà đó chỉ có ông Diệm và ông Bằng. Ông Bằng lo việc cơm nước, quần áo và mọi sự cho ông Thượng thư, một vài tuần ông lại về Phú-Cam một buổi. Vài tháng ông lại vào Nam. Từ dạo đó, ông đã sống một đời phép kín, đi hay về không ai hay biết. Khi ông Ngô-dình-Khôi bị giết năm 45, Đức Cha Thục trở thành người có ảnh hưởng nhất đối với TT Diệm. Qua tập Album của gia đình họ Ngô ta thấy Đức Cha Thục và ông Diệm hay cùng nhau chụp ảnh, hai người tỏ ra tương đắc.

Chúng tôi nêu lên một sự kiện này một sự kiện lịch sử để thấy rằng cái tình huynh đệ gia đình của một ông Tổng-thống đã qua hệ đến cả vận mệnh quốc gia.

Năm 1963 là năm *ngân khánh* của Đức Cha Thục. Theo truyền thống Thiên chúa giáo thì đây là một dịp

trọng thề, đánh dấu công nghiệp của một đời tu hành. Lễ này thường do giáo dân đứng lên tổ chức đề tỏ bày sự kính mến đối với bậc chân chiên của họ. Giả dụ Đức Cha Ngô-đình-Thục không phải là anh ruột một vị đương kim Tổng thống thì lễ này có tổ chức long trọng đến mấy cũng không có gì đáng nói vì đó là sự thường tình trong nếp sống tôn giáo. Nhưng Đức Cha Thục lại là anh ruột một ông Tổng-thống (chúng ta sẽ phân tích rõ ở chương vụ Phật giáo 63).

Từ đầu tháng 1-63, các giới chức địa phương và trung ương đã rộn rịp thi đua « góp công » vào việc tổ chức lễ Ngân khánh của Đức Cha. Có một số địa phương tại miền Trung, Tỉnh trưởng lại đi thu góp tiền bạc đề góp phần vào lễ Ngân khánh cho thêm long trọng. Rồi một ủy ban toàn quốc được thành lập đứng đầu là ông chủ tịch Quốc hội Trương-vĩnh-Lễ sau là BS Cao-xuân-Cầm cùng các ủy viên gồm một số Bộ trưởng, Dân Biểu. Linh mục Cao-văn-Luận, Viện trưởng Đại học Huế cũng được mời tham dự. Cha Luận lấy làm khó chịu nhưng không thể khước từ nên phải nói : « Là một linh mục sống trong địa phận của Đức Cha thì có bồn phận kính vâng Đức Cha.

Ông Bộ trưởng Giáo-dục, Viện trưởng Đại học Saigon cũng tham dự thì Viện trưởng Đại học Huế cũng xin vui về tham dự ». Một mặt Cha Luận biên thư cho ông Chủ tịch QH xin tham dự vào ủy ban đề cho vừa lòng đẹp ý người đến mời.

Mặt khác, cha Luận đến gặp riêng ông Ngô-đình-

Cần vì cha Luận vẫn được coi là một linh mục có nhiều ảnh hưởng đối với gia đình họ Ngô (cũng như Lm. Nguyễn-văn-Thính, Lm. Nguyễn-văn-Lập, Lm. Nguyễn-viết-Khai). Cha Luận khuyên ông Cần nêu tìm cách cản ngăn để làm thế nào để Ngân khánh tồ chức trong vòng thân mật và thu hẹp vì từ ngày Đức Cha Thục ra trọng nhậm giáo khu Huế đã gây nên nhiều ngộ nhận trong giới Phật giáo. Nếu lễ Ngân khánh tồ chức quá rầm rộ ở ngay tại cố đô Huế e rằng bất lợi. Ông Cần cho là phải và rất đồng ý với cha Luận, nhưng ông Cần cho biết: « Từ ngày Đức Cha về đây, Đức Cha có coi tôi ra cái gì đâu. Tôi làm sao nói được xin nhờ Cha vào Saigon gặp thẳng Tổng-thống để nói cho rõ sự lợi hại ». Hôm sau, cha Luận vào Saigon xin gặp ông Ngô-đình-Nhu.

Ông Nhu cũng đồng ý như vậy và cho rằng không thể lẫn lộn tôn giáo với quốc gia, ông Nhu than thở với cha Luận là ông không biết phải làm thế nào vì nói thẳng sợ phật lòng Đức Cha — bậc quyền huynh thế phụ đối với gia đình họ Ngô. Trước năm 1953 ông Nhu vẫn bị ngộ nhận là con người chống lại hàng giáo phẩm. Ông Nhu phàn nàn với Cha Luận đại cương: « Thân sinh tôi mất rồi thì chỉ còn Đức Cha là bậc quyền huynh thế phụ. Tôi không biết phải nói thế nào, ông Cụ thì cả nể Đức Cha lắm. Từ ngày Đức Cha về Huế, ở đây tôi mới « rảnh rang »... Khi Đức Cha còn ở Vĩnh Long thì thứ bảy chủ nhật nào bọn họ cũng rủ nhau xuống Vĩnh Long cả nội các, cả quốc hội. Biết là phiền

phức nhưng không làm thế nào được ». Ông Nhu lại một lần nữa nhờ riêng cha Luận nói rõ hơn thiệt với Tổng-thống. Tất nhiên ông Nhu còn không dám nói với TT Diệm thì cha Luận sức nào dám nói thẳng sự hơn thiệt.

Mặc dầu lễ Ngân khánh đã được sửa soạn chu đáo nhưng không được như dự định vì xảy ra vụ Phật giáo (ngày 8-5-63).

Trước đó, Tổng-thống Diệm cũng không dám bãi bỏ Ủy ban toàn quốc tổ chức lễ Ngân khánh vì sợ làm phật lòng bào huynh mặc dầu ông Nhu cũng nói « xa gần » với giọng ray rứt trách móc Tổng-thống làm sao lại đề cho nhân viên Chính phủ và Quốc hội đứng ra tổ chức lễ Ngân khánh. Theo thường tình, giáo dân có quyền tổ chức một Ủy ban toàn quốc như vậy. Song ông Chủ tịch QH là chủ tịch Ủy ban, thì quả là điều « chướng mắt » khó coi cho dù ông là giáo dân... Có lẽ vì vậy mà BS Cao-xuân-Cầm đứng ra làm Chủ tịch (?)... nhưng cũng không phá tan được sự ngộ nhận « dĩ công vi tư và lạm dụng uy thế của Tổng-thống Diệm ».

HÀNH HƯƠNG VĨNH-LONG

Tổng-thống Diệm quá nặng tình nghĩa gia đình. Gia đình đó lại sống theo quan niệm « đóng cửa bảo nhau ». Cho nên, dù anh em mâu thuẫn bất hòa người bên ngoài cũng không mấy ai biết ngoại trừ những người thân cận sống lâu năm trong gia đình họ Ngô.

Trong 9 năm kháng chiến, Đức Cha Thục không tỏ rõ một thái độ nào có thể minh chứng khuynh hướng chính trị của Đức Cha. Khác hẳn với những giáo khu Phát Diệm, Bùi Chu, giáo khu Vinh-Long luôn luôn đứng ra ngoài vòng của cuộc chiến. Những gia đình quen biết của Đức Cha Thục như Phạm-ngọc-Thảo, Kiều-công-Cung đã theo kháng chiến ngay từ buổi đầu cho đến năm 1954. Linh mục Lu-Vinh thuộc xứ Đạo Bến-Tre cũng đã từng tham gia kháng chiến. Linh mục này được coi như con cưng của Đức cha Thục. Năm 1961, Linh mục Lu-Vinh cũng như ông Sáu Nhân (tức Hoàng-xuân-Việt) đều được Đức Cha gửi vào ở tạm tại Nhà Dòng Đồng Công Thủ-Đức. Cha Lu-Vinh đã có lần tâm sự rất nhiều về Đức Cha Ngô-dình-Thục và đều cho rằng Đức Cha trước năm 1954 rất khác Đức Cha sau năm 54 và càng ngày càng bị vây hãm bị lợi dụng dần mình quá sâu vào đời sống chính trị của các em.

Vào khoảng tháng 6 năm 1960, nhân một buổi lễ trọng thể tại Vinh Long (buổi lễ thuộc phạm vi tôn giáo). Thế nhưng từ sáng sớm đã có hàng trăm xe hơi nối đuôi nhau trên con đường « hành hương » Vinh-Long. Hầu hết là các Bộ trưởng, Dân biểu, Tướng tá, công chức cao cấp. Vì có hàng trăm xe của nhân viên chính quyền cho nên Bắc Mỹ-Thuận bị kẹt, xe hàng, xe dân bị ứ lại dài cả hàng cây số và phải đợi cả hàng 2, 3 giờ mới được khai thông. Một nhà báo Mỹ cũng bị kẹt trong đám xe đó. Khi trở về Saigon ông ta tỏ ý phẫn nản và phê bình gay gắt với nhân chứng Lương Khải Minh.

Nhà báo Mỹ thì lúc nào chẳng tìm cách làm « si-

căng-dan». Lương-Khải-Minh tìm cách biện minh cho nhà báo vui vẻ, bỏ qua sự phiền muộn. Nhân chứng cho ông Ngô-dình-Nhu rõ tự sự, ông Nhu mặt đỏ tía tai đập tay vào bàn rồi gọi điện thoại cho ông Chủ tịch QH Trương vĩnh-Lễ : « *Làm cái gì mà kỳ vậy. Xuống đây làm cái gì mà lố vậy. Tôi nhờ ông bảo bọn họ ngưng ngay cái trò đó đi* ».

Ông Nhu không thích là chuyện của ông Nhu.

Con đường Saigon - Vĩnh-Long vẫn tấp nập khách công hầu. Ông Nhu thường phàn nàn với nhân chứng Lương-Khải-Minh « *Bây giờ Nội các và Quốc hội họp ở Vĩnh-Long mà !* ».

Như trên đã viết, TT Diệm bị chi phối mạnh mẽ bởi tình nghĩa gia đình thân thuộc. Chữ Lễ đối với ông là một điều quan trọng không thể thiếu. Tiếc rằng chữ Lễ trong tinh thần Nho giáo tuy tạo được sự thể thống về phương diện quốc gia song cái thực tại của xã hội giữa thế kỷ 20 đã làm cho chữ Lễ của ông Tổng-thống trở nên những hình thức phù du và làm cho ông lạc lõng và càng cô đơn xa lạ trong một thế kỷ mà nấc thang giá trị cũ chỉ còn như áng mây chiều.

Một bọn *nịnh thần* lại luôn luôn bám vào chữ Lễ của ông Tổng-thống để che đậy những manh tâm... Chữ Lễ với giá trị cao cả của nó trong tình nghĩa của nếp sống Đông phương lại trở thành chiếc gậy thần của một số « phù thủy » xúm nhau lại suy tôn và thần thánh hóa Ngô-Tổng-thống... Ông Tổng-thống càng thêm lạc lõng và chữ Lễ biến thành vùng ảo tưởng vây bọc lấy ông.

Tổng-thống Diệm làm việc ngay trong phòng riêng. Ông ngồi trên chiếc ghế bành trước một chiếc bàn tròn và ở đó ông phê chuẩn, khán ký, cũng như xem xét hồ sơ công việc và bàn xét quốc sự. Nếu không phải tiếp khách ngoại quốc hay các phái đoàn, ông làm việc trong phòng cả buổi sáng buổi chiều như vậy. Thường thường ông mặc chiếc áo dài đen. Không bao giờ ông Tổng-thống mặc đồ ngủ để tiếp khách dù đó là mấy ông thợ chụp hình. Khi phải ra phòng lớn tiếp khách thì theo thói quen ông cũng xốc lại cổ áo nắn lại chiếc Cravate rồi cầm lược chải đầu, gọi bồi lau lại đôi giầy...

CHỮ LỄ TRONG TINH THẦN NHO GIA

Những ngày đầu vào dinh Gia-Long làm việc nhân chứng Lương-khải-Minh còn trẻ lại quen tính an mặc lễ phè. Mấy lần vào phòng làm việc của ông Tổng-thống, đương sự chỉ mặc áo cổ bẻ, cột tay, bỏ ngoài quần và đi dép quai da. Đương sự không đề ý sự khó chịu của ông Tổng-thống nên cứ tiếp tục ăn mặc như vậy. Sau TT Diệm gọi thẳng bà Nhu phiên trách : *« Thiếm phải lo cho chú ấy ăn mặc đàng hoàng. Chú ấy ăn mặc lòi thối mấy đờn nó bắt chước, mất cả thể thống. Thằng cha nó ăn mặc cái gì mà lòi thối quá »*. Từ đó đương sự phải đề sẵn trong văn phòng một bộ Complet Cravate.

Nếu Tổng-thống cho gọi là phải ăn mặc cho đầy đủ lễ bộ. Giày mà không có giầy thắt, ông Tổng-thống cũng cho là một sự thất lễ. Một lần Bộ trưởng Nguyễn-

đình-Thuần vào Đình mặc chiếc « Veste » mới may, xé phía sau lưng theo mode mới liền bị ông Tồng-thống nhìn một lúc lâu rồi khen « ông Bộ trưởng mua chiếc áo xẻ lưng đẹp quá hỉ ? » Ông Tồng-thống cho rằng làm lớn ăn mặc như thế không hợp với thề thống. Từ đó, Nguyễn-đình-Thuần biết ý phải cố ăn mặc làm sao cho vừa ý Tồng-thống.

Cũng vì một chữ thề thống mà một Sĩ quan đã thắng được vụ kiện. Quan Tòa là ông Tồng-thống, bà Nhu là nguyên cáo. Khi Quốc vương và Hoàng hậu Thái-Lan qua thăm VN thì bà Nhu đóng vai « tiếp viên của Quốc gia » (Hotesse) đề nghênh đón Hoàng hậu Thái về Đình Độc Lập viếng Tồng-thống Việt-nam theo nghi lễ rồi trở về Đình Gia-Long nghỉ. Tồng-thống VN cũng đến đình Gia-Long đề đáp lễ, cùng đi theo có bà Nhu. Lúc trở ra, bà Nhu đi sau Tồng-thống. Viên Sĩ quan hầu cận cản lại và nói « Bà không được đi cùng. Theo nghi lễ bà phải đi sau 5 phút ». Bà Nhu nổi giận phản đối. Viên sĩ quan dẫn chứng theo « sách » « Bà đâu có phải là vợ của TT mà được phép trở về đình cùng một lúc. Tôi cứ theo nghi lễ của ông Hoàng-thúc-Đàm. Tồng-thống phải về đình trước, năm phút sau bà mới được ra về ». Bà Nhu nổi giận mà đành chịu.

Nhưng sau đó Bà về mách ông Nhu và sang tận phòng Tồng-thống kiện. Ông Tồng-thống sai gọi viên sĩ quan hầu cận (Đại-úy Bằng) và « đối chất ». Bà Nhu nói theo lẽ của Bà Nhu.

Viên sĩ quan nói theo lẽ của viên sĩ quan và nhấn

mạnh làm như thế để giữ thể thống Quốc gia. Ông Tổng-thống không nói một câu rời cho cả hai người ra về. Bà Nhu rất hậm hực về thái độ lạnh tỉnh của ông anh Tổng-thống. Sau buổi chiều ông qua phòng ông bà Nhu và tuyên án « Nó nói đúng. Tinh nó ngang ngược như rứa thôi bỏ qua ».

Người em của bà Nhu tức Trần-văn-Khiêm cũng đã gây nên nhiều sự phiền phức cho ông Tổng-thống. Anh ta ưa phách lối, làm le và dọa nạt nhiều người. Có lần (tháng 10-63) anh ta dọa ném lựu đạn giết cả nhà BS Trần-kim-Tuyển. Sự lạm dụng và phách lối của Trần-văn-Khiêm đến tai Tổng-thống Diệm, ông Tổng-thống cũng không biết làm thế nào hơn là ra lệnh cho sĩ quan hầu cận mở cuộc điều tra riêng. Việc đến tai bà Nhu. Bà lại tìm mọi cách che chở em rồi tìm cơ hội « mách » ông Tổng-thống về những « lạm dụng » của đám người thân bên cạnh ông Tổng-thống. Do đó, trong 9 năm, ông Diệm luôn luôn phải xử những « vụ án » ngay trong nội bộ của Dinh.

Nhiều người thân của TT Diệm cho rằng, đó là nỗi khổ tâm mà ông không thể nói ra và mỗi lần như vậy ông lại càng thêm bản gât. Ví dụ : Một lần đám con bà Nhu lấy bút vẽ bậy bạ lên tường Dinh gần phía phòng Tổng-thống. Sĩ quan hầu cận đe nạt thì đám trẻ lại nặng lời với họ rồi về mách Mẹ. Bà Nhu bên, con lại nặng lời và đồ thừa cho đám cận vệ vẽ bậy. Lời qua tiếng lại bà Nhu lại vào thưa kiện với Tổng-thống vì viên Sĩ quan đã dám hỗn xược với bà. Ông Tổng-thống lại mất công phân xử. Thường thường

bao giờ ông cũng chỉ đỏ mặt, yên lặng, quay đi và lắng nghe cả hai bên trình bày, ông không nói một câu... Nếu cùng lắm thì chỉ phán quyết : « Thôi bỏ qua ».

Một lần khác, vào đầu năm 58 khi chế độ Ngô-đình-Diệm đang ở vào thời kỳ cực thịnh, một buổi tối bà Nhu bận đồ ngủ, mặc áo choàng vào phòng ông TT đề kiện cáo một vài chuyện lật vặt, ông già Ân khép cửa đi ra... Bỗng ông Tông-thống quát tháo rầm rĩ, bấm chuông gọi ông Ân và ông Bằng mắng vu vơ trước mặt bà Nhu. Từ buổi đó, biết ý ông Tông-thống nên mỗi khi bà Nhu vào phòng Tông-thống thì ông Ân hay ông Bằng phải có mặt hoặc Sĩ quan tùy viên. Nếu không thì y như là có sự la lối. Thường thường nói chuyện với bà Nhu hay bất kỳ một người đàn bà nào khác, mặt ông Diệm đỏ gay, mắt nhìn đi chỗ khác và lời cắt quãng, nhát gừng.

Mỗi lần bà Nhu vào kiện cáo chuyện gì, ông yên lặng nghe. Khi bà ta đi ra, ông lại lầm bầm nói nhát gừng : « Chuyện đàn bà con nít như rứa... thôi bỏ qua ».

Một lần khác bà Nhu vào kiện cáo chuyện gia đình dòng họ, TT Diệm vẫn yên lặng nghe rồi nói : « *Thím cứ về rồi tui tính cho* » — Bà Nhu không chịu lại la lớn tiếng. Bất thần ông Tông-thống cầm chiếc gạt tàn thuốc lá ném về phía em dâu. Có lẽ ông ném vờ vậy thôi.

Chiếc gạt tàn văng vào tường vỡ tung. Bà Nhu mở cửa chuồn lẹ.

Những người thân cận chung quanh Tổng-thống Diệm đa số đều phục vụ ông từ nhiều năm trước thời kỳ 1945. Riêng Sĩ quan tùy viên thì do Nha Nhân Viên Bộ QP tuyển chọn và đề bạt. Trước năm 60, mỗi tùy viên phục vụ trong thời gian 2 năm. Nhưng sau, thời hạn bất kỳ. Thông lệ mỗi năm vào lễ Giáng Sinh ông ra lệnh cho gọi tất cả Sĩ quan tùy viên cũ trở về Dinh gặp ông và cho mỗi người một số tiền 2.000\$.

Đối với TT Diệm đã là to quá. Rút tiền mặt chỉ cho ai đồng nào, ông thường đếm đi đếm lại rất cẩn thận.

Ngoài chữ Lễ theo quan niệm nho gia « Lễ vi tiên » ông còn luôn luôn nhắc với mọi người cần thận về chữ Nghĩa theo tiêu chuẩn « Nghĩa vi bản mạt » (Nghĩa là gốc ngọn). Thí dụ : anh chàng Nậy trước kia kéo xe cho ông Huyện Diệm khi còn trọng nhậm ở huyện Hải-Lăng Quảng-Trị. Lên làm Thủ-tướng, ông đánh điện cho Tỉnh-trưởng Nguyễn-văn-Đặng chỉ thị phải tìm Nậy và đưa vào Saigon. Nậy vào Saigon và được tuyển dụng vào Dinh Độc Lập làm nghề thợ mộc để có lương nhà nước dù lúc đầu Nậy không biết gì về nghề mộc. Rồi từ viên Thừa phái Hải-Lăng, đến viên đội khổ xanh ở Bình-Định hay Chánh tổng ở Hòa-Đa... tức là những thuộc viên cũ, ông Tổng-thống đều gọi vào Dinh cho tiền làm vốn liếng (năm ngàn là tối đa) rồi cho một việc làm trong Dinh. Có 1 viên Đội khổ xanh trước gác ở Dinh quan tuần Phan-Thiết rồi lại ra Bình-Định. Sau này nhờ Tây lên được hàng Ủy, kịp đến khi ông Diệm về nước

rồi tình cờ gặp ông Diệm được ông lưu ý nâng đỡ mà leo lên mãi đến hàng « tá cao cấp » sau này đã góp công không nhỏ trong việc « làm thế nào đề giết được một Tổng-thống ».

Một thí dụ khác về cái Nghĩa của ông, vào tháng 1 năm 1962 trước vụ ném bom Dinh Độc Lập vào khoảng 1 tháng, BS Tuyền có một người quen bị Công An bắt giam.

Người quen ấy là ông Nguyễn-văn-Lực, một đảng viên VNQDD. Lúc ấy nội bộ của chế độ Ngô-dình-Diệm đang bắt đầu phân hóa và đây đây ngộ nhận và mặc cảm lẫn nhau cho nên BS Tuyền không thể đơn phương can thiệp cho Nguyễn-văn-Lực được trả tự do. Song lại có cụ Nguyễn-xuân-Tiểu, lãnh tụ Đại Việt cũng bị công an bắt giam.

BS Tuyền định tâm tìm cách nào tốt nhất đề nói trực tiếp với ông Tổng-thống vì biết rằng cụ Nguyễn-xuân-Tiểu trong quá khứ có rất nhiều liên hệ với Tổng-thống Diệm. Một hôm vào phòng Tổng-thống đề trình công việc, Ông Diệm hỏi: « *Tình hình đảng phái chính trị đạo này ra sao ?* » Đương sự đáp: « *Cũng không có gì cả, bình thường. Thưa Cụ, thì mấy ông đảng phái nhàn rỗi không có việc làm thì cũng họp hành, tuyên bố lảng nhãng thế thôi* ». Ông Tổng thống ở ở, hút thuốc, tỏ ý khoan khoái. Đương sự tấn công tình cảm ngay: « *Thưa Cụ, có ông Nguyễn-xuân-Tiểu bị Công an bắt giữ* ». Ông Tổng-thống: « *Ông Nguyễn-xuân-Tiểu tôi biết, hẳn làm sao mà bị bắt hè* ». Đương sự tìm lời nói khéo « *Ông cụ ấy có tật hay uống* »

rượu. Uống rượu vào rồi thì cũng nói lảng xảng chống đối. Con thấy cũng không có gì nguy hiểm ».

Ông Tổng-thống vui vẻ gật đầu « Biều Nguyễn-văn Là nó thả ông ta ngay — Biều Tổng-thống chỉ thị ».

Ông Tổng-thống trầm ngâm « Năm 45, tôi bị VM nó bắt giam ở Thái-Nguyên, Nguyễn-xuân-Tiểu đối với tôi tốt lắm. Hắn tiếp tế đồ ăn cho tôi hàng ngày, tiếp tế cả thuốc lá.

Sau hắn còn đưa cả tiền cho tôi để có chút ít chi phí về Hanoi rồi vào Nam ». Ông Tổng-thống không quên nhắc nhở đương sự: « khi nào gặp hắn bảo hắn lúc nào rảnh rồi vào đây chơi ».

Nhờ có Cụ Nguyễn-xuân-Tiểu nên nhân chứng xin cho cả ông Nguyễn-văn-Lực được trả tự do. Nhưng hơn 20 ngày sau khi con trai ông Lực là phi-công Nguyễn-văn-Cử cùng phi công Phạm-phú-Quốc oanh tạc dinh-độc-lập, Ông Lực nhanh chân trốn thoát.

Sự việc này đã làm cho BS Tuyền bắt đầu bị thất sủng vì có sự nghi ngờ. Ngay sau khi im tiếng súng đương sự vào thăm Tổng-thống thì ông rất lạnh lùng hỏi : « Vụ này nghe như ông biết trước phải không ? » Đương sự lạnh cả người. Tuy vậy, theo đương sự, ít ngày sau, ông Tổng-thống cũng bỏ qua không nhắc tới. Trong mấy anh em, thì Tổng-thống Diệm được coi là người tuy nóng tánh bất thường nhưng đã dùng ai thì không muốn thay đổi. Tổng-thống Diệm tuy có trí nhớ rất tốt nhưng ông cũng hay quên... Khi nổi nóng ông la mắng nhưng sau đó

quên ngay. Việc dùng người cũng vậy, nhiều chiến hữu rất cận thân với ông, nếu giữ khí tiết không tìm cách cầu cạnh đề đề bạt, ông Tổng-thống cũng bỏ quên luôn. Trường hợp Đô trưởng Vũ-tiến-Huân, lúc đầu ông cho « quyền Đô trưởng » rồi sau không ai nhắc nhở nên cứ quyền Đô trưởng cho đến ngày đảo chánh. Trường hợp Đỗ-Mậu quyền Giám Đốc Nha ANQĐ cũng vậy.

Như tướng Trần-văn-Đôn lúc đầu tuy bị ông Nhu không ưa vì cho rằng « *Thứ dân Tây đi lính cho Tây chỉ biết ăn chơi thì làm được cái gì* ». Nhiều lần ông Nhu có ý thay thế tướng Đôn ở chức vụ Tư lệnh Quân Đoàn I nhưng không dám công khai ngỏ ý vì biết có ngỏ ý Tổng-thống Diệm cũng không chấp nhận. Một lần coi tấm hình thấy tướng Trần-văn-Đôn bận áo thun xanh khăn đóng thù tiếp ông Cựu Cần và cùng vắn thuốc lá cầm lệ hút như ông Cựu. TT Diệm có vẻ đắc ý, lại được một Sĩ quan thân cận phụ đề : « *Mấy năm nay tướng Đôn chỉ lo làm việc, không còn ăn chơi nhây nhót* ». TT Diệm xem ra « chịu » ông tướng vùng địa đầu. Nhiều báo cáo đến tay ông đều dẹp bỏ không xét. Riêng về việc phong tướng, ông Diệm tỏ ra thận trọng.

Địp thăng thưởng 26-10-62 cũng như 1963, có mấy Đại-tá được đề nghị lên tướng, ông Diệm đều không chấp thuận và nói : « *Thăng ấy... thăng ấy... lên Đại-tá là maximum* ».

Có một ông Đại-tá thuộc « người trong nhà »

tướng là thế nào cũng được Cụ cho đeo sao vì có công theo Cụ từ ngày còn làm đội khố xanh. Ông Tổng thống gạt đi mà rằng :

« Từ nay, việc lên tướng dành cho bọn trẻ ». Một số sĩ quan cấp tá trẻ được ông Tổng-thống lưu ý đặc biệt ông vẫn thường gọi vào « xem tướng » rồi nói với mấy người thân cận « mai này cho hẳn lên tướng được đó. Bảo hẳn ấy phải lo mà học lấy bằng cấp đi ». Ông Diệm vẫn phàn nàn với mấy người chung quanh : « Tướng của mình phải có chút bằng cấp học vấn thì ngoại quốc người ta mới khỏi khi rẻ. Tướng Mỹ, tướng Pháp họ học cao lắm ». Có hai điều nếu ai ngỏ ý xin, Tổng-thống Diệm chấp thuận ngay : 1— Xin được đi học 2— Xin ra chỉ huy ở đơn vị tác chiến. Cũng vì có tư cách đường hoàng và chịu cấp sách đến trường cầu học, Đại-tá Cao-văn-Viên đã được Tổng-thống Diệm quý mến đặc biệt. Trung-tá Lữ-mộng-Lan, khi còn làm Trưởng Phòng III Bộ Tổng Tham Mưu, ngỏ ý xin Tổng-thống cho ra chỉ huy đơn vị tác chiến. Tổng-thống Diệm lưu tâm ngay và cho là ông Lan có ý cầu tiến, chịu xông pha. Khi thành lập SĐ 25 BB tại Quảng-Ngãi, Trung-tá Lan được cử làm Tư lệnh Sư Đoàn sau đeo lon Đại-tá giả định.

Về cách chọn người của Tổng-thống Diệm thì khó ai có thể lường trước được. BS Tuyên xác nhận rằng : « 80 phần trăm các Tỉnh trưởng đều do ông Tổng-thống chọn ». Khoảng năm 1958, Tỉnh-trưởng Kiến-Hòa lúc bấy giờ là một Thiếu-tá người quen thân của Trung-tá Phạm-ngọc-Thảo và cũng là chỗ quen thân của

BS Tuyển. Một hôm, đương sự vào phòng Ông trình công việc, bất thần ông Tổng thống nói : « Anh có biết sĩ quan nào quen việc hành chánh không chỉ cho 2 người ».

Tất nhiên là đương sự không dám hỏi thẳng Tổng - thống dùng 2 sĩ quan ấy vào việc gì. Đương sự đáp : « Thưa có, hiện nay ở sở của con có 2 sĩ quan con đang chờ lệnh bổ dụng mà con cũng chưa biết đặt ở đâu. Hai sĩ quan này đều đã làm quận trưởng ở bên Gia-Định vừa mới bị thay thế». Ông Tổng-thống gật đầu : « được rồi. Tên? » Hai Sĩ quan này là Đại-úy Lê Minh và Tr. úy Q. rồi Ông Diệm lấy giấy ghi tên hai người.

Theo thông lệ những việc nào có tính cách bí mật và đề tránh sự nhòm ngó của người chung quanh ông Tổng-thống đều viết bằng chữ Hán. Vì ông cho rằng, thời nay không mấy ai đọc được chữ Hán. Cũng như người bồi phòng của TT Diệm vì lo công việc hàng ngày trong phòng riêng của Ông nên phải chọn một anh không biết chữ như bồi Bầy Thạnh.

Khoảng 3 ngày sau, ông Đồng-ly Quách-Tòng, Đức báo cho BS Tuyển biết là hai sĩ quan kê trên đã có Nghị định bổ nhậm Tỉnh trưởng và Phó Tỉnh trưởng Nội An Kiến-Hòa. Đại úy Lê Minh được cho lên thiếu tá gia đình, Tr. úy Q được lên đại úy giả-định. Nhân BS Tuyển nghe tin này thì choáng váng cả người vì thiếu tá Thảo bị thay thế là chỗ thân của ông. Riêng Lê-Minh lại không muốn đi làm Tỉnh trưởng Kiến hòa. Sau

khi bị thay thế Quận-trưởng, Lê Minh đã chán hành chánh chỉ muốn có một chỗ tốt tại Saigon. Bỗng đâu chỉ vì một lời giới thiệu vu vơ, Lê Minh trở Thành Tỉnh trưởng rồi sau này lại bị ông Tổng trưởng nổi giận cất chức Tỉnh trưởng.

Trong 9 năm có rất nhiều trường hợp « *trúng số độc đắc* » như vậy. Một thí dụ khác vào khoảng năm 62, lúc ấy Bộ trưởng Tư pháp là ông Nguyễn-văn-Lượng. Theo Lương Khai Minh thì khi Ông Bộ trưởng Tư pháp vào trình công việc của Bộ, rồi cũng bất thần bị Ông Tổng thống hỏi « *Bên Tư pháp có ông Thẩm phán nào biết việc hành chánh, quản trị nhân viên, ông Bộ trưởng tìm cho tôi hai người* ». Bộ tư pháp lúc ấy cũng có hai Thẩm phán « *ngồi chơi xơi nước* » trong khi chờ lệnh bổ nhậm mới. Đó là ông Tòa Trần thiện Đức, nguyên Biện lý ở Tòa sơ thẩm Mỹ tho vì có sự bất hòa chống đối viên Tỉnh trưởng địa phương nên tạm thời được rút về Bộ. Còn ông Tòa Khánh thuộc Tòa Nha Trang vì vụ lỗi lầm gì đó nên bị thay thế và đang nằm đợi lệnh ở Tòa thượng thẩm Huế. Ông Tòa Trần thiện Đức nổi tiếng về sự cương trực và có lòng tốt, dân Mỹ tho rất quý trọng ông.

Bộ trưởng Tư pháp Nguyễn văn Lượng đưa tên hai ông Tòa này trình lên TT Diệm. Ông Tổng thống lại tự tay ghi chép. Ít hôm sau, có Nghị định bổ nhậm ông tòa Khánh làm đại biểu Chính Phủ tại Cao Nguyên Trung Phần, ông tòa Trần-thiện-Đức làm Tổng đoàn

trưởng Công Dân Vụ mà cả hai đương sự cũng không được thông báo trước.

Trước khi có Nghị định bồ nhậm, họ nhận được lệnh vào trình diện TT và khi vào trình diện cũng chỉ có mục đích đề ông Tổng-thống xem tướng. Nhiều trường hợp chỉ vì « *xấu tướng* » đã không được ông Tổng-thống bồ nhậm.

Riêng ông tòa Đức vì sự giới thiệu tình cờ của ông Bộ trưởng Tư pháp mà trở thành Tổng đoàn trưởng Công Dân Vụ. Sau đảo chánh 63 ông bị điều tra « lên xuống » xem có phải là Cần lao không, có chạy tiền đề được chức vụ ấy không.

Về vụ xem tướng người của Tổng Thống Diệm cũng có nhiều cái rất lạ. Như ông X, Tổng Thống Diệm lắc đầu : « mặt thịt, vai u nó làm được cái gì ». Như ông Y, Tổng Thống Diệm thấy ăn mặc đảng hoàng, nói năng dõng dạc, đi đứng trang nghiêm, ông gạt đầu : « Thằng đó khá ». Anh nào nói không ra hơi ngôn bất xuất khẩu, ông lắc đầu ngay... Nhưng anh nào « nói leo » chưa hỏi đã nói cũng khó lòng lọt vào mắt xanh của ông. Điều tối kỵ đối với ông là anh nào có vợ hai, bị báo cáo là bài bạc nghiện hút. Ông ghê sợ sự nghiện hút và kẻ nào vợ nọ con kia. Thiếu tá Trần ngọc Châu được ông thương vì có tài nói và thuyết trình rất lưu loát. Tướng Đôn được Tổng thống Diệm sủng ái vì được coi là quân nhân có tác phong, đi đứng và chào kính nghiêm trang. Phó Tổng thống Thơ dù lùn và lé nhưng TT Diệm

coi như em vì « Cự Phó chịu khó làm việc. Cự Bà hiền đức ».

LÀM LỚN

Dù thế nào thì TT Diệm cũng vẫn là một ông quan trọng tinh thần « *phụ mẫu chi dân* », một ông quan trong giấc mộng kinh bang tế thế và được lập thành bởi tinh thần nho gia « *Dân chi sở ố, ố chi. Dân chi sở hiếu, hiếu chi* » (Dân ghét cái gì, mình ghét cái đó. Dân thích cái gì, mình thích cái đó. Sách Đại học). Sở dĩ phải dẫn sách Đại học ở đây vì ông Tổng thống thuộc nằm lòng sách này và thường đem từng câu ấy ra giảng dạy cho thuộc cấp. Khi trở thành Tổng thống thì ông quan ấy trở nên một vị Hoàng đế với tiêu chuẩn « *Thừa thiên hành đạo* ». Ông cai trị dân với một « thiên mạng » của nho gia. Cho nên ta thường thấy ông luôn nhắc đến chữ « Thành ». *Chữ Thành lấy ở sách Trung dung*. Một Tướng lĩnh hiện nay vẫn còn giữ bản thủ bút của ông do ông viết tay và cho đương sự làm món gia bảo gồm 6 chữ Hán, nét chữ rất đẹp :

« *Thành giả thiên chi đạo dã* » (thành là đạo của trời vậy). Trong tinh thần đó ông quả là một vị minh quân ở tiền bán thế kỷ 19. Nhưng giữa thế kỷ 20 và trong thực tại của miền Nam sau 1954, TT Diệm lại trở thành lạc lõng trong cơn giông tố của thời đại. Tuy tạo được uy quyền tối thượng, tuy giữ được thè thống quốc gia nhưng ông TT lại trở nên một pho tượng trong vườn ngự uyển. Trong khu vườn đó, ông tưởng ai cũng nghĩ như ông, cũng làm như ông và sống như

ông sống. Ông lại quá tin nơi mình với mặc cảm uy quyền và ông ghen với uy quyền đó (*jalousie de son pouvoir*).

Ông làm việc theo lẽ lối của một vị đường quan và quần thần chủ nghĩa. Vì vậy mà công việc được giải quyết theo khẩu lệnh và quần thần cứ y như thế mà làm không mấy ai dám ho he phản đối. Theo nhân chứng Lương-khai. Minh làm việc trực tiếp với TT Diệm và ông Nhu trong 9 năm thì có thể nói nếu so với Đức Cha Ngô-Đ-Thục hay ông Cần, TT Diệm và ông Nhu đều *biết ai hèn hạ ai tăng bốc* nhưng biết mà không nói, biết mà vẫn dửng. Sĩ quan tùy viên Lê-công-Hoàn kể lại rằng : Có một lần vào năm 1962 ở Dinh Tổng-thống trên Dalat, ông Tổng-thống cần đi gấp mà trong phòng lại không có đôi giày. Ông la bồi. Lúc ấy bồi lại đi đâu vắng. Sĩ quan tùy viên vẫn đứng yên vì lấy giày cho Tổng-thống không phải là việc của anh (những việc như thế đề bồi nó làm. Tổng-thống đã dặn như vậy).

Thấy Tổng-thống la bồi bồi đi tìm giày, một ông Bộ trưởng chạy đi tìm và mang giày lại. Ông Tổng-thống mặt đỏ gay, nhăn nhó và gặt đi, nói một cách bực tức : « *Hừ hừ... đề bồi nó làm* ». Ông Bộ trưởng tái mặt vì ngỡ ngàng và sợ. Sĩ quan tùy viên nhìn ông Bộ trưởng mỉm cười. Nhiều ông lớn tỏ ra hèn hạ một cách công khai đã bị ông Tổng-thống mắng thẳng vào mặt. Riêng ông Nhu, một lần thấy một ông Đại-úy mặc quân phục đeo lon, đẩy cho ông Ngô-đình-Luyện dạo quanh Dinh (vì ông Luyện đau chân nên phải ngồi xe có tay đẩy), ông Nhu cười « *ruồi* » chỉ cho

một sĩ quan hầu cận của TT Diệm và nói : « *Thằng cha sao nó lỗ như rùa* ».

Còn bao cảnh hèn hạ tuyệt vời khác như ông Đ. cúi đầu tháo giầy giày cho cậu Luyện, ông L kia dở chén măng cua ăn thừa của Đức Cha một cách hoan hỉ. Lỗi lầm tai hại nhất của chế độ NĐD chính là ở điểm như đã mặc nhiên chấp nhận những cái hèn hạ như vậy của cộng sự viên qua cái bản chất hèn của con người họ. Mà những con người ấy lại tiêu biểu cho quốc gia ở một ngành này hay một địa phương khác. Trong khi đó, Cộng-sản luôn luôn tìm cách khai thác và tạo nên dư luận thành kiến để làm lớn cái hèn hạ kia nhằm vào một cá nhân của chế độ rồi bôi đen chế độ qua những vết đen của cá nhân trong guồng máy chế độ.

Người ta thường cho rằng, trong 9 năm Tổng thống Diệm chỉ « *làm vl* » và Ông Nhu bao thầu mọi việc. BS Tuyển cho rằng « *như thế rất sai sự thực* », ông Nhu chỉ là một thứ bồ sung cần thiết cho TT Diệm. Kể từ năm 62 và nhất là khi thành lập Ấp chiến lược thì công việc mới bắt đầu dồn lại phía ông Nhu. Nó dồn lại một cách mặc nhiên và ông Nhu cũng mặc nhiên chấp nhận. Nhưng Tổng thống Diệm vẫn giữ quyền của ông mà không ai chia sẻ được kể cả ông Nhu. Nhiều sự bỏ nhậm trong Quân đội cũng như hành chánh khi đã có Nghị định, bấy giờ ông Nhu mới biết. Nếu muốn đặt đề ai ở một chức vụ quan trọng, ông Nhu chỉ đánh tiếng bằng những lời khen: « *ông ấy, ông ấy, có khả năng, có tài về lãnh vực ấy* ». Khi

chú Nhu đã nói như vậy thì ông Tổng thống tin ngay và chắc chắn đương sự được bỏ nhậm. Nếu ông Nhu nói: « Sừ A khá, cho hẳn làm Tổng Giám Đốc » thì, theo BS Tuyền, chắc chắn ông A sẽ không bao giờ được bỏ nhậm như ý ông Nhu muốn vì đã nhiều lần xảy ra như vậy.

Nhưng nếu mọi việc không có ý của chú Nhu thì ông Tổng thống không yên tâm. Như việc thảo diễn văn chẳng hạn. Những năm đầu thì do ông Trần chánh Thành viết, sau này do ông Lương danh Môn (Tổng thư ký Bộ Quốc Phòng) hoặc khi nào rảnh thì do ông Võ-văn Hải. Ông Hải đảm trách phần vụ viết diễn văn bằng Anh ngữ. Nhưng ai viết cũng đều phải qua tay ông Nhu đọc lại. Diễn văn quan trọng thì tự tay ông Nhu viết. Dù ai viết và ông Nhu đã xem lại, ông Tổng thống thế nào cũng đọc kỹ và sửa một vài chữ mới bằng lòng. Một lần theo lời viên Sĩ quan hầu cận (Đại úy Bằng) : « ông Nhu đưa bài diễn văn qua phòng ông Tổng-thống, ông Tổng-thống đọc rồi lắc đầu quày quạy. »

Bài ấy ông gạch một chữ rồi cho gọi chú Nhu qua. Ông nói : « Sao lại tiến bộ » Ông Nhu giải nghĩa bằng tiếng Pháp. Ông Tổng thống lắc đầu : « Tiếng Pháp đâu có thám thúy bằng tiếng ta ». Ông nói : « Tiến bộ là sai, phải dùng chữ đồng tiến. » Rồi ông lại nói một mình : « Đồng tiến là mọi người cùng nhau tiến ». Từ đó, ông đặc ý với hai chữ « đồng tiến » nên mới đặt tên cho những khóa học như khóa

Đồng tiến rồi kinh Đồng tiến và diễn văn luôn luôn có chữ đồng tiến.

Về diễn văn phải viết bằng tiếng Pháp thì do ông Nhu. Về Anh Văn do ông Võ - văn - Hải hoặc Trương-bửu-Điện và sau này là Tôn-thất-Thiện. Dù vẫn phục ông Nhu về tài viết Pháp văn nhưng thế nào ông cũng đọc lại rồi dờ tự điền ra coi, cần nhắc một vài « termes » cho chính. Về Anh văn cũng thế, mặc dầu TT Diệm không có sở trường về Anh văn.

Một lần viếng thăm một Quân Đoàn, ông tướng Tư lệnh của Quân đoàn này đọc mấy lời « kính dâng Ngô Tổng-thống ». . . Ông Diệm nhăn trán quắc mắt vì trong đó có chữ Hán dùng sai. Buổi tối, trở về phòng trong lúc vui chuyện, ông bảo viên Sĩ quan hầu cận : « Cái thằng nó nó người Hoàng Tộc sao nó ngu như rứa. Nó học hành đến đâu hê, ông thân sinh của nó xưa nghe nói giỏi chữ Hán... » Rồi ông Tổng thống nhớ mãi. Vào khoảng tháng 10-63, có sự đề nghị của ông tướng này tham chánh, ông Tổng-thống lại nhắc đến cái bài « kính dâng » xưa kia và nói giận dữ : « *Chữ nó còn không thông thì nó còn biết cái mô tê chi* ».

Dù ông Nhu là một cần thiết không thể thiếu song ông Nhu không dám qua mặt ông anh một cách công khai, nhất là về phía hành chánh. Ông Nhu vẫn thường phê bình ông anh : « *Il peut administrer mais... Il ne peut gouverner* ».

Như trên đã viết, ông Nhu là một thứ bô sung cần thiết cho ông Tổng thống. Trong bất cứ một vấn đề quan hệ nào nếu không có ý kiến của ông em thì ông anh không an tâm.

Nhưng thế giới của ông anh là riêng của ông anh, ông em không thể nào « xía » vô. Hai thế giới cách xa nhau, màu sắc và bản chất cũng khác nhau. Căn phòng làm việc của ông anh Tổng-thống thì hoàn toàn vô trật tự, giấy tờ, hồ sơ ông đề lung tung. Ông làm việc không theo giờ ấn định, không có lịch trình. Theo Đại tá Đỗ Mậu, khi vào trình Tổng-thống về việc A... nhưng chỉ ít phút sau ông hỏi qua việc B rồi lan man qua phạm vi tử vi tướng số. Ông thích hàn huyên tâm sự, thích nói chuyện đời xưa... Trái lại, văn phòng làm việc của ông Nhu rất trật tự. Hằng ngày ông làm việc theo giờ giấc và đúng lịch trình. Ông làm việc tại văn phòng ông phía sau bàn giấy là tủ sách. Hồ sơ đề theo thứ tự và xếp từng loại. Sự ngăn nắp này cũng dễ hiểu vì ông là một tổng quản thủ thư viện và văn khố... Nhưng TT. Diệm gặp đâu làm đó lại luôn luôn giải quyết công việc bằng khẩu lệnh. Theo Lương-khải-Minh người ta thường cho rằng ông Nhu nói gì ông Tổng-thống nghe nấy, điều đó không đúng... Ông Tổng-thống chỉ nghe ông Nhu về những vấn đề quan trọng thuộc lãnh vực chính trị chiến thuật và chiến lược. Ngoài ra, những vấn đề khác nhất là các vấn đề thuộc lãnh vực hành chánh và Dinh điền, ông Nhu đôi khi phải nhờ đệ tam nhân can thiệp với ông Tổng-thống. Đệ tam nhân đó có thể là ông

Nguyễn-dình-Thuần, vừa là người của ông Tổng-thống vừa là người được lòng ông Nhu. Trường hợp bổ nhiệm Nguyễn-xuân-Khương là điển hình tuy ông được BS Tuyển giới thiệu với ông Nhu khi ông Nhu muốn kiếm một người làm Tổng Giám-Đốc điền địa có khả năng chuyên môn để phụ giúp ông Bộ trưởng Huỳnh-hữu-Nghĩa.

Trong giới kỹ thuật, Lương-khải-Minh thấy ông Khương là kỹ sư chuyên về địa chánh, ăn nói lại lưu loát. Nhờ đó ông Khương được cất nhắc. Vì đang chú trọng đến công tác chỉnh trang lãnh thổ nên NX Khương luôn luôn có dịp ở bên Tổng-thống. Ông Tổng-thống lại là người ưa thích xem họa đồ, nói chuyện đất đai lãnh thổ. Ông Khương là người lanh chân lẹ miệng được lòng Tổng-thống. Từ khi địa vị đã vững vàng, theo sát chân Tổng-thống, ông Khương lờ luôn cả ông Nhu, mọi việc nhất nhất ông Khương điều trình thẳng lên Tổng-thống. Bởi vì nếu đã được lòng ông Tổng-thống dầu rằng ông Nhu có ghét cũng không sao.

Tháng 6-63 Nguyễn-xuân-Khương được cử thay thế Hồ-đắc-Khương làm Đại-biêu Chánh-phủ tại Trung Nguyên TP. Ông Nhu chỉ được biết ông Tổng-thống đã quyết định bổ nhiệm ông Khương. Ông Nhu đành bóp đầu bóp trán : « *Hắn thì biết gì về chánh-trị mà cử ra đó* », nhưng ông anh đã quyết định thì ông em cũng đành phải theo rồi tìm đệ tam nhân « *nắm* » Nguyễn-xuân-Khương.

Một thí dụ khác, ông Võ văn Hải và ông Nhu hai

bên không ưa nhau, ông Hải có thành kiến và ghét luôn những người làm việc với ông Nhu, ông Hải công kích bà Nhu công khai.

Thế nhưng, hai người vẫn làm việc song song, đối đầu nhau. Có những việc mật, chỉ ông Hải biết mà ông Nhu không hay, cho dù không ưa ông Hải, ông Nhu cũng chả làm được gì hơn. Trong gia đình đó kẻ làm em phải chịu lép vế. Theo Lương Khải Minh nhiều vấn đề ông Nhu rất không đồng ý với anh ông và nhiều lần công kích nhưng khi gặp TT Diệm thì ông Nhu lại ngồi lặng thinh không dám nói. Cũng như ông Cần ở miền Trung, ông không ưa gì bà Nhu, thường nặng lời công kích, mặt sát nhưng khi gặp anh Nhu và bà chị dâu thì ông Cần lại lặng thinh.

Tuy cùng ở trong Dinh sống chết có nhau trong 9 năm, ông Nhu rất ngại gặp ông Tông-thống. Theo sĩ quan tùy viên Lê-công-Hoàn từ khi anh vào Dinh làm việc, dạo năm 1958 đến 1963, anh chỉ đến chào ông Nhu lần thứ nhất khi nhận việc theo sự chỉ dẫn của Tham mưu Biệt bộ.

Lần ấy gặp ông Nhu, ông nhìn anh mỉm cười, nói mấy câu ngắn ngủi « Cám ơn, ở đây mà làm việc ». Ông Nhu hầu như không đề ý đến thế giới của ông anh kể cả cộng sự viên thân tín của ông anh.

Trường hợp Lê-công-Hoàn được gọi về Dinh cũng đầy bất ngờ như bao nhiêu trường hợp khác. Anh đang phục vụ trong ngành Công binh tại Pleiku thì có

công điện gọi về trình diện tướng Đính tại Banmê-
 thuật, gặp tướng Đính, ông cho biết : « *Anh về Saigon
 trình diện Tổng-thống* ». Rồi ngay đêm đó, ông Đính
 cho một chiếc Jeep thật tốt, có người hộ tống, đi suốt
 đêm từ Banmêthuột về Saigon, Lê-công-Hoàn rất hồi
 hộp không biết số phận hên xui ra sao. Sáng hôm sau,
 dù qua một đêm hành trình mệt mỏi, Ông Hoàn cũng
 phải quần áo chỉnh tề ngay ngắn... Nhưng gặp ai và
 ai đưa vào trình diện Tổng-thống ? Lúc ấy Lê-công-
 Hoàn còn là Trung-úy. Ông đến trình diện Bộ Tổng
 Tham Mưu, ở đây lác đầu không biết. Ông đến Bộ
 QP, ở đây bảo qua Lữ đoàn LBPV. Bộ Tư lệnh Lữ
 đoàn cũng không biết và bảo qua Tham mưu Biệt bộ
 gặp Trung-tá Cao-văn-Viên. Bấy giờ mới tìm đúng chỗ.
 Sau đó, ông được Trung-tá Viên đưa vào trình diện
 Tổng-thống Diệm. Trước hết, ông Tổng-thống lừ mắt
 nhìn Hoàn từ đầu đến chân, ông nhìn thật lâu có lẽ để
 xem tướng Hoàn. Dùng người ông TT có thói quen
 bắt tướng. — Một lát ông gật đầu, hỏi qua Hoàn về
 gia đình. Ông hỏi Hoàn « *Đeo kiếng cận như vậy có
 bản được không ?* » Lê công Hoàn đáp : « *Dạ thưa
 gần thì con bản được* » — Ông TT hỏi : « *Trúng
 không ?* » LCH thưa : « *Dạ bản được thôi, con không
 dám nói là trúng* », ông Tổng Thống gật đầu cười.

Năm năm sống cạnh TT Diệm, sĩ quan tùy viên
 Lê công Hoàn cho biết rằng : *ông cũng chẳng có quan
 niệm nào về đảng Cần Lao. Đã được ông Tổng
 thống tin nhiệm thương yêu thì khỏi cần đảng phái.*

Mà ông Tổng-thống cũng rất ít nhắc đến Đảng.

Việc đảng phái đã có chú Nhu lo. Người không hề tham gia đảng phái chính trị như Đại-tướng Lê-văn-Ty rất được ông Tổng-Thống tin nhiệm trọng yêu trong sự tương kính. Dù có chân trong Đảng hay được ông Nhu hay ông Cần tin nhiệm, nhưng ông Tổng-thống không ưa thì đương sự cũng khó ngóc đầu lên được.

Ông Nhu làm việc và tiếp khách đều theo lịch trình đã ấn định sẵn. Kề cả lúc đi sẵn cũng thế theo chương trình. Một vài năm lại về Huế nghỉ 10 ngày bế quan tỏa cảng và đọc sách. Đọc sách cũng có chương trình. Bằng ấy ngày nghỉ sẽ đọc bằng ấy quyển. Mỗi lần đều có sổ tay ghi chép. Ông Tổng-thống thì không. Sĩ quan tùy viên Lê công Hoàn biết : mỗi lần ông Tổng-thống đi kinh lý ở đâu, văn phòng đều có định trước chương trình. Ví dụ ông lên Đalat thì 9 giờ viếng Trường Võ Bị, 11 giờ đi thăm Ấp chiến lược... Rồi sẽ tiếp những ai. Tùy viên phải học thuộc lòng. Tổng thống hỏi phải nói ngay không bao giờ được đưa giấy ra coi. Tuy nhiên chẳng bao giờ ông Tổng thống theo chương trình ngoại trừ trường hợp có các ông Đại sứ tháp tùng.

Việc tiếp khách cũng thế, theo nguyên tắc Tham mưu Biệt bộ sắp đặt đề Tổng Thống tiếp ai, giờ nào ngày nào. Nguyên tắc ấy thực tế không được tôn trọng. Chức việc văn võ đến ngồi chờ trong phòng khách rồi tùy theo chức vụ cấp bậc và công việc gấp hay không gấp, Sĩ quan tùy viên sẽ mời từng người vào « hầu » Cụ. Lúc ấy ông Sĩ quan tùy viên trở

nên quan trọng có thể nói, tùy viên « khoái ai » thì đưa người đó vào trước... Không có cảm tình với ai, dù ở cấp bậc cao cấp, tùy viên vẫn có thể cho ngồi chờ 2, 3 giờ. Có người Tổng-thống tiếp năm ba phút, có người được tiếp lâu bằng 2, 3 giờ. Phía tướng lãnh người tương đầu hợp ý với TT Diệm là Đại tướng Tỵ. Mỗi lần Đại tướng Tỵ vào Dinh gặp Tổng-thống sẽ lâu hằng một hai giờ. Mọi người đều xác nhận tuy tướng Tỵ không có tài thao lược nhưng lại rất tốt bụng, tướng Tỵ không khúm núm không quy lụy, tướng Tỵ đề cử ai thì xem như ăn chắc 100%. Chính tướng Tỵ đã đích thân tuyên chọn Trung-tá Sang lái máy bay riêng cho TT Diệm. Về nội bộ QĐ, tướng Tỵ nói điều gì, ông Tổng-thống tin điều đó. Tuy nhiên tướng Tỵ đối với tướng tá khác đều coi là đàn em nên ông không dèm pha ai. Về việc tướng thưởng Bảo quốc huân chương, ông Tổng-thống « tiết kiệm » dè dặt. Ông Tổng-thống coi thứ Huân chương này như nấc thang giá trị cao nhất, tiêu biểu cho sự nghiệp và chiến công của người được thụ lãnh. Nhưng tướng Tỵ đề nghị cho ai thì người ấy được ngay. Ngoài tướng Tỵ ra, khó lòng ai có thể đề bạt cho người này người kia được Bảo quốc huân chương. Thí dụ trường hợp Trung-tá Khôi khi được cử đi làm Tùy viên QS tại một quốc gia bạn. Ông Khôi là một sĩ quan tham mưu nên huy chương không có nhiều. Ra ngoại quốc làm Sĩ quan tùy viên như vậy thì hơi kỳ, nên có người vận động Tổng-thống cho ông Khôi được Bảo quốc huân chương.

Dù là người cận thân tín nhiệm xin cho ông Khôi song ông Tông-thống vẫn gạt đi. Cuối cùng ông Khôi nghe lời bạn cứ ra tiệm mua đại một cái Bào quốc huân chương đeo vào ngực cho có thể thống.

Ông Nhu thì coi thường giai cấp quan lại cũ. Song ông Tông-thống vẫn hoài nhớ dĩ vãng xa xưa cho nên ông mới tái lập *Kim khánh bội tinh* Lập lại cả chức vụ Chánh phó Tông tại địa phương. Ông lại hay quan niệm gọi cấp bậc của thuộc viên từ thời Pháp. Chẳng hạn ông Tá X, ông Tông-thống lại thường nói : « *À ông Đội phẩm* » (ông này vốn thuộc hàng xuất đội) Ông Y, ông Tông-thống quen biết từ xưa nên lại thường gọi : « *À ông Huyện...* »

Không phải cứ quen thân ông bà Nhu là được Tông-thống Diệm tín nhiệm, nhiều khi lại ở thế kẹt cứng... Tông-thống Diệm nóng tính nhưng cả nề.

Cũng vì sự cả nề nên bao nhiêu tai tiếng về Trần Văn-Khiêm đến tai ông, ông đều bỏ qua chỉ vì Khiêm là em ruột bà Nhu (sau đảo chánh 63 anh ta bị khép tội mật vụ.)

Lương Khải Minh xác nhận, anh ta chỉ có chức vụ gì cả, không một ai giao cho anh ta công tác nào. Nhưng dựa vào thế của chị, anh này ra ngoài lộng hành nhân danh người này người kia. Khi vào Dinh thì chạy lảng xăng. Nề bà Nhu nên không ai đề ý. Có mấy khi anh chàng này được gặp Tông-thống Diệm đâu. Có một lần sĩ quan tùy viên Lê-công-Hoàn ghé nhận : Hôm ấy Khiêm được TT Diệm cho gọi vào. Anh tưởng cụ

ban phát chức vụ bổng lộc, nên mặt mũi quan trọng, hất hàm bảo đại-úy Lê-Công-Hoàn « Nè ông đại-úy, ông đưa tôi vào gặp cụ », ông Hoàn đáp nhã nhặn: « Thưa ông, cụ đang bận, xin ông chờ ». Nhưng Khiêm ra về quan trọng: « Tôi cần vào gặp cụ ngay ». Nói xong Khiêm kéo tay nhìn đồng hồ rồi tiếp: « 10 giờ tôi có hẹn gặp. Tôi không thể chờ được lâu », ông Hoàn đáp thủng thẳng: « Được, xin ông cứ chờ ». Đáng lý là Lê-Công Hoàn đưa Khiêm vào gặp TT Diệm ngay sau đó nhưng « trả thù » cho bõ ghét. Ông Hoàn cứ để cho Khiêm ngồi chờ đến 11 giờ mới dẫn vào yết kiến TT Diệm. Sĩ quan tùy viên vừa khép cửa đã nghe thấy tiếng ông Tổng-thống la mắng quát tháo Khiêm thật dữ dội. Một lát sau Khiêm đi ra mặt tái xám, tiu nghỉu, cảm đầu rảo bước.

Ông Khiêm không có một chức vụ, một vai trò nào ấy thế mà ở ngoài nghe thấy Khiêm ai cũng ngán. Khiêm chỉ là thứ cáo mượn oai hùm. Dưới chế độ NĐD không thiếu chi những loại cáo mượn oai hùm như Khiêm.

Nhưng bọn họ lại có khả năng tạo nên sự ghệt thờ trong các khối quần chúng, reo rắc thêm hoang mang trong dân gian đi đến đâu chúng cũng nhân danh ông này ông nọ đề lấy le cũng có đề lờng gạt cũng có..

Bất cứ một chế độ nào muốn vững vàng tại Miền Nam, muốn cho dân chúng thương yêu tín nhiệm thì

phải sáng suốt trừ ngay những thành phần cáo mượn oai hùm, nhất là những con cáo đó lại là bà con anh em của người cầm quyền thì sự tác hại của nó đối với chế độ không phải là nhỏ.

Gần những năm cuối cùng của chế độ, gia đình TT Diệm cũng bắt đầu phân hóa và mâu thuẫn lớn dần trong mấy anh em TT Diệm. Ông Nhu càng ít gặp ông anh Tông-thống. Nhiều việc ông anh tự quyết định mà không cần hỏi chú Nhu.

Ngoài Trung, ông Cần bắt đầu uống rượu. Trước kia ông Cần chỉ nhắm nháp chút đỉnh rượu lễ. Từ năm 61, 62, ông đã uống cả ly lớn. Mỗi lần say ngất ngư, ông ta lại thét, chửi mắng. Ông Nhu càng thêm say mê săn bắn. Đại-úy Hạp, tùy viên của ông cho biết rằng, có khi ông Nhu nằm dưới hầm săn cọp hai đêm liền. Có khi phải theo ông đi bộ cả ngày trong rừng già Phan-Rang. Đó cũng là dấu hiệu báo trước sự thay đổi lớn trong nội tâm của những cột trụ chế độ đang ở giai đoạn suy tàn.

Trong năm 63, giới thân cận ông Cần cho biết :
Ông Cần ức mà thổ huyết ít nhất cũng 3 lần.

Những lần ông ngồi ăn cơm với các anh, không biết anh em « xào nấu » nhau ra sao (người ngoài không thể biết được) ông Cần mặt lại đỏ gay rồi ông thổ huyết ngay trong bữa ăn (nói nôm na tức là giận mà hộc máu).

Ông Nhu cũng như TT Diệm bắt đầu bị ám ảnh

nặng nề bởi tổ chức CIA. Ông Nhu vẫn cho rằng CIA thuộc loại « *insociable* » . . . « thứ đó hết xài rồi ». Đạo ấy muốn dèm pha ai, hại ai chỉ cần báo cáo với ông Nhu người ấy loạt động cho CIA, đương sự kẻ như tan tành công danh chức nghiệp.

Thế giới của anh em TT Diệm bắt đầu xa cách nhau. Xin đưa ra một thí dụ đã nói lên sự xa cách đó. Tháng 10-1963, TT Diệm với sự góp ý của ông Nhu đã ra lệnh giải tán ngay Văn phòng Cố vấn Chỉ đạo Miền Trung của ông Cần, ông TT cho rằng mọi công việc đều do tòa Đại biểu Chính phủ giải quyết... Đại úy Nguyễn-văn-Minh rời khỏi chức vụ Chánh Văn phòng Cố Vấn Chỉ Đạo Miền Trung. Đại-úy Minh qua sự giới thiệu của Cha Bửu-Đông (khi ông Minh còn đóng ở đồn Cửa Tùng) đã trở thành người cán bộ cốt cán của ông Cần từ tháng 5-54. Trong 9 năm sống bên cạnh ông Cần, hầu hết trong gia đình họ Ngô từ ông Tổng-thống đến Đức Cha không còn xa lạ gì Đại-úy Minh... Ông Minh trở thành người trong gia đình và rất được tin cần.

Tháng 10-1963, bỗng dưng Đại úy Minh bị gọi vào Saigon qua thủ tục hành chánh. Một thủ tục chưa bao giờ áp dụng cho những người trong nhà như ông Minh. Bộ Nội Vụ theo lệnh Tổng-thống đánh công điện cho Tòa Đại biểu chỉ thị cho ông Minh vào trình diện Tổng thống. Ông Cần không được hỏi ý kiến. Điều ấy làm ông Cần tức giận không ít.

Khi vào gặp TT Diệm, ông Tổng-thống vẫn vui

về hỏi : « *Tôi nghe nói ở ngoài đó anh liên lạc với người Mỹ nhiều lần hả ?* » Đại úy Minh trình bày sự liên lạc của ông với Lãnh sự và Phó Lãnh sự Mỹ tại Huế. Đại cương ông Minh nói : « *Con có gặp gỡ họ luôn. Đây là theo chỉ thị của ông Cựu. Ông Cựu bảo con nên tìm cách tiếp xúc với Mỹ và tìm hiểu xem thái độ của họ ra sao* » — TT Diệm gật đầu, không nói gì. Khi Đại úy Minh trở lại Huế vào gặp ông Cần và đưa ông xem Sự vụ lệnh chuyển ông Minh lên trường Võ Bị Đalat thì về mặt ông Cần lúc ấy dăm chiêu và lộ vẻ buồn rất sâu đậm. Ông Cần bảo Đại úy Minh : « *Thôi thì anh cứ đi. Ông Cựu làm thế này là ông Cựu đập vào mặt tôi* ». Hôm ấy là ngày 28-10-63.. Đại úy Minh sau 9 năm phục vụ bên cạnh ông Cần phải thu xếp hành trang rời bỏ cố đô Huế.. Có điều đáng ghi : Đại úy Minh sinh trưởng tại miền Bắc khi trở thành Chánh Văn phòng của ông Cần mới trên 26 tuổi.. Một số người vẫn cho rằng ông Cần không ưa người Miền Bắc nhưng trường hợp Đại úy Minh cũng như nhiều cộng sự viên thân cận của ông Cần gốc miền Bắc đã đủ nói lên đây chỉ là « dư luận » có nhẽ dư luận ấy xuất phát từ ngôn ngữ của ông Cần vì ông Cần hay có thói quen la hét : « *Mẹ cha cái thằng Bắc kỳ* ».

Đại cương, sự xa cách trong gia đình họ Ngô là như vậy. Chỉ có thể nói là xa cách còn sự bất hòa không mấy ai biết được ngoại trừ người thân thiết của ba anh em ông.

Ông Tông-thống nóng này, chửi ai thì chửi thẳng

vào mặt. Ông Nhu không tra ai nhưng vẫn cười nửa miệng, lạnh lùng khó hiểu. Ông Cần hay quát tháo, xử dụng ngôn ngữ bình dân với thái độ hách dịch kiểu Tống lý thời xưa.

UY QUYỀN

Đáng lý ra, những tiêu tiết thuộc vấn đề nhân sự không nên trình bày ở thiên bút ký này. Song có một điều giản dị : chính những tiêu tiết vụn vặt nhiều khi lại hổng đại sự. TT Diệm có cái uy của người lãnh đạo tối thiểu nhưng ông lại luôn luôn bị chi phối ràng buộc bởi những chi tiết vụn vặt do cá tính của ông cũng như sự dị biệt trong cá tính của anh em ông.

Về ông Ngô đình-Nhu, ai cũng phải nhận rằng, ông rất giỏi, thông minh, am tường và thông suốt nhiều vấn đề. Nhưng ông kiêu ngạo quá, tính tình lại lạnh lùng khép kín.

TT Diệm là một người nhiều tình cảm, tốt bụng nhưng chữ Lễ, chữ Nghĩa theo tiết độ của nho gia đã trở thành cái khung chắc nịch nhốt ông vào đó. Do đó mà cái *tôi tình cảm* (le moi sensible) của ông không thể hiện được ra ngoài đề thân phục nhân tâm và hỗ trợ cho cái uy sẵn có của ông. Sau 1963, phải nhìn nhận rằng, trong hàng lãnh đạo quốc gia tại Miền Nam, chưa một nhà lãnh đạo nào chứng tỏ có cái uy như ông. Đó là ưu điểm và là điều cần thiết số một của một ông Quốc trưởng. Nhất là Quốc trưởng một nước chậm tiến. Không có uy thì quốc gia còn gì phép tắc, thể thống và uy quyền ?

Những người thân cận đều xác nhận rằng : Phải sống lâu với Ông Tông-thống mới nhận ra con người thực của ông. Con người ấy lại luôn luôn bị tình cảm chi phối. Ông cả nê và cả nghe. Năm 1959 là năm ông đang say mê với công cuộc khẩn hoang và phát triển đồn điền. Cho nên nếu ai khéo nói, khéo trình bày hợp lý, ông Tông-thống đều chấp thuận cho khai thác rừng để lập đồn điền. Ông tướng Xuân là một trong những người được ông cho phép khẩn hoang hàng trăm mẫu rừng tại Phước Long để trồng cao su. Có một báo cáo mật của địa phương cho rằng, ông tướng Xuân chỉ giả vờ lấy cỏ trồng cao su mà thực ra là để phá rừng lấy gỗ bán. Sau đó, ông TT có xem xét lại rồi gạt bản báo cáo đi, mắng một ông Bộ trưởng : « *Bậy bạ. Người ta làm cho quốc gia mà mình cứ phá* ». Ông Tông thống tin mọi người cũng ngay thẳng như ông... Nên đã bao nhiêu giấy phép cho cúp rừng để lập đồn điền khai hoang nhưng « Đồn Điền » chỉ là cái cỏ đề lòe Ông Tông thống ký thế mà ông vẫn tin.

ĐỊNH MỆNH AN BÀI

Khoảng năm 56-60 có tin đồn đại tướng Thái-quang-Hoàng sẽ thay Đại tướng Ty. Cũng như năm 61, có tin tướng Khánh sẽ thay tướng Ty. Theo Lương-khai-Minh, Đại tướng Ty mới là cánh tay mặt của Tông - thống Diệm. Nếu tướng Ty không đi Mỹ chữa bệnh thì chẳng bao giờ tướng Đôn trở thành Q. Tông Tham mưu trưởng, như lịch sử đã

an bài, không ai lúc đó có thể ngờ rằng sự thay đổi chức vụ Tổng tham mưu trưởng lại trở thành một trong những yếu tố làm chế độ NĐD sụp đổ.

TT Diệm được một bác sĩ Mỹ cho biết: Bệnh ung thư phổi của tướng Ty không thể nào chữa khỏi và chỉ còn chờ ngày chết. Những người thân xin đề Đại Tướng Ty qua Pháp điều trị, ông Tổng-thống gạt đi và quyết định đưa Đại tướng qua Mỹ. Từ bao lâu rồi, ông Tổng thống yên trí chỉ có Mỹ mới giỏi về khoa học, ông Tổng thống muốn tự tay ông lo cho tướng Ty.

Ngày trước Đại tướng Ty lên đường sang Mỹ chữa, ông có đến cáo biệt TT Diệm. Hai người tâm sự một lúc lâu. Ông Tổng-thống hỏi: « Bà thân mẫu của Đại tướng còn không? » Rồi ông Tổng-thống tâm tình: *«Tôi thì thân mẫu còn sống, thân mẫu tôi đã già rồi tôi cũng phải cố giữ gìn thân thể để còn trả chữ hiếu cho mẹ.»*

— Tổng-thống Diệm quý mến tướng Ty trước hết vì tướng Ty thật thà lại hay hàn huyên tâm sự với ông Tổng-thống. Tướng Ty có thể tiếp chuyện với ông Tổng-thống lâu cả một, hai giờ không phải vì chuyện quốc sự hay quân cơ mà thường là chuyện tình cảm. Tướng Ty là một trong mấy tướng chỉ xưng «tôi» mà không dùng tiếng «con» đối với ông Tổng-thống. Đại khái tướng Ty thường nói: «Thưa Tổng-thống tôi... tôi xin trình Tổng-thống... tôi xin thưa Tổng-thống». Tướng Ty ăn mặc rất chỉnh tề đúng quân phong quân kỷ. Mỗi lần vào phòng Tổng-thống, tướng Ty đều chào kính theo đúng quân cách, đó là

điều ông Tổng-thống rất thích. Một ưu điểm khác nữa là tướng Ty không « xin xỏ » lời thôi... không kéo phe kết đảng... Ông nói năng dõng dạc, nhưng khi tâm tình với Tổng-thống lại ri rỏm, tỏ ra tương đắc.

Tổng-thống Diệm tin cần tướng Ty từ đạo năm 1954 qua vụ tướng Hinh. Lúc ấy tướng Ty đang làm Tư lệnh Đệ Nhất Quân Khu khi mà TT Diệm không có hơn một đại đội phòng vệ Dinh Thủ-tướng thì chính tướng Ty đã âm thầm tìm mọi cách ủng hộ TT Diệm. Tháng 9 - 1954, tướng Hinh dựa vào lực lượng Quân đội Viên Chinh Pháp quyết liệt hạ cho bằng được Thủ-tướng Diệm thì tướng Ty bên ngoài vẫn giữ tư thế quân nhân thuần túy, không đứng về phe tướng Hinh cũng không công khai ủng hộ Thủ-tướng Diệm nhưng trong bóng tối ông đã có thái độ dứt khoát ủng hộ Thủ-tướng Diệm. Tổng-thống Diệm cảm kích tấm lòng trung kiên của tướng Ty từ đạo đó. Ông Nhu không ghét tướng Ty nhưng cũng không có nhiều thiện cảm với vị tướng lãnh xuất thân từ thế hệ lính Pháp. Tương quan tình cảm và công việc giữa tướng Ty với ông Nhu gần như không có. Cả năm, tướng Ty mới gặp ông Nhu vài ba lần và mỗi lần đôi bên chỉ chào hỏi xã giao. Riêng tướng Ty, tỏ ra khâm phục ông Nhu và dành cho ông một sự kính trọng đặc biệt.

Sau vụ đảo chánh hụt 11-11-1960, Tổng-thống Diệm lại càng tin yêu tướng Ty và hai con người cùng lớp tuổi đã trở thành đôi bạn tri kỷ. Nhưng cũng sau cuộc đảo chánh hụt 11-11-60, một số nhân

vật cao cấp có ý tìm cách đề Tổng-thống Diệm thay thế tướng Ty. Nhưng tướng lãnh lúc ấy xem ra cũng không còn ai hơn tướng Ty — người được diệm này lại mất diệm kia — ông Ty là loại « chung chung » tuy vậy ông cũng bị một số tướng trẻ dèm pha nhất là một số tướng tá thuộc hàng con cưng của ông Cần.

Thời Đệ Nhất Cộng Hòa, uy quyền tập trung vào một ông Tổng-thống. Do đó, phó Tổng-thống Thơ vẫn ở tư thế một viên chức cao cấp hơn là một Phó Tổng-thống của nước VNCH. Ông Thơ không có huy hiệu riêng — ngoại trừ những lần đại diện Tổng-thống tham dự các buổi lễ lớn — Xe của Phó Tổng - thống không có hiệu kỳ cũng không cảm quốc kỳ — Ông đi làm bình thường như một công chức — ngồi cạnh tài xế và cũng không có xe Harley hộ tống.

Riêng Đại tướng Ty là người thứ 2 của Đệ nhất Cộng Hòa được chia xẻ uy quyền với ông Tổng-thống. Mỗi lần ông vào Dinh là một sự uy nghi... trong khi Bộ trưởng Quốc phòng rất khiêm tốn bình thường. Tư Dinh của tướng Ty ở đường Cường Để được xây trên một ngọn đồi chính là do chỉ thị đặc biệt của Tổng thống Diệm. Từ năm 1956, gần như không có một cuộc kinh lý nào của Tổng-thống Diệm mà không có mặt Đại tướng Ty.

Khi biến cố Phật giáo bùng nổ thì Đại tướng Ty lâm trọng bệnh. Khi tiễn chân Đại tướng Ty, Tổng

thống Diệm tặng cho ông một chuỗi hạt và nói « Đại-Tướng nhớ cầu nguyện cho tôi... Tôi cầu xin ơn trên phù hộ cho Đại-Tướng » — Tướng-Ty là một thứ tín đồ công giáo trong tâm hồn — (*Catholique de coeur*) — Ông thuộc nhiều kinh Công giáo và có lòng sùng mộ Đức Mẹ rất đặc biệt. Mặc dầu gia đình Tướng-Ty là Phật giáo thuần thành — Tổng-thống Diệm ngậm ngùi; phàn nàn với Đại-úy Bằng : « Đại-tướng khó qua khỏi... bệnh của Đại-tướng không biết sống chết lúc nào, khó qua khỏi năm này » — Tổng-thống Diệm đỡ vai Tướng Ty và cùng đi theo ông xuống đến tận thềm Dinh Gia-Long. Cánh cửa xe đóng lại, Tướng Ty cúi đầu chào, ông Tổng-thống vẫy tay với một vẻ ngậm ngùi.

Tổng-thống Diệm chỉ thị cho Bộ-trưởng phụ tá Quốc phòng phải tổ chức lễ tiễn chân Đại tướng Ty một cách trọng thể đặc biệt. Ngày Đại tướng Ty ra phi trường Tân Sơn Nhất đáp máy bay qua Hoa kỳ, ông đã được hưởng đầy đủ nghi lễ dành cho vị Thống soái. Cửa Phòng khách Danh dự (VIP) của Phi Trường được mở rộng... Đây là một vinh dự đặc biệt, vì chỉ có Tổng thống mới đi qua cửa này... Trước 63, Phòng khách Danh dự Phi Trường Tân Sơn Nhất được xem như là nơi tiêu biểu cho uy quyền và thể thống quốc gia. Dù là ông Ngô đình Nhu, đức Cha Thục, Phó Tổng thống Thơ, chủ tịch Quốc Hội vẫn đi vào Phi Trường theo ngã thông thường. Năm 61, vợ chồng ông Nhu công du qua Maroc với tư cách đại diện chánh thức của Tổng thống Diệm thì lần này Phòng khách Danh dự mới mở cửa đón tiếp vợ chồng ông Nhu.

Tuy là Tổng tham mưu trưởng nhưng Đại tướng Ty có uy thế rất nhiều so với Bộ trưởng Phụ tá Quốc Phòng, đó là một ưu đãi đặc biệt của Tổng thống Diệm đối với ông.

Tại Mỹ, khi nghe tin Tổng thống Diệm bị thăm sát, Đại tướng Ty bàng hoàng rồi ôm mặt khóc. Sau này khi hồi hương, mỗi lần nghe ai nhắc đến Tổng thống Diệm thì Đại tướng Ty lại than thở : « Hồi ông Cụ tiễn chân tôi qua Mỹ, ông Cụ tưởng qua chết... Ai dè ông Cụ lại chết trước qua ». Đại tướng Ty vẫn giữ chuỗi hạt mà Tổng thống Diệm tặng ông. Đại tướng Ty thường tâm sự với mấy sĩ quan thân cận : « Ông Cụ chết như vậy qua tin chắc hồn cụ linh thiêng lắm ». Trước phút lâm chung, tướng Ty vẫn giữ trong lòng tay chuỗi hạt của TT Diệm. Ông coi đó như một kỷ vật thiêng liêng.

CON NGƯỜI TÌNH CẢM

Nhiều người vẫn tin Tổng thống Diệm là con người khô khan ít tình cảm. Điều này không đúng và trái lại ông lại quá nhiều tình cảm. Nhiều tướng tá và viên chức cao cấp được ông tin cậy trọng dụng trước hết vì tương đắc với ông và « đánh trúng » con người tình cảm của ông. Trường hợp Đại tướng Ty, không đảng phái, không phe nhóm, không luôn cúi ông Nhu, ông Cần hay Đức Cha nhưng lại được ông Tổng thống tin yêu trước hết là cái tình già... thỉnh thoảng buồn buồn, có khi đang đêm ông Tổng thống lại điện thoại gọi Đại tướng vào Dinh rồi hai người mạn đàm

chuyện đòi cho đến khuya. Tổng-thống Diệm nói chuyện Tam quốc, Đại-trưởng Ty góp lời bàn thêm. Tổng-thống Diệm nói về cái địa danh miền Tây thì Đại-trưởng Ty góp chuyện cái hay cái lạ ở miệt vườn... Câu chuyện không đầu không đuôi giữa hai ông có khi kéo dài đến khuya Đại-tá Đổ-Mậu được TT Diệm hết lòng che chở, tin dùng thương yêu trước hết vì ông Mậu « hầu chuyện » hợp ý với ông Tổng-thống. Cả câu chuyện tử vi lý số năm này qua năm khác... Ông Tổng-thống cùng Đại-tá Mậu luận bàn không biết chán.

MỐI TÌNH BÍ MẬT CỦA T.T. NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

Có một sự thực đã như một thứ hỏa mù bao trùm Miền Nam từ 15 năm qua : Đó là sự hiểu lầm, nghi quần lo quanh và dư luận.

Dư luận bao giờ cũng chỉ là dư luận. Thế nhưng quần chúng VN vốn dễ tin, dễ nghe cho nên dư luận về một người này hay một chuyện kia được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, dư luận mặc nhiên trở thành sự thực. Hay ít ra cũng như là thực. Rồi quần chúng sống cho sự thực đó phản kháng mai mỉa hay bằng lòng với sự thực đó. Về sự hiểu lầm, nghi sai cũng thế, ngày này qua ngày khác, tích lũy lại rồi bộc phát ra tùy theo hoàn cảnh mà trở nên thù oán nhau.

Con người quốc gia ở miền Nam, tuy đứng cùng trong một chiến tuyến, tuy có chung một kẻ thù

nhưng rồi vì ngộ nhận, vì chính kiến dị biệt về đường lối và cách thế... Trong mười năm qua, những con người quốc gia ấy đã quay lưng lại nhau, « ra lùm vào nguyệt và đánh đấm » nhau rất chí tình.

Nói về sự ngộ nhận thì có cả hàng trăm hình thức ngộ nhận. Từ đó đồng bào sẵn sàng thêu « hoa dệt gấm » cho nhau bằng cả cái gia tài tiểu lâm vô hạn của dân tộc. Về TT Ngô-dinh-Diệm chả hạn. Trước đây có dư luận lưu truyền trong dân gian là ông Diệm bất lực, ông Diệm có tướng ngũ đoản và cơ quan sinh dục của ông nó bất lực và không như người bình thường. Do đó Tổng - thống Diệm không lập gia đình và cứ đứng gần đàn bà thì ông đỏ mặt thẹn thùng. Nhiều người bạn của chúng tôi, kể cả những người gần TT nhất cũng như trong hàng ngũ đối lập, đều thắc mắc về các tiểu tiết mà họ cho là hấp dẫn, ly kỳ cần phải tìm hiểu : *TT có như một người bình thường về cơ quan sinh dục không ?* Cái quan hệ gặp trăm ngàn lần thì chả đề ý, song « cái tiểu tiết đó » xem ra thiên hạ thắc mắc lắm. Rồi người ta chế tạo ra nhiều giai thoại rất ly kỳ và rất phù hợp với cái bản chất trào phúng và tiểu lâm của đại đa số dân Việt. Ông Phạm-văn-Nhu, nguyên chủ tịch Quốc hội thời Tổng-thống-Diệm trong buổi trà đàm cho biết rằng, ông biết TT Diệm và hai người thân với nhau từ năm 11, 12 tuổi ở xứ Huế. Những năm thơ ấu đó trong những lúc hai người sống rất tự nhiên theo sự tự nhiên của tuổi trẻ, Ông-phạm-văn-Nhu không thấy có gì khác lạ nơi con người ông NĐD nghĩa là TT Diệm hoàn toàn bình thường về cơ thể như tất cả mọi người. Điều

này thiết tưởng cũng nên tìm hiểu vì ai cũng hiểu rõ ràng, yếu tố sinh lý trong một con người đã rất quan hệ đến đời sống tâm lý của con người đó, mà con người lãnh tụ thì yếu tố tâm lý rất quan hệ đối với những quyết định chánh trị trong tư thế lãnh đạo.

Năm 1948, cựu Thượng-thư-Ngô-đình-Diệm vào Miền Nam, khi thì ông ở Vĩnh-Long với bào huynh Ngô-đình-Thục, khi thì ông lên Saigon lưu ngụ tại khu Thánh đường Saint Pierre. Có một thời gian, ông Diệm đã sống tại nhà thờ Cha Tam Chợ-lớn.

Khu thánh đường ấy, 15 năm sau (48-63) Ông Diệm trở lại một lần cuối cùng rồi vĩnh viễn ra đi về cõi thiên cồ. Ông Diệm thích làm sự hàn huyên với cha Tam, nên dù đi đâu xa, ông vẫn lưu nhớ. Khi ở Vĩnh-Long về Sai-gon, ông Diệm thường đến làm việc xã hội, họp với nhóm Tinh-thần và Hoa lục tức là hai tờ báo hoạt động theo huynh hướng xã hội Công giáo, trụ sở của nhóm Tinh thần và Hoa lục đặt trong 1 văn phòng trên tầng lầu hai của cư thất luật sư Lê-văn-Kim (vị luật sư đậu nhiều bằng cấp khác nhau). Năm 45 bị Nhật giết vì cho rằng LS Kim là gián điệp của quân đội đồng minh). Phía dưới căn lầu đó là văn phòng LS Nguyễn-hữu-Thọ (hiện nay là Chủ tịch của MTGPMN). Ông Diệm hằng ngày đến trụ sở này đề làm việc với một số cộng sự viên của ông, trong số đó có GS Phạm-văn-Nhu vừa từ Huế vào.

GS Nhu cho biết, trong anh em ông vẫn « tiểu lâm » với nhau sau những giờ làm việc mệt nhọc và cũng là cách đề đỡ nhớ vợ con.

Nhưng mỗi khi ông «Thượng thư» đến thì anh em ông lại phải bắt tay vào làm việc hội họp. Ông Diệm không thích chuyện tếu.

Nhưng ông có thể ngồi nói chuyện liên miên hằng hai ba giờ, hết chuyện đất nước đến chuyện Tây chuyện Mỹ, chuyện trên trời dưới biển. Nhưng lúc tâm sự như thế, ông Diệm cười rất có duyên và yêu đời hơn cả những dân có «tình ái» yêu đời.

Năm 18, 19 tuổi, khi ông Diệm còn đang là SV trường Hậu Bò, vào 1 buổi sáng mùa Hè nọ, ông đang ngồi đọc sách trên lầu tại nhà bà chị ông tức Bà Cả Lễ, thì ba bốn cô gái Huế đến chơi nhà bà Cả. Vốn là những tiểu thơ khuê các trong một thời mà làn sóng lãng mạn Tây phương đang đổ xô vào tâm hồn giới trẻ (tiểu thuyết Tố Tâm 1922 là một thí dụ).

Các nàng tiểu thơ kia đã tìm mọi cách chọc ghẹo, chài mồi cậu Ấm Diệm, tuy lùn nhưng có bộ mặt điển trai. Vào một thời đại «*phi cao đẳng bất thành phu phụ*» và ở giữa đất thần kinh của Vua Chúa quan quyền tất nhiên là *Cậu Ấm Diệm* trở thành đối tượng cho lòng say mê của bao nhiêu tiểu thơ. Nhưng hôm ấy, trước sự chài mồi, chọc ghẹo của các cô, *Cậu Ấm Diệm* bỗng nhiên nổi nóng, đứng từ trên lầu mắng các cô, những rằng «*con gái gì mà hư thân trặc nết như rùa*».

Thêm vào đó, cậu Ấm Diệm khi còn học ở trường Pellerin đã từng nuôi mộng đi tu để trở thành một sư huynh sau này. Từ buổi cậu bắt thần nổi

giận với mấy cô, cả vùng Phú Cam các cô rĩ tai nhau phê bình : « *Cậu Diệm sợ đàn bà con gái* ». Cũng từ đó, khi trở thành tri phủ Hòa-Đa, Tuần Vũ Phan-Thiết, Ông Diệm đã « ở vậy » dù có rất nhiều gia đình đường quan vị vọng đánh tiếng gả con gái cho ông.

Cho đến năm 1948, khi ông Diệm đã gần tuổi ngũ tuần, giới thân cận của ông không ai nghe thấy ông Diệm nói về chuyện đàn bà con gái.

Phần vì nề ông, cho nên trong những lần trò chuyện với ông cũng chẳng ai đề cập đến làm chi. Lại có một số người « đạo đức giả » mỗi khi gặp ông chỉ toàn nói chuyện tu hành đạo đức thánh hiền. Hóa cho nên trong ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày, Ông Diệm đã không có dịp nào sử dụng ngôn ngữ về thế giới đàn bà và tình ái. Rồi dần dần, mỗi khi nhắc đến ông Diệm, người thân và cộng sự viên của ông cơ hồ đã chỉ coi ông như một người đàn ông đứng riêng trong một thế giới không vương mắc mùi « tục lụy ».

MON COEUR À SON SECRET

Sau này khi ông Diệm chấp chánh cho đến năm 63 người ta lại càng hồ nghi rồi trở nên tin tưởng ông « *bất thường sinh lý* ». Quanh cái tiêu tiết đáng tò mò này giới có ăn học lại thường đem ra phân giải theo sự ăn học. Giới bình dân thì lại rĩ tai nhau theo cái máu trào phúng của giới bình dân VN. Về điều gì chứ cái sự liệt của một người không đi

tu, dân Việt ta coi bộ không chịu và người đó sẽ bị coi là dân khó tính, dân không chịu chơi, dân mất thăng bằng và hay quan trọng hóa. Sau vụ 11-11-1960 một Luật sư — người của chế độ — lúc ấy đã phàn bình trong lúc hơi men chuếch choáng, đại ý rằng : « Ông cụ thì liệt, ông Nhu coi bộ « *impuissant* » cho nên bà Nhu mới tha hồ không chế tung hoành theo cái luật Âm thịnh Dương suy ».

Như trên đã viết, ông Diệm là một người bình thường trong phần « cơ cấu quan hệ của thân thù », GS Phạm-văn-Nhu kể lại như sau :

Vào một buổi sáng đẹp trời, năm 1948, ông Diệm từ nhà thờ Cha Tam đến tìm ông ở trụ sở Nhóm Hoa Lư Tinh Thần (nhà LS Lê-văn-Kim). Hôm ấy, ông Diệm vui tươi lắm, mặt hẳn sự ưu tư khắc khổ. Ông Nhu nghi trong bụng có lẽ « Cụ Thượng Thư » mới nhận được tin gì tốt lành đây. Ông Diệm bảo ông Phạm-văn-Nhu : « mọi công chuyện hãy xếp lại vào đó sáng nay bọn mình đi chợ sở thú. Ông Nhu đi mượn chiếc xe hơi Limousine của một vị tướng Cao Đài.

Rồi hai người « thả ga » lên sở thú. Dọc đường ông Diệm đề nghị « bọn mình ghé tiệm nào uống ly café chơi ». Và đó cũng là một điều lạ khiến ông Nhu thắc mắc : « Hẳn ông già phải có một chuyện chi quan hệ lắm đây »... Sau tuần café sữa, hai người lên Sở thú, đi một vòng thưởng ngoạn cỏ cây hoa lá chim muông. Nhưng xem chừng ông Diệm có điều gì « nao nức » khác hơn là chuyện đi chơi sở thú. Ở sở thú

ra, ông Diệm có vẻ ngại ngẫn, đắn đo một lúc lâu, rồi bảo ông Nhu : « Ông cho tôi lên đường Pasteur nơi ngã tư Pasteur và đường Le Grand De Laliraye (tức Phan-thanh-Giản hiện nay). Đến nơi, ông Diệm bảo ông Nhu khóa xe rồi đi theo ông. Hai người vào một căn nhà trên tầng lầu hai (một dãy nhà dài, gồm nhiều căn và hầu hết là công chức người Pháp). Ông Nhu chỉ hỏi : « Cụ vào nhà ai ở đây ? » Ông Diệm vẻ mặt tươi hân lên và đáp : « Tôi vào đây thăm con Mẹ nó ». Lần đầu tiên ông Nhu nghe thấy ông Diệm nói đến « Con Mẹ nó » ông đi thăm « con mẹ nó ». Trước khi về nhà ông Diệm nói : « Con mẹ nó hiền đức lắm » — ông Diệm gõ cửa phòng, một người đàn ông trạc 50 tuổi ra mở cửa, vừa trông thấy ông Diệm, ông ta đã cúi đầu kính cẩn thưa : « Mời cụ lớn vào ». Ông Diệm hỏi ngay « Bà có nhà không ? » Người đàn ông thưa : « *Bàm cụ lớn Bà con mời ra Nha-trang mời cụ lớn vào nhà dùng nước đã* » — Vẫn theo lời GS Phạm-văn-Nhau, ông Diệm đang vui tươi bỗng mặt lại, không vui. Ông nói trống không : « *lạ chi hè, đi Nha-trang mà không cho biết hỉ* ». Ông Diệm đứng bất thần một lúc rồi hỏi người đàn ông : « *ông có biết bà ra Nha-trang ở nơi mô không, ông có địa chỉ không ?* » Người đàn ông đáp là có biết. Ông Diệm bỗng lại vui hân lên rồi liú tít quay sang phía ông Nhu : « *ông có mang bút giấyy, ông ghi lại cho tôi ngay* ».

Ông Nhu thì nghĩ bụng hân là ông Diệm lui tới căn nhà này luôn cho nên gia nhân mới thân mật mời chào như vậy.

Căn nhà đó lần đầu tiên ông Phạm-văn-Nhu đến thăm, và ông cũng là người duy nhất được ông Diệm tin cần cho đi theo. Khi đã có địa chỉ rồi, ông Diệm rất mừng trở về và bảo ông Nhu phải sửa soạn hành lý đi ra Nha-Trang ngay đề thăm « cho biết ».

Dọc đường trở về nhà ông Diệm đã tâm tình với ông Nhu là « Con Mẹ nó » tuy lấy Tây, tuy là loại đàn bà bị người khinh rẻ, nhưng lòng dạ tốt lắm, và rất thương đồng bào. Nhờ « Con Mẹ nó » (ông Diệm nhắc đi nhắc lại nhiều lần) ông đã cứu được nhiều người quốc gia bị mật thám bắt. Ông Diệm cho biết thêm, chồng « con mẹ nó » là người Pháp lòng sự tại Sở Mật thám liên bang Bót Catinat (Sureté Fédérale) mỗi khi có bạn bè hay người quen thuộc phe quốc gia bị mật thám bắt ông Diệm lại nhờ « Con Mẹ nó » lập tức chồng « con Mẹ nó » can thiệp trả tự do ngay.

(Sau này cũng vì một vụ can thiệp như vậy do ông Diệm cậy nhờ qua trung gian « con Mẹ nó », người chồng Pháp của bà ta bị thải hồi thất nghiệp sau phải lên Đà-lạt làm cho một hãng sửa xe hơi. Rồi người chồng của bà ta bị chết trong một tai nạn máy bay trên không phận Saigon).

Ngày hôm sau hai ông đã có mặt tại Nha-trang Ông Nhu đi kiểm địa chỉ trước, đề về cấp báo cho ông Diệm « con Mẹ nó » của ông đang ở nơi mô. Khi gặp mặt bà ta, ông Nhu mới ngã ngửa người kinh ngạc. Người đàn bà này không ai khác hơn là cô

Gái Huế mới thuở nào hai người đã từng quen mặt biết tên và cô gái Huế xinh tươi thuở ấy cũng đã từng biết mặt, nghe tên « *cậu ấm Diệm* ».

Qua bao nhiêu năm xa cách, ông Nhu không hiểu từ một duyên cớ nào đã phải đem thân lưu lạc đến tận đất Saigon và trở thành vợ một người da trắng. Ông Nhu cho biết thêm : « Đây là người đàn bà thuộc loại sắc nước hương trời, ăn nói lại duyên dáng mặn mà ». Ông Diệm đã tâm tình với ông Nhu : « *Tôi thương con Mẹ nó hiền đức, tuy lầy Tây mà nó vẫn còn tình còn nghĩa với người đồng bào* ».

Bà ta ra Nha-trang lần ấy là đề thăm xứ Thùy Dương lần cuối cùng, trước khi sang Pháp sống lưu lạc nơi quê chồng. Một nhà thơ Pháp từng than thở cho nỗi đoạn trường ân ái « *Mon coeur à son secret, mon amour a son mystère...* » Biết đâu ông Diệm đã chẳng từng nuôi cơn mộng sâu nhớ thiên thu của tình trường. Chỉ biết rằng, vẫn theo lời GS Nhu, từ đây rồi... thôi, riêng ông không bao giờ còn nghe thấy ông Diệm nhắc lại, ba tiếng « con mẹ nó » với bao nhiêu nao nức như lần đi thăm Sở thú và đến Nha thành.

Một số người có khuynh hướng *thần thánh hóa* Tổng-thống Ngô-đình-Diệm (mà cựu Bộ trưởng Trần-chánh-Thành là một).

CHƯƠNG IV

TỔNG THỐNG DIỆM
và
CÔNG GIÁO

Chúng tôi đơn cử một thí dụ về « mặc cảm Công giáo » đối với TT Diệm. Vào lần cải tổ Chính phủ năm 1961, ông Nhu được ủy thác tìm một nhân vật giữ chức vụ Bộ trưởng Tư pháp.

Ông cho mời BS Tuyển bàn luận và ngỏ ý :

— Tôi muốn mời một Luật sư:

Suy nghĩ một lát, ông nói :

— *Giới Thâm phán thì có chuyên môn nhưng « Sans caractère politique ».* BS Tuyển đáp : *Trong hoàn cảnh này, ông Cố vấn nên chọn người trong giới thâm phán.*

Ông Nhu bần khoản : *khó lắm. Ông Sĩ đó cũng là thâm phán. C'est comme ça !* BS Tuyển trình bày : *Giới thâm phán có nhiều người rất khá.*

Ông Nhu hỏi :

— *Ai đây ? Liệu có làm được gì không hay cũng chỉ như... gagner quelque chose !*

BS Tuyên đề nghị : *Phía người Bắc tôi thấy có ông tòa Nguyễn-văn-Lượng. Phía người Nam có ông tòa Trần-minh-Tiết.*

Ông Nhu không ngần ngại chấp nhận đề ông tòa Trần-minh-Tiết giữ Bộ Tư pháp vì ông Tiết có ba ưu điểm : *người Nam, thâm phán cao cấp và ở tuổi tráng niên.*

Vì biết tính ông Tổng-thống nên « chú Nhu » đưa cả 2 *candidats* Trần-minh-Tiết và Nguyễn-văn-Lượng lên ông Tổng-thống đề tùy ý Cụ lựa chọn. Trước đó, ông Nhu đã có lời khen ngợi nồng nhiệt ông tòa Trần-minh-Tiết trước Tổng-thống Diệm. Ông Tổng-thống chọn *candidat* Trần-minh-Tiết theo như lời đề nghị của « chú Nhu ». Ông Nhu biết tâm lý ông anh nên đề nghị mà như không đề nghị. Muốn tiến cử ai, ông Nhu thường dùng lời nói khéo, gián tiếp ca ngợi nhân vật này. Trường hợp ông Trần-minh-Tiết ông Nhu nói đại cương : « Tiết tương đối còn trẻ, tôi nghe giới thẩm phán tin nhiệm ông ta lắm... Tiết làm việc hăng hái »... Ông Nhu chỉ cần nói như vậy coi như ăn chắc. Nhưng nếu ông đề cử đích danh ai và có tính cách chỉ định thì coi như thất bại, ông Tổng-thống sẽ lờ đi luôn. Nhưng sau một đêm thì ông thay đổi ý kiến ngay và gọi ông Nhu vào cho biết ông chọn Thẩm phán Nguyễn-văn-Lượng. Ông Nhu trở về phòng gọi BS Tuyên vào cho hay : « Ông Cụ nói cái gì cũng công giáo... công giáo »: Thẩm phán Trần-minh-Tiết có ưu điểm là người Nam điều mà ông Tổng-thống

lưu ý trước nhất, nhưng ông Tiết lại là tín đồ Thiên Chúa giáo. Ông Nguyễn-văn-Lượng, một Phật tử, được trao chức Bộ trưởng Tư pháp.

Theo Lương-khải-Minh, trong 9 năm chế độ NĐD, mọi sự bổ nhiệm cao cấp đều căn cứ theo 2 yếu tố địa phương và tôn giáo vì ông Tổng-thống muốn như vậy. Một trong mấy cộng sự viên thân tín của ông Tổng thống lại là một Phật tử như trường hợp Ông Võ-văn-Hải. Ông Hải theo TT Diệm từ hồi còn thiếu niên. Bộ sở quan nào mà nhiều viên chức cao cấp người Bắc, ông Tổng thống cũng không chịu hoặc nhiều tín đồ TCG ông cũng không ưng. Cuối cùng Bộ tham mưu của ông Nhu đưa ra một giải pháp :

Nếu Bộ trưởng là người Nam thì ông Đồng lý sẽ là người Bắc, ông Tổng Giám Đốc sẽ là người Trung. Trên thực tế, giải pháp này rất khó thực hiện vì vấn đề địa phương nếu có kỳ thị thì chỉ linh cảm thấy sự kỳ thị chứ thực ra làm gì có kỳ thị. Trước sau chỉ có mặc cảm và thành kiến địa phương do địa vị, quyền lợi tạo nên mà thôi. Vấn đề tôn giáo cũng vậy. Trong cuộc sống chung giữa cộng đồng dân tộc từ trước đến nay không có vấn đề kỳ thị tôn giáo song trên phương diện quốc gia nhiều cái vụn vặt và rất tầm thường lại dễ dàng tạo nên những hiện tượng như là kỳ thị tôn giáo.

Những cuộc rước xách với cờ xí rợp trời của tôn giáo cũng là những lý do vụn vặt từng đã tạo nên

ngộ nhận. Tín đồ TCG lại hay tò chức rước xách như vậy.

Tuy là việc thiêng liêng và phải được chính quyền tôn trọng nhưng nó cũng dễ dàng tạo nên sự khó chịu của những đồng bào không cùng tôn giáo. Mỗi khi có cuộc rước xách, đồng bào TCG lũ lượt kéo đi và có khi dài cả hàng cây số, giao thông bị tác nghẽn, cũng dễ dàng gây nên sự khó chịu cho người không cùng tôn giáo.

Linh mục X (yêu cầu tạm ẩn danh trong lúc này vì LM e ngại bị hiểu lầm là đề cao cá nhân) đến thăm Lương-khai-Minh rồi ông Minh phàn nàn :

— Cho đến nay, tôi cũng không hiểu sao mới bất đồng giữa chính quyền Cha Lê-hữu-Từ và LM Hoàng-Quỳnh lại như vậy.. Chính quyền này là một chính quyền chống cộng mà Đức cha Lê cũng như Cha Quỳnh đều là những chiến sĩ chống cộng.

Linh mục X, đáp : Thực ra thì có nhiều nguyên nhân. Theo tôi, điều mà làm cho TT Ngô-đình-Diệm giận nhất là đạo cuối năm 1954, cha Hoàng-Quỳnh lại ủy cho Trần-Thiện tổ chức một Trung đoàn Bắc Tiến tại Bình Tây do Bình-Xuyên tài trợ.

Lương-khai-Minh biết vụ đó và cho rằng, trong tình thế nguy nan lúc ấy, Cha Hoàng-Quỳnh ủy cho Trần-Thiện làm như vậy chỉ vì cha có ý nếu chính quyền NĐD bị Pháp âm mưu lật đổ thì ít ra Công giáo di cư còn có một lực lượng đề tự vệ.

Linh mục X cho biết Linh mục mới vào yết kiến TT Diệm Linh mục phàn nàn về việc TT Diệm có vẻ cấm đoán giáo dân treo cờ giáo hội. Lương-khải-Minh cho biết :

Cách đây không lâu tôi cũng đề cập đến vấn đề này. Nhưng xir ta ở trong một tình trạng chậm tiến thì cái gì nó cũng chậm tiến cả.

Linh mục X nói : *cờ giáo hội là cả một sự thiêng liêng, cấm đoán sao được. Lương-khải-Minh đáp : sự thực thì như vậy nhưng trên phương diện quốc gia thì cờ giáo hội Công giáo trước hết là quốc kỳ của quốc gia Vatican.*

Cụ Tổng-thống cũng có lý. Thời gian du học tại Pháp lại không thấy giáo dân Pháp treo cờ Vatican đầy đường như tại Việt-Nam.

Linh mục X nói : *Pháp là một chuyện, VN là một chuyện khác. Trên phương diện bang giao quốc tế thì Vatican đối với VN là 2 quốc gia. Nhưng Vatican tiêu biểu cho thần quyền đối với chúng tôi.*

Linh mục X bản khoăn :

— *Nếu tôi trình việc này với Đức Tổng Giám Mục Nguyễn-văn-Bình thì chỉ tạo thêm sự hiểu lầm giữa chính phủ với hàng giáo phẩm. Sau vụ bất hòa giữa TT Diệm và Đức Cha Simone Hòa-Hiền tôi nghĩ giới Công giáo cũng buồn lòng không ít.*

Lương-khải-Minh góp lời bàn : *Cha nên gặp ông Bộ trưởng Bùi-văn-Lương. Theo tôi cụ Tổng-thống nói thì nói thế thôi nhưng mai mốt là quên ngay. Tôi nghĩ cũng chả nên gọi lại.*

Đề cập đến vụ đất tại khu vườn cao su Phú thọ, Linh mục X nói :

— Hai bên còn đang dằng co chúng tôi ở giữa bị kẹt. Nhưng khu vườn cao su Phú thọ trên giấy tờ hợp pháp là tài sản của giáo khu Saigon. Đức Cha Nguyễn-Văn-Bình ngài quá hiền lành nên không quyết liệt đấy thôi. Tại sao Cụ TT lại ngăn cản không cho Giáo khu Saigon được phát triển chỉnh trang khu này mặc dù giáo khu Saigon là sở hữu chủ. Lương-khải-Minh đáp : Tôi cũng biết vụ đó. Mới hôm qua, tôi cho các cháu đi dạo mát qua khu này. Khu đất rộng bao la. Nhưng Cha nghĩ coi cụ Tổng thống đã quyết định thì không cách nào cản ngăn nổi. Nhưng đã thấy nhiều gia đình đến chiếm ngụ. Hình như đã có chương trình phân lô.

Linh mục X nói : *Giả dụ, Giáo khu cứ cho Giáo dân đến xây nhà dựng cửa và phát triển, ông nghĩ sao ?*

Lương-khải-Minh đáp : Theo tôi ông Nhu chả dám nói với Cụ TT về tôn giáo, chỉ có PTT Thơ có thể nói với Tổng thống thì Cụ mới tin.

Tôi nhớ từ đạo 59-60, Cụ TT đã cho lập chương trình chỉnh trang khu đất này.

Chắc là chưa có ngân khoản nên chưa thực hiện

Nếu cụ Tổng thống làm thế thì gặp phản ứng lớn. Tài sản của giáo khu Saigon chứ đâu phải của Quốc gia mà Cụ TT cho chính trang sát nhập vào Đô thành.

TT Diệm rất ghét những chuyện « *Affaires xir-sô* ». Ông Tổng thống là một người Quốc gia cực đoan cho nên cứ cái gì dính dáng với Tây là ông không chịu. Nếu ai hay tồ chức nào dùng áp lực đòi ông giải quyết thì không giải quyết được gì cả. Vụ cờ « Giáo hội Vatican » chỉ một ngày sau là êm rồi không ai nhắc tới nữa.

Nhưng đến ngày Phật đản 1963 thì vụ cờ quật lại nổi tung. Chính quyền ra lệnh cấm treo cờ vào dịp Đại lễ này.

Sáng ngày 5-8-63 ông Đồng-Lý Quách Tông Đức vào phòng Tổng thống để nhận chỉ thị bằng dung TT Diệm có thái độ giận dữ. Ông la mắng vu vơ : « *Đã ra chỉ thị mà không thi hành quốc gia này còn chỉ là thể thống* ». Tổng thống Diệm trong giây phút nóng giận như thế ông chỉ thị cho Đồng-Lý Đức đánh công điện về thể thức cấm treo cờ tôn giáo. Thực ra không có chuyện cấm treo cờ Phật giáo mà chỉ ấn định lại thể thức treo cờ tôn giáo tại nơi tôn nghiêm. Ngoài nơi tôn nghiêm thì quốc kỳ phải được tôn trọng trên hết. Điều này rất đúng mặc dầu tôn giáo là thiêng liêng nhưng trong cộng đồng dân tộc với nhiều tôn giáo khác biệt thì quốc gia phải trên hết. Quốc gia đứng trên mọi

tập thể. Ông Đồng-ly vốn là một công chức gương mẫu lại có tính nhân nại và bao giờ cũng tuân hành đúng y lời chỉ của TT. Ngày hôm sau, bức công điện được gửi đi toàn quốc. Trong Phủ Tổng thống không một ai hay kể, cả ông Ngô-dinh-Nhu.

Tại Huế, cố đô của những lăng tẩm chùa chiền, ngày lễ Phật Đản mỗi năm đều như một đại hoa đăng. Đồng bào Phật giáo ở đây chiếm đại đa số. Huế từ bao nhiêu năm vẫn là 1 hình ảnh của Thuận hóa, của Phú xuân, của tiếng chuông Thiên Mụ và áp ủ trong chiếc nôi ru bằng từng hồi kinh chùa Báo quốc, Diệu đế, Từ đàm. Cho nên, lễ Phật đản là một dịp thiêng liêng trọng đại. Trước ngày lễ, từ nhà đến chùa chiền đã tấp nập và cờ xí rập trời. Phật kỳ tung bay nơi nơi. Mọi năm vẫn như thế.

Bỗng dưng chỉ vì một cái công điện, Huế bắt đầu đổi thay và chuyển mình. Ngọn lửa nào đó gặp cơn gió lớn bắt đầu ngùn ngụt bốc cao.

HẬU QUẢ

Vụ cấm treo cờ Phật giáo chỉ là là nguyên nhân gần tạo nên cuộc biến động 1963. Giả thử không có vụ Phật giáo thì cũng có một vụ khác. Tuy nhiên vụ Phật giáo lại trầm trọng quá và hậu quả của nó thực ghê gớm và kéo dài cho đến nay cũng chưa tiêu tan.

Về vụ Phật giáo nếu xét theo khía cạnh chính trị thì chính quyền Ngô Đình Diệm đã mắc phải một lầm lẫn lớn. Nếu cắt nghĩa theo sự an bài của

định mệnh (nếu cho là có định mệnh) thì vụ Phật giáo quả là một « fatalité » đối với định mệnh của một ông Tổng-thống và chế độ NĐD.

Bất cứ một chế độ nào, ngay khi được hình thành đã có sẵn cái mầm của sự tan rã ... chế độ NĐD cáo chung vào ngày 1-11-63 nhưng nó đã có những khởi điểm của sự cáo chung ấy từ nhiều năm trước.

Đối với lịch sử thì sau sự cáo chung của một chế độ là điều quan hệ. Đẳng đẵng 7 năm qua, bao nhiêu trò dâu biển, cái cáo chung vẫn chỉ là cái cáo chung... Tất cả chúng ta đang bị cuốn tung vào cơn gió lốc của sự bế tắc, của sự ngóng trông. Giờ viết lên sự thực về vụ Phật giáo cũng như những mâu thuẫn và bất đồng giữa Thiên Chúa Giáo cũng như chánh quyền NĐD chúng tôi chỉ ao ước được cùng đọc giả sống lại giây phút căng thẳng của năm 63 và từ đó may ra có thể nhìn nhận ra nhau và thấy mình đã bị lừa, đã bị cho thương thức « ma túy » về một đời thay lịch sử trước những chân trời diêm ảo.

CÁ NHÂN VÀ TẬP THỂ

Riêng tập thể Thiên Chúa Giáo nhiều người ngộ nhận rằng, Thiên Chúa Giáo luôn luôn đứng sau lưng « Ngô Tổng Thống » và một lòng hỗ trợ chính quyền NĐD. Điều này không đúng. Nếu có thì chỉ có những cá nhân theo Thiên Chúa giáo hết lòng với chế độ NĐD. Vụ « Chung Viện » năm 1958-1959 là một thí dụ.

Trước khi chính quyền NĐD ban hành qui chế

tư thực (1958) các Chủng Viện đều được tự do sinh hoạt và giảng dạy tùy nghi theo thể lệ chung của Giáo hội Thiên Chúa Giáo. Món quà đầu tiên mà chánh quyền NĐD tặng Giáo hội Thiên Chúa Giáo là bắt buộc các Chủng Viện phải đặt dưới quyền kiểm soát của Nhà Nước.

Chủng Viện nơi đào tạo các Linh Mục — cũng chỉ được coi ngang hàng với trường tư. Từ giáo ban đến chương trình giảng dạy đều do Nha Tư Thực bộ Quốc Gia Giáo.dục kiểm soát và thanh tra. Nhiều quốc gia Tây phương cũng không đối xử với các chủng viện nghiệt ngã như vậy.

Thế là các Linh mục ùn ùn đứng lên phản đối. Dư luận trong giáo dân rất xôn xao. Nhiều Linh mục quá hăng hái đòi kêu gọi giáo dân biểu tình. Nhưng giáo dân làm thế thì kẻ cũng không đẹp mặt đối với một ông Tổng-thống có đạo Thiên Chúa. Cuộc tranh đấu bất bạo động âm thầm diễn ra tại các Chủng Viện... Một số linh mục trẻ quá hăng say đã thảo truyền đơn, thơ luân lưu... đề phát động phong trào chống đối. Nhiều linh mục đến Tòa Khâm Sứ làm áp lực thỉnh cầu Đức Khâm Sứ công khai bày tỏ thái độ. Cha Joseph được một số linh mục đặc cử xuống Vĩnh-Long đề thỉnh cầu Đức Cha Thực can thiệp với chính quyền. Khi bày tỏ sự chống đối qui chế tư chức nhằm khống chế và kiểm soát Chủng viện, Đức Cha Thực lại cho rằng đó là việc làm hợp lý của Bộ Giáo Dục. Rồi Đức Cha Ngô-đình-Thực bằng hăm hăm, bỏ dở câu chuyện đứng lên, nói ngắn ngủi :

« Các ông cha di cư nhiều chuyện lắm ». Cha Joseph cũng không phải là tay vừa. Cha Joseph nói lớn : « Đức Cha nói như thế không đúng. Tại sao lại đây đưa đến di cư ? Chúng viện Saigon cũng là di cư sao ? »

Có lẽ từ vụ Chúng viện, nhiều Đức Cha trong hàng giáo phẩm bắt đầu lạnh nhạt và tránh né Đức Cha Ngô-đình-Thục. Riêng Cha Joseph từ đạo đó, tuyệt nhiên không bao giờ gặp Đức Cha Ngô-đình-Thục.

Tại Saigon, các Linh mục thuộc nhiều địa phận tụ tập lại và mở một chiến dịch tẩy chay qui chế tư thực của Nhà nước. Bao nhiêu thư từ, bao nhiêu phản kháng thư được gửi đến Đức Khâm Sứ. Ông Bộ trưởng Giáo Dục cũng không biết phải làm thế nào.

Vụ Chúng viện được coi như một hành động của chánh quyền NĐD nhằm hạn chế tự do của hệ thống giáo dục ông giáo. TT Diệm đã từng sống trong tu viện và hiểu rõ hệ thống giáo dục trong tu viện quan trọng như thế nào đối với giáo hội Thiên Chúa giáo.

Tại các quốc gia Tây phương, hệ thống tư thực cũng như các chúng viện đều được hưởng một qui chế tự do trên tinh thần tôn trọng Quốc gia, song vẫn được phép phát triển theo từng sắc thái và khuynh hướng riêng.

Thế nhưng Tổng-thống Diệm tuy là một tín đồ Thiên Chúa giáo ông lại làm trái lại tinh thần ấy và với Qui chế Tư thực, ông Tổng-thống đã « thế tục hóa » hệ thống giáo dục Chúng viện và hạ thấp giá trị của các Chúng viện bằng cách xếp chúng viện ngang hàng

với trường tư, Hàng giáo. phạm Thiên Chúa giáo VN coi đây như một sự cưỡng chế tự do trong ngành giáo dục của Thiên Chúa giáo.

Các Linh mục thuộc nhiều địa phận đồng loạt đứng lên phản đối. Sự thực, nếu không bị kẹt vì ĐC Ngô đình Thục và nhất là Đức Khâm sứ Tòa Thánh lúc bấy giờ hàng giáo phạm TCG không dễ dẫu gì đề chính quyền NDD quyết định một cách cứng rắn như vậy. Đức Khâm sứ Tòa thánh trực tiếp can thiệp nhưng trước sau TT Diệm vẫn không thay đổi lập trường.

Mọi sự dàn xếp bên trong cũng không đi đến đâu. Một số Linh mục xin vào yết kiến và trình bày nguyện vọng, ông Tổng-Thống nghe rồi nói ngắn ngủi : « *Giáo hội ở trong quốc gia chứ không phải quốc gia ở trong giáo hội* ».

Linh mục Joseph : « *Xin Tổng-Thống cứu xét lại. Các chủng viện không thể nào đặt dưới quyền điều khiển trực tiếp của một Giám Đốc Nha Tư Thục* »

TT Diệm nhìn Bộ trưởng GD rồi mắng vu vơ : « *Anh không hiểu gì luật lệ cả. Anh phải chỉ vẽ cho người ta. Anh cứ ngậm miệng hoài* ».

Bộ trưởng GD khi không bị lôi vào vòng chiến và bị mắng oan trước mấy vị Linh mục. Đó cũng là cách mà TT Diệm thường hay xử dụng để biểu lộ thái độ tức giận. Nói đúng ra thì ông đã mắng xéo các vị Linh mục đang hiện diện trước mặt.

Trước khi vào yết kiến TT Diệm thì Linh mục nào cũng mạnh miệng. Một Linh mục hăng hái nhất « *Tôi sẽ nói thẳng cho Cụ Tổng-Thống rõ — Tôi sẽ nói hết không nề nang gì cả* ». Tuy nhiên, khi gặp TT Diệm, các Linh mục mỗi người chỉ nói vài ba câu rồi im lặng nghe ông Tổng-Thống thuyết giảng.

Kết quả, Tổng-Thống Diệm không nhượng bộ. Giáo hội TCG đành chịu vậy nhưng trong lòng vẫn hậm hực. Vụ Chung viện đến tại Tòa thánh Vatican. Tuy Tòa thánh không có một phản ứng nào (vì đường lối ngoại giao đối với quốc gia VN) nhưng có lẽ do vụ Chung viện vào năm 1960, mà khi Đức Cha NĐT qua La-Mã xin triều kiến Đức Giáo Hoàng, Đức Cha đã phải chờ đợi cả nửa tháng mới được vào triều kiến. Kề từ vụ Chung viện, mối bang giao giữa Tòa thánh Vatican và chính quyền NĐD trở nên lạnh nhạt, bên ngoài không mấy ai rõ.

Trong khi đó, Tổng thống NĐD lại cho rằng, Tòa thánh Vatican không ủng hộ chính quyền Việt-Nam một cách cụ thể.

Kề từ năm 1956, khi đã thành lập nền Đệ Nhất Cộng-Hòa, Tổng-thống Diệm ngỏ ý muốn thiết lập bang giao với Vatican trên cấp bậc Đại sứ (*Nonce*). Tin đi tin lại và dàn xếp cả mấy năm vẫn không đạt được kết quả mong muốn.

Ông Ngô-đình-Nhu đã hiểu rõ được thế lực của Vatican trên thực tế. Ngoài Anh Pháp Mỹ thì Vatican cũng là một « *Voix* » trong thế lực quốc tế. Nếu

được Vatican ủng hộ công khai thì chế độ miền Nam vừa có bề thế vừa tạo được một thành tố quan trọng đề áp đảo miền Bắc trên mặt ngoại giao.

Cuộc dàn xếp đã âm thầm diễn ra trong 7, 8 năm. BS Tuyển cũng như Đại sứ Nguyễn-dương-Đôn (tại Ý Đại Lợi) Đức Khâm Sứ Brini, Ngoại trưởng VNCH, Ông Ngô-đình-Nhu đều là những người đóng vai trò tích cực trong việc thảo luận đề thiết lập bang giao với Vatican qua một đường hướng mới. Ta có thể mô tả cuộc dàn xếp đó theo một hình thức đối thoại như thế này :

— Tổng thống Diệm : *Việt-Nam đã thu hồi độc lập. VN là một lãnh thổ toàn vẹn chủ quyền. VN là một quốc gia muốn nối kết liên lạc với Vatican trên cấp bậc Đại sứ.*

— Tòa thánh Vatican : *Vatican biết rõ như vậy. Trên phương diện tinh thần, Vatican ủng hộ VNCH và cư xử với VN như một quốc gia độc lập.*

Nhưng trên thực tế VN còn bị chia cắt. Miền Bắc tuy bị CS thống trị nhưng trên thực tế họ vẫn là đại diện có thẩm quyền của một nửa lãnh thổ VN và ở đó, Giáo hội vẫn còn trách nhiệm với giáo dân. Hàng Giáo phẩm Miền Bắc vẫn thuộc quyền cai trị của Đức Giáo Hoàng.

— Tổng-Thống-Diệm : *VNCH nói là tiêu biểu đích thực cho toàn dân VN. Hiến Pháp V-N-C-H không công nhận CS. Chính phủ Miền-Bắc là nguy*

quyền bất hợp pháp. VNCH đã được 50 quốc gia công nhận. Do đó quốc gia VN tương xứng với quốc gia Vatican trên phương diện ngoại giao và thể quyền.

Tòa thánh Vatican còn dè dặt chưa thể dứt khoát, nhiều người thường lầm tưởng, vì Khâm sứ Tòa thánh tại VN tương đương với một Đại sứ và như vậy Tòa thánh đã công nhận và thiết lập bang giao với QGVN. Sự thực vị Khâm sứ chỉ là vị đại diện có tính cách tôn giáo (Délégué Apostolique). Khâm sứ Tòa thánh tuy đi xe mang số dành cho ngoại giao đoàn và được hưởng qui chế ngoại giao thì đó cũng chỉ là trường hợp đặc cách.

Cấp bậc của vị Khâm sứ chỉ được xếp ngang hàng với một Tổng lãnh sự. Từ khi tuyên cáo thành lập chế độ Cộng hòa, Tổng thống Diệm rất mong mỗi được Vatican « chiếu cố » nâng hàng Khâm Sứ lên hàng Đại sứ.

Vatican vẫn lờ lững. Ông-Ngô-Đình-Nhu đưa ra một điều kiện trong trường hợp Vatican chấp nhận đặt Sứ thần tại Saigon. Điều kiện của ông Nhu muốn Tòa thánh chấp nhận lại quá tế nhị nhưng thực tại miền Nam phải nêu lên như vậy : *Tổng Thống là một tín đồ TCG. Mà Thiên chúa giáo chỉ có gần 2 triệu người trong tổng số 14 triệu dân VN. Nếu Tòa thánh đặt Sứ thần tại Saigon thì vị Sứ thần đó có nên từ chối chức vị Niên trưởng ngoại giao đoàn không ?*

Tòa thánh vẫn im lặng. Nhưng ông Nhu và Bộ tham mưu của ông lại bán khoán : *Trường hợp Vatican chấp thuận đặt Đại sứ tại Saigon, lợi thì có lợi nhưng lại gặp một số tiểu tiết rất tế nhị theo truyền thống ngoại giao.*

Vị Đại sứ Tòa thánh đương nhiên trở thành Niên trưởng Ngoại giao đoàn (một chức vị danh dự nếu không có Đại sứ nào ở VN lâu năm nhất so với các Đại sứ khác). Như vậy sẽ không thuận lợi đối với tâm lý quần chúng nhất là quần chúng chiếm 85%, không TCG (Cao Đài, Hòa Hào, Bahai, Phật giáo, Khổng giáo...) Vì rằng, nếu là Niên trưởng Ngoại giao đoàn thì vị Đại sứ Tòa thánh phải xuất hiện hàng đầu trong các cuộc lễ nghi chính thức và chính ông sẽ đại diện ngoại giao đoàn *chúc mừng* Tổng thống theo truyền thống ngoại giao quốc tế, hoặc can thiệp vào mọi vấn đề liên hệ đến quyền lợi của Ngoại giao đoàn. Đây quả là vấn đề nan giải.

Cuối cùng theo ý ông Nhu thì cứ tạm thời duy trì như cũ nghĩa là nguyên cấp bậc Khâm sứ. Mặt khác, Đại sứ Việt-Nam Cộng-Hòa tại Ý Đại Lợi sẽ linh động giao thiệp hẳn với Vatican theo mức *quan hệ bình thường*.

Như trên đã viết, Tổng thống Diệm là một nhà quốc gia cực đoan. Trong đời sống cá nhân của ông thì tôn giáo là thiêng liêng nhất. Trong đời sống quốc gia nhiều khi địa vị tôn giáo đã trở nên mờ nhạt. Tuy nhiên nhiều chuyện vặt vãnh rất không

đáng nói lại trở nên những yếu tố quan trọng tác động tâm lý quần chúng có mặt cảm rằng Tổng thống Diệm đã « Công giáo hóa » quốc gia VN. Chẳng hạn sau mỗi bài diễn văn hay thông điệp TT Diệm bao giờ cũng kết luận . « *Xin ơn trên phù hộ cho chúng ta* » Sự thực đó là thành ý của ông và ông muốn chứng tỏ ông chống lại chủ nghĩa CS vô thần và tin nơi Thượng đế. Nhưng đồng bào không phải là tín đồ TCG lại cảm thấy khó chịu mặc dầu chữ phù hộ là một chữ quen dùng trong các lời khẩn vái và văn sớ cúng tế ông bà.

Trên thực tế thì TT Diệm luôn luôn tỏ ra khó tính đối với Thiên Chúa giáo và nhất là những *cha cố « cầu cạnh »*. Với mặt cảm thương tôn uy quyền quốc gia, ông Tổng-thống qua nhiều trường hợp đã tỏ ra quá tự tôn trong cách xử sự với hàng giáo phẩm Thiên Chúa giáo. Các cha cố dưới mắt ông chỉ còn là những thần dân mà ông là một vị hoàng đế qua tinh thần *Dân vi qui, xã tắc thứ chi, Quân vi khinh*.

Theo giới thân cận, vào khoảng tháng 3-61 một vị Linh mục thừa sai người Pháp từ Banmêthuôt về Saigon và xin gặp Tổng-thống Diệm. Sĩ quan tùy viên vào trình.

— « *Thưa Cụ, có cha P xin vào hầu Cụ* ». Tổng-thống Diệm hỏi : « *Còn những ai ngoài đó* ». Sĩ quan tùy viên kể tên một số nhân vật quan trọng đang ngồi chờ tại phòng khách đề được vào tiếp kiến. Khi nhắc đến Thiếu-tá Nguyễn-văn-Minh, tỉnh trưởng An-

Giang, ông TT nói «*Gọi nó vô*». Ông TT tiếp 3 người khoảng chừng 2 giờ sau đó mới bảo Sĩ quan tùy viên : «*Mời ông cha vô*». Cuộc tiếp xúc ngắn ngủi không đầy nửa giờ. Sau đó, thấy ông Tổng-thống giận dữ, mặt hầm hầm.

Sau này Linh mục P tiết lộ : Linh mục đã trình bày thẳng thắn với Tổng-thống về một số Linh mục VN có những lạm dụng quá đáng về việc khai thác rừng lấy gỗ bán và làm cho thường dân rất bất mãn, nhất là đồng bào Thượng.

Một tuần sau, bắt thán Tổng-thống Diệm đi kinh lý Cao nguyên. Sau đó có những chỉ thị rất nghiêm ngặt về việc khai thác rừng.

Lần ấy, ông nổi giận mắng Đại-tá Lê-quang-Trọng Tư lệnh SD 23 «*mì làm tư lệnh trông coi lãnh thổ mà mì không biết chi hết*». Ông Tổng-thống ra khẩu lệnh : «*Bất kỳ ai phá rừng chặt cây mì bắt bỏ tù cho ta*». Ông nhắc đi nhắc lại trong cơn tức giận «*Bắt bỏ tù, bất kỳ ai*».

Từ đó, Tổng-thống lại càng có mặc cảm đối với một số các cha hay có tính «*lo toan chạy chọt*».

Tuy vậy tại các địa phương cũng như các bộ trung ương cấp chỉ huy vì hèn cũng có vì nhu nhược cũng có vì quá sợ Thượng cấp cũng có cho nên đã xúm nhau bợ đỡ các vị Linh mục (tất nhiên là một thiểu số). Họ ngán «*các cha cố*» vì cho rằng, các cha cố có ảnh hưởng rất nhiều với Tổng-thống và nói gì Tổng-thống nghe điều đó. Do vậy, cứ áo

dài đen vào cửa công nào thì công việc đều sẽ qua và trôi chảy. Một số các Linh mục được ông tỉnh ông quận và tướng tá bợ đỡ thì dĩ nhiên, tâm lý con người ai không dễ xiêu lòng rồi trở nên tự tôn càng ngày càng quá đáng. Trong sự lạm dụng về những vụ lật vạt như xin giấy tờ, xin môn bài cho đạo hữu, xin hợp thức hóa đất đai, v.v.. Những « affaires » vạt vãnh đó đã gây nên rất nhiều ngộ nhận.

Song thực tế giới thân cận nhất tại dinh Tổng thống đều xác nhận rằng TT Diệm (khác với ông Nhu và ông Cần) ông hết lòng, luôn cung kính hàng giáo phẩm. Nhưng ngoài ĐC Ngô-dình-Thục thì chẳng một ai có thể lay chuyển được ông Tổng thống... Nhiều linh mục được ông hỏi ý kiến nhưng hỏi đề mà hỏi thế thôi.

Linh mục Hồ-văn-Vui được coi là một tu sĩ có nhiều uy tín trong giới TCG miền Nam. Đạo năm 58, linh mục Vui đã nhiều lần công khai phê bình chế độ và trong một bài thuyết giảng tại nhà thờ Đức Bà, Lm. Hồ-văn-Vui đã lên tiếng chỉ trích chính phủ một cách vô tư, thẳng thắn. Khi nghe được tin Linh mục công kích chánh phủ, Tổng-thống Diệm tỏ vẻ tức giận, TT Diệm nói :

Nhà thờ là nơi tôn nghiêm tại sao lại đưa chính trị vào đó mà công kích chánh phủ. Ông Nhu cũng tỏ vẻ tức giận nói với BS Trần kim Tuyên: tại sao Đức cha Simone Hòa Hiền lại đề cho cha Vui nói lời thô như vậy, việc nhà thờ tại sao lại đem chuyện

nhà nước xia vó. Giận Linh mục Vui thì ít nhưng không bằng lòng Đức Cha Hòa Hiền thì nhiều.

Lời nói đi thì nhẹ nói lại thì nặng. TT Diệm lại bị mấy ông Dân biểu và Bộ trưởng « xàm tấu » rằng : «*Cha Vui công kích Tổng thống thế này kết án Chánh phủ thế kia* ». Do đó càng tạo thêm hố sâu thay vì tìm gặp Linh mục đề rõ sự tình song TT Diệm vì tự tôn với uy quyền của một Quốc trưởng nên không gặp và cũng không công khai hay tỏ một thái độ nào với địa phận Saigon. Mặt khác ông lại bảo ông Chủ tịch Quốc hội và vài ông DB (là những giáo dân thuộc địa phận Saigon) tìm cách khác đề Đức cha Simone Hòa Hiền thuyết chuyện Linh mục Vui đi một nơi khác.

Qua vụ cha Cửa và cha Vui, giáo dân miền Nam tuy ngoài mặt vẫn vui vẻ với chánh quyền nhưng thâm tâm đa số có mặc cảm rằng chánh quyền NĐD đã xử ức họ và coi thường giới công giáo VN.

Riêng vụ cha Cửa thì lỗi cũng không phải do nơi cha mà qui hoàn trách nhiệm cho TT Diệm cũng là oan. Số là sau khi quân đội Viễn chinh Pháp rút lui một vài Sĩ quan người Pháp đã bán rẻ cho cha Cửa mấy chiếc xe thuộc loại phở thái. Sau Nha Công an Nam Việt do Trung tá Trần bá Thành làm Giám Đốc đã làm nồ tung vụ này. Sự việc xảy ra mấy hôm sau mới đến tai Tổng Thống Diệm. Nhưng ông lại không can gián và cứ đề mặc cho Tòa xử đề làm gương nếu xét thấy có tội... Vụ này Trung tá Thành muốn chứng tỏ tinh thần vô tư và cứng rắn của Công an và ông đặt Tổng thống Diệm trước một việc đã rồi.

Việc xét xử cha Của tuy tình ngay lý gian nhưng đã gây nên mâu thuẫn trầm trọng giữa chính quyền và NĐD và giáo dân miền Nam thuộc địa phận Saigon.

Lúc ấy dư luận xầm xì rằng, nếu cha Của thuộc địa phận Vĩnh Long của Đ.C. Ngô đình Thục thì cho dù có phạm pháp thực cũng không sao. Dư luận lại cũng xầm xì rằng : Cha Của là con *tốt thí* vì sự bất hòa giữa ĐC Simone Hòa Hiền và gia đình TT Diệm.

Từ đó sự liên lạc giữa địa phận Saigon và gia đình TT Diệm càng trở nên lạnh nhạt xa cách. Cuối cùng Đức Cha Simone Hòa Hiền lên trọng nhậm địa phận Đà Lạt cũng là cách tế nhị của Giáo hội TCG muốn tìm lại không khí tốt đẹp giữa chính quyền NĐD với địa phận Saigon qua một con người trung dung hiền dụ như Đức Cha Nguyễn văn Bình.

CHÙM MẪU THUẦN VÀ NGỘ NHẬN — KỲ THỊ

Năm 61-62, chính quyền Ngô đình-Diệm đã ngồi trên một nồi « xúp de » sôi bỏng đầy mâu thuẫn : mâu thuẫn giữa chính quyền với các « khối quần chúng » mâu thuẫn giữa chính quyền và quần chúng trong hệ thống Áp chiến lược của chính quyền, mâu thuẫn ngấm ngấm giữa chính quyền và các tôn giáo trong đó có Thiên Chúa Giáo. Mâu thuẫn và nứt rạn phân hóa ngay trong giới thân cận của Tổng thống Diệm với ông Nhu, và mâu thuẫn giữa ông Nhu với ông Cần. Mâu thuẫn giữa ông Cần với Đức Tổng Giám mục Ngô đình-Thục. Rồi còn bao nhiêu những « bát

công may rủi » ở ngay trong hàng ngũ thượng tầng của chế độ. Cái chùm mâu thuẫn này không phải mâu thuẫn về chính kiến mà lại mâu thuẫn do những cá tính dị biệt cùng thành kiến và ngộ nhận. Người có quyền thế nếu có thành kiến với ông A và ông A là Phật giáo rồi ông A bị thất sủng thì y như rằng thành kiến cá nhân trở thành kỳ thị tôn giáo. Rồi ông Bộ trưởng người Nam có thành kiến và ngộ nhận về ông C do đó ông C bị thất sủng, ông C là người Bắc thì y như rằng thành kiến và ngộ nhận trở thành kỳ thị Nam Bắc... Chúng tôi nêu ra 2 trường hợp sau đây đề có thể thăm định TT Diệm có kỳ thị tôn giáo không ? Đó là trường hợp ông Võ văn Hải, Chánh Văn Phòng đặc biệt của Tổng thống và ông Nguyễn-đình-Thuần. Ông Hải là người cận thân của Tổng thống Diệm và như ruột thịt của TT Diệm khi ông Diệm chưa chấp chánh. Có thể nói, hai con người đó một già một trẻ keo sơn với nhau như định mệnh đã an bài, và không thể dời bỏ nhau được. Nếu đòi hỏi điều kiện khoa bảng, thì ông Hải là một nhà khoa bảng. Ông Hải lại là người cần cù biết việc, có đủ lòng tin cần của TT Diệm. Nhưng suốt 9 năm ông Hải phải đóng vai trò của một người bị « *ông cụ sáng cần nhân, chiều la lối* » song ông Hải trước sau vẫn chỉ là một chánh văn phòng bù đầu suốt tháng năm và ông đã không hề được chế độ đặt ông ở một vị trí khác (người nào ở trường hợp ông Hải mà chẳng mơ ước đề có thể thi thố được tài năng). Ông Hải lại « *ky* » ông Nhu.

Phải công nhận rằng, ông Hải tuy thân thiết với

TT Diệm nhưng ông giữ được sự khí khái và lại xa cách ông Nhu. Đó cũng là lý do ông Hải là một Phật tử thuần thành sinh trưởng trong gia đình Nho giáo... nhưng không phải vì lý do tôn giáo khác biệt mà ông Hải không được lãnh Bộ này hay Bộ khác... TT Diệm coi ông quá thân thiết và chức vụ Chánh văn phòng chính là phần trái tim của TT Diệm trao cho ông áp ủ khiến ông Hải phục vụ hết mình, nhưng bổng lộc của chế độ thì lại do *những ai* « nhanh chân lẹ miệng thụ hưởng ».

Trong chế độ có rất nhiều người ở vào trường hợp ông Hải ... nhưng lại được TT Diệm tin yêu, tín nhiệm như ruột thịt. Vấn đề tôn giáo không quan tâm vì nếu quan tâm thì hẳn nhiên ông Hải không được tin dùng... Tuy có điều, ai được TT Diệm coi như tâm huyết thì nhiều khi lại có 'cảm tưởng như bị thất sủng, bỏ rơi. Đồng thời có một số người khác « may tay » lại lên như diều gặp gió. Đó là trường hợp ông Nguyễn-đình-Thuần. Như ai cũng biết ông Thuần là « đàn em » của ông Trần-trung-Dung, và đã làm báo với ông Dung từ ngày còn ở Hanoi. Ông Dung được coi như một đồng chí của Ngô-đình-Nhu. Ông thuộc gia đình Công giáo đạo gốc, từng là bí thư Tỉnh Đảng Bộ Việt-Nam-quốc dân đảng tỉnh Phú thọ.

Khi ông Dung là bộ trưởng Phụ tá Quốc phòng thì cất nhắc đàn em Nguyễn-đình-Thuần lên Đồng lý Văn phòng. Ông Dung tuy là « đồng chí » cận thân của ông Nhu và cũng là hàng con cháu trong gia đình nhưng đến năm 1960 thì ông Dung rời bỏ Bộ Quốc-

phòng (18. 10. 60) Và ông Thuần được cử thay thế. Đạo ấy có dư luận cho rằng ông Dung bị ông Thuần « đá » và tranh chức Bộ trưởng. Sự thực không đúng như vậy.

Tuy tin cần Ông Dung, nhưng TT Diệm lại không « chịu » cách thức làm việc của ông. TT Diệm vẫn thường cần nhân, « *ông ta làm Bộ trưởng Quốc phòng mà không hiểu gì công việc cả. Khi hỏi đến chi thì nói những vấn đề đầu đầu* », ông Dung tuy xuất thân làm một Tri Huyện, nhưng có lẽ cái « *chất tri huyện* » chưa thấm sâu vào mạch máu ông cho nên ông không có cái mẫn cán cần cù của một người ngồi viết công văn, đọc báo cáo và ghi nhớ hồ sơ cho nên khi TT Diệm hỏi đến các công việc gì ở BQP thì ông Dung chỉ tường trình một cách tổng quát.

Tổng thống Diệm không chịu như vậy, cho nên ông phải gọi thẳng ông Đồng lý. Ông Đồng lý Thuần vốn là người thông minh, sắp đặt công việc có hệ thống. tuy nó bị ghi nhận là quá lạnh chân lẹ miệng. Có lẽ nhờ vậy, mỗi khi TT hỏi đến công việc ông đã trả lời rất vừa ý TT. *Hồ sơ này thế này hồ sơ kia thế kia..* Mà thực ra trên phương diện tổng quát, ông Thuần lại thiếu khả năng của một Bộ trưởng Quốc phòng vào thời chiến. Thế nhưng ưu điểm của ông là « *Cụ gọi thì thưa ngay. Cụ hỏi hồ sơ nào thì có liền.* »

Do đó, thay vì tìm sự công tác trên bình diện lãnh đạo ngành Quốc-phòng ở nơi ông Trần-trung-Dung, thì TT Diệm lại chỉ sai phái và hỏi han ông Đồng-lý. Khi ông Dung vào Tổng thống thì chỉ muốn mau

chóng trình bày một cách tổng quát rồi tùy nghi thi hành, ông Thuần trái lại sẵn sàng có thể ngồi đến bao giờ cũng được để nghe lời « Cự dạy ». Vốn là người có đơn khắc kỷ và ưa được dài lời chuyện trò lan man qua công việc và Tổng thống Diệm đã tìm được một người vừa ý như ông Thuần *luôn luôn biết lắng nghe và làm rất vừa ý*. Ngày này qua tháng khác và luôn chứng tỏ tài mẫn cán ông Thuần trở thành người được Tổng thống Diệm coi là giới « biết việc ». Khi LS Nguyễn-hữu-Châu rời bỏ chức vụ Bộ-Trưởng Phủ Tổng thống, TT Diệm chưa biết tìm ai thay. Ông Nhu *biết ý* ông anh nên cũng tùy ý ông anh « *để ông Cự muốn tìm ai thì tìm* » ông Nhu cũng không đoán nổi ông anh sẽ chọn ai. Có điều là cho đến phút chót khi TT Diệm quyết định chọn ông Thuần làm BT Phủ Tổng-thống, thì chính ông Nhu vẫn tưởng ông Thuần sẽ được TT Diệm bổ nhậm làm Đặc sứ VN tại Tunisie. Ngay ông Thuần cũng không hay biết. Khi Lương-khải-Minh gọi điện thoại báo cho ông Thuần hay : « *toa có lời mừng cho toa* ». Ông Thuần ngạc nhiên : « *Thưa anh có chuyện gì vậy ?* » « *Toa được ông Cự cử làm Bộ trưởng Phủ TT* ». Cho đến lúc ấy ông Thuần mới biết là mình đã được TT Diệm tin nhiệm ở chức vụ quan trọng như vậy.

Ông Thuần trở thành Bộ trưởng Phủ Tổng-thống sau này kiêm nhiệm Bộ trưởng Phụ tá QP (thay thế ông Trần-trung-Dung) rồi lại được tạm giữ chức Bộ trưởng phối hợp An ninh (chính phủ cải tổ ngày 28-5-61). Giới thân cận Phủ Tổng-thống cho rằng : Ông Thuần là người biết « *chiều ý* » Tổng-thống đến *tuyệt mức*.

Cái sự lên như điều gặp gió của ông Thuận cũng như sự « dẫm chân một chỗ » của bao nhiêu người khác tuy không ai nói ra nhưng cái mầm bất mãn đã âm ỉ ngay từ trong ruột của chế độ ấy. Nhưng cái « bất mãn trong nhà » đã không bùng nổ vì vẫn còn 1 Tổng thống Diệm. Nhờ thế những mâu thuẫn không tạo nên sức ép tạo thành những tia điện xẹt.

Trong cuộc tiếp xúc và tâm tình với các « nhân chứng » cận thân Tổng thống Diệm, chúng tôi thấy rằng phần lớn những cộng sự viên thân tín của ông đều là Phật giáo. Điều hình là ông Bộ trưởng Nguyễn đình Thuận, BS Bùi kiện Tín, ông Võ văn Hải, Đại tá Đỗ Mậu cũng như Trung tá Cao văn Viên. Các Tư lệnh lữ đoàn LBPVPTT như Đại tá Hoàng văn Lạc, Trung tá Lê ngọc Triều đều là Phật giáo ngoại trừ Trung tá Nguyễn ngọc Khôi, vị Tư lệnh cuối cùng của Lữ đoàn này là tín đồ TCG. Vì ông Tổng thống mặc cảm TCG nên nhiều viên chức Công giáo ở trung ương đã không được TT Diệm cất nhắc lên chức vụ quan trọng... Tư lệnh các binh chủng như Lữ Đoàn Nhảy Dù, Lữ đoàn TQLC trước sau từ Đại tá Đỗ cao Trí, Nguyễn chánh Thi đến Cao văn Viên (ND) và Trung tá Lê nguyên Khang (TQLC) đều là Phật giáo... Vậy thì Tổng thống Diệm có kỳ thị Phật giáo hay không, sử gia sau này sẽ phán đoán một cách công minh. Điều rõ rệt là Tổng thống Diệm quá nhiều mặc cảm TCG và thành kiến sâu nặng đối với một số chánh khách thuộc Đảng Đại Việt Quan Lại hay đã từng tham chánh dưới thời Thủ tướng Trần-văn-Hữu và Nguyễn-văn Tâm ...

CHƯƠNG V

**TỪ CHẾ ĐỘ
NGÔ-ĐÌNH-DIỆM
ĐẾN CÁI CHẾT CỦA
ÔNG NGÔ-ĐÌNH-CẢN**

Từ một thế kỷ nay và trên 25 năm qua, Việt-Nam trở thành nghĩa địa của những cái chết tức tưởi, vô lý. Song cái chết của một Tổng-thống như ông Ngô-đình-Diệm, tất nhiên không phải là một sự vô lý đơn giản như ta thường nghĩ. Nó đã được sửa soạn tinh vi, vì làm thế nào để giết một ông Tổng-thống đã cầm quyền 9 năm không phải là một chuyện «tùy hứng».

NGƯỜI EM ÚT

Quanh cái chết của TT Diệm đầy đầy những sự vô lý trên nông nổi bi thảm. Sau khi ông chết đi, lại còn bao nhiêu sự vô lý khác. Chử vô lý ở đây xin được hiểu theo sự suy đoán trong bản chất và tinh thần VN vốn trọng tình cảm, sự trung hậu và lễ nghĩa.

Một trong những sự vô lý đó, là cái chết của ông Ngô-đình-Cần — người em thứ 5 của TT Diệm. Cái

chết này đã được công khai *hợp pháp* hóa vì ông Cần được ra Tòa xét xử. Nếu bị công tố viện gay gắt buộc tội thì cũng chả có gì gọi là vô lý. Khi đảo chánh bùng nổ, thì tướng Đỗ-cai-Trí đang là Tư lệnh Vùng 1 Chiến thuật. Ông Tướng này là người có thẩm quyền duy nhất *tiếp thu* toàn vẹn những gì có ở bên trong căn nhà tồ ám của gia đình họ Ngô. Ông Cần tưởng đã thoát thân... dù tấm thân chỉ còn hai bàn tay trắng. Trong cuốn Việt-Nam Crisis, hai tác giả Stephen Pan và Daniel Lyons đã viết như sau : « Ông Cần lúc đầu *ty nạn* tại nhà Dòng Chúa Cứu Thế. Nhưng những người từng được ông giúp đỡ sợ rằng : nếu chừa chấp ông, sẽ có thể bị các nhà lãnh đạo đảo chánh nghiêm trị nên ông Cần phải qua tòa Lãnh sự Mỹ tại Huế xin trú ẩn. Tòa Lãnh sự này phải xin chỉ thị của tòa Đại sứ Mỹ tại Saigon. Đại sứ Henry Cabot Lodge trả lời rằng tòa Lãnh sự không được phép cho ông ta *ty nạn*, đồng thời ra lệnh phải đưa ngay ông Cần vào tòa Đại-sứ. Nhưng khi ông Cần đến Saigon tòa Đại sứ Mỹ liền trao ông Cần cho HĐQNCM xét xử. Theo nguồn tin có thẩm quyền mà hai tác giả được biết, tòa Đại sứ Mỹ đã hội ý với HĐQNCM và buộc HĐ phải cam kết 3 điều kiện thì tòa Đại sứ Mỹ mới dẫn độ : 1) Phải được xét xử minh bạch và công khai. 2) Không bị đối xử tàn nhẫn. 3) Không bị bắn hoặc giết.

Stephen Pan và Daniel Lyons viết : «trong tình cảnh lúc bấy giờ, nếu tin tưởng vào một cuộc xét

xử minh bạch, công khai thì quả thật là ngay thơ. Mặc dù trong thời gian đó, ông Cần đang bị yếu nặng với những căn bệnh áp huyết cao và bệnh đái đường. Với cách đối xử rất tồi tệ lại thiếu thuốc men, săn sóc trong tù, ông Cần chắc chắn cũng sẽ không sống thêm được bao lâu.

Nhưng dù quá yếu đến nỗi không đứng nổi, ông ta vẫn bị cột gao vào cái trụ đứng, và bị bắn». Stephen Pan và Daniel Lyons thắc mắc : « Người ta còn nhớ hồi tháng 8.63 một nhà sư (...) đã lánh nạn trong tòa Đại sứ Mỹ và được Đại sứ Cabot Lodge bảo vệ an toàn trong 9 tuần lễ, nghĩa là cho đến ngày hai anh em ông Diệm bị giết. Hãy để cho lịch sử phán xét những sự việc mâu thuẫn như trên ».

Nếu Ông Cần bị HĐQNCM đem ra xử bản trước cuộc chính lý của tướng Khánh, thì cũng có thể giải thích được. Nhưng ông Cần lại bị xử tử khi tướng Khánh lên cầm quyền và Cabot Lodge vẫn còn tiếp tục làm Đại sứ. Ông Lodge thường được coi như quan thầy quyền uy của tướng Khánh. Mấy ngày sau cuộc chính lý, người ta cho rằng rất có thể ông Cần được tha và xuất ngoại. Vì dù sao tướng Khánh cũng là một trong mấy người con tinh thần của TT Diệm và tướng Khánh đã trung thành với TT Diệm cho đến phút cuối cùng khi Dinh Gia-Long bị mất vào quân cách mạng. Chiều ngày 1-11, tướng Khánh từ Pleiku còn gọi điện thoại cho tướng Cao ở Cần-Thơ

và hối thúc ông Cao đem quân về cứu Tổng thống Diệm. Tướng Khánh cho biết không thể đem quân về được vì Quân đoàn II quá xa... Tướng Cao tin cho tướng Khánh rõ là tướng Minh, Khiêm và các Đại tá Đỗ Mậu, Nguyễn đức Thắng hứa là bảo đảm tính mạng của TT Diệm và ông Nhu. Tướng Khánh trả lời : *không tin được tui nó đâu...* chúng nói vậy mà làm khác. Tướng Khánh vẫn giữ lòng trung thành cho đến phút chót. Thế nhưng... quyền lợi cá nhân và địa vị đã thay đổi lòng người.

Khi ông Cần bị đưa ra tòa, người ta vẫn tin rằng có thể ông sẽ chỉ bị xử qua loa. Khi bị kết án tử hình người ta vẫn tin ông Cần sẽ được Quốc trưởng Dương văn-Minh chấp thuận đơn ân xá.

Cuối cùng vào một buổi chiều ánh nắng còn chan hòa, bệnh nhân tử tội Ngô đình Cần được khiêng ra pháp trường trong vòng thành khám Chí hòa, tay bị trói chặt vào cây cột giữa pháp trường và bị bắn gục trước sự chứng kiến của những người trước kia ra vào Dinh ông Cần thường khúm núm như gia nhân.

Đại sứ Lodge là người đã buộc HĐQNCM phải cam kết không được xử bắn ông Cần. Khi ông Cần nhận từng loạt đạn, Lodge vẫn còn là một vị Đại sứ Mỹ đầy quyền uy tại VN. Rồi có hai giả thuyết được nêu ra :

1— Ông Khánh làm như thế là để chiều lòng những áp lực khác đang đè nặng lên ông. 2— Ông Khánh chủ trương thanh toán Ông Ng-Đình-Cần vì áp lực của « những người » từng ra luôn vào cúi dưới

trưởng « *Cố vấn chỉ đạo* »... 3— Ông Khánh chủ trương thanh toán ông Cần chỉ vì « vụ tài sản » của Cần mà ông Khánh đã được chia phần kể từ khi ông ra nhậm chức Tư lệnh Vùng 1 chiến Thuật thay thế tướng Trí ?

SÉT ĐÁNH NGANG ĐẦU

Sáng ngày 2-11-63 tại tư thất ông Cần chuông điện thoại lại reo vang. Âm vang của hồi chuông thật rền rĩ réo rắt trong buổi sáng tinh sương. Điện thoại gọi từ Đà-nẵng.

Đại-úy Minh nhắc máy lên nghe. Từ phía đầu giây bên kia, vẫn giọng tướng Trí ngập ngừng, cắt quãng rời rạc. Lời tướng Trí được ghi nhớ như sau :

« Anh thông báo ngay cho Cựu biết, Saigon vừa báo tin cho tôi hay là Tổng-thống và ông Cố vấn chánh trị đã tự tử chết rồi. Tôi không hiểu ra sao nữa... » Đại-úy Minh chân tay bủn rủn, ông có cảm tưởng như đang nghe điện thoại trong cơn mê của giấc ngủ say. Ông hỏi đi hỏi lại tướng Trí hai ba lần. Tướng Trí xác nhận : « Saigon vừa báo cho tôi hay như vậy ».

Lúc ấy, Đại-úy Minh mới tin đây là sự thực — một sự thực phũ phàng ngoài trí tưởng của ông. Nhưng tự tử quả là vô lý ? Khi báo cho ông Cần hay hung tin này, ông Cần cũng vẫn không tin và nói : « Làm gì có chuyện động trời như vậy ». Nhưng TT Diệm và ông Nhu thì đã chết... dù ông Cần chưa tin là thực thì sự thực vẫn tàn nhẫn xảy ra như thế.

Ngay lúc đó, Đại-úy Minh cho người đi báo hung tin cho cha Thuận. Sáng ngày 2-11 màn tang đã bao phủ căn nhà tổ ấm của gia đình TT Diệm — miền Phú Cam nơi mà anh em ông Diệm đã sinh ra và lớn lên từ đó. Lúc ấy chung quanh ông Cần vẫn còn đầy đủ cộng sự viên thân tín trong đó có ông Đào-quang-Hiền Giám-Đốc Nha Công an Trung nguyên Trung phần.

Rồi chiều 2-11 buổi chiều nặng nề như những phiến đá đè nặng trên phận người mong manh. Khoảng 1 giờ 30, Đại úy Minh được lệnh của ông Cần gọi điện thoại cho tướng Trí và mời tướng Trí ra Huế để báo cáo cho ông Cần rõ nội vụ. Huế cho đến lúc ấy vẫn tương đối yên tĩnh.

Vào khoảng 3 giờ, bỗng nhiều đoàn Thiết giáp của Thiếu tá Tuấn đến bao vây vùng Phú Cam và căn nhà ông Cần (Thiếu tá Tuấn sau thăng Trung tá và bị Việt-cộng thảm sát trong biến cố Tết Mậu thân tại Trường Thiết giáp Gò-Vấp Saigon). Tình hình Huế bắt đầu ngột ngạt, dao động và như cây nước giữa biển nặng đang bắt đầu vỡ ra và dâng cao. Trong giờ phút cuối cùng này, một nhân chứng thuật lại : ông Cần đã mất tinh thần vì xúc động trước cái tin hai ông anh bị giết chết. Chung quanh ông vẫn còn đầy đủ cộng sự viên như Minh, Trọng, Độ...

Khoảng 9 giờ đêm mùng 2, Huế bắt đầu chuyển động như cơn sóng trong trận cuồng phong. Trời tề buốt hoang vắng và đầy đe dọa, bất trắc thê lương. Dân Huế vây quanh radio nghe đài Sài Gòn, BBC và VOA...

Hồi hộp rung động, kích thích. Rồi một nhóm người tự động qui tụ lại như hình thức một HỘ QN CM. Đứng đầu là Trung tá Mô, Thiếu tá Hiếu và ông Đào-quang-Hiền. Ba viên chức này tìm gặp Đại-úy Minh đưa họ vào gặp ông Cần. Lúc ấy đoàn thiết giáp của Thiếu tá Tuấn đang bao quanh nhà ông Cần nhưng chỉ có tính cách giữ gìn an ninh trật tự và theo lời tướng Trí là đề bảo vệ sanh mạng của ông Cần và đề phòng một khi dân chúng làm hoảng... quân đội có thể can thiệp kịp thời.

Thề theo lời yêu cầu của Trung tá Mô cũng như Thiếu tá Hiếu.. Đại úy Minh vào tìm gặp ông Cần trong khi đó ba viên chức vẫn đứng chờ ở ngoài. Nhà lúc ấy vắng ngắt không còn ai, không khí đầy một nỗi bi thương đồ vỡ. Bé gái Kính cho Đại úy Minh hay là ông Cần đã trốn khỏi. Đề đánh lạc hướng phe ông Mô, Đại úy Minh cho bọn ông Mô hay là ông Cần hiện đang bị mệt, và đang nằm nghỉ, mai sẽ vào gặp sau. Thực ra lúc ấy, ông Cần đã vào trú ẩn tại Nhà Dòng Chúa Cứu Thế.

TÀU VI THƯỢNG SÁCH

Trong bước đường cùng thì 36 kế, tàu vi thượng sách vẫn là hơn cả. Tuy nhiên ông Cần rời căn nhà tổ ấm cùng với cơn đau của loài chim bị bắn trúng cả hai cánh khi đang tung bay.

Qua ngày 3, Huế tương đối vẫn còn yên tĩnh tuy trong dân chúng bắt đầu chuyển động, đang bắt đầu một trận cuồng phong cho sóng đồ lên cao. Từ Đan Nẵng,

tướng Trí điện thoại cho biết ông sẽ trở ra Huế với tư cách đại diện HĐQNCM.

Lúc ấy, Ông Cần bắt đầu lâm bệnh, khuôn mặt hốc hác, đôi mắt như lạc mất tinh thần. Ông xúc động một cách vô tả trước cái chết của hai ông anh.

Bên cạnh ông trong những giờ phút đó vẫn còn một số Cộng sự viên thân tín như Cha Thuận (người cháu ruột của ông). Cho đến giờ phút đó vẫn không thấy ông Cần quan tâm gì đến tiền bạc tài sản. Khi thấy Đại úy Minh vào thăm ông (tại một căn phòng trong nhà Dòng CCT) ông rướm mắt khóc và nói : *Thôi hết rồi Minh ơi.* Và những người có mặt đều khóc theo ông.

Ông Cần nằm trên giường nệm, vát chân chữ ngũ, nước mắt dàn dụa trên gò má. Căn bệnh áp huyết của ông bắt đầu tái phát.

Ông bảo Đại-úy Minh gọi điện thoại cho tướng Trí, nhân tướng Trí vào Huế ngay đề ông có đôi điều dặn dò.

Huế lúc ấy bắt đầu sôi động. Thiếu-tá Hiếu, Trung-tá Mỗ, ông Đào-quang-Hiền và một số « *bá quan văn võ* » đã đứng về phe Cách Mạng. Biển chuyền mau lẹ quá. Huế ngỡ ngàng rồi Huế bùng lên trong cuộc nổi lửa.

Chiều 3-11, tướng Trí từ ngoài Đà-Nẵng vào Huế. Quân đội vẫn làm chủ tình hình Huế.

Không có súng nò, không máu sát. Sự lặng lẽ

trong cơn dao động, hoang mang. Ảnh của TT Diệm vẫn còn được treo ở nhiều công sở. Người đầu tiên mà tướng Trí tìm gặp là Đại-úy Minh. Đây là mâu thuẫn đối thoại giữa hai người :

— Bây giờ Cậu ở đâu ? Tướng Trí hỏi.

— Cậu đang ở trong nhà Dòng Chúa Cứu Thế. Đại-úy Minh đáp.

— Anh em cứ an tâm, không có gì phải lo sợ. Mọi việc ở ngoài này đã có tôi.

— Là Sĩ quan của QĐ, tôi phải tuân theo lệnh của Thiếu-tướng.

— Anh cho tôi gặp Cậu. Tôi ra đây với tư cách đại-diện HĐQNCM — Lời tướng Trí. Lúc ấy, ông Cần vẫn nằm trên chiếc giường sắt. Con đầu đã bớt. Ông lấy trầu ra ăn.

Ông Cần cho gọi một cộng sự viên cận thân và nói giọng thêu thào « chiếc bao bố ném ở dưới gầm giường (trong căn nhà ở Phú-Cam) trong đó có 24 kilô vàng. Chiếc valise gồm một số gia bảo và qui vật v.v... Máy lo liệu giữ gìn không thì tụi nó lấy hết. Số bạc mặt tao vẫn để trong tủ... » ông Cần còn dặn dò thêm : « Máy trao cho Trí giữ hộ... Cứ đưa cho Trí không sao đâu ».

Buổi chiều ngày 3-11 tại nhà Dòng Chúa Cứu Thế, không khí thế lương âm đạm như một ngày cuối đông miền hàn đới. Tình hình Huế lúc ấy đã náo động.

Cha Bè Trên Nhã cúi đầu lần hạt đi đi lại lại trên hành lang. Gặp Đại úy Minh, Cha Nhã hỏi : « Anh đã đi tìm cha Thuận chưa ? »... Hai người nhìn nhau lặng lẽ, nỗi buồn thật mênh mông. Đại Úy Minh lên phòng ông Cần... Lúc ấy Ông Cần vẫn nằm vắt chân chữ ngũ, mắt ông đỏ ngầu vì khóc cho hai người anh.. Tướng Trí cũng vào phòng ông Cần cùng với Đại Úy Minh. T. Đỗ Cao Trí vẫn niềm nở và trọng vọng ông Cần như xưa, ông giờ tay chào theo kiểu nhà binh. Ông Cần ngược mắt nhìn tướng Trí không nói một lời nào. Đôi mắt ông nặng trĩu một đau thương. Dường như lúc ấy ông Cần như muốn khóc. « Mâu thuẫn giữa tướng Trí và ông Cần được ghi lại như sau :

— *HĐQNCM ủy cho con xin thừa lại với Cậu, Tổng thống và ông Cố Vấn chết là do tai nạn ngoài ý muốn của các tướng lãnh.*

Tướng Trí không dấu nổi xúc động, ông yên lặng một lúc rồi nói tiếp :

Chuyện đã xảy ra như vậy bây giờ biết làm thế nào. Con được HĐQNCM ủy cho đến đây để xin thừa với Cậu, HĐQNCM kính mời Cậu tham gia cách mạng và xin mời Cậu đứng trong thành phần của HĐCM.

Ông Cần đưa mắt nhìn một vài người thân yêu. Mọi người yên lặng. Tướng Trí nói trong niềm xúc động :

— *Việc đã xảy ra như vậy thì thế nào HĐQNCM cũng áp dụng một số biện pháp đối với Cậu,*

như tịch biên tài sản... Con nghĩ cậu nên tính xem thế nào... Cậu có thể đưa cho con giữ hộ.

Chuyện trò với ông Cần một lát rồi tướng Trí ra xe cùng về với Đại úy Minh .

Lúc ấy tại vùng Phú Cam vẫn yên tĩnh. Đoàn Thiết giáp của Thiếu tá Tuấn đang giữ phận sự canh phòng và kiểm soát chặt chẽ. Nhà Ô. Cần vắng lặng chỉ có con bé Kính, một vài gia nhân. Con bé Kính sau này cho biết, Valise và bao bố vàng được đưa lên xe Jeep, rồi đoàn tùy tùng rời khỏi tư thất ông Cần.

ÔNG LÃNH SỰ

Từ khi tướng Trí và Đại úy Minh đi khỏi, trong ông Cần không còn ai. Một vài người thân yêu ngỡ ngàng ở trước cửa nhà Dòng có ý đợi Đại úy Minh xem ông Minh có quyết định sang tị nạn ở Tòa Phó Lãnh sự Mỹ hay không. Buổi sáng ở nhà Đại úy Minh, ông Phó Lãnh sự Mỹ có đến tìm gặp Đại úy Minh và đề nghị :

— Nếu Đại úy và gia đình cũng như viên chức nào thấy ở ngoài này không có an ninh và nguy hiểm cho tính mạng, tôi mời tất cả qua tị nạn tại Tòa Lãnh sự.

— Đại úy Minh đáp : Xin cảm ơn ông Lãnh sự, có lẽ không cần thiết.

Ngày 1-11-63, chính là ngày Sinh nhật của ông Cần... ông có ngờ đâu chính là ngày ông phải đề tang hai người anh... Sau khi ông Cần sang tị nạn tại nhà Dòng Chúa Cứu Thế thì ông Lãnh sự và Phó

Lãnh sự có tìm gặp Đại úy Minh và đề nghị đưa ông Cần qua Tòa Lãnh sự tỵ nạn cho an ninh hơn và ông cam kết sẽ đề ông Cần được hưởng quyền tỵ nạn như tòa Đại sứ Mỹ đã dành cho Thượng tọa Trí Quang trước đây.

Nhưng ông Cần chỉ bằng lòng qua đó tỵ nạn với điều kiện ông phải được đem theo thân mẫu của ông tức Bà cụ Ngô-dinh-Khả... Lãnh sự Mỹ không chấp nhận điều kiện này. Hơn nữa, các cộng sự viên thân tín tỏ ý dè dặt vì không hiểu lòng dạ của người Mỹ ra sao.

Ngày 5-11 tướng Trí được lệnh của HĐQDCM đưa ông Cần về Saigon cùng với Bà cụ Khả. Lúc ấy bà cụ Khả vẫn chưa biết tin Tổng thống Diệm và ông Nhu đã bị thảm sát vì trong nhà cố giữ kín tin này. Bà Cụ Khả đã trên 90 tuổi và bán thân bắt toại từ lâu...

Khi về Saigon thì mẹ con đôi ngả. Ông Cần vĩnh viễn xa mẹ từ buổi ấy. Ông bị giam trong một căn phòng « ghê rợn » nhất của khám Cui-Hòa.

Cái đau khổ lớn của tù nhân không phải vì thân thể bị câu thúc mà trước hết đau khổ vì cô đơn. Nỗi cô đơn như một phi Tần trong chốn lãnh cung. Có ai trải qua cơn phong trần mới thông cảm được nông nỗi « giết nhau chẳng cái lưu cầu, giết nhau bằng cái u sầu độc chưa ». Trên sáu tháng trời ông Cần đã chết mòn trong cái u sầu thể lương như vậy của

một căn phòng đầy oan trái và hồn ma. Chắc hẳn những đêm dài thao thức, ông Cần chỉ còn sống theo dĩ vãng huy hoàng 9 năm trong đó bao nhiêu khách công hầu đã đến với ông, van lạy ông một điều cậu, một điều con đề mong ông ban phát bổng lộc.

Điều đau khổ nhất đối với riêng ông Cần là những tháng ngày ông phải sống xa mẹ. Từ ấu thơ cho đến ngày lao lý, ông Cần không bao giờ xa mẹ. Trong gia đình TT thì chỉ có một mình ông Cần sống cạnh mẹ. TT Diệm cho đến Đức Cha Thục, ông Nhu, ông Luyện mỗi người mỗi ngả một năm mới về thăm mẹ đôi ba lần. Theo nhân chứng, ông Cần được thân mẫu thương yêu nhất mực vì đức hiếu thảo. Kể từ ngày bà cụ Ngô-dình-Khả bị bán thân bất toại, suốt ngày nằm trên ghế tựa ông Cần luôn luôn có mặt bên cạnh không chịu xa mẹ lấy một đêm.

Mỗi sáng Chủ nhật theo thường lệ linh mục Cao-văn-Luận đều đến nhà làm lễ cho Bà Cụ và gia đình ông Cần. Vào một sáng chủ nhật năm 61, Đại-úy Minh không bao giờ quên hình một người con ôm mẹ khóc. Theo lệ thường, khi xem lễ Bà Cụ Khả vẫn nằm trên ghế tựa, trước mặt kê một cái bàn qui đề tượng trưng cho lòng kính Chúa. Đằng sau, con bé Kính đứng giữ hai vai bà Cụ. Sáng hôm ấy không hiểu sao con bé Kính lại đứng ở nơi khác. Bà cụ, chơi với thế nào không hiểu, bị ngã lộn nhào giữa lúc linh mục đang dâng lễ. Ông Cần thất thần.. chưa bao giờ ông Cần lại biểu lộ nét mặt hãi sợ như vậy. Mặt ông tái xám, tay run rẩy.. Bà cụ té

xương trán và rướm máu. Chính tay ông Cần ẵm bà cụ đặt lên giường. Nước mắt ông chảy dàn dụa. BS Lê-khắc-Quyến được gọi đến cấp tốc (Bác sĩ Quyến là Y sĩ riêng của gia đình ông Cần và vẫn được coi là đồng chí cận thân của ông Cần). Lúc ấy ông Cần gần như người mất trí. Ông cầm cái này rồi lại lấy cái kia. Chân tay run rẩy luống cuống. Sau khi bà Cụ đã tỉnh, ông Cần mới khấn áo chỉnh tề, ông vận chiếc áo tấc xanh (loại áo dài ta mặc trong dịp tế lễ) đội khăn đóng mặc chiếc quần dài ta trắng tinh, chân đi dép. Mọi người lấy làm ngạc nhiên không hiểu ông Cần định đi đâu, làm gì. Sau mới rõ, ông đến trước mặt bà thân mẫu, lạy ba lạy (lên gối, xuống gối và mỗi lần đều vái tay khấu đầu phủ phục.) Lạy xong ông ôm chân thân mẫu khóc và xin được Mẹ tha lỗi. Ngày hôm ấy ông không tiếp khách, chỉ luồn quanh bên bà mẹ.

Ngày thường, tự tay ông lo liệu thức ăn đồ uống cho thân mẫu. Đối với mẹ, ông cư xử theo đúng lễ giáo của một nhà nho thuở xưa. Tối trước giờ mẹ ngủ, ông đến viếng một lần. Sáng dù bận cách nào, ông cũng vào phòng thăm mẹ. Mỗi năm vào ngày sinh nhật của ông, ông sửa soạn quần áo từ hôm trước đề sáng hôm sau khấn đóng áo dài vào khấu đầu phủ phục lạy mẹ ba lạy.

Trên đây là một vài chi tiết cụ thể giúp ta tìm hiểu con người ông Cần thường bị mô tả như hung thần Miền Trung.

Ngày 20-4 64, Tòa án Cách mạng tuyên án tử hình ông Ngô-dình-Cần mà chánh thẩm là đại tá Đặng-văn-

Quang (vợ chồng đại tá vốn là con đỡ đầu của thân mẫu Đức Cha Nguyễn Văn Thuận chị ruột của ông Cần). Trước tòa án ông Cần nói : « *tôi quân sự không biết hành chính không biết học tâm thường làm sao ra lệnh cho ai được ?*. Bốn ngày sau, ông Cần đệ đơn xin ân xá và 11 ngày sau tướng Dương-văn-Minh bác đơn xin ân xá với tư cách Quốc trưởng. Trong thời gian 11 ngày, tướng Khánh đã «*dau đầu*» rồi bối rối không biết làm như thế nào để giải quyết cho mọi bề êm đẹp. Bao nhiêu cuộc tiếp xúc, bao nhiêu việc trả giá tấm thân của ông Cần trở thành món hàng để «*bên này đưa ra để bên kia đặt điều kiện khác*». Chữ «*nếu*» làm cho ông Khánh bù đầu. *Nếu không giết ông Cần chúng tôi sẽ có thái độ hoặc nếu không ân xá cho ông Cần chúng tôi sẽ hành động !! Các cố vấn của tướng Khánh thì cho rằng : «*Trong vụ này Thủ tướng cứ coi như vô can. Việc xử như thế nào là do Tòa. Việc ân xá hay không là do tướng Minh.**

*Nếu tướng Minh ân xá thì hợp ý với Thủ tướng và có thể xoa dịu được phe bên này, mà áp lực «*búa rìu*» của phe bên kia sẽ đổ hết vào đầu tướng Minh và ngược lại... Cộng sự viên thân cận của tướng Khánh lúc ấy đều là những người đồng chống chế độ Ngô-dình-Diệm và bị giam cầm như Phạm Thái (VNQDD) Tổng Trưởng thông tin hay thuộc đảng Đại Việt như BS Nguyễn-tôn-Hoàn, Phó Thủ Tướng hoặc thuộc «*gà nhà*» của GHPGTN (khuyh hướng Thượng tọa Tâm Châu) như LS. Nghiêm-xuân-Hồng Bộ Trưởng Phủ Thủ tướng...*

Hôm xử bản ông Cần tại khám Chí-Hòa, buổi sáng ông Khánh uống 1 hơi hết ly rượu mạnh, mắt ông lại lờ lẩn ra.

CHẾT VÌ CỦA

Qua lời nguyện phục hận cho anh em TT Diệm tướng Khánh đã nhiều lần tỏ bày trước ngày chính lý... Ai cũng tưởng ông là người một lòng, một dạ sống chết với anh em TT Diệm. Nhưng với tướng Khánh thì « *lời nói gió bay lên trời* » thảy đều không quan trọng.

Sau khi Đảo chánh thành công, hầu hết các tướng tham dự đều được vinh thăng, nhưng trường hợp tướng Khánh lại bị chậm trễ. Trong quá khứ và thuở còn mang lon cấp Tá, Tướng Minh và Khánh biết rõ nhau quá nhiều. Đã từ lâu, không ai ưa ai. Ngày 5-11, Tướng Khánh ở Pleiku bay về Saigon một mặt trình diện tướng Minh. Mặt khác *chạy lon*. Vốn là người láu cá vật nên tướng Khánh chạy qua « cửa » Thủ tướng Thơ vì biết rằng ông Thơ hay bị xiêu lòng nếu chịu khó năn nỉ. Hơn nữa, ông Thơ vẫn có lòng tốt đối với bọn em út. Quả nhiên tướng Khánh thành công. Thủ tướng Thơ điện thoại cho tướng Minh đề « xin lon » cho tướng Khánh và tướng Minh cũng đồng ý cho ông Khánh lên Trung tướng. Sáng hôm sau, tướng Khánh lại đến tư thất Thủ tướng Thơ đề năn nỉ. Việc thăng Trung tướng, Thủ tướng Thơ đã dàn xếp xong, tướng Khánh nóng lòng nên cho người lên phố mua cặp sao ngay.

Tại tư thất, Thủ tướng Chánh phủ vẫn còn mặc áo Pyjama. Vốn là con người xuề xòa, không kiêu cách Thủ tướng Thơ đã gắn lon Trung tướng cho ông Khánh trong lúc ông mặc đồ ngủ.

Thực ra thì tướng Khánh cũng chẳng thương sót TT Diệm gì cả. Đối với ông ai cũng có thể là người « tri kỷ »... Ai cũng có thể là bạn đường.. Người như tướng Khánh khó lòng giữ được sự trung nghĩa.

Vì tướng Khánh không phải chỉ bắt cá hai tay mà ba bốn tay. Cùng một câu chuyện gặp ông A, tướng Khánh nói thế này, gặp ông B, Khánh lại nói cách khác.

Ngày 9-5-64, ông Cần bị xử bắn tại khám Chí-Hòa thì Phan-quang-Đông bị xử bắn tại Huế. Ông Khánh bay ra Huế để lấy lòng dân chúng từ một trung tâm tranh đấu... nhưng ông lại bị dân chúng vây tại Dinh Tỉnh-trưởng Thừa Thiên. Ông phải « trốn lủi » đi cửa sau rồi dùng trực thăng rời khỏi cố đô.

Sau một ngày hành trình toát mồ hôi lại bị dân chúng la ó đá đảo, hôm ấy ông Khánh tìm lại giấc ngủ bình an sau khi ông Cần đã ra người thiên cổ. Chết là hết, ông Khánh được bình an vì những tướng ông Cần chết sẽ mang theo tất cả những bí mật về phần tài sản của ông. Sự đời đâu có giản dị như vậy. Cái kim bọc đề lâu ngày cũng táy, hướng chi Tài sản của ông Cần không phải là ít từ cửa chìm đến cửa nổi. Nhiều người thân tín trong gia đình ông Cần cho rằng « ông Cần chết vì tài sản đó ». Để gây quỹ cho Đoàn thề Cần-Lao, trong

9 năm ông Cần đã ủy cho một số người đứng tên quản trị. Ông X đứng tên và quản trị một cơ sở Kinh Doanh này. Ông Y được trao phó đứng lên mua 1 thửa đất kia. Trong cái valise của ông Cần lại chất đầy những quí vật rồi lại có 1 số trương mục tại Ngân Hàng do mấy người trong đoàn thề đứng tên. Nếu ông Cần còn sống, các đương sự sẽ khó lòng có thể chiếm đoạt nổi. Có thể tướng Khánh đã được chia một phần tài sản ấy về mặt của nòi đề gọi là dùng vào quĩ mật.

Tại nhà Dòng Chúa Cứu Thế ngày 3-11 khi được HĐQNCM mời tham gia, một vài người thân tín của ông Cần đã đề nghị : « *Tinh thể đã ra như vậy rồi nay HĐQNCM mời cậu tham gia thì cậu cứ tham gia. Bao nhiêu tài sản, của cải của đoàn thề hiện do ai đứng tên, do ai cứ giữ cậu khai hết rồi đem nạp cho HĐQNCM để xung vào quĩ Quốc-gia* ». Nếu ông Cần nghe lời nhân chứng B, công khai hóa tài sản và đem nạp cho Quốc-gia, thì ít nhất cũng không ai có thể nuốt được hết dù cho có « *chấm mút* » ít nhiều.

Nói về tài sản của ông Cần, giới thân tín của ông đều ngao ngán « Ông Cần không bao giờ tin những cộng sự viên thân cận của ông mà ông vẫn cho rằng, còn quá trẻ không hiểu gì về vấn đề kinh tài cho đoàn thề.

Đạo năm 61 nhiều cán bộ bị thương, đau yếu túng quẫn, Đại úy Minh có đề nghị : « *Cậu trích một số tiền trong quĩ đoàn thề để giúp đỡ cán bộ*

đã phải hy sinh hay thương tích vì quốc gia và đoàn thể. Lúc ấy ông Cần nói : «Tiền đâu bây chừ... tao làm gì có tiền ? Máy cộng sự viên rất đòi nợ ngay nhiên, không hiểu tiền bạc bấy lâu nay đi về đâu ở trong những tay ai ? Vào khoảng 59, có người đề nghị ông Cần mua lại một số đất của Hoàng-tộc. Ông bảo Đại úy Minh và mấy người thân tín cùng ông đi coi xem đất cát ra sao. Một người lên tiếng cản ngăn : « con nghĩ Cậu không nên làm như vậy. Minh vừa truất phế Bảo Đại xong bây giờ lại đứng ra mua lại đất đai của Hoàng tộc thì cho dù có trả tiền theo thời giá cũng vẫn bị mang tiếng » ông Cần đáp : « Tao một thân một mình thì cần chi. Lo là lo cho bọn bay, cho đoàn thể, mà không có vốn liếng thì làm sao hoạt động được ? Tụi bay còn trẻ biết gì »

Từ đó, mấy cộng sự viên thân tín không ai đã động gì đến việc này dù họ cũng biết rõ ông Cần đã ủy cho những ai lo phần kinh tài. Theo người biết chuyện thì mẹ con bà Luyện và một số người khác đã làm hỏng ông Cần nhất là vấn đề kinh doanh tiền bạc. Rồi khi tàn cuộc thì những « ai đó » phồng tay trên. Trong suốt 9 năm đã có bao nhiêu ông bà lớn tăng bốc bà Luyện lên mây xanh, một tiếng Di, một tiếng con cứ làm như bà Luyện là một nhân vật quan trọng không kém ông Cần. Thậm chí lại có người gọi bà Luyện là Mẹ. Một đảng Cậu Cần, một đảng Mẹ Luyện. Do đó đã gây nên bao nhiêu dư luận xấu xa. Mà bà Luyện, tuy anh em con dì với anh em ông Cần nhưng lại chỉ là thứ gia nhân lo việc nội trợ trong nhà.

PHÚ HỘ ĐỒNG QUÊ

Trong 9 năm, ông Cần đã cho tiền thiên hạ rất nhiều. Bản thân ông vốn là một cậu Ấm con quan Thượng Thư Lễ Bộ nhưng ông lại là con người tiêu biểu cho trạng thái quê mua. Thường ngày, ông dùng cơm với cá kho, dưa chua. Ngay nhà ông bao giờ cũng muối sẵn từng vại dưa, vại cà, có khi ông tỉ mẩn đi muối cả hàng vại « dưa rau muống ». Một sáng kiến khá kỳ cục.. vì chưa thấy ai dùng rau muống đề muối dưa, ông lại không ăn được vẩy yến hay sơn hào hải vị. Nhà ông ở Phú-Cam nuôi hàng trăm con chim bồ câu. Nuôi là đề dành đấy thôi. Ông Cần có tâm lý một nhà giàu xứ quê cho nên cái gì ông cũng thu vén chặt chiu cái gì cũng cho vào trong kho hết, trong kho của nhà ông chứa đựng không biết bao tranh sơn mài đồ gốm, đồ cồ. Dĩ chí có nhiều người biểu ông miếng gỗ cầm lai ông cũng cho cất vào kho đề dành. Ngày 1-11 chính là ngày sinh nhật của ông cho nên khách bốn phương đổ về Huế tấp nập với bao nhiêu quà, ông không ăn, trong nhà cũng không thể ăn hết, tuy vậy dù là quà thuộc về thực phẩm, ông cũng vẫn cho vào kho cất đi. Mấy hôm sau đề thổi ra đấy người nhà lại mất công đem đi đồ... Con người ông Cần là một thế giới đầy mâu thuẫn ông vừa có cái cốt phong kiến của con quan, ông lại có tính thu vén chặt chiu của một phú nông cùng cái hách của Tổng lý thời xưa. Ông có bản chất và sắc thái của một ông già quê. Ngoài thú câu cá, ông còn tự tay vót tre đan rờ rá. Rờ rá trong nhà ông phần lớn là do ông đan lấy và ông coi đó như một sinh thú.

CÔNG LÝ

Ngày 20-4-64, ông Cần được xét xử trước Tòa án cách mạng. Ông Cần cũng bị khép vào các tội như Phan-quang-Đông, chỉ khác một tội cố sát. Trên đây, xét từ nguyên nhân sâu xa thì ông Cần chết vì lý do tài sản. Nhưng ra tòa, bản án tử hình dành cho ông lại bắt nguồn từ vụ án gián điệp miền Trung với Huỳnh-văn-Trọng, Nguyễn-đắc-Phương. Theo sự tố cáo trước tòa thì Nguyễn-đắc-Phương bị người của ông Cần xô từ trên lầu xuống và Phương đã chết vì như vậy tức là Phương bị cố sát có dự mưu chứ không phải Phương tự tử (?)

Buổi sáng 20.4 khi tòa xử, có vợ Nguyễn-đắc-Phương ra làm nhân chứng. Một vài tờ báo mô tả rằng : *người vợ của ông Phương vì thương chồng phần uất quá nên ra tòa bị ngất xỉu.* Một người ở Huế biết quá rõ bà Phương lại nói rằng « *bà Phương mới sinh được hai ngày thì phải ra Tòa nên mới ngất xỉu* ». Tại sao lại như thế ? chồng bà đã chết từ lâu cơ mà ? Đại cương vụ án gián điệp tại miền trung như thế này :

Hồ sơ vụ này đã có từ thời ông Giám Đốc Công An Trung Phần Nguyễn Chử. Đầu năm 1960 mấy linh mục ở Đà Nẵng có lên gặp Đức Tổng Giám mục Ngô-đình-Thục trình bày về một số người bị bắt oan trong đó cả tin đồ Thiên Chúa giáo. Đức Cha Thục thay vì hỏi thẳng Phan-quang-Đông (vì Đông trách nhiệm vụ này) ngược lại Đức Cha Thục lại vào thẳng

Saigon trình bày nội vụ với TT Diệm, sau đó TT Diệm ra lệnh cho Đại-tá Đỗ-Mậu mở cuộc điều tra.

Đại-tá Mậu đánh công điện cho Đại-úy Thích trưởng khu an ninh Huế điều tra vụ này. Dĩ nhiên là động đến ông Cần, Đại-úy Thích không dám đơn phương tiến hành. Đại-úy Thích tìm đến Đại-úy Minh bàn luận cùng ông Minh nên xử trí như thế nào. Ông Minh cho rằng, vụ này nên hỏi lại Phan-quang-Đông và báo cho Đông biết sự thề nó như vậy. Sau đó, sẽ vào trình bày với ông Cần.

Đại-úy Thích vào gặp ông Cần trình bày về bức công điện từ Saigon. Phản ứng đầu tiên là ông Cần tái mặt, ông bảo Thích phải điều tra lại ngay xem có sự gì oan ức không. Ông Cần nói : *Giết oan người ta thì Chúa phạt đến đời con đời cháu.* Sau khi An ninh Quân đội điều tra lại thì đều xác nhận vụ án gián điệp có thật.

Ngày 20-4-64, Tòa xử ông Cần về vụ ấy.

NGƯỜI TỬ TÙ

Một viên Giám thị tại khám Chí Hòa (từng có nhiệm vụ canh gác phòng ông Cần) đã kể lại với chúng tôi : *Có một đêm đã khuya lắm, anh ta đi qua phòng ông Cần, tò mò nhìn qua ổ khóa. Anh thấy ông Cần đi đi lại lại quanh phòng rồi ông gục đầu vào tường. Anh nghe thấy tiếng ông khóc nức. Sau đó anh thấy ông Cần đi lại phía giường.*

Ông quì dưới chân giường gục đầu vào nệm, anh vẫn nghe thấy tiếng ông khóc nức. Một lần khác có việc vào phòng ông, ông lại có vẻ bình thản và hỏi : « *Chú có nghe tin tức gì ngoài nớ không ?* » Tất nhiên là anh ta chỉ ậm ừ rồi mau chóng đi ra (vì sợ bị nghi có liên lạc với tù nhân)... Lần nào gặp, ông Cần cũng có lời hỏi han anh như : *lượng bao nhiêu, có đủ ăn không, mấy con, bố mẹ còn không, có nuôi được bố mẹ không ?*

Buổi sáng ngày ông Cần phải ra pháp trường, người con gái bà Ấm (cháu gọi ông Cần bằng Cậu) được phép vào tận trong phòng giam thăm ông với sự hiện diện của một viên chức. Chị ta dơ năm ngón tay ra hiệu cho ông Cần (có nghĩa là 5 giờ bị xử). Ông Cần khẽ gật đầu. Vì không nén được xúc động, người cháu gái khóc bù lu bù loa và nặng lời nguyện rửa những ai phản phúc ông cậu mình. Ông Cần thì vẫn điềm đạm. Lời ông nói với cô cháu gái được ghi nhận như sau : « *Không có gì đáng buồn mà phải khóc lóc. Làm chính trị là phải như thế. Cậu không có gì oán thán hết. Làm chính trị thì phải biết sẽ có một ngày như thế này* ».

Buổi chiều, có những viên chức sau đây đã đưa ông từ phòng giam ra pháp trường : Đại tá Trang-văn-Chính Giám-Đốc CS Đô Thành, Trung-tá Nguyễn-văn-Đức ủy viên chánh phủ và luật sư Võ-văn-Quan cùng một số viên chức khác và có cả bà Ấm, người chị ruột của ông Cần.

Trước đó ông Cần bị bệnh to khớp xương và

những tháng năm trong tù ông gần như bị tê liệt, mỗi khi đi đứng phải có người xốc hai vai.

Song buổi chiều ra pháp trường một số người hiện diện đều ngạc nhiên, da mặt ông ta tự nhiên đỏ hồng, từ trên lầu xuống nhà ông vịn tường mà đi không cần người xốc nách. Ông vẫn nói với chị ông và các cháu (trong đó có bà Trần-trung-Dung) « không việc gì mà phải khóc lóc hay chửi rủa ai. Cứ cầu nguyện cho người ta. Cậu làm chính trị cậu đã nghĩ đến ngày phải như thế này ».

Đại-tá Chính và mấy người khác lên tiếng chào ông, ông cúi đầu thi lễ : « Xin chào các Ngài ». Mọi người đều công nhận ông có vẻ thản nhiên và khỏe mạnh hơn mọi ngày thường.

ĐẢNG LÀ TA

Xưa kia ông Cần vẫn thường phê bình ông Nhu rất gay gắt « Làm chính trị như anh ấy chỉ lo chương trình kế hoạch chính sách thì có ngày chết ». Theo ông Cần làm chính trị vào thời nay cần phải có tiền, phải gây cơ sở tức là phải nghĩ đến chuyện làm kinh tài cho đoàn thể. Điều ấy đúng. Không một đảng phái nào muốn phát triển tồn tại mà không nghĩ đến chuyện này. Ông Cần thường nói với các « đồng chí » của ông (như đồng chí Văn Anh, Bí thư Sứ Bộ Trần-quốc-Toản, từng được ông Cần chu cấp tiền cho xây biệt thự tại Nha-trang) « Làm chính trị mà không có tiền, có cơ sở thì mần răng ? »

Tiếc thay, quan niệm đó đúng và thực tế, nhưng đã sai lầm từ căn bản (do môi trường, hoàn cảnh, con người đó). Với ông Cần thì « ngoài lòng yêu mẹ ông còn yêu Đảng của ông » Đảng trong quan niệm của ông chỉ có nghĩa : « Đảng là ta mà ta là Đảng » (Le Parti c'est moi) ông muốn một tay mình quán xuyến Đảng, thu vét chặt chiu cho Đảng. Do đó, mọi tài sản sẽ dành cho Đảng. Ông Cần thường nói : « Tao một thân một mình và đã già rồi thì cần gì. Mua đất cát, dựng xí nghiệp này nọ (...) là lo cho bọn bay sau này ». Việc xây dựng Đảng của ông đã làm lẫn ngay từ ngôn ngữ « BỌN BAY ».

Và Đảng đã được lãnh đạo qua hình thức phụ quyền, cha con. Cứ cho rằng lãnh đạo Đảng như vậy cũng là được đi. Nhưng thực tế của miền Nam không phải là thực tế của miền Bắc CS. Ở Bắc thì Bắc rồi mới đến Đảng, nhưng Đảng là một tập thể anh em, với kỷ luật sắt thép. Còn ở Nam thì khác, vào Đảng vì lý tưởng cũng có mà vì chủ nghĩa xôi thịt cũng nhiều. Chẳng hạn, năm 1954 khi kết nạp Đảng viên, trong một tình thế bấp bênh lộn xộn lúc ấy, có một Trung-tá chỉ huy một « GM » (Groupe Mobile) từ Bắc di quân vào Nam. Viên Trung tá vốn là người của biệt đội Con Ó (thuộc Phòng VI của Trần-đình-Lan). Ông Cần đã ủy cho một người thân tín phải tìm cách thuyết phục đưa viên Trung tá vào đảng. Với cấp bậc và chức vụ đương nhiên viên Trung tá trở thành một đảng viên quan trọng thuộc hàng « lãnh đạo ». Con người ông ta ra sao, lòng trung thành và hiệu năng phục vụ đảng như thế nào, ông Cần không cần biết.

Khi vào đảng rồi « đồng chí » của ông đóng vai trò con cái trong nhà « vâng vâng dạ dạ » bằm lạy cậu. Từ đó viên Trung tá trở thành Đồng chí văn thanh, chỉ còn là thứ nô bộc trong vai trò nô bộc cao cấp. Như vậy thì làm sao kiếm tìm được tình đồng chí trong ý nghĩa hiêng liêng của từ ngữ này ? Thế nhưng ông Cần vẫn mê say Đảng... và gây kinh tài cho Đảng gồm những ông tai to mặt lớn như kiểu « đồng chí văn thanh », trong khi đó một số đồng cũng yêu Đảng như mối tình đầu lại bị ông chê « Tụi bây còn trẻ mà biết gì ».

Trong quan niệm phụ quyền cha con và « Ta là Đảng » ông Cần tự ý lo liệu, tự ý ủy quyền cho một số người quản trị tài sản của đảng ông. Sự quản trị đó tín nhiệm cá nhân và lại không có gì ràng buộc với tập thể... Hóa cho nên khi ông Cần ngã xuống thì anh nào « may tay có lời », đảng của ông trở thành tay trắng, tan tành một sớm một chiều và ông cũng chết trong hai bàn tay trắng. Đó cũng là một bài học quý giá cho những ai khi có chánh quyền mà muốn lập Đảng dù lập Đảng tất cả ý chí và lòng say mê. Nhưng đừng quên rằng, chuyện đời rất khó, thấy ăn thì tìm đến thấy khó tìm đi đó là lẽ trắng đen của đời.

Sự ủy quyền quản trị tài sản cho Đảng Cần lại trao cho một số người trong đó có Dược sư, Dân biểu, ông Cần (do môi trường, hoàn cảnh thuận tiện và ý thức non kém về chính trị cũng như sự lãnh đạo Đảng) khiến cho ông đã chọn làm một số người toàn là những kẻ tùy cơ hội tùy thời ăn có, cho nên khi được ủy quyền rồi thì bọn người này lại nhân danh ông

Cần mà sách thủ tác oai tác quái đề nói là kinh tài cho Đảng theo lệnh Cựu mà kỳ thực chỉ lo cho cá nhân đầy tham vọng của họ.

Bao nhiêu oán than đã có ông Cần chịu. Thực tế đã xảy ra như vậy và khi chết, ông lại chết vì tài sản cùng với hai bàn tay trắng.

Khi ra pháp trường ông Cần lẻ loi một mình. Mặt ông vẫn thản nhiên, ông bị trói vào cột (như báo chí đã tường thuật). Trung-úy Bảo, sĩ quan báo chí Phủ Thủ tướng là người duy nhất đại diện báo chí nhà nước có mặt tại « sân bắn » lúc ấy. Trung-úy Bảo thuật lại : *Hai bàn chân của ông chỉ có năm ngón chắm đất, gót chân lơ lửng.* Ông Bảo tiếp lời : *biết đâu lúc ấy ông Cần không nhận ra tôi* ». Trung-úy Bảo đứng cách tử tội Ngô-đình-Cần 15m về phía tay mặt. Đằng trước ông Cần là toán QC. Sau toán QC là báo chí. Do tình cờ của số phận nhân chứng lại có mặt trong tư thế đại diện chính quyền trong buổi xử bắn ông Cần. Thật là éo le !

Nhân chứng nói : « Nhìn ông Cần lúc ấy tôi rơm rớm nước mắt song vẫn cố tình làm ra vẻ thản nhiên ». Định mệnh lịch sử có thật hay sao ? Trước đó, nhân chứng được Trung-tá Khôi cho ra Huế mang thư riêng đến ông Cần. Nhân chứng tưởng chừng ông Cần chắc phải là người dữ dằn hung hãn lắm.

Nhưng khi được Đại-úy Minh đưa vào yết kiến Trung-úy Bảo rất ngạc nhiên. Ông Cần nằm trên chiếc ghế xích đu kê ở hàng hiên. Ông đang nhai trầu bím

bèm. Thấy Bào ông Cần ngồi nhòm dẫy và tự tay kéo ghế mời ngồi. Ông gọi đích danh Bào rồi hỏi thăm chuyện trò lan man về tình hình Saigon, về gia cảnh và công ăn việc làm của Trung-úy Bào.

Vẫn khuôn mặt cũ, buổi chiều hôm ra pháp trường, Trung-úy Bào thấy ông Cần vẫn giữ vẻ bình thản, da mặt đỏ hồng.

Rồi một loạt súng nổ, ông Cần trở về cõi thiên cồ.

Trước đó ông ta từ chối không chịu bị bắt. Nhưng Trung-tá ủy viên Chính phủ nói « *Đây là luật lệ bắt buộc như vậy* ». Ông Cần đành chịu, ông cũng không quên lên tiếng xin mọi người tha thứ cho ông và những người đồng đạo có mặt lúc ấy đã đọc cho ông một kinh *lay cha* trong đó có câu « *xin cho chúng tôi hàng ngày dùng đủ và tha tội chúng tôi như chúng tôi cũng tha kẻ có nợ chúng tôi* ». Khi bị trói vào cột, ông Cần được gặp riêng cha Thỉnh thuộc Dòng Chúa Cứu Thế là vị cha *linh hướng* của ông. Rồi sau đến LS Võ-văn-Quan... LS Quan nói chuyện với ông Cần một lúc, rồi đưa tay gỡ cặp kính trắng trên mặt ông, không khí thật trầm lặng và căng thẳng trong nỗi thê lương. Cha Thỉnh quay đi... mắt vị Linh mục long lanh hạt lệ. LS Quan khẽ thở dài như tiếc thương cho một phận người.

Chỉ một loạt đạn thứ nhất, ông Cần đi ngay. Đầu ông gục xuống, lắc lư.

Trung-úy Bào đến bên ông... Máu da đỏ hồng

biến thành màu xám nhạt. Không ai giữ được tiếng thở dài nghẹn ngào. Ông được tháo dây trói và đặt trên brancard khiêng trở lại khám đường. Nhân chứng đi theo. Trong gian phòng hoang lạnh, không còn ai ngoài nhân chứng, người Hiến binh áp giải và lát sau thì có bà Ấm lật đật chạy vào. Ông Cần nằm trên brancard, phủ tấm vải trắng loang lổ máu. Người chị của ông khóc rưng rưng, nước mắt dàn dụa trên gò má. Thế là xong một đời người.



CHƯƠNG VI

**TRƯỜNG HỢP
BÀ NGÔ BÌNH NHƯ**

Bà Ngô đình Nhu có điệu bộ vóc dáng của một minh tinh màn bạc hơn là một phu nhân theo cốt cách Đông phương. Trong 9 năm chế độ NĐD Bà được suy tụng như một Đệ Nhất Phu Nhân. Chính cái danh xưng này đã không thuận tai và làm cho dân chúng cảm thấy không ít. Ông Nhu tuy là một Cố vấn chính trị Phủ Tổng-thống nhưng trên danh nghĩa ông không có một vị thế công quyền. Ông Tổng thống sống đời độc thân mà người em dâu lại được « suy tôn » như Đệ Nhất Phu Nhân thì điều đó quả chướng tai vì nó không chính danh và hợp với chữ lễ.

Nhưng từ nguyên do nào đã đưa bà Nhu lên địa vị một người đàn bà « *uy quyền* », bao nhiêu khách công hầu của chế độ tưng ra luồn vào cúi và coi Bà như một nữ lãnh tụ ? Ai phong cho Bà Nhu tước vị Đệ Nhất phu nhân ? Không ai phong cho Bà cả. Nếu có thì chỉ

có cơ quan Thông Tin thỉnh thoảng qua một vài bản tin, qua bích chương đã «bốc» bà lên hàng tột đỉnh công danh đó.

Xin trở lại quá khứ : Tháng 4-1955 khi Saigon đang ngút ngàn khói lửa, Bình Xuyên quyết ăn thua đủ với chính quyền, gia đình bà Nhu vẫn còn ở nhà tại căn nhà của BS Cao xuân Cần trước đường Saint Pierre Saigon.

Khi thu hồi dinh Norodom, Tổng thống Ngô đình Diệm dành một phòng phía bên trái cho vợ chồng ông Luyện. Trong hai người em dâu thì Tổng thống Diệm quý bà Luyện hơn. Giữa vợ chồng ông Luyện với Tổng thống Diệm có sự thân mật đậm đà và không xa cách như vợ chồng ông Nhu. Từ khi trở về nước chấp chánh cho đến tháng 4-55, vai trò của ông Ngô đình Luyện mới là quan hệ. Vai trò của ông Nhu lúc ấy còn mờ nhạt...

Nhưng có một điểm tâm lý như thế này : Tuy rất quý vợ chồng ông Luyện nhưng ông Luyện lại chỉ có toàn con gái. Tổng thống Diệm không thích cháu gái. Ông rất yêu mến đám con trai của Bà Nhu. Đó cũng là lý do dễ hiểu, khi cha con ông Ngô đình Khôi qua đời (1945) thì mấy chú con trai của ông Nhu trở thành kẻ nối dõi *tổng đường* của Dòng họ Ngô - đình. Ngô đình Trác đứng vào hàng đích tôn thừa tự và là bực trưởng của gia tộc Ngô-đình sau này. Mấy chú con trai của ông Nhu trở thành nhịp cầu nối tiếp giữa TT Diệm và vợ chồng ông Nhu mặc dầu bản chất giữa TT Diệm và ông Nhu rất khác biệt nhau.

Anh em không mấy khi gần nhau qua những phút tâm tình hàn huyên. Nhưng mấy đứa cháu trai lại trở thành nguồn sinh thú tinh thần của TT Diệm và đó cũng là hy vọng của ông TT còn nặng lòng với nho giáo... trong tình tự gia đình. Chính cũng nhờ ở điềm có mấy người con trai cho nên bà Nhu đã dễ dàng tạo được tư thế trong gia đình chồng.

Khi trận chiến giữa Bình-Xuyên và chính quyền bù nhìn, Đại-úy Huỳnh-văn-Cao bàn tính với Thiếu-tá Vinh làm thế nào để di tản gia đình bà Nhu vào trong Dinh, nếu không Bình-Xuyên có thể làm «hoảng», giết ông bà Nhu hoặc bắt cóc mấy đứa con của bà để làm điều kiện thương thuyết. Ý kiến này mọi người đều cho là phải. Trước đó TT Diệm cũng tỏ ý băn khoăn ngổ ý với ông Bằng « Mi bàn với Vinh và Cao làm sao che chở gia đình ông Nhu ở Saint Pierre... Bình-Xuyên nó làm dữ quá... ». Mấy hôm sau, gia đình bà Nhu di tản vào Dinh Độc Lập, ở trong một gian phòng phía góc trái. Lúc đầu ông Nhu nằm ghế bố vì không có giường...

Bà Nhu tuy chỉ học hết lớp Đệ Tam (classe de seconde) trường Albert Sarraut Hanoi nhưng bà lại có trí thông minh thiên bẩm. Sinh ra trong nhung lụa lại thuộc gia đình quan lại vọng tộc, bà Nhu từ tấm bé đã ở trong một môi trường tháp ngà như không liên hệ với nếp sống VN. Có thể nói, bà thuộc một giai cấp khác không có trong xã hội VN. Cái giai cấp đó được thành hình trong chiếc nôi văn hóa của Tây phương. Bà là thứ trưởng giả thiệt. Nhưng thứ trưởng giả này là một chất hỗn hợp giữa bản chất hoàng

phái (dòng máu bên ngoài) cùng quan lại vọng tộc (dòng máu bên nội qua gia đình cụ Trần-văn-Thông). Thân mẫu của bà vừa là cô gái Huế vừa thuộc hàng khuê các của sông Hương núi Ngự. Thân phụ bà tuy hiền lành nhưng trong con người của ông Trần-văn-Chương đã có tới 80% chất Tây. Quê nội trong Nam, quê ngoại ở xứ Huế lại sinh trưởng tại đất Bắc, bà trở thành thứ *lưu dân* giữa 3 miền Nam, Bắc, Trung.

Từ nhỏ học trường Pháp, và trong gia đình sống theo lối Pháp, cha mẹ con cái chỉ nói tiếng Pháp như một ngôn ngữ mẹ đẻ, Bà Nhu trở thành thứ *dâm con* khi còn cắp sách đến trường.

Tóm lại, môi trường và nếp sống của bà hoàn toàn xa cách với nếp sống của quảng đại quần chúng VN. Khi trở về làm dâu họ Ngô đình bà Nhu càng trở nên lạc lõng.

Giữa hai họ Ngô-đình và Trần-văn tuy là dòng quan lại cũ nhưng họ Trần-văn đã « *tây hơn cả tây* ». Họ Ngô-đình trước năm 1945 thường bị giới đường quan phê bình là « *quê* ». Quê có nghĩa là không biết ăn chơi, không có một đời sống thích nghi với nếp sống tây phương và hầu hết các giới quan lại thời đó đều tôn thờ đây là hình ảnh mẫu thuẫn và hoàn toàn khác biệt giữa hai gia đình thông gia. Ngô-đình và Trần-văn. 1) Qua tấm ảnh trong cuốn album của gia tộc Ngô-đình ta thấy cụ ông Ngô-đình-Khả đứng cao lênh khênh, mặc áo đại quan, đeo bài ngà kim khánh nhưng chiếc quần lại cao quá mắt cá chân, rộng thùng thình. Ông Cụ là hình ảnh một vị Thượng quan thế

kỷ 18. Bà cụ khá thấp, mặc áo dài đen, quần thì ống thấp ống cao, bế con. Chung quanh 2 ông bà là một đàn con yêu vận quốc phục. Riêng TT Ngô-đình-Diệm lại mặc bộ đồ đầm sọc (loại tây dã phế thải) và đi chân đất. Nhìn hình ảnh đó, ta có ngay một mối cảm tưởng sâu xa vì cảnh hàn vi của một lễ Bộ Thượng thư Nam Triều. 2/- Hình ảnh gia đình Bà Nhu thì trái hẳn, ông Trần-văn-Chương mặc Smoking rất đúng điệu trường giả Anh quốc... Bà Chương lộng lẫy trong áo dài gấm vấn tóc trần. Chính ảnh một phu nhân tân thời vào những năm 1930... trong khi con cái bà Chương đều mặc « đầm » rất đúng điệu. Chú con trai mới mấy tuổi cũng « *Tenue de soirée* » hoàn toàn trường giả.

Trong gia đình Ô. Trần-văn-Chương, vợ chồng con cái đều dùng Pháp ngữ như tiếng mẹ đẻ. Bà Chương vốn đã nổi tiếng là một mệnh phụ giao du rất rộng. Bà thuộc loại « *Dame galante* ».

Được áp ú và giáo dục trong một trường tây phương, khi còn đi học Bà đã nổi tiếng là một tiểu thư lá lướt và lãng mạn.

Ông Nhu vốn là bạn của vợ chồng LS Chương. Cuộc tình duyên giữa chú Nhu và cô bé Lệ-Xuân là cuộc tình duyên « chú cháu ». Chú hơn cháu cả trên hai mươi tuổi.

Kể từ năm 1945, gia đình ông Nhu trải qua cuộc « phong trần », khi thì ở Đalat, khi thì ở Saigon... ông Nhu « thất nghiệp »... 6, 7 năm trời. Khoảng thời gian này đều do tay bà Nhu tần tảo thu xếp. Từ nếp

sống một tiêu thụ trường giả đòi qua vai trò một người vợ của ông chồng « *lừng khùng và thất nghiệp chính trị* » bà phải lo toan mọi bề và thời gian này với một người như Bà Nhu không tránh khỏi cái tâm lý của kẻ tự tôn với dĩ vãng vàng son và tự ti với hiện tại đầy cam go về sinh kế.

Dù có sự chu cấp ít nhiều của Đức Cha Thục, gia đình vẫn không thoát khỏi cơn khủng hoảng kinh tế kéo dài năm sáu năm. Thời gian này, chuyện xô xát giữa đôi vợ chồng già trẻ khó bề tránh khỏi. Theo sự tiết lộ của một số gia nhân thân cận... thì bà Nhu luôn luôn to tiếng... với ông chồng. Ông Nhu không biết kiếm đâu ra tiền, mọi sự đành « *một tay nhờ mụ nó* ». Khi một người đàn ông dù người đàn ông đó là loại siêu đẳng nhưng từ một điều thuốc cũng do tiền vợ mua thì tất nhiên do kết quả tiệm tiến của một quá trình tâm sinh lý người đàn ông đó không thể nào không bị vợ chi phối. Vợ không khinh đã là đại phúc. Nếu vợ vẫn trông vọng mình thì lại càng tạo nên yếu tố tâm lý giúp cho người vợ dễ dàng khuất phục ông chồng và quyền uy của người vợ theo thời gian mà thấm vào trái tim và trí óc ông chồng không bao lâu quyền uy của chồng trở thành quyền uy của vợ. Ông Nhu ở trong trường hợp này.

Kể từ năm 1952, tình trạng kinh tế gia đình của vợ chồng ông Nhu càng thêm sa sút đến độ tê liệt. Bà Nhu đã phải bán hết tư trang. Năm 1952 chiếc vòng bà đeo cò cuối cùng cũng phải đem phát mại. Khi ông Nhu quay sang làm tờ tuần báo Xã hội

thì cảnh nhà lại càng tê liệt. Những cộng tác viên của ông đạo đó phải mua tặng ông Nhu từng bao thuốc, đôi ông từng bữa quà sáng. Quần áo của ông Nhu cũng đã xác xơ. Ông chỉ còn lại một vài bộ đồ lớn còn lưu giữ từ thời tiền chiến. Bà Nhu thì đi xe đạp... Ông chồng Nhu vẫn đi ké xe « muôn thuở » từ Năm 45 cho đến 54.

Bản chất ông Nhu vốn trầm lặng một cách khó hiểu và rất sợ « sít căng đan », cho nên cứ mỗi lần bà Nhu la lối thì ông lại ngồi im không một lời nói năng, nét mặt chầy dài. *Sít căng đan* như một biến cố tâm lý trong đời ông là đạo cuối 1953 bà Nhu đã dọa tự tử sau một trận xô xát... Trước sau ông Nhu vẫn là kẻ thua cuộc vì bất lực trong cuộc mưu tìm sinh kế cho gia đình. Nguyên nhân chỉ vì cạnh tiền không còn cách nào xoay sở để sinh sống. Với một người trí thức *cổ nặng* như ông Nhu trong tình cảnh ấy kéo dài qua nhiều năm thì *áp lực* và ảnh hưởng của vợ đối với chồng (nhất là chồng già vợ trẻ) mỗi ngày ăn thấm sâu lan rộng... thì đời sống « phòng the » do đó mà dễ dàng khuynh loát không chế bao tỏa ra mọi việc... từ gia đình tư riêng đến giao tế bên ngoài. Trước năm 1952 đối với vợ, ông là người cứng rắn, ông không thích ai bàn tính chuyện thế sự với bà vợ... mà ông cũng không bàn thảo gì với bà vợ còn non trẻ.

Ông vẫn coi bà vợ như một cô cháu gái ngây thơ. Nhưng Bà Nhu lại nhiều lần muốn chứng tỏ mình không còn nhỏ dại và có đủ khả năng để giúp chồng

làm việc lớn. Trong vụ tranh chấp giữa tướng Hinh và TT Ngô-đình-Diệm, bà đã chứng tỏ bà có khả năng thực. Đạo ấy bà Nhu đã len lỏi đến nhiều nơi đề vận động chống tướng Hinh và kể cả chuyện tham gia sách động biểu tình tháng 9-54. Giữa lúc tình hình gay go nhất, Bà Nhu nhảy vào vòng với một lập trường dứt khoát là phải đuổi cõ anh « tây con » sang Pháp. Tháng 4-55, khi TT Ngô-đình-Diệm nhận được công điện của quốc trưởng Bảo Đại triệu qua Cannes, Bà Nhu đã mạnh bạo tỏ thái độ quyết liệt và tìm mọi cách cản ngăn ông anh chồng qua Pháp và chủ trương lật đổ ông Vua này. Về vụ Bình-Xuyên bà cũng nhảy vào vòng (dù không ai yêu cầu) nhưng bà lại chứng tỏ có khả năng và nhiều sáng kiến trong việc giúp anh và chồng giải quyết đại sự trong r tình thế sôi bồng.

Khi gia đình bà Nhu dọn vào Dinh Norodom, lúc đầu chỉ có tinh cách ở tạm ít lâu để lánh nạn Bình-Xuyên. Gia đình ông Luyện tự động nhường căn phòng phía bên trái Dinh cho vợ chồng ông anh và dọn ra ở tòa nhà trắng phía đường Nguyễn-Du. Ông bà Nhu ở căn phòng này cho đến vụ ném bom 27-2-62.

Trong gia đình, ngoài Đức Cha Ngô-đình-Thục và TT Ngô-đình-Diệm thì không ai ưa bà Nhu cả. Riêng ông Luyện lại coi thường bà chị dâu và tỏ ra bất mãn khó chịu mỗi khi thấy chị dâu « can dự vào » chuyện quốc sự. Sự bất đồng giữa ông Nhu và ông Luyện trở nên rõ rệt qua vụ truất phế Bảo Đại. Ông Luyện là bạn thân của Bảo Đại từ hồi còn đi học và

chính ông đã đóng vai trò *giao liên dàn xếp* với Bảo Đại qua vụ tướng Hình và Bình Xuyên. Ông Nhu thì chủ trương phải truất phế cựu Hoàng Bảo Đại và thành lập chế độ Cộng Hòa, dĩ nhiên là bà Nhu hòa theo. Bà lại thường dùng những ngôn ngữ *dao to búa lớn*... Thái độ và lời nói của bà vừa lấn át người đối thoại vừa như một mệnh lệnh khuất phục kẻ đối lập với bà. Trong thời gian qua Pháp ba tháng đề dàn xếp với Bảo Đại vào đầu năm 1955 lúc ông Luyện trở về thì quyền cố vấn đã hoàn toàn nằm trong tay ông Nhu có nghĩa là bà Nhu cũng tham gia ít nhiều vào quyền cố vấn đó. Tổng thống Diệm đã phải dặn riêng mấy người thân cận như Đại-úy Cao, Thiếu-tá Vinh như « *ở nhà có chuyện gì xảy ra đừng có kể lại cho ông Luyện nghe.* » Ý TT Diệm không muốn làm phật lòng ông em út mà TT Diệm thương nhất trong nhà nhưng ông lại nể ông Nhu hơn và phục cái tài của ông em học giả. Từ dạo đó, quanh TT Diệm đã chia thành 2 phe một phe thân ông Luyện, một phe thân ông bà Nhu. Mấy gia nhân thân cận thân như ông Bằng cũng bắt đầu công khai *va chạm* với gia đình bà Nhu.

Sở dĩ phải mô tả và nhận định về con người và bản chất thực của bà Nhu ở thiên bút ký này là vì những tình cờ của lịch sử và số phận hăm hiu của quốc gia, bà Nhu đã có cơ hội tham dự ít nhiều vào một số biến cố lịch sử năm 63. Điều quan trọng hơn là bà cố vấn Nhu có một phần trách nhiệm trong biến cố đó.

Vấn đề đại sự quốc gia nhiều khi lại bắt

nguồn từ những sự việc rất tầm thường. Biến chuyển lớn của lịch sử hơn một lần lại bùng nổ từ những xúc cảm và ý kiến rất phiến diện của cá nhân lãnh đạo cùng những ảnh hưởng tình cảm chung quanh cá nhân đó. Biển cố 1963 đã nói lên điều này và Bà Nhu đã góp phần « *đổ dầu thêm vào lò than hồng năm 63* » trong khi sách lược của Cộng sản là luôn luôn tìm mọi cách phân hóa và gây mâu thuẫn trong hàng ngũ quốc gia bằng một kỹ thuật tinh vi nhất. Cộng sản tạo nên dư luận về một số cá nhân lãnh đạo và gia đình, đời tư của cá nhân đó. Từ dư luận rồi *lộng giả thành chân* đề tạo nên « như là thực ».

Từ cái *như là thực* không bao lâu trở thành *sự thực*. Chẳng hạn như chiếc « *ghế khoái lạc* » của Bà Nhu được triển lãm tại Phòng Thông Tin Đô Thành năm 1964 (đây chỉ là chiếc ghế ngồi uốn tóc. Từ năm 61 bà Nhu không ra tiệm uốn tóc nên một tiệm uốn tóc ở đường Catinat đã đưa chiếc ghế này vào Dinh, mỗi tuần cho thợ vào một lần, chiếc ghế đó bỗng nhiên được cách mạng đặt tên là ghế khoái lạc để chứng tỏ tội ác của bà Nhu cùng chế độ NĐĐ., chiếc ghế khoái lạc đó đã ít nhiều kích động quần chúng tạo dựng nên bao nhiêu điều đáng tò mò qua con người đầy sôi nổi như Bà Nhu.

Trong 9 năm đã có bao nhiêu « *sự thực* » như vậy được diễn tả một cách *mé ly gay gắt* trong dư luận quần chúng. Mà sự thực về Bà Nhu như thế nào ? Trước hết, nếu nói về tội thì bà có một « *tội lớn* » như thế này : *Bà không biết gì về chính trị nhưng lại*

hăng hái tham gia chính trị. Sinh trưởng trong *nhung lụa* của một tháp ngà trưởng giả Tây phương không thích nghi với đời sống của quảng đại quần chúng, nhưng lại công khai nhảy ra hoạt động đứng trên hàng đầu... Tất nhiên bà phải dẫn mình vào thực tại nhưng lại không thích nghi được, thực tại trở nên đối nghịch với chính bản chất trưởng giả và xa lìa quần chúng của bà. Thực ra thì chính quyền đạo đó cũng muốn tạo lực lượng phụ nữ.. Vì đây là một lực lượng đáng kể và nếu biết cách tổ chức và vận động thì lực lượng này là một hậu thuẫn to lớn. Bà Nhu có thể làm được điều đó cùng với ưu thế và quyền hành (trong bóng tối mà ở trong bóng tối mới là quan trọng). Bà Nhu lại quyết tâm hoàn thành giấc mộng trở thành lãnh tụ của giới phụ nữ Việt-Nam. Ngay trong gia đình nhà chồng — một gia đình thượng quan nho phong — bà Nhu còn không sống cho thích nghi với đời sống hưởng chi quảng đại quần chúng nhất là quần chúng VN vốn trọng nam khinh nữ, dân VN vốn chỉ tôn mộ khâm phục những loại như Bà Thanh Quan, Sương nguyệt-Ánh, Phan-bội-Châu phu nhân và gần hơn điển hình nhất là Nam-Phương Hoàng-Hậu.

Bản chất người Việt cả nam lẫn nữ, vốn không có cảm tình nếu không muốn nói là *ghét* và khinh thị những loại « phu nhân » múa may bên ngoài phạm vi gia đình và công tác xã hội từ thiện.

Những lý do nào khiến bà Nhu tạo được cơ hội *nhảy* vào sân khấu chính trị và từ năm 1956 bà đã

gây được nhiều thanh thế trong dư luận quốc nội và quốc ngoại... Nói là bà quá ồn ào thì quả thực bà ồn ào nhưng ồn ào có kỹ thuật trình diễn. Lý do gần và như là tầm thường nhất đã giúp bà Nhu dễ dàng thành công trên con đường của bà trước hết và đáng kể chỉ vì bà Nhu trở nên dâu cả trong gia đình họ Ngô và *độc quyền* dành cho họ Ngô mấy cậu con trai đề nối dõi tông đường, (mãi sau này ông Luyện mới có con trai). TT Diệm *độc thân* và mấy đứa cháu trai trở thành nhu cầu cần thiết cho đời sống tình cảm qua một con người còn nặng lòng với gia tộc và truyền thống như TT Diệm. Sau nữa dù Phủ Tổng thống đã có Nha Nghi Lễ, có sở nội dịch, ông Tổng-thống Diệm vẫn còn phải có một phụ nữ đề lo toan công việc tiếp khách và nhiều vấn đề khác thuộc phạm vi giao tế nhân sự mà thiếu một người đàn bà cũng gây nên nhiều nan giải, bế tắc. Bà Nhu lại có sở trường giao thiệp có khiếu đôi chút về thẩm mỹ. Trong khi TT Diệm cũng như ông Nhu hoàn toàn mù mờ về thẩm mỹ và giao tế (lo toan việc nội trợ đều một tay bà Nhu điều động) như trang hoàng phòng khách sắm sửa các đồ trang trí và trang sức v.v...

Bà lại luôn luôn tỏ ra con người mẫn tiệp, tháo vát và khéo (khi tiếp phái đoàn ngoại quốc)... Bà lại nói Pháp ngữ và Anh ngữ rất lưu loát.

Từ tư thế của một nữ tiếp viên của Dinh Độc Lập lại thêm tham vọng *lãnh tụ của phụ nữ* cùng với uy thế và quyền hành của chồng và anh chồng,

bà Nhu được mặc nhiều chấp nhận trên thực tế như một uy quyền bất khả kháng và uy quyền đó, cách này hay cách khác đã chi phối ít nhiều trong sinh hoạt quốc gia và công vụ.

Lực lượng phụ nữ của bà Nhu qua phong trào phụ nữ Liên đới lại chỉ gồm vợ mấy ông lớn cho nên không có tính cách quần chúng và chỉ nặng về trình diễn. Khi các bà lớn trình diễn chính trị thì quả tình, không hấp dẫn được ai và trở thành trò cười cho thiên hạ.

Bà Nhu chịu đọc sách lại có ông chồng « Cố vấn » Tuy kiêu ngạo tự tôn nhưng gặp việc khó khăn nan giải, Bà vẫn chịu khó tìm hiểu ý kiến qua một vài cộng sự viên thân cận của ông Nhu.

Bà đối đáp rất lanh lẹ, phản ứng bốc chất nóng bỏng. Đó là ưu điểm của Bà. Nhưng về mặt chính trị phản ứng nóng nảy bốc chất của một người đàn bà ở địa vị như bà Nhu đã trở nên thất lợi. Khuyết điểm lớn của bà là không tạo được những cử chỉ phong độ và ngôn ngữ hấp dẫn được quần chúng kể cả giới phụ nữ. Trong khi bà Nhu lại trở thành đối tượng cho sự tuyên truyền có sách lược của Cộng sản. Mà người Cộng sản muốn bôi đen một chế độ trước hết tìm cách bôi đen qua từng cá nhân quyền uy của từng chế độ ấy. Rồi theo ngày tháng, một cách tiệm tiến có kỹ thuật, cả chế độ đó sẽ thành đen và quy ngã toàn bộ. Nếu ý thức được như vậy, lý ra bà Nhu phải hoàn toàn đứng trong bóng tối một cách khiêm

nhường. Đảng này bà Nhu xuất hiện với tất cả sự lộng lẫy lòe loẹt với chiếc trống nhịp nhàng của một số các bà Tướng Tá Bộ Trưởng Tổng GD và kê cả mấy vị tu mi « râu mày nhẵn nhụi »...

Trước hết là các dịp lễ Hai Bà Trưng, Bà Nhu muốn làm sống lại khí thế của hai Vị nữ anh hùng Dân tộc này... và có nhẽ Bà cũng muốn nhân cơ hội trở về nguồn lịch sử đề tạo một thần tượng, dẫn đạo phụ nữ. Theo bà Nhu « *Nam giới có Lê Lợi, Quang Trung thì nữ giới cũng có Hai Bà cũng như Pháp có Jeanne d'Arc* ». Trước 63, lễ Hai Bà Trưng được mô tả như một lễ Quốc Khánh thứ 2 sau lễ Quốc Khánh 26.10. Đó là một sáng kiến rất tốt, một cử chỉ đẹp có chính nghĩa không có ai công khai phản đối được. Nhưng vì trình diễn quá nhiều nên lại không thuận tình. Xin dẫn chứng về cái gọi là không thuận tình như thế này :

Lễ Đài trần thiết thật long trọng tôn nghiêm có bàn thờ có tàn lọng có đồ bát biểu, gươm đao, khí giới... trên bục lớn của lễ đài trải nhung đỏ (màu tiêu biểu cho sự thiêng liêng tôn kính theo truyền thống nghi lễ dân tộc). Lễ nghi dành cho bậc anh hùng dân tộc như vậy là đúng. Nhưng người chủ lễ cũng rất quan trọng. Dư luận luôn luôn lưu ý về điểm này. Bà Nhu với tư cách Đại diện Phụ nữ Việt Nam và Đại diện Tổng thống nhất là đại diện TT nên Bà được hưởng đầy đủ nghi lễ nào là xe dành riêng cho Tổng thống lại có đoàn xe Harley hộ tống khi đến lễ đài lại có đủ mặt Bộ Trưởng, tướng lãnh tấp tểnh đứng lên

«kính chào» và chào kính theo nghi lễ quân cách. Trên nguyên tắc thì đúng vì vị đại diện Tổng thống được quyền hưởng nghi lễ như vậy.

Thực tế chính trị và tâm lý truyền thống VN không chấp thuận như vậy. Dù cho là vợ một Tổng thống, người Việt cũng cảm thấy khó chịu. Nếu vợ ông Tổng thống cũng được hưởng nghi lễ đón tiếp dành riêng cho vị nguyên thủ quốc gia ở Tây Phương thì lại khác hướng chi Bà Nhu chỉ là em dâu một Tổng thống vốn được tôn trọng theo hàng *trưởng lão* quốc gia. Do đó mà dư luận bàn tán mỉa mai thành ra « kính chẳng bỏ phiến » không ít, giọng nói của bà Nhu qua các bài diễn từ cũng là một thất lợi vì giọng tuy mạnh thật, tuy có lửa nhưng lại vốn ra vẻ lãnh tụ như răn dạy, truyền bảo, thêm vào đó tiếng nói lại thiếu ngọt ngào truyền cảm, thiếu nữ tính...

Khi đã có quyền hành, có địa vị (dù là trong bóng tối) và một uy tín cần phải được bảo vệ trong tư thế lãnh đạo.. ông Nhu hay ai cũng không thể làm cách nào khác hơn trước một người vợ hay lớn tiếng, dám làm những việc động trời như Bà Nhu... ông Nhu trở thành bất lực không thể cản ngăn vợ... đó chỉ là hậu quả của bản chất trí thức.

Vả lại, trước con mắt chủ quan của ông Nhu thì người vợ ông không làm gì quá đáng trái lại công việc của Bà Nhu lại hợp lý và hữu ích cho quốc gia. Luật gia đình là một thí dụ.

Kể từ tháng 12-1957, Quốc hội họp bàn sôi nổi về

dự án của Luật Gia-Đình, Bà Nhu đã từng bỏ phòng họp ra về với những thái độ ngôn ngữ rất ngang ngược ngạo mạn. Đối với một tín đồ Thiên Chúa giáo và người Tây Phương thì đời sống lứa đôi chỉ có một vợ, một chồng, vấn đề đa thê không cần đặt ra. Tín lý Thiên Chúa giáo không chấp nhận đa thê. Nhưng xã hội VN không phải là xã hội Tây Phương và dân chúng VN không phải tất cả là tín đồ Thiên Chúa giáo — giới Thiên Chúa giáo chỉ là một thiểu số (15% dân số) Cho nên Luật này trên lý thuyết thì hay song thực tế không phù hợp với bản chất và nếp sống của quảng đại quần chúng. Hơn nữa, giới âm thầm phản đối chính là giai cấp tư sản và công chức cao cấp cũng như công kỹ nghệ gia giàu có. Phần lớn các vị này đều bị kẹt nếu không có vợ bé thì cũng lén lút giao du.

Bà Nhu đã lý luận « Đã đến lúc người phụ nữ đứng lên bình đẳng với người chồng ngay trong phạm vi gia đình, chỉ 1 vợ 1 chồng thôi... chỉ những kẻ hư hỏng không ra gì mới lấy vợ nhỏ rồi bỏ phế gia đình » Bà Nhu vẫn tin là mình đi đúng đường với chủ trương cách mạng xã hội giải phóng phụ nữ trước hết từ gia đình đề từ đó bước qua xã hội. Lý luận và chủ trương của bà nghe xuôi tai và hợp lý. Nhưng điều căn bản là cải tạo xã hội, không phải chỉ bằng một biện pháp ban hành một vài Đạo luật.

Có thiện chí và hăng say nhưng bà Nhu vẫn bị phản đối, dân chúng lại thờ ơ. Trước hết Bà Nhu không nắm được một vài định luật rất giản dị, đơn

sơ của chính trị. (Những nhà lãnh đạo sau 63 cũng đều mắc phải lỗi lầm như vậy vì là một thứ lãnh tụ « non ».. thiếu học tập, thiếu kinh nghiệm, không có căn bản chính trị.)

Một trong những « định luật chính trị » căn bản của người lãnh đạo là *không bao giờ được lấy chủ quan của mình để biến đổi khách quan* (tức thực tại chính trị) nhưng ngược lại phải biết biến hóa chủ quan lãnh đạo của mình. Và thích hợp chủ quan với khách quan tức là hòa đồng bản thân với thực tại để nắm thực tại.

Từ bao lâu rồi, việc quốc gia đại sự nếu không may đề một người đàn bà can dự vào thì mọi sự đang tốt lành cũng dễ dàng trở thành u tối. Nói như thế không phải là khinh thị giới phụ nữ. Nhưng lịch sử Đông Tây đã từng minh chứng như vậy. *Đàn bà chỉ là đàn bà dù người đàn bà đó có tài ba như thế nào...*

Bà Nhu là người có tài thực, có thiện chí nhưng tính kiêu ngạo và chủ quan cũng đã đủ làm cho bà trở thành đối tượng cho bao nhiêu điều phàm bình, dị nghị đàm tiếu... Mẫu người như bà Nhu sẽ dễ dàng thành công trong xã hội Mỹ. Ngôn ngữ cử chỉ cùng những phản ứng lanh lẹ bà sẽ dễ dàng thu hút được đám đông. Nhưng đám đông trong quần chúng VN lại trở nên xa cách với ngôn ngữ, dáng điệu và cử chỉ của bà. Qua mấy lần ra ngoại quốc như tại Maroc, Brésil... Bà Nhu đã thành công nhờ ưu điểm trên. Còn chuyển đi giải độc tại Hội nghị Liên-hiệp

Quốc tế Nghị sĩ tại Belgrade (Nam Tư 1963) và Mỹ quốc bà Nhu đã chứng tỏ được khả năng đặc biệt của mình và nhất là tại Mỹ quốc, bà đã gây được nhiều sóng gió làm kinh động chính quyền Kennedy và Đảng Dân chủ Mỹ. Nhưng với xã hội VN, bà hoàn toàn thất bại trước đám đông.

Người ta tự hỏi, tại sao một nhà tri thức uyên bác như ông Nhu lại không kiềm chế được người vợ? Tại sao ông không tìm cách ngăn chặn những hành động thất nhân tâm của vợ? Ông Nhu sợ vợ? Nói cho ngay tình thì ông Nhu không phải là người sợ vợ, ông rất ghét « chuyện đàn bà » dính vào.

Bộ Luật Gia Đình đã gây sóng gió trong dư luận một thời. Thực tế thì luật ấy cho đến khi ban hành và thực thi cũng không tạo được một tác dụng lớn lao nào trong cái tầng lớp dân chúng. Phản ứng của dân chúng đối với luật lệ như luật gia đình không có gì đáng quan tâm vì luật pháp hầy còn hết sức xa vời đối với quảng đại quần chúng VN... Dù có luật hay không luật, đời sống vợ chồng trong giới bình dân đều dựa trên căn bản tình cảm « yêu nhau giá thú bất luận tất ». Nhưng giới thượng lưu và nhất là giới tướng tá và công chức cao cấp tuy ngoài mặt hân hoan chào mừng Luật G.Đ, nhưng trong lòng đau đớn không ít và chính mấy giới này đã góp công không nhỏ trong việc tạo dựng « dư luận xấu » về bà Nhu. Một số quan tòa (xuất thân từ hàng quan lại thuộc địa, trở thành nạn nhân thứ nhất của Luật GĐ. Có ông Tòa hai ba vợ... như vậy thì trách chi không oán ghét Bà Nhu.

Bà Nhu thường bàn luận với mấy cộng sự viên của ông Cố vấn chính trị như thế này *«kinh nghiệm trong gia đình nội ngoại của tôi, tôi biết quá rõ. Ai có vợ nhỏ thì đang trong sạch cũng trở thành tham nhũng, gia đình chia rẽ, rồi dòng con này, dòng con kia cứ lung tung, lộn xộn»*. Khởi từ kinh nghiệm này, Bà Nhu quyết thanh toán chế độ đa thê mà bà nghĩ rằng nếu hoàn thành bà đã giải phóng cho nữ giới cái thảm cảnh gia đình vợ nọ con kia (chém cha cái kiếp lấy chồng chung, kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lòng). Trước diễn đàn Quốc Hội dạo năm 1957, cũng đã có nhiều Dân biểu (kể cả mấy Dân biểu trong PTCMQG) mạnh dạn lên tiếng công kích dự án luật này. Bà coi mấy ông Dân biểu không đi đến đâu cả... Bà Nhu coi thường nếu không muốn nói là khinh miệt một số dân biểu như vậy cũng có nguyên nhân. Vì rằng bà cũng biết rõ «chân tướng» của các ông. (Đời tư lẫn đời công cũng chẳng có gì đẹp đẽ). Chức Dân biểu của họ phần lớn cũng do «công ơn ban phát của Đoàn thể...» Do đó, mà phản ứng của một số dân biểu trở thành vô hiệu.

Trong một phiên họp vào khóa đầu năm 1959, Bà Nhu công khai đả kích một số Dân biểu ngay tại diễn đàn Quốc Hội và cho rằng *ai chống đối luật gia đình chỉ là những kẻ ích kỷ hèn nhát muốn lấy «vợ lẽ»*. Thái độ chống đối đó thật là «hèn». Máy ông DB quyết làm lớn vụ này và đòi Bà Nhu phải xin lỗi... về thái độ hống hách của Bà. Sau đó Bà Nhu tỏ ra phục thiện và ra một thông cáo cải chánh là bà

không nói các Dân biểu *thất hèn* nhưng Bà chỉ nói DB «*thất hèn*». Cách cải chánh của Bà kẻ cũng thông minh và khéo léo.

Tất nhiên ai cũng hiểu rằng, không ai lại nói «*thái độ thất hèn*» cả. Nhưng ở đây bà bẻ quặt hai chữ *thất hèn* thành *thất hèn*. Bà đã «*chơi chữ*» một cách thông minh và đúng lúc. Máy ông DB đành chịu đựng một cách hoan hỉ. Phụ họa với Bà Nhu còn một số nữ DB thuộc «*gà nhà*». Nhưng hầu hết trình độ chính trị còn thấp kém lại thiếu thông minh nên mới có một nữ DB lớn tiếng bênh vực Luật gia đình và đưa ra một «*định thức*» *Đàn bà để ra đàn ông*. Nhờ câu nói «*phàm phu tục tử*» này mà cả mấy năm trời báo chí có đề tài đem ra «*thị phi*».

Dự luận Gia đình bàn cãi vòng vo cả năm, Bà Nhu quyết liệt phải đạt được thắng lợi hoàn toàn. DB Nguyễn-hữu-Chung được coi là kiện tướng dám đương đầu. Ông kết án luật GĐ trái với thiên nhiên, xúi dục vợ chồng kiện nhau và chỉ tạo ra cảnh rối loạn trong gia đình. Bà Nhu lại chỉ thị cho các DB «*gà nhà*» kẻ cả mấy tờ báo kịch liệt công kích DB Chung. Cuối cùng như ta đã biết Bà Nhu thắng thế. Nhưng sự thắng lợi của bà ta không đi đến đâu, vì luật lệ tự nó không thể cải cách được xã hội, muốn dùng luật pháp đề cải cách xã hội thì trước đó phải vận động dư luận, gây ý thức trong quần chúng, học tập thực tế và dùng biện pháp và cách thế của chính trị. Không thể cách mạng nông thôn bằng luật này luật kia đề nông dân có

ruộng rồi coi là cách mạng. Đó chỉ là hình thức tuyên truyền, khoa trương thanh thế.

Thực tế thì luật GD có nhiều điểm phù hợp với tinh thần thượng tôn hạnh phúc và bảo vệ trật tự xã hội qua trật tự gia đình. Thế nhưng lại có một số điểm quá khắt khe, không phù hợp với thực tế, thiếu căn bản của một tinh thần xã hội trong truyền thống VN. Do đó mà cả cái hay cái đẹp đều bị che lấp bởi cái dở... Nhận định của quần chúng vốn nông nổi như một người nhìn trang giấy trắng và chỉ chú ý đến một vết mực đen (dù vết đen đó rất nhỏ và ở ngoài lề). Bà Nhu hãnh diện với luật GD nhưng luật ấy có tác dụng không thì lại là chuyện khác. Sau đó bà lại đưa ra dự án luật *lành mạnh xã hội*. Trước đó tháng 5/1958 tại quốc hội bà đưa ra đề nghị thành lập Phong trào Phụ nữ Liên đới và kêu gọi các bà vợ công tư chức quân nhân tham gia phong trào. Quốc Hội khóa II (tháng 8-59) đã có 9 nữ DB trong đó có bà Nhu. Bà lại khởi công hoàn thành dự án luật « lành mạnh xã hội ». Sau cái tên này bị đá kích nên được đổi thành *luật bảo vệ luân lý* (ban hành năm 62 bị bãi bỏ sau đảo chánh bởi sắc luật 2-63).

Dự luật này cũng gây sôi nổi không ít. Xét cho công bằng, khi đưa ra dự luật này, Bà Nhu nắm ngay được chính nghĩa vì rằng *chỉ có một tối ư thiếu số là nạn nhân của luật bảo vệ luân lý*. Thiết tưởng dù là ở một thời đại nào, ở một chế độ nào (ngoại trừ chế độ của những kẻ hành tiến ăn chơi sa đọa và coi nhảm đằm như một lý tưởng đáng tôn thờ) không ai

có thể tán trợ cho các thiếu niên uống rượu hay hút thuốc hoặc tán trợ cho nạn phá thai, đồng bóng... Ấy thế mà người ta vẫn chống đối và hê nhau tạo nên niềm công phẫn. Bà Nhu lại trở thành trung tâm điềm của bao nhiêu mũi dùi dư luận. Dĩ nhiên luật ấy cũng có những điềm quá đáng và thực tế.

Trên quan điềm quần chúng cũng như phong tục truyền thống dân tộc thì dự luật bảo vệ luân lý của bà Nhu là một công trình tốt đẹp với thành ý xây dựng rất rõ rệt. 15 triệu đồng bào bất quá chỉ có vào khoảng nửa triệu ảnh hưởng đến luật này nhưng chính lớp người tối ư thiếu số đó lại có tác dụng *sa đọa hóa* xã hội VN và đồng thời *vong bản hóa* bản chất dân tộc cũng như *bôi đen* cả tập tục tốt đẹp của xứ sở. Do đó không thể nào buông thả cho một thiếu số này sống phóng đãng được trong khi quảng đại quần chúng vẫn phải sống đời lầm lũi cơ cực và trong khi mà nếp sống của quảng đại quần chúng vẫn tập thành trên căn bản của truyền thống cao đẹp.

Về công trình này, Bà Nhu đứng hẳn về phía quần chúng, lập trường là lập trường xã hội dân tộc. Nhưng Bà lại càng gặp phải phản ứng dữ dội tuy ngầm ngầm. Nhiều tướng tá hay một số công chức cao cấp đều mê cái món nhảy đầm. Các bà lớn thì bài bạc.

Phần nhiều con các ông lớn thì rượu chè thuốc sái (con nhà nghèo và trung lưu thì lấy tiền đầu ra)... Các vũ nữ lại là một thành phần liên kết ruột thịt với một số tướng tá công chức cao cấp, công kỹ

nghệ gia ăn chơi và giới « văn minh » đô thị. Bà Nhu vô tình đã đụng độ với những địch thủ ghê gớm đó.

Quảng đại quần chúng từ nông thôn đến trung lưu không ai chê trách gì luật bảo vệ luân lý (có hay không đối với họ không quan trọng) nhưng một giới khác thì luật này trở thành quan trọng.

Việc cấm nhảy đầm của bà Nhu cũng gây bất mãn lớn trong giới ngoại kiều tại Saigon (Tây phương nhảy đầm là một nghệ thuật, một trò giải trí thanh lịch truyền thống). Năm 61 Phái đoàn Maxwell Taylor qua Việt-nam tìm hiểu về chương trình kinh tế Vũ-quốc-Thúc — Staley... Trong một cuộc gặp gỡ mấy Bà, Ông Taylor không đề cập vấn đề nào khác hơn là chuyện nhảy đầm. Ông cho rằng sự cấm đoán như vậy là kỳ quái. Một cách lỗ mãng, sống sượng hơn nữa, một giới chức Mỹ trong phái đoàn đã hỏi mấy bà « *Nếu cấm đoán như vậy thì đàn ông chỉ còn là nhu cầu sở thích của đàn bà hay sao* ».

Đáng lý chuyện nhảy đầm nếu cấm thì cũng nên linh động uyển chuyển nhưng kẻ thi hành lại quá hăng say trong việc lập công. Trường hợp nữ giới chức thuộc lãnh sự đoàn người Liban, cư ngụ tại đường Trương-minh-Ký, đã bị nhân viên công lực gây phiền phức tạo nên dư luận không tốt trong giới ngoại giao.

Bà này đã có tuổi. Nhân dịp một tàu hàng Liban cập bến, một số thủy thủ đồng hương của bà đến thăm rồi nghe nhạc theo vũ điệu... Thế là Cảnh sát

cũng ập vào lập biên bản đem về bót. Rất nhiều trường hợp như vậy đã xảy ra. Giới ngoại kiều càng thêm bất mãn và đó cũng là một sự thất lợi về « ngoại giao ». Trong khi triết đề cấm nhảy đầm mấy ông Tướng Tá vẫn cứ lên lút du dương.

Riêng về việc cấm nhảy đầm, bà Nhu tỏ ra đề dặt. Bà cũng là một dân nhảy nổi tiếng từ thuở còn đi học tại Hanoi. Cấm nhảy đầm sẽ động chạm đến nhiều ông tai to mặt lớn. Trong 1 phiên họp của Ban chấp hành Phụ nữ Liên đới, vấn đề nhảy đầm được mở xẻ cặn kẽ. Phiên họp này quý tộ nhiều quý bà « lừng danh ». Một số ý kiến cho rằng chỉ giới hạn việc nhảy đầm mà không nên tuyệt đối cấm. Một bà tướng Tổng Thơ ký của Phong trào Liên Đới lại « bảo hoàng hơn vua » đã yêu cầu « Bà cố vấn » phải cấm triệt đề. Bà Nhu vẫn lờ lững chưa quyết định hẳn, nhưng cuối cùng vẫn quyết định cấm nhảy.

Việc cấm nhảy đầm được nhiều « bà lớn » tán thành triệt đề vì đức ông chồng của quý bà đều thuộc loại « hảo ngọt lừng lẫy ». (Vụ vũ nữ Cầm Nhung là một dẫn chứng).

Thế nhưng, cấm là một chuyện còn nhảy vẫn nhảy. Nhiều tướng tá vẫn « lên lút mở bar » ngay trong doanh trại bay tư dinh.

Ai đã ở Nha-Trang vào những năm 61-62 đều biết rõ chuyện ông Đại-tá chỉ huy trưởng Đồng-Đế vẫn mở bar đều đều lại cho sĩ quan hầu cận về tận Saigon kiếm vũ nữ và bao đàn cả tuần. Do đó, dư luận

đã bàn phiếm về việc ba ông tướng hoan hỉ tham gia cách mạng 63 chỉ là do nguồn khát vọng từ tiềm thức do những dồn nén quá độ về món nháy dằm. Thành ra sau ngày 1-11-63, các ông « lớn » này ăn mừng cách mạng qua những đêm thần tiên trên sân nháy.

Chuyện nháy dằm lậu tại Nhatrang, Đà Nẵng cũng như Pleiku do máy ông tướng tá và cao cấp đỡ đầu đều lọt vô tai TT Diệm. Ông Tổng thống cố ý làm ngơ.

Không phải là người Mỹ ghét bà Nhu qua biến cố Phật giáo 63 — Bà Nhu đã bị báo chí Mỹ công kích lại rai từ năm 1959. Tòa đại sứ Mỹ ngoài vợ chồng Đại sứ Nolting, ông Richardson và tướng Harkins có thể nói hầu hết không ai có thiện cảm với bà Nhu. Từ Lu Conin đến Colby (trước 61) và Phó Đại sứ Trubeart đều không chấp nhận sự hiện diện của bà Nhu. Họ ngang nhiên dùng những từ ngữ tục tằn nhất để phê phán về chuyện cấm nháy dằm, cấm mãi dâm, cấm nam nữ giao du thân mật.

Vì quá chủ quan nên cứ tưởng rằng ta có thành ý có lòng tốt đối với quần chúng thì quần chúng phải theo ta. Thành ý và lòng tốt theo chủ quan trong rất nhiều trường hợp đã mâu thuẫn và bội phản lại thực tại khách quan cho nên có nhiều ông lãnh tụ có chủ trương hay có ý chí vững một lòng vì dân vì nước nhưng tại sao dân chúng vẫn oán than, vẫn chống đối? Giản dị chỉ vì, nhà lãnh đạo không đáp ứng khát vọng của quần chúng và cứ tưởng rằng ta thích cái gì thì quần chúng thích cái đó rồi sống trong một ảo tưởng thần thánh.

Bà Nhu qua công việc đã thực nghiệm và lời nói thì quả thực bà muốn thực nghiệm những gì tốt đẹp nhất cho phụ nữ VN. Nhưng thoát thai từ trong nhung lụa và ở trong tháp ngà, điều đó đã trở nên bức tường thành ngăn cách giữa lòng tốt và ý chí lãnh đạo với đại đa số phụ nữ, khi bà Nhu dự định đưa ra dự luật « bình quyền bình đẳng » cho phụ nữ. Nhưng vẫn chỉ là ảo tưởng xa vời thực tế vì không hiểu thực chất và hoàn cảnh phụ nữ VN. Khi bà chủ trương « Lương công nhân phụ nữ phải đồng đều với nam công nhân ». Chủ trương ấy không hợp lý cũng không hợp tình. Tại nhiều quốc gia Á Châu như Tân-gia-Ba, lương một nữ giáo viên bao giờ cũng thấp hơn nam giáo viên vì căn cứ trên năng xuất thì nam bao giờ cũng hơn nữ. Tại VN tiến bộ hơn nhiều quốc gia khác về mặt này. Giáo chức cũng như công chức lương bổng đồng đều theo ngạch trật. Bà Nhu tiến thêm bước nữa là đòi cho nữ công nhân bằng lương nam công nhân. Phản ứng của giới chủ ra sao ?

Hãng BGI chẳng hạn, ban Giám Đốc cho rằng «đàn bà năng sức yếu lại còn sanh nở và nhiều cái yếu khác nữa. Do đó nếu buộc họ phải trả lương ngang với nam công nhân thì họ không đại gì thuê nữ công nhân». Trên thực tế vốn như vậy. Nếu luật ấy được chấp nhận thì sẽ chỉ là bản văn chết và không giúp ích gì cho phụ nữ trái lại còn gây ra cho họ bao nhiêu khó khăn.

Nhờ những yếu tố nào mà bà Nhu tạo được uy

quyền trên thực tế ? Đơn giản nhất là nhờ sự khôn khéo tinh ranh và nhiều sáng kiến với một tiềm lực tinh thần rất mạnh về trực giác, Bà Nhu đã ảnh hưởng sâu xa trong đời sống của năm anh em trong gia đình từ TT Diệm đến Ngô đình Thục và kể cả ông Ngô đình Cần.

Ông Cần được coi là chống đối bà Nhu kịch liệt và chữ chị dâu cũng không tiếc lời nhưng ông Cần chỉ chữ «tồng» thế thôi. Trong gia đình ông vẫn chịu nép về. Thí dụ về việc lập phong trào Phụ nữ Liên đới tại miền Trung. Phong trào này ông vẫn bủi môi khinh bỉ «*Mấy con mụ đó mần được chi, chỉ ăn hại*» Trước năm 61, nhiều bà vợ của các ông lớn tại miền Trung cũng muốn lập Hội đề ăn có nhưng ông Cần ghét như vậy nên đành chịu.

Khi bà Nhu nhúng tay vào quyết định phát triển ra Trung... ông Cần đành chịu thua. Bà lại còn chỉ thị cho Huế, Đà-nẵng phải tuân hành theo ý Bà mà thôi, Bà rất coi thường ông Cần nhưng cũng chỉ đề trong lòng.

Dịp ra Huế chủ tọa thành lập Phong trào là cả một việc trọng đại. Chung qui Bà đã áp đảo được chú em chồng. Trước hôm đó, cả một đại đội thuộc LĐLBPV PTT được gọi ra Huế đề lo việc an ninh cho bà Cố vấn. Giới chức thậm quyền toát mồ hôi vì phải lo tồ chức sao cho long trọng. Ông Cần trong lòng tức tối nhưng cũng đành chịu và chính ông cũng phải đứng ra đôn đốc cho các giới chức lo liệu thực. Chu đáo.

Điều nực cười nhất là hôm lễ khai mạc, Bà Nhu như một nữ hoàng thì cậu Cần rụt rè khiêm tốn như một công tử miền quê uy quyền. Trước đám đông ấy cậu Cần chả còn gì..., khiêm tốn, bé nhỏ, nhọc nhằn. Trong khi đó, từ cách đón tiếp đến chiếc ghế ngồi qua ngôn ngữ và cử chỉ bà Nhu lấn át hoàn toàn chú em chồng.

Đây là lần đầu tiên ông Cần đành chịu khuất phục uy quyền của Bà chị dâu, người mà ông Cần rí rả công kích nhiều khi dùng cả chữ « con mẹ » và « lãng loạn » đề chỉ thị Bà Nhu.

Khi Bà Nhu trở về Saigon thì Phụ nữ Liên đới cũng theo Bà mà *đi luôn*. Miền Trung vẫn là đất của ông Cần... Phong trào Liên đới chỉ được « phép » phát triển tại Nam phần và mấy tỉnh Cao-nguyên.

Sở dĩ, trước mặt Bà Nhu ông Cần phải chịu khuất phục vì bà ta đã biết xử dụng cái bề thế của bà chị dâu trong gia đình vốn khe khắt với những tôn chỉ lễ giáo. Còn TT Diệm thì như thế nào ?

Điều quan trọng sau đây đã giúp cho Bà Nhu thành công trong việc thuyết phục ông anh Tổng thống.

Thí dụ điển hình vẫn là những quan niệm về luân lý của bà Nhu. Quan niệm đó rất thích hợp với quan niệm và bản chất nho sĩ cũng như tu đức Thiên chúa giáo trong con người của Tổng-thống Diệm. Khi bà Nhu đưa ra dự án luật « Bảo vệ luân lý » (lành mạnh hóa xã hội) thì được Tổng-thống Diệm hoàn toàn tán đồng và còn khích lệ. Báo chí và Quốc-Hội lên tiếng công kích, phàn bình (tất nhiên là yếu ớt) Tổng-thống Diệm lại cho rằng dư luận làm lẫn

vì có nhiều người ganh ghét Bà Nhu mà tìm cách nói xấu dèm pha. Bà Nhu đã trình bày với ông anh Tổng-thống như thế nào mà được TT dễ dàng chấp nhận và hết sức tán trợ ?

Trước hết xin đan cử một vài chi tiết đã thể hiện quan niệm luân lý và tâm tính bất thường của TT Diệm qua khía cạnh này. Dạo năm 1959, — một thời đại « vàng son » của hội bảo vệ luân lý do linh mục Hoàng Yến làm chủ tịch. Linh mục Hoàng Yến tất nhiên không thể thoát khỏi những lý do « méo mó nghề nghiệp » qua quan niệm tu đức và luân lý giữa thế giới tu hành và xã hội ngoài đời. Linh mục Yến qua những lần đi quan sát ngoài phố, linh mục chụp được một số ảnh tượng bán thân và khóa thân trưng bày tại mấy tiệm bán đồ điêu khắc và mỹ thuật trong đó có mấy bức tượng được coi là hoàn toàn « lỏa lồ » trưng bày tại tiệm Mai-Linh, đường Phan-thanh-Giản. Thêm vào đó còn có cả một số hình đàn ông đàn bà, trai lẫn gái tắm chung ở piscine (dĩ nhiên là mặc đồ tắm).

Đối với một người bình thường và qua những quan niệm bình thường trong đời sống thì những hình ảnh trên đây không có gì đáng chú ý. Tượng phụ nữ lỏa thể chỉ là một công trình của nghệ thuật. Trai gái tắm piscine với quần áo lót hở hang cũng là chuyện quá thông thường.

Nhưng nó lại trở nên quan trọng trước mắt một vị linh mục Hội trưởng hội bảo vệ luân lý. Linh mục Hoàng Yến làm một phúc trình dài kèm theo hình ảnh gửi lên cho TT Diệm.

Chỉ mới xem qua những tấm hình đó, ông Tổng thống đã đỏ mặt, bất thần nổi giận. Ông dùng bút đỏ phê vào bản phúc trình « Ông Lương, cấm ngay » (ông Nguyễn Lương lúc đó là Tổng Giám đốc xã hội). Nhận được bản phúc trình trên, ông Nguyễn Lương hết sức lo âu, không biết phải xử trí như thế nào. Ông đành hỏi ý kiến một người trong Phủ. Tất nhiên là không có một ý kiến nào khác hơn là tìm cách khôn khéo nhất để áp dụng lệnh của Ông Tổng thống. Ý kiến được nêu ra như sau : Ông Nguyễn-Lương cho người đến một vài tiệm Mỹ thuật như tiệm Thế Hệ nói khéo đề họ thông cảm trưng bày một cách kín đáo bức tượng bán thân lửa thề. Hai hôm sau ông Nguyễn-Lương vào trình Tổng thống với đầy đủ hồ sơ đề tỏ ra rằng đã tuân theo chỉ thị của thượng cấp.

TT Diệm lại vui vẻ gật đầu : « Ủ, ừ thôi được » Từ đó, ông TT quên cả chuyện cấm trai gái tắm piscine cũng như chuyện cấm trưng bày tượng bán thân.

Với một quan niệm luân lý khe khắt và quá cò như vậy lại có những phản ứng bất thường nên TT Diệm đã dễ dàng bị bà Nhu thuyết phục. Đây là một pha thuyết phục TT của bà Nhu do Sĩ quan hầu cận kể lại (khi vào phòng Tổng thống trình việc gì thì luôn luôn phải có sự hiện diện của Sĩ quan hầu cận hay tùy viên).

Bà Nhu thuyết phục TT Diệm đề ông chấp thuận

luật bảo vệ luân lý, đại cương như sau : Luân lý Việt Nam hiện nay đang suy đồi. Trẻ con thì hư hỏng người lớn thì bài bạc sa đọa. Một người như TT Diệm nghe nói như vậy tất nhiên là phải lo lắng cảm phục người em dâu nổi tiếng và văn minh tân thời nhưng lại tỏ ra thoát xác biết nghĩ đến con đường thánh thiện. Bà Nhu biết yếu điểm của ông anh chồng... nên chỉ đưa ra đoạn mở đầu như vậy nhằm gây xúc động. Sau đó bà mới trình bày những biện pháp giải quyết.

Những biện pháp ấy đều lý tưởng cả. Ông Tổng thống cho là người em dâu có thành ý muốn xây dựng đất nước. Bà nhảy đầm rất tài hoa mà nay lại đề nghị cấm nhảy đầm thì ai mà không cho là hy sinh đáng quý Ông Tổng thống đã tin tưởng như thế rồi thì đề nghị nào mà không chấp thuận. Việc cấm bài bạc thì vốn là chủ trương của ông. Tứ đồ tương đối với Tổng thống Diệm là một tội ác làm cho người ta « sa hỏa ngục ». Thiếu niên uống rượu hút thuốc lại càng phải cấm triệt để... Từ nhỏ chí già ông Tổng thống có uống rượu đâu. Còn hút thuốc lá thì ông chỉ hút đề phà khói... Hóa cho nên, dự luật Bảo vệ luân lý của bà em dâu đối với ông hiền nhiên là hợp lý hợp đạo.

Khi ông Tổng thống đề hết mình ủng hộ dự luật ấy thì còn ai dám chống đối. Một vài Dân biểu lên tiếng công kích một số sai lầm và không thực tế của dự luật này. Tuy nhiên sự công kích chỉ là dàn cảnh đề tạo dư luận cho ra vẻ có dân chủ thể thôi.

Trong những buổi họp của Ban chấp hành Phụ nữ Liên đới bà Nhu trở thành một chiến sĩ tiên phong trong cuộc giải phóng phụ nữ. Còn thực tế có giải phóng được không thì từ 9 năm đã trả lời đầy đủ. Tuy nhiên phải công minh nhận rằng Bà Nhu đã làm được nhiều điều tốt, dù làm theo chủ quan của bà. Chẳng hạn như vấn đề cấm triệt đề thiếu niên không được uống rượu hút thuốc lá, cấm hẳn bài bạc (trừ môn cờ tôm được tòa án cho là không thuộc loại đồ bác sát phạt) Bà Nhu có một ý kiến như thế này về giá trị thân xác đàn bà. Tưởng cũng nên ghi lại đây về việc cấm thi sắc đẹp, Bà cho rằng « thời trung Cổ người Tây phương trưng bày nô lệ tại phố cho bọn nô lệ xếp từng hàng cho người ta đến xem xét đánh giá như mua bán súc vật, con này mỏng to, con kia ngực nở con nọ thuộc giống tốt... Với những giá bao nhiêu. Thi sắc đẹp, tuyển lựa hoa khôi của Tây phương xuất phát khởi thủy từ các cuộc trưng bày mua bán nô lệ từ thời trung cổ. Ở xứ ta không chấp nhận được cái trò đó ».

Bà Nhu nói riêng với Bà Lương-khải-Minh « Ăn mặc hở hang, để cả ngực cả đùi ra cho đàn ông họ nhìn ngắm rồi họ đánh giá họ cho điếm làm như vậy ó nhục lắm hạ thấp nhân phẩm của người phụ nữ ngang với bọn nô lệ thời Trung Cổ. Phụ nữ Á đông không thể chấp nhận được như vậy... » Với lập luận như vậy vừa xác đáng có căn cứ vừa có « chính nghĩa » bảo vệ tinh hoa phụ nữ Á đông... Cho nên TT Diệm cũng như ông Nhu và những người

hiều biết không nông cạn lắm đâu cho bà Nhu có thiện chí và sáng suốt. Do đó mới có vụ cấm luôn các cuộc thi sắc đẹp, tuyên lựa hoa khôi và kê cả thi lực sĩ khỏe đẹp. Bà Nhu luôn luôn nhắc nhở « Đàn ông họ ích kỷ lắm... Phụ nữ không thề là trò chơi cho họ mua vui được. Mãi dâm và làm gái nhảy là những việc ô nhục đời bại nhất cho người phụ nữ.

Giá như bà Nhu không phải là em dâu của một ông Tổng thống đương nhiệm thì thiện chí và những cố gắng giải phóng phụ nữ của bà Nhu đáng ca ngợi.

Nhưng ở đây lại khác. Trong khi bà cố gắng hoàn tất dự luật Gia Đình cũng như dự luật Bảo vệ Luân lý thì trong dư luận từ thành đến tỉnh và nhất là trong giới thượng lưu đã đồn đãi rất nhiều về những cái gọi là « lem nhem bê bối » thuộc đời tư của Bà. Dư luận thì nhiều lắm. Nhưng đâu là chứng cứ ? Tuy vậy quần chúng đông đảo vẫn lập luận rằng « nếu không có lửa sao có khói ». Rồi một số « phu nhân » vây bủa quanh bà xem ra phần đức hạnh cũng không có gì được bảo đảm cho lắm. Quan hệ là chỗ đứng. Chỗ đứng của bà Nhu không thuận lợi cho mọi đề xướng cải cách của bà khi những cải cách đó hoặc còn quá sớm hoặc không phù hợp với tập quán cò truyền. Dư luận xuyên tạc rất nhiều về cuộc tình duyên của Bà với ông tướng Đôn... lại có dư luận cho rằng ĐS Noltting bị bà Nhu mê hoặc trong lưới tình. Tục ngữ VN có câu « ghét ai ghét cả đường đi lối về ». Trong 9 năm qua cử chỉ và ngôn ngữ, Bà Nhu làm cho nhiều giới và nhiều người « mịch lòng » thực. Cái dễ ghét

rất giản dị chỉ vì tâm lý và truyền thống VN không ưa đàn bà múa may hay lợi dụng chức vị của chồng mà « lớn lối » — chỉ nguyên một chuyện xử dụng ngôn ngữ đao to búa lớn của bà đã làm cho người ta dễ ghét. Trong cái dễ ghét đó tất nhiên do sự ghen tức nhau. Các ông thường bị ảnh hưởng các bà. Các bà thấy bà Nhu như vậy nếu không có cơ hội được gần bà thì trở nên ghen ghét nói xấu. Ai nói xấu thì nói không đáng kể chứ đàn bà nói xấu nhau quả là một nghệ thuật qua khả năng sáng tạo về tưởng tượng. Nhiều câu chuyện « mê ly gây cắn » chung quanh con người bà Nhu hầu hết do một số phu nhân dựng đứng lên... rồi lan rộng ra dư luận và dư luận lâu ngày trở nên *như là thực*.

Tổng-thống Diệm không được nghe những dư luận đó và chỉ những nhận được lời công kích bà Nhu qua việc làm của bà như dự luật gia đình và bảo vệ luân lý. Một số báo Mỹ tiết lộ bà Nhu có một gia tài đồ sộ tại Ba-Tây (đồn điền café) và Thụy-sĩ. Tổng-thống Diệm không tin vì ông vốn có thành kiến với báo Mỹ. Còn sự công kích luật Gia đình cũng như bảo vệ Luân lý ông TT đều cho là ganh tị phá hoại và do một số người có vợ nhỏ « đông dài ham chơi » nên cố ý phá bà Nhu.

Tóm lại bà Nhu hiểu rõ tâm tính và cuộc đời đạo đức của anh chồng. Bà lợi dụng ngay những đặc điểm đó đề tạo ảnh hưởng với TT. Khi đã tạo được ảnh hưởng với TT... thì hàng Bộ trưởng, Tướng tá đối với bà chả có nghĩa lý gì cả. Tuy vậy, vì biết rõ tính ông anh, Bà Nhu không bao giờ công khai bày tỏ một ý kiến nào về hoạt động của chính phủ cũng như các

nhân vật văn võ. Trước mặt Tổng-thống Diệm, bà luôn luôn tỏ ra rằng mình chỉ biết lo công việc của phụ nữ. Khi nào có đại biến như vụ tướng Hình vụ Bình-Xuyên và cuộc đảo chánh hụt 11-11-60 bà Nhu mới nhảy vào vòng.

ẢNH HƯỞNG CỦA BÀ NHU ĐỐI VỚI ĐỨC CHA THỰC

Ảnh hưởng của bà Nhu đối với Đức Cha Ngô-đình-Thực như thế nào ? Ảnh hưởng ấy người ta chỉ có thể cảm thấy một cách bàng bạc. Mỗi khi về ở trong Dinh, Đức Cha Thực đều dùng cơm chung với gia đình ông Nhu. Trong những bữa cơm thân mật gia đình đó, anh em tỏ ra tương đắc từ chuyện hàn huyên đến việc quốc gia đại sự. Bà Nhu không những đóng trọn vai trò của một người em dâu mà luôn luôn tỏ ra một con chiên hết sức kính cần, vâng phục một vị Giám mục. Bà theo đạo chồng (gọi nôm na là Đạo theo) nhưng từ ngày vào ở trong Dinh bà tỏ ra một tín đồ ngoan đạo. Mặc dầu đã mấy lần bà Nhu công khai phê bình một số linh mục với lời lẽ phạm thượng sỗ sàng nhưng với ông anh chồng Đức Cha thì lại khác, Đức Cha Ngô-đình-Thực thường ngợi khen bà Nhu trước mặt nhiều người « Bà cố vấn tốt đạo lắm, siêng năng xưng tội rước lễ lắm » — chỉ một lời khen đó ta cũng thấy Đức Cha tin tưởng người em dâu như thế nào.

Về mặt tâm lý, ảnh hưởng của bà Nhu đối với Đức Cha Ngô-đình-Thực cũng dễ hiểu. Dù là Giám

mục hay ở một tước vị cao sang nào cũng vẫn chỉ là con người cùng với những « yếu điềm tâm lý » của con người.

Mà người ta càng già bao nhiêu thì càng thêm nhiều « yếu điềm tâm lý ». Nhất là người già trong thế giới tu hành. Nỗi cô đơn của một nhà tu càng lớn càng mênh mông khi tuổi đời mỗi ngày một chông chất. Những ăn ức trong tiềm thức của 1 người già cô đơn lại càng dễ dàng bị chinh phục bởi những an ủi vỗ về của người thân yêu. Nhất là người thân đó lại là một cô em nhỏ trong gia đình. Bà Nhu đã thành công nhờ ưu điềm này. Kinh nghiệm và sách vở đã cho ta thấy, trong một xứ Đạo với một vị Linh mục già thì bà quản gia mới là người có ảnh hưởng nhiều nhất đối với Linh mục.

Vị sư già trụ trì trong một ngôi chùa thì bà vãi nào khôn khéo, đảm đang sẽ được Thầy tin cậy... Sự tin cậy cũng như ảnh hưởng trên đây không hề có chuyện tội lỗi trái lại rất thánh thiện và chỉ là phản ứng của một đồn nén cô đơn trong tiềm thức của một nhà tu luống tuổi.

Trường hợp Đức Cha Ngô-đình-Thục cũng không thoát khỏi những phản ứng tự nhiên đó.

Những phản ứng thân yêu trong trái tim con người tương tự như con người của bà mẹ đối với con người của cậu con trai hay một ông bố chông già đối với một người con dâu hiếu thảo khéo léo.

Mỗi khi Đức Cha Thục về Dinh Độc Lập thì bà

Nhu lo toan từ món ăn thức uống và lúc đó trước mặt Đức Cha bà Nhu chỉ là một cô em gái ngoan, dịu hiền ăn nói ngọt ngào dễ thương.

Đức Cha đã dùng tất cả mọi ảnh hưởng của mình để hỗ trợ 2 dự luật của bà Nhu nhất là luật Gia đình. Đức Cha Ngô-dinh-Thục hết lòng hỗ trợ và bênh vực luật Gia đình cũng là điều dễ hiểu vì nó đã thể hiện đầy đủ tinh thần luyện ái quan Thiên Chúa giáo. Với một tín đồ Thiên Chúa giáo thì việc cấm ly dị là điều hiển nhiên theo phép hôn phối.

Đối với một Giám mục thì còn gì đáng ca ngợi đáng ủng hộ hơn một Đạo luật đời cấm hẳn ly dị và đời sống lứa đôi chỉ một vợ một chồng. Tuy nhiên, như trên đã viết trong số 14 triệu dân Việt ở miền Nam thì tín đồ Thiên Chúa giáo không tới 2 triệu. Và lại, luyện ái quan Thiên Chúa giáo lại có nhiều điểm đối nghịch với luyện ái quan của người VN bình dân và kể cả luyện ái quan Nho giáo mà luật pháp bao giờ cũng phải xây dựng trên căn bản công bình bất phân tôn giáo giai cấp.

Nhưng một vị Giám mục như Đức Cha Ngô đình Thục tất nhiên không nghĩ như vậy khi mà ông em đang là nguyên thủ Quốc gia. Bà Nhu lại có sáng kiến đưa ra luật ấy lẽ dĩ nhiên, ông anh Đức Cha phải lấy làm cảm phục và cho rằng cô em dâu đã làm những việc cao quý trong tinh thần Phúc âm.

Từ luật gia đình cùng những ngôn ngữ cử chỉ

khéo ăn khéo ở của bà Nhu đã giúp cho bà tạo được những yếu tố sống động gây ảnh hưởng mạnh mẽ nơi Đức Cha Thục. Nhưng Luật gia đình đã làm cho bà thất bại hơn là những dư luận đồn đại về đời tư của bà. Bởi luật đó chỉ tạo thêm những thị phi và đàm tiếu của quần chúng. Trên thực tế, trai gái vẫn cứ tự do giao du, lấy nhau cứ việc lấy nhau, hôn thú chưa phải là điều chính yếu.

Luật cấm con ngoại hôn không được hưởng gia tài không được hưởng một quyền lợi của người cha nhưng thực tế thì người Việt vẫn sống theo một thứ luật bất thành văn trên tinh thần «con nào cũng là con».

Dư luận đàm tiếu không phải đàm tiếu về nội dung luật đó. Hầu hết quảng đại quần chúng có mấy ai tìm hiểu luật pháp mà biết nó hay hoặc nó dở. Duy có một điều Luật gia đình của bà Nhu cấm không cho đàn ông lấy vợ nhỏ nhưng cô chánh văn phòng bà (gọi là cô cho danh chính vì, theo luật ấy thì cô chưa có chồng) nhưng ai lại không biết cô là vợ nhỏ của một ông chồng văn nhân (thường tình nếu cô ta không phải là «chánh văn phòng» của bà Nhu thì chả ai chú ý thị phi vì vợ lớn vợ nhỏ cũng đều là vợ cả miễn sao được chồng thương yêu). Đằng khác dư luận giới cao cấp không ngớt bàn ra tán vào về đời tư của mấy bà «lớn» trong ban chấp hành Liên đới. Nào là vợ nhỏ sau «đá vợ cả» của ông tướng đề lên ngôi chính thất. Nào là bà tá B vốn đã có một đời chồng rồi sau «mèo chuột» bỏ chồng lấy ông tá B... Dư luận đàm tiếu tùm lum như vậy. Mà dư luận ấy có thật chứ không phải do sự

thêu dệt. Nhưng từ đó dư luận được dịp phụ đề thêm « hoa lá ». Đó cũng là cái nguy cho một cá nhân trong guồng máy lãnh đạo khi cá nhân đó trở thành cái đỉnh của dư luận. Trong khi đó, nhờ Luật gia đình cũng như những công tác xã hội mà bà Nhu đề ra, càng ngày càng tăng cường ảnh hưởng của Đức Cha Thực.

ẢNH HƯỞNG CỦA BÀ NHU ĐỐI VỚI ÔNG CHỒNG

Còn ông Nhu ? Giới thân cận nhất của ông đều xác nhận trước năm 1955, Bà Nhu không tạo được ảnh hưởng chánh trị nào đối với ông chồng « đa mưu túc kế » rất uyên thâm. Nhưng nó lại như thế này, từ ảnh hưởng tâm sinh lý của bà vợ đã dễ dàng biến thành ảnh hưởng chính trị... Trước năm 1945, ông Ngô đình Nhu chỉ coi bà vợ như một cô em gái không biết gì về chính trị. Nhưng mấy năm sau, trong văn phòng của ông lại treo một bức hình bán thân của bà vợ trần đầy nhựa sống. Một người thường thì không nói làm gì nhưng ở vào trường hợp ông Nhu và nhất là con người trí thức như ông Nhu, thì khi treo bức hình đó ngay tại văn phòng chính thức của một vị cố vấn chính trị Phủ TT quả là điều chướng mắt... Đáng lý ra thì chỉ treo trong phòng riêng. Dĩ nhiên ông Nhu cũng cảm thấy như thế khi tự tay bà treo bức hình đó, song ông Nhu không phản đối.

Bức hình treo ở một nơi trang trọng trong văn phòng đã đủ nói lên việc ông Nhu chấp nhận sự hiện diện của bà vợ trong đời sống của mình (vì văn phòng ấy là nơi ông Nhu tiếp quan khách ngoại quốc, Bộ Trưởng tướng lãnh, nhân sĩ... nghĩa là đủ mặt mọi giới). Qua sự kiện này cũng đã đủ nói lên ảnh hưởng của bà Nhu, đã chinh phục toàn diện con người ông chồng mà nhiều khi chính ông Nhu cũng không biết (ảnh hưởng của bà vợ đối với ông chồng là một cuộc hành trình với những chất liệu « vô hình » thấm dần vào tim óc nói ra không được và chỉ mơ hồ cảm thấy) hoặc không thể cảm thấy và chỉ có người ngoài mới nhìn rõ được.

Bởi vậy cô nhân tình của 1 nhà lãnh đạo nhiều trường hợp lại ảnh hưởng sâu xa đến chuyện quốc gia đại sự mà chính nhà lãnh đạo đó cũng không hay đề tựa cảnh giác. Do vậy, nhà lãnh đạo dù tài ba cũng cần phải đặt mình trong guồng máy lãnh đạo và phải chấp nhận mọi khám phá tình cảm và phê bình về cá nhân mình qua sự phát biểu kiểm thảo của các bộ phận guồng máy).

Giới thân cận ông Nhu biết rõ rằng ông không bao giờ nghe vợ bàn góp ý kiến. Sự thực một người tự kiêu như ông Nhu với khả năng trí thức như vậy, khó lòng có thể tin theo ý kiến của bà vợ còn nhỏ tuổi mà trước mắt ông, bà vẫn chỉ là hình ảnh một cô nữ sinh trường Pháp chưa đậu Tú Tài. Tuy nhiên, đã có một vài trường hợp ngoại lệ ông Nhu theo ý kiến của Bà nhưng đó chỉ là ý kiến xuất

phát từ khả năng trực giác dồi dào của một người đàn bà thông minh nhạy cảm (qua vụ đảo chánh hụt 11-11-60). Về phần này thì người đàn ông dù tài ba đến đâu cũng đành chịu thua đàn bà. Ý kiến của đàn bà phát xuất do trực giác phần lớn đều đúng với thực tế cả.

Nhưng ông Nhu vốn sợ « si căng đàn » đó cũng là yếu điểm của một nhà trí thức làm chính trị. Bà Nhu vốn nóng như lửa nói năng bất chấp và dễ gây gờ làm lớn chuyện. Hễ một khi bà vợ lớn tiếng thì ông Nhu đành im. Quá lắm thì ông Nhu chỉ đập bàn mắng mấy câu tiếng Pháp cho thỏa rồi đành chịu thua (giới có ăn học bị vợ lấn át và mang tiếng sợ vợ phần lớn cũng chung một cảnh ngộ tâm lý như vậy). TT Diệm cũng lại là người sợ sự lớn tiếng gây gờ. (Đại-úy Bằng kể lại, một lần TT Diệm bảo ông đi theo sang bên phòng ông bà Nhu Ông Tổng thống đang có điều gì vui mừng. Nhưng gần đến cửa phòng nghe thấy bà Nhu la lối ông chồng, Tổng thống Diệm quay gót trở về phòng khẽ lắc đầu) Cứ nhận diện ông Nhu theo tướng số thì khuôn mặt ông không phải là người « sợ vợ ».

Còn một chi tiết nhỏ này cũng đủ chứng tỏ, ảnh hưởng của bà Nhu đã thâm nhập sâu xa trong con người ông chồng : Trước kia ông muốn hút bao nhiêu thì hút. Nhưng kể từ năm 59-60, Bà Nhu giới hạn. Mỗi ngày tự tay bà chia cho ông một vài điếu hút cho đỡ nhớ mà thôi. Nhiều khi một điếu được cắt làm đôi. Một người nghiện thuốc lá nặng như ông

Nhu mà đành chịu như vậy thì cũng là một điều lạ lùng.

Trước 55 ông Nhu là người ăn mặc xuề xòa... Khi trở thành Cố Vấn Chính trị ông cũng vẫn thế nhưng ông anh Tổng thống không bằng lòng vì cho rằng ăn mặc như vậy « mất cả thể thống... thím phải lo cho chú ấy ăn mặc đàng hoàng ». Từ đó, tự tay bà Nhu lo liệu cho ông chồng. Bà lựa chọn cho ông từng chiếc crayate. Ngay văn phòng làm việc của ông bà Nhu cũng tự tay trang trí cho có ngăn nắp mỹ thuật. Một người già mà được cô vợ trẻ săn sóc thương yêu như vậy ai không cảm động. Từ chỗ cảm động đến chỗ bị « chi phối âm thầm » không bao xa.

Ảnh hưởng của bà Nhu đối với ông chồng mỗi ngày càng mạnh đó cũng là điều dễ hiểu xét theo khía cạnh tâm sinh lý. Ông Nhu không phải là người ăn chơi, trước năm 1954 thì chìm đắm trong thế giới sách vở sau 54 sống trong thế giới kín cổng cao tường của Phủ Tổng thống. Ông Nhu cũng không phải là người quảng giao nên ít bạn bè. Rồi tuổi ông mỗi ngày một cao... Cô vợ với tuổi hồi xuân càng trở nên « ngào ngạt yêu thương » đó mới là nguyên nhân thầm kín tạo cho bà Nhu có một « uy quyền » đối với ông chồng. Thứ uy quyền chỉ có thể cảm thấy nơi ông chồng sống đời sống nội tâm... Bà vợ trái hẳn lại, ham mê hoạt động hòa cuộc sống với bên ngoài... Đó không phải là 2 thái cực mà là hai cái « nở » mâu thuẫn để tạo thành một hậu quả chi phối đời sống vợ chồng theo một tương quan tình cảm.

Một vài nhân vật thân cận nhất của ông Nhu bị ông cho ra « rìa » vì thất sủng trước hết do sự bất hòa và bất đồng giữa các nhân vật này với bà Nhu. Nói rằng ông Nhu nghe vợ thì không đúng... Nhưng quả vì sợ mà ông đã bỏ rơi một vài người thân cận... Thật dễ hiểu, trong đời sống phòng the, hay nghe bà vợ rủ rỉ bên tai : « thằng ấy nó như thế như thế », mai lại nghe bà vợ phàn nàn : « ông ta như vậy như vậy ». Những lời nói ngọt ngào đó lúc đầu ông chông bỏ qua vì cho rằng « chuyện đàn bà... đàn bà lắm chuyện » nhưng lâu ngày, thì chuyện đàn bà hóa thành chuyện đàn ông. Trong cái thời đại quân chủ, bao nhiêu bậc vua chúa đã mất ngai vàng vì nghe vợ thủ thi bên tai. Ở miền Nam này cũng vậy, bao nhiêu lãnh tụ đảng phái mất cả anh em đồng chí rồi hủ hóa cũng một phần vì nghe vợ trong cung cách trên. Vậy thì vấn đề quan trọng phải đặt ra ngay : người lãnh tụ cũng chỉ là người nên không thể dứt bỏ đời sống vợ chồng riêng tư. Nhưng nếu muốn mưu đồ đại sự thì phải dứt khoát ngay từ lúc nhập cuộc là không thể để đàn bà chen lấn vào công việc của mình. Muốn loại bỏ những ảnh hưởng tiếm tiến vô hình ấy thì lãnh tụ phải được biến thể theo khách quan của thực tại lãnh đạo. Thực tại lãnh đạo gần như là các đồng chí cận thân. Nếu nghe vợ hay vì cách này hay cách khác qua ảnh hưởng của vợ mà làm xa cách đồng chí thì sứ mệnh lãnh đạo không còn nữa. Staline hay Hitler tạo được sức mạnh tối thượng và tối đa của uy quyền lãnh đạo vì họ là con người thép ? Không còn rung động trong chủ quan thực tại khách quan của lãnh

đạo còn ông Nhu hay ai ai sau này nữa muốn chu toàn sứ mệnh lãnh đạo thì trước hết phải giải quyết ngay cái mâu thuẫn giữa tình cảm cá nhân trong đời sống riêng tư và tình cảm tập thể trong đời sống guồng máy. Bông hoa hồng của bà vợ cài trên áo mình và cái đinh ốc trong guồng máy mà mình lãnh đạo cả hai đều quan trọng nhưng làm thế nào để không vì bông hoa hồng mà làm mất chiếc đinh ốc của guồng máy đó mới là điều quan trọng.

Chúng tôi có đọc cuốn « La Révolution sexuelle » nói về cuộc cách mạng của Fidel Castro tại Cuba.

Đó là một cuộc cách mạng nhạy cảm nhờ sự tham dự ngạt ngào hương thơm của phái yếu. Vậy thì muốn mưu đồ đại sự cũng cần có yếu tố nhạy cảm và phái yếu bổ xung đề gợi cảm và xung động quần chúng. Vậy thì sự thành lập phụ nữ Liên đới cũng như tổ chức bán quân sự của phụ nữ (tuy chỉ có hình thức đề biêu dương) quả là điều cần thiết cho những chiến thuật chính trị. MTGPMN bổ nhận một phụ nữ làm Tư lệnh phó lực lượng vũ trang của họ cũng không ngoài chiến thuật chính trị đề tạo được sự chú ý của quần chúng và gây được nồng độ nhạy cảm trong cuộc chiến đấu.

Nếu như bà Nhu chỉ đứng bên trong lều lái và chọn một người tương đối xứng đáng đứng ra thành lập thì quả là tốt đẹp. Nhưng đây thì lại khác, bà Nhu vừa là tác giả lại đóng luôn vai trò diễn xuất của « kếp » chánh.

Đáng lẽ chúng tôi không viết về phong trào

phụ nữ Liên đới của bà Nhu vì miền Nam đã có bao nhiêu Hội, Phong trào như vậy chỉ xuất hiện đề trình diễn nhất thời rồi lại tan vào quên lãng. Nhưng muốn nêu lên đây một kinh nghiệm và xác định rằng nếu ai ở thế chính quyền cũng cần phải tạo được một số thế lực của mình và hỗ trợ cho chính quyền mà mình đã nắm được. Sau 1963, người ta đã có mặc cảm và thiên kiến về phong trào Phụ nữ Liên đới của bà Nhu.

Từ đây đến nay cũng chưa ai đứng lên tổ chức một Phong trào như vậy.

Nhưng dù thế nào cũng phải công nhận rằng : Miền Nam từ năm 1954 đến nay, bà Nhu là người đầu tiên đã xây dựng được một phong trào phụ nữ — nhất là phụ nữ bán quân sự — dù phong trào ấy như trên đã viết, tuy có danh mà không có thực nhưng có vẫn hơn không.

Ông Nhu cũng như Tổng-thống Ngô-đình-Diệm có « dính dáng » vào sự thành lập phong trào đó không ? Có thể nói là ông TT Diệm thấy cô em dâu làm được điều tốt với chủ ý hỗ trợ chính quyền tất nhiên ai ở địa vị ông TT cũng không có lý do gì ngăn cản, còn ông Nhu ? Ông cũng không đóng vai trò giạt giầy phong trào đó. Khi thấy việc làm của vợ có ích lợi cho chế độ thì ai ở địa vị ông cũng không có lý do gì ngăn cản. Mà thực ra thì ông Nhu muốn cản cũng không được.

Giới thân cận được biết rằng, đối với bà Nhu thì

« việc ông ông làm, việc tôi tôi làm miễn sao tôi không chống lại ông ». Nhiều việc bà Nhu cứ « làm đại » nếu ông chồng biết thì sự đã rồi. Tuy nhiên những việc « làm đại » đó đối với ông Nhu đều có vẻ hợp lý.

Dư luận trước 63 cho rằng, ông Nhu bị vợ « chế ngự, áp đảo ». Nhưng điều đó không đúng. Trong các việc chính sự quốc gia, có bao giờ ông hỏi « ý kiến » bà vợ đâu. Nhưng có điều như thế này, ông Nhu cũng phải ngán sự dữ dằn nóng tính như hồ lửa của bà vợ. Một lần, bà Nhu hỏi ông chồng trước mặt một số người thân trong số có bà Lương-khai-Minh : « Tại sao mấy ông ấy (tức các ông lớn) lại khiếp tôi quá dữ như vậy ». Ông Nhu mỉm cười trả lời : « *Tui cũng còn khiếp bà nói chi mấy ông ấy* ».

Bà Nhu áp đảo được nhiều nhân vật cỡ lớn trước hết nhờ yếu tố bạo ăn bạo nói của bà.

Trong những buổi họp ban chấp hành Liên đới, bà Nhu chủ tọa và hầu như chỉ có mình Bà ta độc thoại. Các bà khác ngồi lặng thinh lắng nghe chăm chú và luôn tỏ sự thán phục. Một lần nọ vào năm 1962 một bà Liên đới đi họp muộn, bà Nhu hỏi lý do thì thực thà trình bày là có một vài nhân vật Mỹ đến thăm ông chồng do đó đến muộn. Trước đông đủ mọi người Bà Nhu lớn tiếng : « Tiên sư cha mấy thằng Mỹ ».

Đại cương lời ăn tiếng nói của bà Nhu có những lúc sỗ sàng như vậy.

Nhưng nó lại quá sức thất lợi về phương diện giao tế chính trị. *Chửi* Mỹ sỗ sàng như vậy vào năm

63 quả là «liều» nếu không phải là bà Nhu thì không ai dám ăn nói như vậy. Nhưng bà Nhu nói, với tư cách chủ tịch Phong Trào Liên Đới lại là vợ một Cố vấn chính trị thì hẳn rằng giới chức Mỹ phải đặc biệt lưu ý (trong đám người hội họp đó dĩ nhiên là phải có một vài bà về học lại với ông chồng và ông chồng học lại với Mỹ).

Cho nên cũng không nên lấy làm lạ khi bà Nhu qua Mỹ «giải độc». Bà đã làm chấn động Bạch Cung qua những lời tuyên bố này lửa mạt sát Mỹ thậm tệ. Công kích và mạt sát Mỹ là điều ai cũng thích cả nhất là quảng đại quần chúng nhưng vị trí và tư thế của bà Nhu lúc ấy thì sự công kích Mỹ chỉ tạo nên những hậu quả nguy hiểm cho chế độ Ngô đình D.ệm.

Với tự ái dân tộc nhược tiểu cùng với bao nhiêu niềm phẫn uất phải dấu kín trong lòng thì việc bà Nhu sang tận Mỹ và lớn tiếng chỉ thẳng vào những bộ mặt lớn cùng chính sách sai lầm của Mỹ chúng tôi coi đó như một điều hân hoan và có thể mô tả bà Nhu lúc ấy tựa như một người phụ nữ VN đầu thế kỷ thứ 20 sang tận nước Pháp đứng giữa kinh thành Paris bác ghế và «vén váy» chửi vào mặt nước Pháp. Bây giờ thì người phụ nữ đó, báo Mỹ mệnh danh là «Rồng Cái» đã *chửi* Mỹ thật lưu loát.

Sự công kích Mỹ của bà Nhu chỉ là cách «xả hơi» nói cho sướng miệng. Khi mà chế độ NĐD đang thất lợi đối với dư luận Mỹ thì sự công kích ấy không có ích lợi gì và chỉ làm tăng sự phẫn nộ trong dư luận

Mỹ. Tuy nhiên, bà Nhu đã gây được sự chú ý đặc biệt của dân chúng Mỹ nơi mà người dân luôn luôn bị kích động bởi những sĩ căng đàn một dân tạp chủng thường xuyên quay cuồng trong nhịp sống đời mới không ngừng hiểu kỳ tột độ.

Vốn là người nói năng bất kè... bà Nhu không kiêng nè một ai ngoại trừ anh em nhà chồng bà. Năm 1963, bà đã không tiếc lời công kích cả thân phụ bà (LS Trần văn Chương) trước đó. Bà cũng đã không tiếc lời bài bác ông chú ruột của bà tức BS Trần văn Đỗ (trong nhóm Caravelle). Cho nên bà Nhu mô tả các vụ tự thiêu của Phật giáo với ngôn từ như «rô ti người bằng sảng của Mỹ» cũng không có gì khó hiểu. Có lẽ trên đời bà Nhu chỉ khâm phục có anh em nhà chồng bà rồi đến bà.

Trước khi trở lại vụ Phật giáo 1963 ở đây chúng tôi cũng cần phải nhắc qua Phong trào phụ nữ Liên Đới với bản chất của nó.

Quả thực Phong trào đó là một hội đàn bà đúng nghĩa với chữ đàn bà theo quan niệm của người VN. Giá như phong trào này chỉ chuyên tâm đến các hoạt động xã hội từ thiện thì không kể làm gì. Đó là điều rất tốt.

Ngày 20-5-1958 trong một phiên nhóm Quốc hội, bà Nhu đã đưa ra một đề nghị thành lập một Phong trào phụ nữ với danh xưng «phụ nữ Liên Đới VN» và yêu cầu Liên Đoàn công chức đề cho các bà vợ công chức được phép tham gia. Bốn năm sau phong trào đó

mới được TT Diệm chính thức chấp thuận và được thừa nhận là một Hội đoàn Công ích (SL 84 VN 13-4-52).

Như trên đã viết, phong trào này không đạt được «quần chúng tính». Trước sau đây chỉ là một hội đoàn của các phu nhân, vợ công chức cùng nữ công chức và nữ quân nhân. Vì vậy mà Hội đoàn ấy được xem như một Hội đoàn bán chính thức của chính quyền.

Ban chấp hành Trung ương ngoài một số nữ Dân biểu «gà nhà» của bà Nhu còn hầu hết là vợ của các công chức cao cấp và tướng tá. Vai trò của các bà cao thấp tùy theo địa vị của người chồng cùng sự khôn lanh nịnh bợ bà cố.

Một bà là vợ ông tướng nên được làm tổng thư ký, một bà là vợ ông Bộ trưởng nên được cất nhắc làm phó chủ tịch v.v... Chúng tôi không bao giờ làm công việc «bơi móc» chuyện «đàn bà con trẻ» nhưng chuyện «đàn bà» của phong trào Phụ Nữ Liên Đới lại có liên hệ đến sự tồn vong của một chế độ. Thật là những rủi ro do những lỗi lầm tình cờ ấu trĩ và chính trị khi đàn bà xen lẫn vào chính trị. Đáng lẽ, một Phong trào như vậy phải tìm những phụ nữ có khả năng, có học vấn (học vấn không có nghĩa là phải có bằng cấp). Nhưng ở đây thì lại khác. Tuy bà X là vợ tướng lãnh thật nhưng chỉ vì «đàn ông quan tât thì chầy, đàn bà quan tât nửa ngày nên quan» cho nên bà ta chỉ có trình độ «biết viết» nhưng nhờ địa vị chồng nên phút chốc đã leo lên hàng «lãnh tụ» của phong trào. Như vậy phong trào ấy làm sao có lãnh tụ tốt, có sáng kiến tốt cho được. Tuy phong trào cũng có một vài bà Luật sư

nhưng đa số chỉ là độc giả của báo «SM» và khán giả mộ điệu của tuồng «cải lương»... nếu không thì lại chỉ lo toan affaire làm giàu. Bởi vậy mới có một bà Liên đối phu nhân một Bộ trưởng khi ngồi vào bàn hội nghị với tư cách chủ tọa bà lên tiếng ngay «Thưa chị em hôm nay đại diện bà Cố vấn tôi tuyên bố bế mạc hội nghị». Cả hội nghị đều ngỡ ngàng tại sao chưa khai mạc đã bế mạc, sau mới rõ bà Bộ Trưởng xư dụng chữ bế mạc thay cho chữ khai mạc ! Rồi một phu nhân khác trong dịp đi vận động bầu cử. (Khóa III 65) đến một trại gia binh đã nói với các bà vợ quân nhân ở đấy rằng :

«Chồng tôi làm đến Bộ trưởng... chồng tôi chức như vậy tôi đâu có ham nhưng vì thương chị em tôi mới ra ứng cử đề bênh vực quyền lợi cho chị em. «Bằng một giọng» lớn lối như vậy các bà vợ lính la ó... nhún vai nhỏ nước bọt... Bà ứng cử viên Dân Biểu phải chuồn lẹ. Đại cương các bà có những lối làm ấu trĩ như vậy... nhưng mấy bà lại «đua nhau» tham gia công tác phong trào đề được bà Cố vấn sùng ái rồi chỉ định ra tranh cử Dân Biểu (khóa III QH phong trào Liên Đới đạt được 22 ghế Dân Biểu).

Tất nhiên cũng không ai quá khe khắt chấp nhất những «lối làm đáng bỏ qua» của quý bà. Nhưng có điều quan trọng như thế này : Các bà đã làm cho các ông mâu thuẫn nhau, hiềm khích nhau... Rồi chính phủ trở thành «Chính phủ đàn bà».

Bà Nhu trao cho bà Tướng X công tác A. Bà Tướng X hoàn toàn «mù tịt» nhưng cứ nhận đại

rồi về nhà trao trách nhiệm thực hiện cho ông chồng. Ông chồng lại gọi thuộc viên trao phó. Thuộc viên hùng hục làm cho xong vì họ đã thuộc nằm lòng tiêu chuẩn « lệnh của bà mới là điều quan hệ !! » Bà Nhu lại trao cho bà Bộ trưởng Y công tác B... Bà Bộ trưởng cũng cứ « nhận đại » rồi về trao phó cho ông chồng... Ông chồng nào (nề vợ) thì làm hay ông nào « cứng đầu » với vợ thì làm qua loa. Hậu quả không những các viên chức cao cấp phải làm thêm công việc liên đới của các bà vợ mà còn tạo nên sự gạ th tỵ suy bì... Bà X tăng công « Việc của em Bà Cố trao phó cho em làm xong ngay còn việc của chị X... chị ấy dựa vào thế lực chồng chị ấy chỉ có chỉ tay năm ngón ! »

Các bà chia thành phe cánh ra lườm vào nguyệt, cũng là điều dễ hiểu nhưng các bà lại kéo theo các ông.. Thói thường cái gì bà không thích thì cho dù ông không nghe theo nhưng lâu ngày thủ thi bên tai cuối cùng ông cũng về phe Bà mà không thích như vậy. Nhiều ông với những « cái yếu » nhất của con người... cũng cố giúp vợ sao cho đắc lực đề bà Cố Vấn tin cần nhờ đó vợ sẽ giữ địa vị cho chồng bảo vệ địa vị một cách hữu hiệu. Đàn bà VN không có gì đẹp hơn là làm nội tướng trong gia đình giúp chồng trong sự giao tế trông nom con cái lúc ấy hình ảnh của bà không còn gì đẹp hơn nhưng khi các bà nhẩy ra sân khấu đề diễn xuất (mà lại diễn xuất trật lất hết trơn) lúc ấy kẻ đứng ngoài quan sát thấy nó chướng mắt lắm. Các bà liên đới cận thân Bà Nhu đã diễn xuất nhiều sự chướng tai gai mắt như vậy. Lẽ tất nhiên không lôi kéo được quần chúng. Đây cũng là bài học

cho các phu nhân của những ai đang và sẽ ở vào thế lãnh đạo xứ sở.

Fénelon nói một câu thật có lý « đàn bà, khó thương kẻ cả má của tôi »... Cái khó thương trong dễ thương mà càng dễ thương trong tình yêu gia đình thì lại càng khó thương trong đời sống công cộng ít nhất là chính trị.

Trong cái hội Phong Trào Liên Đới cũng như nhiều hội đoàn thiếu nữ khác thì sự ganh tỵ như là bản chất (vì máu ghen vốn là bản chất của đàn bà, nó rất đẹp và dễ thương khi đàn bà ghen trong tình yêu). Chúng tôi thí dụ : Đạo năm 1959, 1 phái đoàn phụ nữ sang Tân-gia-Ba tham dự Hội nghị phụ nữ ĐNÁ, một nhân vật cận thân ông Ngô-dình-Nhu đã dặn vợ trước khi bà ấy lên đường là khi sang đó phải cố gắng làm sao đừng cho báo chí họ đề cao hay nói đến mình quá nhiều cũng đừng đề báo chí chụp hình. Vì nhân vật này hiểu rõ quý bà nên tránh ngộ nhận cho nó được « êm tai » đề làm việc. Khi phái đoàn trở về Tân-sơn-Nhất, báo chí VN cũng làm cái việc thông thường là phỏng vấn chụp hình...

Khi nhân vật này biết được như vậy ông đã phải điện thoại cho khắp báo quán xin « thông cảm » đừng tường thuật cái có dính dáng đến tên vợ « vì như vậy phiền lắm » ông cũng lưu ý các báo đừng đăng hình nào nếu có mặt vợ ông. Sau được biết nhật báo Saigon Mới của Bút Trà lại in hình vợ ông trong bài tường thuật. Nhân vật này xin báo Saigon Mới « tha tội »

nhưng báo đã in được 5000 số, ông cũng đành nói với bà chủ nhiệm: Trước đây vì ơn nghĩa với nhau Bà có cho quà vợ chồng tôi nhưng tôi không nhận. Thời bây giờ bà cho tôi 5000 số báo đã in. Nhờ bà cho đọc các bản kèm có hình nhà tôi dù tốn phí thế nào tôi xin chịu» Bà chủ nhiệm Saigon Mới vui vẻ nhận lời ngay.

Tuy vậy 5000 số báo đã in xong đề rồi cho vào kho bán « kí » thế nhưng một vài tờ cũng vẫn lọt ra ngoài và một bà liên đới đã sốt sắng đưa vào trình bà cố vấn. Bà Nhu lại tức giận cho rằng « Đi hội nghị chỉ lo đề cao cá nhân »... Nhưng thực tình thì bà Nhu không muốn ai nổi bật ngang mình hay hơn mình. Phân tách ra thì đây cũng chỉ là « mặc cảm lãnh tụ » của phái yếu.

Còn một điều đáng nói nữa là dư luận quần chúng quanh bức tượng Hai Bà Trưng dựng tại công trường Mêlinh (bến Bạch Đằng tháng 3-1962). Bức tượng Hai Bà sáng ngày 2-11-1963 đã bị làn sóng biểu tình của SVHS hè nhau kéo đồ rời chặt đầu lồi quanh các đường phố chỉ vì bức tượng đó giống bà Nhu và con gái bà tức Ngô đình Lệ Thủy. Bức tượng ấy quả có giống hai mẹ con bà Nhu thật.

Nhưng nguyên do từ đâu mà lại giống như vậy? Có phải mẹ con bà Nhu làm mẫu cho điêu khắc gia Nguyễn-văn-Thế tạc tượng ấy không (ông Thế đạt được giải Á nguyên La mã về điêu khắc.)

Bức tượng hai Bà Trưng thật « kính chả bỏ phiến». Bao nhiêu lời đàm tiếu chung quanh bức tượng đó.

Mà sự đàm tiếu cũng rất phải vì đây là sự bôi lọ anh hùng lịch sử. Khách bàng quan ai đi qua bến Bạch Đằng nhìn thấy pho tượng cũng không khỏi hồ thẹn. Lại thay càng nhìn kỹ thì pho tượng càng giống hệt hai mẹ con bà Nhu. Cũng vì vậy mà pho tượng trở thành trung tâm của bao nhiêu lời phê phán nghiêm ngã. Người thức giả trung dung cũng phải lên tiếng : « Pho tượng sừng sững thế kia còn gì là thề thống quốc gia. Lịch sử còn giá trị gì nữa ». Rồi người ta suy luận rằng : « Bà Nhu dám can đảm dựng tượng mình như vậy thì chuyện gì mà bà ta không dám làm ? ».

Sự thực pho tượng ấy do điêu khắc gia Nguyễn Văn Thế thực hiện. Người được chỉ định làm mẫu đề tạc pho tượng này không ai khác hơn là cô Cao Xuân Châu Phố (đạo ấy còn là Sinh viên Luật khoa). Nhưng tại sao nó lại giống hai mẹ con bà Nhu, đó là cả vấn đề bí ẩn không lẽ trong lúc sáng tác ông Thế lại mắc bệnh ám thị về hình ảnh 2 mẹ con bà Nhu ! Hay là có một bàn tay bí mật nào muốn sa đọa hơn chế độ tạo nên một đối tượng cho dư luận mai mỉa đồng thời tạo nên tác dụng tuyên truyền trong quần chúng mà đối phương mong muốn, đây cũng chỉ là một giả thuyết. Tuy nhiên theo Đại-úy Bằng, sĩ quan hầu cận, thì chính điêu khắc gia Nguyễn-Văn-Thế, trước ngày Phật đản 63 đã từ Huế về Saigon rồi vào thẳng Dinh Gia-Long báo cáo với Tổng thống Diệm « Thừa cụ Phật giáo ngoài Huế họ làm chi mà lố hết sức chẳng tôn trọng gì luật lệ quốc gia. Gần Lễ Phật Đản mà con thấy Huế cả một rừng cờ

Phật giáo». Điều khắc gia Thế lại nói tiếp : « Chẳng hề có Quốc kỳ chi cả... Ở Âu châu cờ công giáo đâu có treo như vậy »... Phải chăng do lời báo cáo này mà Tổng thống Diệm nổi giận rồi tức khắc gọi ông đồng lý Quách-tòng-Đức và đọc cho ông Đức viết bức công điện « cấm treo cờ Phật Giáo ngoài đường ». (Năm 64 ông Thế được tướng Khánh cho phép xuất ngoại qua Âu châu).

Cách ăn mặc của bà Nhu cũng tạo nên nhiều dư luận bất lợi trong quần chúng. Bà luôn luôn « lance » các kiểu áo dài phụ nữ. Kiểu áo hở cổ mà hiện nay các bà các cô thường mặc thì chính bà Nhu đã « lance » từ dạo 1958. Rồi một số bà Liên đới cũng « a dua » mặc theo kiểu này. Bà Nhu phỏng theo kiểu áo dài VN và áo dài của phụ nữ Chiêm Thành. Áo dài của bà lại thường thêu hoa lá và chim phượng hoàng. Một bức ảnh cho ta thấy, Bà Nhu mặc chiếc áo dài hở cổ, ngay trước ngực thêu một con chim phượng hoàng... Bà Nhu coi đó như một việc « cách mạng » chiếc áo dài Việt Nam.

Bà Nhu không muốn một ai phê bình mình. Tất nhiên như vậy thì chỉ chấp nhận sự ca ngợi tán tụng. Bất kỳ một ai tỏ ra nổi hơn bà một chút khác hơn bà một chút cũng đủ bị « thất sủng ». Khi bà vợ bị thất sủng thì ông chồng cũng dễ dàng bị thất sủng. Người đàn bà có tài và thông minh hầu như đều mắc phải cái tật xấu này. Bà Nhu bị nhiều người ghen ghét, bị dư luận dâm. chúng chỉ trích nặng nề và nghiêm khắc trước hết do sự xuất hiện nặng phần trình diễn của

bà cùng tính cao ngạo và cố tạo ra vẻ có uy quyền để được mọi người thán phục tôn trọng.

Nếu so với nhiều bà tai to mặt lớn hiện nay thì sự trưng diện áo quần của bà Nhu cũng hãy còn giản dị lắm. Nhiều bà lớn bây giờ đeo cả hạt xoàn kim cương đáng giá 3, 4 triệu với kẻ hầu người hạ như một nữ lãnh chúa cùng sự ăn chơi bài bạc vô cùng sa đọa. Nhưng chỉ có một giới nào biết rõ mà thôi. Song bà Nhu dù có mặc đồ nội hóa, không đeo kim cương hạt xoàn lộng lẫy xa hoa, thế nhưng dân chúng mọi giới đều chúí mũi dùi vào bà. Tại sao ? Giản dị vì bà lại tiêu biểu cho một phần uy quyền của chế độ, uy quyền ấy không được chính thức công nhận nhưng thực tế thì không ai chối cãi được.

Gia đình bà Nhu ở trong Dinh TT với hai phòng không được rộng rãi lắm.

Bà nổi tiếng là người « *keo kẹt* », chỉ tiền chợ hàng ngày. Ông Nhu thì vợ cho ăn uống như thế nào thì ăn uống như vậy, không đòi hỏi. Những người hầu cận cho biết, nhiều khi ông Nhu đi sẵn về mang theo ít thịt nai hoặc mấy con chim thì bà Nhu lại bớt tiền chợ và dùng đồ sẵn đó bắt ông chồng ăn cả hai ba bữa. Hai căn phòng của ông Nhu trang hoàng không có gì xa hoa lộng lẫy trái lại có vẻ bình thường trung lưu.

Bà Nhu sống trong cảnh kín cổng cao tường cho nên dễ dàng trở thành nơi thâm cung bí sử. Dân chúng bao giờ cũng tò mò muốn tìm hiểu sự thật cho nên khi thấy cảnh bà Nhu đi xe hơi

lộng lẫy, ăn mặc diêm dúa, linh tráng theo hầu cánh gác cần mặt, bằng ấy thứ làm cho dân chúng dễ dàng liên tưởng đến sự xa hoa đài các. Rồi thân hình của bà Nhu nữa, căng đầy nhựa sống và trang sức như một tài tử, dân chúng lại càng dễ liên tưởng từ một ẩn dụ sinh lý. Bởi vậy mới có dư luận hàng ngày cho bà Nhu tắm bằng sữa tươi giữ cho nước da được tốt.

Sau 1-11-63, đã biết bao nhiêu dư luận được tạo dựng chung quanh bà Nhu... nhất là một số tình ái lãng nhãng... Không hiểu xuất phát từ đâu, có một số hình ảnh lố lõ của bà Nhu và mấy bà Liên Đới được tung ra công chúng và nói rằng bà Nhu buộc các bà Liên Đới phải chụp ảnh lố lõ như vậy để bà giữ làm điều kiện, ấy thế mà dư luận có vẻ tin thực. Chúng tôi xem tấm hình lố thê của bà chủ nhiệm báo Saigon Mới... trông qua thì có vẻ giống nhưng nhìn kỹ thì một người già như vậy, mập ụ lùn thấp như vậy không thể nào có một cặp giò tròn trĩnh chắc nịch như vậy. Tấm hình lố thê của bà Nhu cũng vậy, nhìn qua thật là giống nhưng so sánh, một người VN như bà dù nở nang nhưng với 4 mặt con và trên 40 tuổi không thể nào có bộ ngực và cặp giò tròn trĩnh chắc nịch như vậy. Tấm thân từ cò trở xuống phải là tấm thân của một cô gái tây phương khoảng 22, 23 tuổi.

Sự thực ai cũng biết rằng, những hình ảnh trên đã được các tay thợ ảnh lành nghề nối ráp lại. Nhiều bà tai to mặt lớn đã bị bọn « bất lương » tống tiền bằng cách dọa đem đăng báo hình ảnh lố thê (Ngày nay hồi tưởng lại mới thấy ngán trờ đời thâm độc

thật. Cao-Miên sau cuộc đảo chánh Lol Nol hình ảnh Hoàng hậu Monique cũng được nối ráp lại và trở thành Monique lỏa lồ dâm loạn truyền tay nhau đề thưởng thức). Thành ra trò đời dẫu cũng giống dẫu về những âm mưu thâm độc.

Sau đảo chánh 63, bà Nhu được mô tả như một « ác phụ dâm loạn » Tại sao như thế ? Giản dị trong quá khứ bà đã gây nên nhiều nổi bất bình nhất là ở giới thượng lưu.

NGÔ ĐÌNH NHU : MỘT HỌC GIẢ UYÊN THÂM

Ông Nhu đậu cử nhân văn chương Đại Học Sorbonne Balê và tốt nghiệp trường Chartes.

Danh từ riêng « Chartiste » chỉ những người tốt nghiệp trường Chartes của Pháp cũng đồng nghĩa với sự uyên bác, thông thái. Trường Chartes không tới 100 Sinh viên nhưng Thư viện lại chứa đựng 100.000 tài liệu và sách thuộc mọi ngành. Giáo sư hầu hết là học giả và các ông Hàn lâm. Mỗi lớp chỉ giới hạn khoảng 20 Sinh viên. Tuy ấn định tú tài II được thi vào, nhưng Sinh viên đều phải học qua 2 năm luyện thi vào trường Chartes (tại trường danh tiếng Henri IV). Cố Giáo sư Nguyễn-thiệu-Lâu, bạn học của ông Nhu cũng theo học tại Chartes nhưng bị loại vì sự thi cử rất khắt khe, trong 4 năm học Sinh viên chỉ có quyền thi trượt một lần và mỗi năm chỉ có một kỳ thi lên lớp. Mỗi khóa năm thứ I vào khoảng 20 Sinh viên thì khi tốt nghiệp chỉ lọt chừng một nửa.

Chương trình học thật là mênh mông. Tiếng Latinh là ngôn ngữ thông dụng.

Sinh viên phải am tường về cờ tự phải học về công văn thư, học Pháp chế sử... Ông Ngô-dinh-Nhu đã được đào tạo trong môi trường khoa bảng uyên thâm đó.

Khi về nước, ông trở thành Quản Thủ Thư viện. Tại Tổng Thư viện Hanoi ông được mô tả như « con mọt sách ». Quả thực một nửa đời người ông đã chìm đắm trong thế giới suy tư và chữ nghĩa kim cồ.

Hai tác giả mà ông Nhu mê say và nghiên cứu rất kỹ đó là thánh Ghandi và Mao trạch Đông (tức là từ triết lý bất bạo động đến triết lý cách mạng bạo động).

Cho đến nay nhiều người vẫn phê bình ông Nhu là thâm hiểm và quá hẹp hòi. Sự thực thì ông quá kiêu ngạo và tự tôn. Hơn nữa ông lại vụng về lúng túng trong sự giao tế. Ông nói rất kém (tiếng Việt cũng như tiếng Pháp) và lại là người ít nói. Nhưng ông lại là người có khả năng tiên liệu, đa mưu túc kế. Với cuộc sống khép kín nên ngay cộng sự viên cận thân của ông trong 7, 8 năm cũng khó hiểu ông.

Cuộc đời ông Nhu được coi là « phong trần » kể từ năm 1945. Khi chiến tranh Việt Pháp bùng nổ tại Hanoi thì ông Nhu cùng Hoàng-bá-Vinh chạy thoát ra vùng ngoại ô Hanoi. Rồi ngày đêm qua sự hướng dẫn của Hoàng-bá-Vinh ông Nhu trốn thoát về Phát

Diệm và lưu ngụ tại Nhà chung. Ở đây ít ngày, ông Nhu được hướng dẫn vào Thanh-Hóa (vùng Thanh-Hóa Phát-Diệm đang bộc phát phong trào chống Cộng. Các cán bộ Công Giáo cũng như VNQDD vẫn hoạt động mạnh mẽ. Ở đây cũng xin tưởng niệm hương hồn Cố văn sĩ Mai nguyệt Đái đức Tuấn ủy viên quân sự tỉnh đảng bộ VNQDD Thanh-Hóa là một trong số những cán bộ quốc gia hoạt động mạnh mẽ tại vùng Thanh-Hóa).

Người hướng dẫn ông Nhu từ Phát Diệm vào địa phận Thanh-Hóa là Bác sĩ Trần-kim-Tuyển. Đạo ấy ông Tuyển vừa đậu Tú tài II — ba lò trên vai với chiếc xe đạp « cuộc » ông Tuyển làm hướng dẫn viên. Ông Nhu thì ngồi trên chiếc xe kéo bánh gỗ che kín. Ở lại nhà Chung Thanh.Hóa trong 3 tuần lễ rồi ông Nhu lên thẳng Bái Thượng, ông Tuyển từ giả ông Nhu ở đây. Rồi từ Bái Thượng, ông Nhu được Linh mục Trọng hướng dẫn lên châu Thường Xuân Hòa bình.

Ở đây ít ngày, ông lại được một vị linh mục thuộc họ đạo Mường đưa ông qua Sầm Nứa theo ngã đường rừng.

Trong thời gian này, ông chịu ơn các linh mục địa phận Thanh Hóa. Sau này, ông còn nhớ mãi ân nghĩa đó. Linh mục Trọng đã phải cho ông Nhu mượn tấm áo « Soutane » Linh mục để hóa trang trên bước đường trốn tránh.

Hoàng bá Vinh ở lại Phát Diệm cùng với Lê

quang Luật tổ chức phong trào xã hội Công giáo để hậu thuẫn cho ông Nhu sau này. Ông Lê quang Luật là một trong mấy người cán bộ trụ cốt và đã giúp anh em Tổng thống Diệm một cách đắc lực ngay từ giai đoạn 46-54.

Khi trở về Saigon ông Nhu «thất nghiệp chính trị», và «trùm chăn» để chờ thời. Từ đó, sinh kế trong gia đình đều do một tay bà vợ lo liệu. Trong thời gian này, ông công tác chặt chẽ với linh mục Parell trong việc nghiên cứu chính trị và xã hội.

Vốn là con người lạnh lùng nên đời sống tôn giáo của ông Nhu cũng lạnh lùng. Tổng thống Diệm mộ đạo bao nhiêu thì ông Nhu thờ ơ bấy nhiêu. Đức tin của ông thật mạnh mẽ nhưng ông không biểu lộ đức tin đó bằng những hình thức nghi lễ. Tổng thống Diệm thì xưng tội rước lễ thường xuyên, ông Nhu trái lại không mấy khi ông rước lễ, xưng tội. Đại úy Bằng một người sống lâu năm trong gia đình họ Ngô cho biết, có khi cả năm sống trong Dinh cũng không thấy ông Nhu xưng tội rước lễ.

Mỗi lần xem lễ trong dinh, hai hình ảnh thật trái ngược : Tổng thống Diệm thì dăm dăm đọc kinh, coi sách lễ, Ông Nhu tuy cũng quỳ gối nhưng hình như chỉ quỳ thế thôi. Lần nào, ông anh cũng mở từng trang sách lễ rồi trao sách lễ cho ông em, chỉ rờ từng trang. Ông Nhu cầm lấy nhưng chỉ cầm chiếu lệ mà không đọc.

Một cộng sự viên thân cận khi đề cập đến Thiên Chúa giáo đã nói với ông Nhu : «Thánh Bernard cho

rằng trong nhà thờ người ta thờ Chúa bằng chén vàng chén bạc, ngoài cửa nhà thì con chiên chết đói » ông Nhu gật đầu đặc ý : « Đúng, đúng như rứa ». Mỗi lần nghe thấy tin họ đạo này xây nhà thờ nguy nga, họ đạo kia dựng tượng Đức Mẹ rất lớn, ông Nhu lại nhăn mặt, khó chịu vô cùng, nói với chung quanh : « Tại sao không xây nhà trường học mà cứ phải xây nhà thờ ».

Ông Nhu rất ít tiếp xúc với các vị linh mục trừ một số linh mục thân thiết trong gia đình. Mỗi khi phải tiếp một vị linh mục nào ông coi như là chuyện bất đắc dĩ và tiếp cho mau chóng.

Ông thường tâm sự : « Nhiều cha hay lợi dụng lắm chỉ lo affaire này kia ».

Dư luận cho rằng, ông chống lại hàng giáo phẩm nhưng LKM nhận định : « ông theo đạo một cách khác, ông không coi thường các hàng giáo phẩm nhưng không cho là quan trọng đến mức độ phải tôn thờ, quỳ lạy ».

Con người ông Nhu thật khó hiểu vì ông không bao giờ tâm sự với ai, dè dặt mọi cuộc tiếp xúc, không muốn đi ra ngoài và dè dặt từng lời nói. Người ta vẫn có thành kiến ông Nhu thâm độc và chủ trương độc tài. Trái lại ông có vẻ phóng khoáng và có tầm nhìn cởi mở của một chánh khách tây phương. Người độc đoán phải là Tông thống Diệm ông Nhu thì lại khác. Nhiều sự kiện đã chứng tỏ điều này.

Thí dụ về kết quả cuộc bầu cử Quốc Hội khóa II

(31-8-1959) trong đó BS Phan quang Đán dẫn đầu tại Quận II với 33.166 phiếu và tiếp theo là cụ Phan khắc Sửu và ông Nguyễn Trân (nguyên Tỉnh trưởng Mỹ Tho) Tổng thống Diệm quyết định phải loại ba Dân biểu này bằng mọi cách nhất là ông Phan quang Đán và Nguyễn Trân.

Cả tháng trời Tổng thống Diệm cho gọi các luật gia như ông Trần Chánh Thành và GS Vũ văn Mẫu, đề nghiên cứu làm thế nào dùng biện pháp của luật đề loại các Dân Biểu.

Ông Nhu nói với BS. Trần Kim Tuyến : « Làm chi mà quá như vậy. Thì người ta đắc cử đề người ta vô Quốc Hội người vô làm được cái gì.. Có 3 người như vậy đâu có nhiều mà phải làm như vậy.. » Ông Nhu tỏ ra rất khó chịu và hoàn toàn bất đồng với Tổng thống Diệm về việc này. Cuối cùng, đề chiều ý ông anh, ông Nhu đành chịu. Tuy vậy, riêng cụ Phan khắc Sửu vì biết rõ uy tín cũng như đức độ của cụ trong dân chúng nên ông Nhu đã ủy cho ông Bộ trưởng Huỳnh hữu Nghĩa liên lạc với cụ Sửu và dàn xếp mời cụ Sửu vào Dinh Độc Lập gặp riêng ông Nhu. Cuộc gặp gỡ giữa cụ Sửu và ông Nhu lâu cả hơn một giờ. Theo BS. Tuyến thì cụ Sửu cũng như ông Nhu tỏ ra thông cảm và cởi mở, (cụ Sửu bị bắt trong cuộc đảo chánh hợt 11-11-60 song Cụ bà vẫn được tiếp tục lãnh [ương Dân Biểu).

Thu xếp xong vấn đề cụ Phan khắc Sửu nhưng còn trường hợp 2 Ông Phan quang Đán và Nguyễn Trân, ông Nhu đề mặc ông anh quyết định.

Hơn nữa, đối với ông Nhu thì cụ Phan khắc Sửu mới là điều quan trọng vì không ai phủ nhận được đời sống đạo đức và thành tích tranh đấu của cụ trong dĩ vãng.

Sau đó thì ủy Ban Hợp thức Hòa quyết định không thừa nhận 2 dân biểu kể trên. Đây cũng là một vết đen lớn của Quốc hội đệ 1 Cộng Hòa vì dù cách nào hay dựa trên căn bản pháp lý cũng không thể biện minh cho sự vi phạm thể chế dân chủ một cách quá rõ rệt như vậy.

Về việc loại trừ BS. Phan quang Đán khỏi Quốc Hội xét về tâm lý cũng dễ hiểu. BS Đán trúng cử tại một đơn vị chính Tổng thống Diệm đi bỏ phiếu và ở ngay khu trung tâm Saigon. Và lại Tổng thống Diệm đã biết rõ con người ông Đán, từ khi gặp ông tại bên Mỹ. Ông Nhu thì cho rằng ông Phan quang Đán không quan trọng « cứ đề cho hẵn vô » Nhưng Tổng thống Diệm không chấp nhận. Đây cũng là điều quá hẹp hòi và sai lầm. Nếu cứ đề cho ông Đán vô Quốc hội thì sớm muộn gì ông Đán cũng bị « cháy » do chính ông « đốt » ông. Nhưng khi loại ông Đán thì chính lại là cơ hội tạo cho ông Đán thêm nhiều uy tín tiếng tăm trong dân chúng mà thực ra uy tín đó hết sức bấp bênh.

Dạo đó dư luận đồn đãi rằng, chính quyền Ngô-dình-Diệm cố loại Phan Quang Đán vì ông Đán có thể sẽ tranh cử Tổng thống và ông Đán là « con bài nặng ký » của Mỹ. Dư luận cũng cho ông Ngô-dình-Diệm ghen tức với uy tín của Ông Phan-quang-Đán. Sự thực

thì năm 1955 chính quyền NĐD đã chấp thuận cho ông Đán hồi hương mà không do áp lực của Mỹ. Một vài lần TT Diệm có ý dành cho ông Đán một ghế Bộ trưởng không mấy quan trọng nhưng ông Đán lại quá nhiều tham vọng muốn trở thành một lãnh tụ đối lập trong khi ông không có lực lượng nhân dân, không có một số cán bộ cần thiết. Điều đó ông Nhu biết rất rõ nên đề mặc ông Đán ăn nói rộng rãi trước các sinh viên Y Khoa năm V và SV trường cán sự y tế. Khi về nước, BS Đán được mời vào dạy môn y tế công cộng và y tế dự phòng tại 2 trường Y khoa và Cán sự Y tế (55-56).

Ông Nhu chấp nhận những cá nhân đối lập cùng những ý kiến đối lập. Cũng vì vậy, TT Diệm quyết định loại Phan quang Đán và Nguyễn Trân thì ông Nhu lại không đồng ý và cho rằng cứ đề họ vô Quốc hội. Với một Phan quang Đán, ông Nhu đã nhiều lần «miệt thị» và sẵn một thành kiến là Phan quang Đán hèn, hết chạy theo Pháp và Bìo Đại bây giờ lại trở cờ.

Khi qua Mỹ Phan-quang-Đán móc nối được mấy tay Thượng nghị sĩ và một vài viên chức CIA thì Phan-quang-Đán lại trở cờ theo Mỹ. Ông cũng biết rõ, Phan-quang-Đán không có một thực lực nào, đảng dân chủ của ông ta chỉ là đảng ma và thứ đảng phái «cò mồi» cho Mỹ. Bác Sĩ Phan-quang-Đán vẫn tự hào về thành tích lập đoàn khát thực trong trận đói tại miền Bắc 1945 và phong trào Ngũ Xã tại Hanoi (chống Việt-Minh). Thành tích của ông chỉ có bấy nhiêu thôi. Còn sau này, từ Mỹ qua Phi-luật-Tân rồi trở

về nước định làm một «cú» đổi lập nhưng ông không làm nên chuyện gì cả. Ngay những người quốc gia đổi lập thuộc thành phần đảng phái từ Nguyễn-bảo-Toàn, Trần-văn-Tuyên, Trần-văn-Văn, Hồ-văn-Nhật cũng không ưa gì Phan-quang-Đán vì đã biết «tây» của ông Đán, một người vốn khoa trương thanh thế nhưng chỉ có mỗi một thực lực là dựa được vào thế của Mỹ qua mấy tay Thượng nghị sĩ đảng Dân chủ (trong khi đảng Cộng hòa của Eisenhower đang cầm quyền).

Về việc dựa vào thế lực Mỹ như thế nào thì Đại tá Lansdale đã bản tiếng cho ông Nhu rõ. Nhiều người thân thiện giới chức Mỹ của phòng Chính trị tòa Đại sứ Mỹ thì lại được biết rằng ông Phan-quang-Đán vẫn đi cửa sau với Đại sứ Durbow.

Sau ông nổi tiếng và được dân chúng dành cho nhiều cảm tình là nhờ tờ báo Thời Luận của ông Nghiêm-xuân-Thiện. Cộng tác với ông Thiện được ít lâu và nhờ tờ Thời Luận mà có tăm tiếng thì ông lại trở cờ phản phé ông Thiện và trong khi viết báo đổi lập ông vẫn bí mật liên lạc với chính quyền và tìm cách gặp riêng ông Nhu.

Hiều rõ bản chất thực của những cá nhân đổi lập như vậy nên ông Nhu cho rằng không có gì quan trọng mà phải cấm đoán họ. TT Diệm thì lại nghĩ khác. Nhận xét về Bác sĩ Phan-quan-Đán ông Diệm nói : « Hẳn dĩ hợm lắm không dùng được ».

Tuy vậy, việc gạt Phan-quang-Đán và Nguyễn-Trần ra khỏi quốc hội đã gây nhiều bất mãn trong

dân chúng nhất là đám dân chúng cử tri quận II và đô thành. Việc này ông Nhu không sao can thiệp được với TT Diệm.

Hầu hết những chính khách đối lập tại miền Nam nếu không quen ông Nhu thì cũng từng là chỗ quen biết của TT Diệm, những chính khách độc lập ông Nhu không quan tâm vì ông chủ trương chấp nhận đối lập cá nhân và các lập trường dị biệt, nhưng có một điều quan trọng này: ông Nhu không chấp nhận đảng phái đối lập. Phải chăng những ngày dài đọc Lénine và nghiên cứu chiến lược cách mạng bạo động của Mao-trạch-Đông (ông Nhu rất ưa thích đọc Mao trạch-Đông) ông Nhu đã dứt khoát mà nói với cộng sự viên thân cận nhất: « Các đảng phái ở Á Châu và các nước chậm tiến không giống như Tây phương. Đối lập chính quyền đối với họ là hoàn toàn chống lại chính quyền và tìm mọi cách cướp chính quyền lật đổ chế độ ». Nhận xét này kẻ cũng đúng nếu tìm hiểu các đảng đối lập tại Indonésia cũng như bán đảo Ả Rập lại càng đúng hơn nữa tại Việt-nam. Ngay năm 1954 ông Diệm vừa về nước chấp chánh thì đảng Đại Việt của ông Hà-thúc-Ký đã kéo quân ra Ba-Lòng lập chiến khu rồi năm 1955 VNQDD tại Nam Ngãi kéo quân ra bùng lập chiến khu.

Đó là quan niệm của ông Nhu còn nó có hợp tình hợp lý không thì lại là chuyện khác.

Ngay trong Dinh Độc Lập đã có sự đối lập rồi. Một bên là TT Diệm với các ông Võ-văn-Hải v.v. Một bên là ông Nhu với mấy cộng sự viên thân cận.

Ông Võ-văn-Hải theo Tổng thống Diệm từ thời thiếu niên, một phật tử thuần thành nhưng đối với ông Nhu như « mặt trăng mặt trời ». Sau cuộc đảo chánh hụt 11-11-60 ông Hải bị nghi oan có liên hệ với phe đảo chánh, ông tức giận làm một bản phúc trình dài gửi thẳng Tổng thống Diệm và kết luận đại cương rằng : « Tôi theo Tổng thống, trung thành với Tổng thống, tôi chỉ biết một lòng với Tổng Thống thôi »...

Bản phúc trình ấy có ý nói gián tiếp là không cần biết ông Nhu, ông Nhu được xem bản phúc trình đó không biết lòng dạ ông thế nào nhưng ông không tỏ một thái độ gì cả. Rồi mỗi người mỗi việc, mỗi phận.

Nói năng kém hoạt bát, giao tế lại ngưng ngưng. Đó là cái yếu nhất của một nhà chính trị. Ông Nhu mấy lần cũng cố gắng mở cuộc tiếp xúc với một số chính khách nhưng cũng vì sự giao tế ngưng ngưng nên kết quả không đi đến đâu, không tìm được sự hợp tác.

Sau cuộc đảo chánh hụt 11-11-60 ông Nhu được khuyến cáo cần phải mở rộng chính quyền phải kết hợp các thành phần vẫn được coi là đối lập. Một cộng sự viên được ông Nhu ủy cho vai trò móc nối và dàn xếp. Nếu mời các chính khách vào Dinh Độc Lập thì rất bất tiện. Và lại các vị này vốn có mặc cảm sợ mang tiếng « luôn lọt ». Do đó, phải tổ chức cuộc gặp gỡ ở bên ngoài.

Lần thứ nhất, cuộc gặp gỡ tổ chức tại nhà riêng

của GS Vũ-quốc-Thúc. Nhưng khi ông Nhu đến thì ông lại trở thành người cô đơn lạc lõng. Mấy vị chính khách thì ngồi tận xa và mình ông lơ lửng trên chiếc ghế bành kết quả không đi đến đâu không cởi mở với nhau được những gì cần phải thẳng thắn cởi mở.

Lần thứ hai tại nhà riêng BS Phan-huy-Quát. Lần này khá đông. Nhưng khi ông Nhu đến thì mọi người lại né tránh, ông vẫn là người lơ lửng. Vốn ít nói lại nói « trẹ trẹ » khó nghe nên ông lại càng thêm lơ lửng. Trong khi đó không ai gợi chuyện hiểu tính nhau và tìm đường thông cảm nhau.

Người ta cho rằng, ông Nhu thâm hiểm, sự thực, như trên đã viết, tâm hồn ông quá khép kín, vui buồn không bộc lộ ra ngoài, không mấy khi tâm sự với một ai kể cả những người thân. Ông lăm lăm, trừ tính những gì không ai hay biết.

Nhưng ông lại là người biết nghe cộng sự viên trình bày điều gì hợp lý, phải lẽ. Ông nghe ngay kể cả những nguyện vọng của quần chúng. Nhưng có mấy ai trình bày nguyện vọng thực của quần chúng để ông có thể nhìn rõ thực trạng ?

Đối với một việc dù quan hệ đến đâu nếu do tay ông giải quyết thì ông giải quyết ngay, không do dự.

Thí dụ năm 1957 nhân một chuyến đi dạo quanh đô thành, Tổng-thống Diệm đi qua bến Bạch Đằng... Ông nổi giận đùng đùng vì cảnh bến sông thật là « bê bối » ... hàng quán san sát chiếu đài viên cùng thực khách đùa giỡn lá lướt, TT Diệm sau đó chỉ thị cho

giới chức đô thành phải giải tòa ngay, ông TT cho rằng thủ đô là tiêu biểu cho thề thống quốc gia đề cho hàng quán tùm lum ở bến sông, ở hè phố như vậy còn gì là thề thống. Theo quyết định của Tổng-thống. Đô trưởng Saigon khẩn cấp ra lệnh giải tòa. Hàng ba trăm bạn hàng dọc theo bờ sông bến Bạch Đằng và một số khác ở các vỉa hè lớn bị giải tòa. Trước khi giải tòa họ chỉ được thông báo và thông báo một cách cấp kỳ như vậy trong một thời gian quá ngắn làm sao thu xếp được công ăn việc làm.

Các bạn hàng cấp tốc qui tụ lại thành một nghiệp đoàn đề tranh đấu, (đặt dưới sự bảo trợ của Tổng Liên Đoàn Lao Công) do ông Nguyễn-văn-Vượng làm chủ tịch và dự định biểu tình làm lớn chuyện. Ông Nhu biết được như vậy thì tìm cách giải quyết ngay. Ông cho gọi Nguyễn-văn-Vượng vào Dinh.

Không phân biệt địa vị sang hèn, ông Nhu đã tiếp đại diện các bạn hàng lâu cả hai giờ đồng hồ. Đến nay, ông Vượng vẫn không thể quên được hình ảnh ông Nhu trong buổi yết kiến này, ông Vượng được hướng dẫn đến văn phòng cố vấn chính trị. Một lát sau ông Nhu đi ra, hất hàm hỏi : « Ai đây » nhân viên cho biết : « ông cố vấn cho gọi người này vào hầu chuyện » Ông Nhu gật đầu : « À, à... vô đây » ông Nhu vừa ngồi xuống ghế vừa chỉ mặt ông Vượng « Tranh đấu hỉ ! Anh quá khích ! Quá khích. Rồi ông lại ôn tồn nói « Bậy chừ thế nào, ra sao nói coi ». Rồi trong suốt 2 giờ liền, ông Nhu yên lặng ngồi nghe người đại diện bạn hàng trình bày hoàn cảnh và nguyện vọng (cũng nên ghi chú : ông Vượng là người đầu tiên « sáng

chế» ra món « bia cốc » bán tại bờ hồ Hoàn Kiếm. Sau ông tổ chức cả 1 xe bán lưu động trong khắp thành phố. Món « bia cốc » rất thịnh hành tại Hà Nội trước năm 1954).

Một người tự tôn như ông Nhu mà nghe đại diện hàng quán nói thao thao cả 2 giờ như vậy thì ông Nhu cũng không phải là người không biết lắng nghe tìm hiểu.

Sau đó chỉ một tuần lễ, các bạn hàng được chính quyền lo giải quyết và khu dân sinh trở thành khu giải trí lành mạnh.

Nếu TT Diệm quá khắt khe trong quan niệm luân lý và thuần phong mỹ tục thì ông Nhu lại tỏ ra rộng rãi mặc dù ông không phải là một người bài bạc ăn chơi. Đây là một thí dụ :

Khoảng 1959 Tổng thống đi xe từ Quang Trung về khi đến ngã ba Chú Ía (gần nhà thương Cộng hòa) thì có cả hàng mấy chục cô gái giang hồ phấn son lõe loét đứng bên đường vẫy tay cười nói, ông Tổng thống mặt đỏ bừng bừng : «Mấy con mụ đó nó làm chi mà dị hợm rứa ? (chữ dị hợm này, TT Diệm đã dùng để nhận định về con người ông PQ Đán). Viên sĩ quan Tùy viên cứ ngay tình nói thẳng : «Bà cụ mấy đứa đó là bọn gái giang hồ, vùng này nhiều lắm». Ông Tổng thống lại hăm hăm mặt đỏ gay : «Thằng Tỉnh trưởng nó làm chi đó hi...»

Khi trở về Dinh, TT Diệm cho gọi Đại úy Bằng đến hỏi kỹ về chuyện này. Sau đó, ông bảo Tổng Giám Đốc CSCA, Giám Đốc Cảnh sát Đô thành, Tỉnh trưởng

Gia Định và Trung tá Cao văn Viên phải tuân hành lấy xe đi một vòng kiểm soát xem hư thực thế nào. Các viên chức này trở về Dinh đều xác nhận là có nhiều gái giang hồ tại mấy vùng ngoại ô như Lãng-cha-Cả vùng nhà thương Cộng-Hòa. Ông Giám Đốc Cảnh-sát Đô thành (Trần-văn-Tur) phải một phen xanh mặt. Mấy hôm sau Tổng thống Diệm ra lệnh bãi chức một loạt Cảnh sát trưởng thuộc đô thành và trưởng ty Cảnh sát Gia-định. Vụ này làm « rung động » giới chức Cảnh sát cao cấp. Ông Nhu cứ nhả mặt lác đầu : « Làm gì mà quá đáng như rứa ». Ông cũng thường nói với cộng sự viên : Cấm là cấm vậy thôi chứ nạn mãi dâm mà làm sao hết được tập trung bọn nó sang cả vùng Cầu-Hàn cho dễ kiểm soát bệnh tật. »

Ông Nhu quan niệm rộng rãi như vậy cũng dễ hiểu vì ông cũng không lạ gì nạn mãi dâm tại thành phố Balê nơi mà ông đã lưu trú nhiều năm. Theo Lương-khai-Minh ông Nhu khác hẳn với TT Diệm, ông không quan tâm đến những chuyện vụn vặt như ông A phóng đảng ông B ăn chơi trác táng. Điều quan trọng đối với ông là « chơi thì cứ chơi nhưng kín đáo đừng gây nên tai tiếng ». Ông thường nói : « Bọn cán bộ Cảnh sát cao cấp nó cũng ăn chơi hủ hóa ghê lắm nhưng nó kín đáo... chơi thì chơi nhưng chịu làm việc suy nghĩ — » Cái chết của tướng Hồ-văn-Tổ vì bệnh thương mả phong làm cho TT Diệm mặt chảy dài, thở phì phì vì tức giận... Ông Nhu chỉ lác đầu : « Làm thì không lo làm... lúc nào cũng chỉ có « con chim » trên đầu ». Nhưng ông có

cái rộng rãi này thì cũng vấp phải những định kiến hẹp hòi khác nhiều khi rất quá đáng nếu ở tư thế một nhà lãnh đạo chính trị. Trường hợp đối xử với số đồng bạn cũ của ông cũng gây ra tai tiếng không ít và do đó người ta cho rằng ông Nhu theo chính sách « vắt chanh bỏ vỏ ».



CHƯƠNG VII

***CHẾ ĐỘ NGÔ-ĐÌNH-DIỆM
VÀ NGƯỜI MỸ***

Sau vụ biến cố đẫm máu tại Đài phát thanh Huế 4 ngày, ông Nhu đã cho nổ một trái bom làm rung động ngoại giao Mỹ. Khi ông Nhu tuyên bố với phái viên tờ Washington Post « cho đến lúc này Chính phủ VNCH không thấy cần thiết một số cố vấn quân sự quá lớn, cho nên VNCH có thể yêu cầu chính Mỹ cho rút một nửa cố vấn quân sự Mỹ, tức là chỉ nên duy trì khoảng 7,8 ngàn là đủ (Washington Post 12-5-1963) Cũng vào thời gian này ông Nhu nói với Giáo sư Bửu Hội. « Đã đến lúc mình phải xét lại sự hợp tác và viện trợ của Mỹ. Anh có thể giúp tôi tìm sự ủng hộ thân hữu của Pháp và các quốc gia Bắc Phi. Trong tình thế này chúng ta cũng phải đi đến một modus vivendi thỏa ước với BV. Sáng chủ nhật hôm ấy ông Nhu cũng lập lại như vậy với một vài cộng sự viên thân cận. Nhưng ai nấy đều cho rằng con đường mà ông Nhu sắp đi tới nguy hiểm. Nhưng ông Nhu vẫn chủ

quan cho rằng kế hoạch Ấp chiến lược và đường lối ngoại giao mới qua trục Balê và Á Phi sẽ tạo cho miền Nam đủ tư thế chấp thuận thỏa ước với Miền Bắc. Nhưng ông Nhu quên mất rằng với 16 ngàn cố vấn Mỹ và mỗi ngày Mỹ phải chi trên một triệu Dolars cho cuộc chiến tại VN (63) thì không dễ dàng gì Mỹ có thể đề cho ông Nhu tự do hành động khác với đường lối của họ.

MỘNG ƯỚC HIỆP THƯƠNG HAI MIỀN NAM BẮC

Trước đây năm 61 Ngoại trưởng Pháp Couve de Murville sau cuộc tiếp xúc với ông Nhu tại Balê (61) đã phê bình « Ngô đình Nhu là một người có nhiều ảo tưởng » Ông Murville cũng như BS Trần Kim Tuyến cho rằng phê bình như vậy cũng có phần đúng. Theo BS Tuyến « Ông Nhu là một chánh khách có suy tư về chính trị, có khám phá có sáng tạo trên bình diện chiến lược. Nhưng thực tại chính trị miền Nam chính nó đã làm cho những suy nghĩ của Ông Nhu trở nên ảo tưởng ». Một buổi sáng trời trong xanh, ông Nhu mỉm cười mô tả một cách đầy thi vị nói với ông Tuyến : « Buổi sáng VN màu trời pha lê, toa thấy chiến tranh phi lý quá hỉ ? Nhưng bọn nó (tức Cộng sản) có bao giờ muốn hòa bình đâu. Chiến lược chiến tranh cách mạng vô sản mà. Nhưng nếu bọn nó ngưng bắn hiệp thương thì mình cũng chấp nhận, mấy thằng tư bản phiếu lưu nó sẽ phá moa, toa đã thấy thằng Nghị sĩ Mansfield gặm thét chưa. Bọn nó (tức Mỹ), như con hồ bị thương, chúng sẽ cho dollars đề Phật Giáo phá moa... Nhưng chế độ này phải tồn tại.

Khi ông Nhu toan tính bắt tay với Bắc Việt thì trước hết ông đã gặp phản ứng hết sức bất lợi cho kế hoạch riêng của ông... Phản ứng đó phát xuất ngay từ tập thể Thiên Chúa Giáo và nhất là khối di cư.

Khối người đó từng hậu thuẫn vô giá cho chế độ NĐĐ từ những ngày đầu 54-55. Tuy toan tính của ông Nhu không mấy ai biết nhưng hẳn nhiên không thể qua mắt được các Đức Giám Mục Thiên Chúa Giáo. Đức Cha Lê-hữu-Từ có thể là người được biết khá thông suốt về những toan tính của ông Nhu. Điều này cha Jean (một Linh Mục người Pháp hiện sống tại Saigon) đã có nhiều cơ hội được am tường một cách tương đối rành rẽ. Sau cuộc biểu tình dữ dội của Phật Giáo ngày 17-7, phản ứng của Mỹ hoàn toàn bất lợi cho chính quyền Ngô Đình Diệm. Đài VOA thông tin và bình luận một cách có thiện cảm hay đúng hơn đã gián tiếp ca ngợi cuộc tranh đấu của Phật Giáo. Cha Jean được mời vào Dinh gặp ông Nhu. Cuộc gặp gỡ kéo dài trong 2 tiếng đồng hồ. Ông Nhu đề cập về cuộc xuống đường của Phật Giáo ngày 17, ông nói : «Tôi có bằng chứng là hiện nay Cộng sản đã thao túng Phật Giáo. Rất nhiều cán bộ Cộng sản cải trang vào đó với tư cách Phật tử hay các nhà sư ».

Cha Jean chỉ lắng nghe mà không đáp. Ông Nhu với thái độ giận dữ : « Tôn giáo là tôn giáo, quốc gia là Quốc gia. Tổng thống không thể nào nhượng bộ họ được nữa. Đã đến lúc chính phủ phải có biện pháp mạnh. Nếu chính phủ hạ lệnh thì chỉ trong vòng một ngày, Quân đội và cảnh sát có thể dẹp tan phong trào tranh đấu này. »

Cha Jean đáp : « Thưa ông Cố vấn, đây là vấn đề nguy hiểm và rất tế nhị... vấn đề Phật giáo theo tôi biết đã có tầm mức quốc tế. Ông cố vấn có thể nào tìm cách giải quyết tốt đẹp hơn là đàn áp không? Theo tôi đàn áp thì dễ, Cộng sản sẽ chỉ mong chính phủ đàn áp Phật giáo.

Ông Nhu lừ mắt nhìn cha Jean, ông lắc đầu : « Đến nay thì không còn cách nào giải quyết tốt đẹp nữa. Hiện các tướng lãnh và sĩ quan cao cấp đang bất mãn với Phật giáo, họ đang thúc xúi Tông thống hạ lệnh cho họ được phép dẹp cho yên » Cha Jean không còn biết nói gì hơn. Ông Nhu lại tiếp tục : « Tôi hiểu, Cộng sản cũng như Hoa Kỳ đang âm mưu gây rối Miền Nam theo tư lợi của họ... chính phủ không thể tha thứ bất cứ một cuộc nổi loạn nào »

Bất chợt ông Nhu hỏi Cha Jean : « Phía Hoa kiều Chợ lớn cha thấy thái độ chung của họ như thế nào? » Cha Jean đáp, « Hoa kiều tại Việt-Nam như ông Cố vấn đã rõ họ chỉ biết làm ăn buôn bán ». Ông Nhu nói : « Cha có thể giúp tôi một việc riêng? » Cha Jean đáp : « Tôi sẵn sàng nếu thấy có khả năng ». Ông Nhu ngần ngại rồi đi thẳng vào câu chuyện : « Cha có thể giúp tôi một việc quan trọng này mà ngoài cha Tông thống không muốn ủy thác cho một ai ».

Ông Nhu lại yên lặng hút thuốc lá lâu hàng 5,7 phút. Đoạn ông nói : « Cha sang Đài Loan giúp chính phủ được không? ». Cha Jean chưa trả lời, Ông Nhu nói tiếp : « Cha có đủ uy tín nói chuyện với chính phủ

Đài Bắc, cha làm sáng tỏ cho họ rõ là chính phủ Việt Nam không bao giờ chủ trương và kỳ thị tôn giáo. Cuộc tranh đấu của Phật giáo đang bị Cộng sản sách động giật giây !! Cha Jean đáp : « Thừa ông cố vấn, tôi nghĩ việc này ông Cố vấn nên tiếp xúc thẳng với Đại sứ THQG hoặc nếu không ông Cố vấn có thể ủy thác cho ông Bộ trưởng Ngoại giao ».

Sự từ chối khéo của cha Jean làm cho ông Nhu mất bình tĩnh : « Bộ trưởng Ngoại giao ấy à ? ông ta không làm được cái chi hết. Còn ông Đại sứ THQG cũng đang bị dư luận đầu độc. Tôi muốn cha sang Đài Loan nói cho chính phủ Tưởng giới Thạch biết rõ sự thực và cha nói dùm chính phủ Đài Bắc phải chấm dứt ngay chiến dịch báo chí ở Đài Loan hiện đang xuyên tạc chính phủ VN và họ đang cò võ cho cuộc tranh đấu của Cộng Sản dưới chiêu bài tôn giáo ».

Cha Jean nói : « Xin ông Cố vấn cho tôi trình bày ý kiến. Theo tôi, có thể có Cộng sản len lỏi vào hàng ngũ tranh đấu của PG nhưng tôi tin rằng cuộc tranh đấu này vẫn có tính cách tôn giáo đầy chứ. Tôi không tin Thượng Tọa Tâm Châu hay ông Mai là Cộng Sản. Đại sứ THQG cũng đã nói với tôi như thế. Xin ông Cố vấn thông cảm sự khó khăn của tôi, tôi không thể nói gì khác hơn là như vậy.

Ông Nhu hỏi : « Ngay cha cũng tin vào dư luận là Tổng thống sẽ thương thuyết với CS Bắc-Việt ? ». Cha Jean đáp : « Đó là điều làm tôi ngạc nhiên ». Cha lại hỏi

« Chắc hẳn ông cố vấn có theo dõi hoạt động của « Ủy ban hòa bình phục hưng miền Nam » (Comité pour la Paix et la Rénovation du Sud VN.) Ông Nhu « à » một tiếng khá lớn lắc đầu với thái độ khinh miệt. « Tôi biết tờ chức ấy là một con số không do một số người Pháp đỡ đầu. Trần văn Hữu chắc cha đã biết rõ ? » Cha Jean đáp « Tôi có gặp ông ấy một vài lần. » Ông Nhu bỗng cao hứng, nói một hơi thật dài. Đến nay cha Jean chỉ còn nhớ lại vài nét chánh, đại cương ông Nhu nói « Trần văn Hữu hiện nay đang được nhóm Paul Devinat Bolaert, Pignon đỡ đầu, hấn đòi gì biết không ? Hấn đòi phải lật đổ chánh phủ này nghĩa là xóa bỏ chế độ này sau đó tờ chức một chánh phủ liên hiệp có Mặt Trận Giải Phóng tham gia và Miền Nam sẽ trung lập ». Cha Jean lại hỏi : « Thừa ông cố vấn ông cố vấn nghĩ như thế nào về đề nghị của ông Hữu ? » Ông Nhu đáp : « Đó là một đề nghị trẻ con tôi không quan tâm nếu có nói chuyện trung lập thì chỉ nói với Cộng Sản Bắc Việt thôi chứ Mặt Trận Giải Phóng chỉ là một tờ chức phiến loạn. Cha Jean nhân cơ hội này lại hỏi « thừa ông cố vấn ông có nghĩ đến vấn đề nói chuyện với Bắc Việt không ? » Ông Nhu mỉm cười : « Đó là vấn đề chính mà hôm nay tôi cần gặp cha và nhờ cha giúp tôi ».

BẮT TAY VỚI CÔNG SẢN CHỈ LÀ CHIẾN THUẬT TRA ĐỪA HOA KỲ

Qua cuộc tiếp xúc với ông Nhu, cha Jean nhận thấy ông Nhu đang trải qua cơn giao động với một thái độ quyết liệt. Về vấn đề bắt tay với Cộng sản

Bắc Việt ông Nhu tỏ ra hết sức dè dặt. Ông vẫn không tin tưởng vào thể trung lập mà liên hiệp với Cộng sản lại càng không thể có. Ông Nhu nhắc đi nhắc lại với cha Jean « Cha đã hiểu rất nhiều về Cộng Sản... Cha cũng rõ Tổng thống ghét Cộng Sản như thế nào. Sau đó ông rất dè dặt tâm sự : « Trong tình thế này Hoa kỳ cứ gây khó khăn mãi cho chánh phủ VN tôi phải lựa chọn ». Ý ông Nhu muốn nói là ông phải lựa chọn một thể đứng mới làm điều kiện trả đũa áp lực của Hoa Kỳ. Cha Jean cũng nhận thấy chưa bao giờ ông Nhu tỏ vẻ tức giận Hoa Kỳ như vậy. Trong cuộc gặp gỡ hôm ấy ông Nhu muốn nhờ cha Jean qua Đài Loan rồi trở qua Balê. Về việc qua Đài Loan ông Nhu cho biết ông muốn nhờ cha Jean nói với nhà cầm quyền Đài Loan biết rằng Tổng thống Diệm vẫn giữ vững lập trường chống Cộng không có vấn đề trung lập liên hiệp tuy nhiên ông Nhu nhấn mạnh « tuy nhiên nếu quốc gia chống Cộng như Trung Hoa Quốc Gia không giúp đỡ tích cực VNCH và không làm cách nào cho Hoa Kỳ bớt gây rối Miền nam thì buộc lòng VNCH phải chọn lựa nghĩa là sẽ có chuyện ngưng bắn và thiết lập quan hệ bình thường với Bắc Việt » Cha Jean đã tìm cách từ chối không qua Đài Loan.

Điềm sau cùng mà ông Nhu nhấn mạnh « chánh phủ VN hoàn toàn ủng hộ Trung Hoa Dân Quốc và chính vì thế Hoa kiều tại VN đã hưởng mọi ân huệ. Nếu tình thế thay đổi nghĩa là khi chánh phủ VN buộc lòng phải bắt tay với Cộng sản Bắc Việt thì lúc ấy Hoa kiều không còn hưởng ân huệ như vậy và các tổ chức

chìm nổi của chánh phủ Đài Loan tại VN cũng sẽ gặp khó khăn rồi tự nó tan rã ».

Trước khi ra về ông Nhu nắm chặt tay cha Jean tiễn ra tận hành lang ông nhắc đi nhắc lại : « Bất cứ một người Công giáo nào cũng không thể nghi ngờ được lập trường chống Cộng của TT ». Ông Nhu ngập ngừng khẽ nhún vai dáng điệu ấy cho đến nay cha Jean vẫn chưa thể quên. Ông Nhu nói « Lập trường chống Cộng phải đi song song với lập trường dân tộc. Nếu Hoa Kỳ không tôn trọng quyền tự quyết của dân Tộc VN thì buộc lòng Tổng thống sẽ phải xét lại công cuộc viện trợ. Chắc Cha cũng đã rõ, nhiều quốc gia sẵn sàng viện trợ cho VN, Tổng thống sẽ cân nhắc lựa chọn ». Trong buổi tiếp xúc này, ông Nhu nói có vẻ muốn thanh minh hai điểm quan trọng 1) Không có chuyện đàn áp Phật Giáo 2) tập thể Công giáo cứ yên tâm và tin tưởng vào lập trường chống Cộng của Tổng thống Diệm.

Từ Cha Jean đến Bác Sĩ Trần Kim Tuyến và giới lân cận ông Nhu đều nhận định rằng ông Nhu muốn thoát ảnh hưởng Mỹ, muốn tìm một thể đứng mới nhưng chuyện mưu đồ bắt tay với Cộng sản chỉ là một chiến thuật trả giá với Hoa Kỳ. Nhưng Hoa Kỳ lại dùng « gậy ông đập lưng ông » quật ngã ông Nhu, khi họ cố tình cho rằng Ông Nhu định bắt tay với CS. Một số tướng lãnh và sĩ quan cao cấp VN đã bị Hoa Kỳ lung lạc tinh thần bằng cái dư luận : Ông Nhu định điều đình với CS. Thực sự cơ quan CIA không thiếu gì phương tiện, nhất cử nhất động của ông Nhu không qua khỏi con mắt CIA. Có lẽ vấn đề ông Nhu bắt tay với Cộng

Sản không làm Mỹ lo ngại cho bằng vấn đề bang giao Việt-Pháp mỗi ngày càng thêm tốt đẹp sau nữa là thái độ quá cứng rắn của TT Diệm trước những đề nghị của Mỹ mà TT Diệm cho rằng xâm phạm đến chủ quyền VN (như vụ Cam Ranh, đề nghị đặt cố vấn Mỹ cạnh Tỉnh Trưởng VN, lập Phòng Dân vụ Mỹ cạnh tòa Đại biểu Chánh phủ. Sau 63 những đề nghị này được các chánh phủ hậu đảo chánh thỏa mãn ngay).

Trước năm 62, bang giao Việt Pháp vẫn tẻ lạnh như buổi chợ chiều. Chánh phủ De Gaulle không một chút thân thiện nào đối với VNCH. Theo những tài liệu mà chúng tôi tìm hiểu thì Tổng thống Diệm do sự thúc đẩy của ông Nhu đã gián tiếp ngỏ ý muốn qua hành hương tại Lourdes và nhân cuộc hành hương này Tướng De Gaulle sẽ chính thức mời Tổng thống Diệm thăm viếng Balê. Song điều đó bất thành.

CHẤP NÓI DUYÊN XUA

Theo Cha Jean thì không phải chỉ năm 63 ông Nhu mới nghĩ đến chuyện phát triển bang giao Việt Pháp và tìm mọi điếm tựa mới nơi chánh phủ De Gaulle. Năm 1961 trong chuyến du hành qua Maroc dự lễ dâng quang Đức vua Hassan II ông Nhu nhân dịp này ghé qua Balê với tư cách riêng. Tuy vậy ông Nhu cũng đến thăm xã giao Ngoại Trưởng pháp Couve de Murville. Tuy với tư cách riêng Ngoại trưởng Couve de Murville cũng mở dạ tiệc khoản đãi ông Nhu với sự hiện diện của đại sứ Lalouette và ông Étienne Manach đặc trách Á Châu sự vụ tại Bộ ngoại giao pháp. Tuy không đạt

được một kết quả cụ thể nào nhưng chuyến thăm viếng Balê lần này ông Nhu đã phá được bầu không khí tê lạnh giữa Việt Pháp. Kể từ năm 61, Ông Manach trở thành nhịp cầu thông cảm giữa hai quốc gia Việt Pháp. Hơn nữa vẫn theo Cha Jean, Ông Manach rất có thiện cảm với ông Nhu — một cựu sinh viên trường Cờ học Balê — đó cũng là một điểm hào quang dễ dàng thu hút sự cảm phục của giới ngoại giao Pháp. Trước năm 1960, các cha thừa sai Pháp (MPE) từng đã tỏ ra lạnh nhạt đối với chính quyền Ngô Đình Diệm nhưng sau năm 1960 thái độ đã thay đổi. Tổng thống Ngô Đình Diệm trở lại ưu ái các cha thừa sai Balê đặc biệt những cha hoạt động tại Cao Nguyên thì Tổng thống mỗi ngày thêm tín nhiệm và kính phục. Đó cũng là tia sáng soi đường cho giai đoạn thân thiện với Pháp. Một trí thức cỡ như Ngô Đình Nhu tất nhiên dễ dàng thông cảm với Pháp hơn. Cái văn minh cơ khí của Mỹ có tiền dollars viện trợ dù to tát như thế nào cũng khó lòng đề bẹp được cái tinh hoa văn hóa Pháp đã tiêm nhiễm quá sâu xa trong con người trí thức như Ngô Đình Nhu.

Đó cũng là điều dễ hiểu khi ông Nhu giờ bàn tay tiếp nhận người bạn Pháp. Đó cũng là lý do dễ hiểu tại sao những năm 60.61, chính quyền Ngô Đình Diệm cho mở hàng loạt tòa Đại sứ tại các quốc gia Á-Phi thuộc ảnh hưởng Pháp. Trong một bài báo nhan đề «La Paix manquée en», của ký giả Georges Chaffard (Express số 990) nhận định rằng trong cuộc gặp gỡ Couve de Murville — Ngô Đình Nhu (1961) đã không đạt được kết quả vì ông Nhu quá tự ái. Couve de Murville lại tỏ ra lạnh

nhật. Chaffard viết : « Ông Couve de Murville tin rằng thế nào chuyến sang Pháp lần này ông Nhu cũng về thăm Pháp nhưng ông Couve de Murville đã thất vọng vì trong suốt bữa tiệc ông Nhu chỉ đề cao chánh sách của anh em ông, ca ngợi khu trù mật và tự hào chế độ Ngô đình Diệm đang mạnh. Vẫn theo Chaffard thì ông Etienne Manach linh cảm rằng, ông Nhu sang Pháp không phải chỉ để nói những lời « suông » như vậy... Ông Etienne Manach lại bố trí một cuộc hội đàm Ngô-đình-Nhu — Couve de Murville khi ông Nhu từ Rabat (Maroc) trên đường về ghé qua Balê. Cuộc hội đàm không đi đến đâu...nhưng đó là cái mốc lớn mở đầu cho giai đoạn mới mà Đại sứ Lalouette đóng một vai trò quan trọng. Đại sứ Lalouette đã hiểu rõ sự nứt rạn trong mối tình đồng minh Mỹ-Việt. Sự mâu thuẫn giữa Việt-Mỹ càng ngày càng gia tăng và ông Nhu đã hơn một lần gián tiếp ngỏ ý cho Đại sứ Lalouette hay rằng đã đến lúc Pháp-Việt phải cải thiện bang giao và người Pháp có thể đóng một vai trò quan trọng tại bán đảo Đông dương. Đại sứ Lalouette trở thành người bạn thân của cả Tổng thống Diệm lẫn ông Nhu. Lalouette đóng vai trò biện hộ cho chế độ Ngô Đình Diệm trước thái độ nghi ngờ của tướng De Gaulle — vì De Gaulle vẫn chưa quên bài học đau đớn 54-55, một mặt bị Mỹ đá khỏi VN một mặt chính quyền Ngô Đình Diệm tày chay Pháp. Theo Georges Chaffard nhận định thì theo ông Lalouette anh em TT Diệm quá nhiều tự ái dù anh em ông Diệm có muốn về thăm Pháp đến mức nào chăng nữa, anh em TT Diệm cũng không nói thẳng ra được. Dần dần, tướng De Gaulle ngã theo chiều hướng thuyết phục của ĐS Lalouette.

Nghĩa là : với sự mâu thuẫn Việt.Mỹ, khi mà ông Nhu muốn dân Mỹ tìm một thế đứng mới thì đây là cơ hội tốt nhất để Pháp nhảy vào Đông Dương, đóng vai trò mới.

Tướng cũng nên ghi lại một biến cố ngoại giao đáng cho Hoa Kỳ lo ngại. Tháng 2-63, một phái đoàn Dân Biểu Việt Nam chính thức qua viếng thăm Pháp quốc do ông Trương vĩnh Lễ hướng dẫn gồm có các Dân Biểu Nguyễn hữu Chính, Hà như Chi, Nguyễn quốc Hưng, Trần văn Thọ. Phái đoàn Dân Biểu Việt Nam được đón tiếp một cách khác thường, Tổng thống De Gaulle đã tiếp phái đoàn tại điện Elysée và cuộc hội kiến kéo dài 35 phút. Báo chí Pháp trong ngày 14-2-63 đã nhận định về cuộc hội kiến này. Tờ Le Monde cũng như France Soir coi đây như một biến cố lớn, một khúc quanh quan trọng trong cuộc bang giao Việt-Pháp. Ngày 15-2, Thủ tướng Pompidou cùng với Ngoại trưởng Couve de Murville đã thảo luận rất lâu với phái đoàn Dân biểu VN về chương trình hợp tác và viện trợ kinh tế văn hóa. Phòng thương mại Balé cũng mở dạ hội khoản đãi phái đoàn Dân biểu VN với sự tham dự gần như đủ mặt giới doanh thương và kỹ nghệ Pháp. Người hoan hỉ nhất trong dịp này là Đại sứ Lalouette. Ông Đại sứ đã thành công trong chặng đầu... Từ đó trở đi, ĐS Lalouette trở thành một đại sứ quan trọng sau đại sứ Hoa kỳ tại Saigon. Phản ứng của Hoa kỳ như thế nào ? Dĩ nhiên Hoa kỳ không thể công khai phản đối mối tình Việt-Pháp nhưng Hoa thịnh Đốn bắt đầu phản công lại.

Đại tá Lansdale cũng như Fishel người đã từng ủng hộ hết lòng Tổng thống Diệm trong thời gian 54-55 thì 63, ông lại là người tích cực vận động lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm. Fishel từng lưu ngụ tại VN đã từng cộng tác với chính quyền Ng đình Diệm thì 63 ông lại chủ trương phải lật đổ ngay Ngô Đình Diệm dù phải dùng biện pháp máu sắt kể cả việc thanh toán cá nhân Tổng thống Diệm.

NGÔ ĐÌNH NHU — TƯỚNG KINH QUỐC — VÀ GÃ CHỦ NỢ KEO KIỆT

Trong 9 năm dẫn thân vào hành động, Ngô Đình Nhu vẫn chỉ là con người cô đơn. Ông lại có quá nhiều kẻ thù. Kẻ thù nguy hiểm đối với ông vẫn là Cộng Sản nhưng sau Cộng Sản thì người bạn Hoa Kỳ tuy vẫn có cái tình đồng minh như cuộc hôn nhân Việt-Mỹ theo tháng ngày trôi qua cùng với áp lực nặng nề thì cái tình ấy đã mong manh như giầy tơ cuối cùng « còn tình đâu nữa mà thù đấy thôi ». Đến nay bao nhiêu biến cố thăng trầm cha Jean vẫn thấy lời ông Nhu nói vừa hữu lý vừa thâm thúy :

«Thưa cha, người thông cảm sự đau đớn của Việt nam không ai hơn TT Tướng giới Thạch và Lý thừa Văn. Đối với người Mỹ, chúng tôi chỉ là những kẻ đi vay nợ lãi ». Cha Jean cho biết sau cái chết của TT Diệm và ông Nhu, Tổng thống Tướng giới Thạch than thở : « Người Mỹ có trách nhiệm về vụ ám sát xấu xa này. Trung Hoa Quốc gia mất đi những đồng chí tâm đầu ý hợp » Tướng Tướng kinh

Quốc vẫn không thể quên hình ảnh một Ngô đình Nhu, ông đã bàng hoàng trước tin Ngô đình Nhu bị giết và sau này gặp cha Jean Trường Kinh Quốc đã than thở : « người Mỹ đã làm lỗi lớn tại Miền Nam, Ông Nhu, là người chống Cộng có suy nghĩ, có chiến lược... tôi đã khâm phục ông Nhu là một lãnh tụ lớn » (Viết theo lời C a Jean.)

Ở đây chúng tôi trình bày một vài điểm nhỏ để độc giả thấy rõ cái gọi là tình đồng minh của người Mỹ như thế nào và tình đồng minh giữa Việt Nam và Trung Hoa Dân quốc đã thông cảm nhau đến một mức độ nào. Và cũng là nguyên do làm cho ông Nhu phát ngán «người bạn» Mỹ.

Riêng Trung Hoa Dân Quốc và Miền Nam trải qua cơn khủng hoảng vào những năm 56-57 vì vụ TT Diệm ký sắc lệnh cấm Hoa kiều không được hành nghề xi loại nhất là vụ Hoa kiều nhập Việt tịch. Nhưng sau đó chánh phủ Đài Loan đã cải thiện thái độ và thông cảm Chánh phủ VN. Năm 1957 phó TT Trần Thành qua viếng thăm Việt Nam thì hai quốc gia đã tạo được một cơ hội tốt đẹp nhất để cùng phát triển tình huynh đệ hơn nữa chuyển công du của TT Diệm qua Đài Loan đã được TT Trường giới Thạch mô tả như một biến chuyển lịch sử của tình huynh đệ trong cùng một chiến tuyến chống Cộng. Nhưng đây mới là hành động cụ thể của chính phủ Đài Loan để chứng tỏ tình huynh đệ ấy :

Năm 1959 BS Trần Kim Tuyến theo lời mời của Đại tướng Chủ nhiệm Quốc Gia An Toàn Cuộc (cơ quan

Tình Báo) qua thăm viếng Đài Loan. dịp này đôi bên đã trao đổi kinh nghiệm chuyên môn cũng như kỹ thuật tình báo chiến lược.

Quan điểm của Đài Loan là cuộc chống Cộng phải đặt lên hàng đầu vượt khỏi những bất đồng về quyền lợi. Đại tướng Chủ nhiệm Quốc Gia An Toàn Cuộc cũng hướng dẫn phái đoàn thăm trung tâm kiểm thính (Service des ecoutes) một trung tâm vi đại đặt dưới lòng đất có chiều dài cả cây số và được coi là một trung tâm tối tân nhất ở Á Châu. Phái đoàn VN ngỡ ý muốn được một Trung tâm như thế nhưng đành bất lực không đủ tiền bạc. Lời ngỡ ý này được Đài Loan đặc biệt lưu tâm. Một chi tiết làm cho Phái đoàn Việt Nam hết sức cảm động là tướng Tướng kinh Quốc đã tiếp phái đoàn không bằng hình thức nghi lễ. Ông ta đã cư xử với Phái đoàn Việt Nam như những đồng chí từ một trận tuyến trở về gặp nhau. Ngày đầu lưu ngụ tại Đài Bắc, Tướng Tướng Kinh Quốc mời BS Trần Kim Tuyến ra nhà hàng dùng cơm một cách thân thiện và đôi bên cũng trao đổi kinh nghiệm về Cộng sản. Tướng Tướng kinh Quốc cho rằng Đài Loan tự thấy có bốn phận phải sát cánh với VN. Sau đó Tướng kinh Quốc đã bắt chấp khó khăn và quyết định giúp Việt Nam một trung tâm kiểm thính.

Quyết định này làm cho Hoa kỳ tức giận không ít và có thể nói «chiến tranh lạnh» Việt-Mỹ âm thầm mở màn từ vụ này (xin gọi là vụ kiểm thính).

NGƯỜI MỸ « NÓ » VIỆN TRỢ CÓ ĐIỀU KIỆN NHƯ RỬA

Tại sao Hoa Kỳ tại tức giận trước sự giúp đỡ tận tình của Đài Loan đối với VN ? Sự thực thì không có gì khó hiểu bởi người Mỹ vẫn quen thói chủ nhân. Vụ kiểm thính tuy rất nhỏ nhưng đã nói lên một phần nào cái nguyên nhân mà ông Nhu nóng lòng muốn bắt bỏ người chủ nợ khó tính Hoa Kỳ.

Trước khi Pháp triệt thoái khỏi VN thì phòng Nhì Pháp vẫn có một Sở kiểm thính nhưng quá cò lỗ nghèo nàn. Và sở kiểm thính này chỉ hoạt động theo một tầm mức hạn hẹp. Trước sự tiến bộ vượt bậc của ngành kỹ thuật tình báo chiến lược thì một sở kiểm thính như vậy không thể nào thỏa mãn được những đòi hỏi cấp bách và hữu hiệu. Chính quyền VN đã nhiều lần ngỏ ý với Hoa Kỳ yêu cầu Hoa Kỳ viện trợ cho một Trung tâm nhưng Hoa Kỳ đều từ chối vì họ thấy không cần thiết có nghĩa là không có lợi gì cho họ vì lực lượng Mỹ tại Thái bình dương đã có một trung tâm kiểm thính tối tân rồi. Hơn nữa Hoa kỳ chỉ đồng ý đặt tại VN một trung tâm kiểm thính tối tân với điều kiện phải có chuyên viên của họ và dưới quyền điều khiển của họ. Điều kiện này TT Diệm bác bỏ ngay. Sự thực lúc ấy Hoa kỳ cũng lo là không mấy sốt sắng cho nên vấn đề «trung tâm kiểm thính» rơi vào quên lãng.

Sau trận chiến tranh Cao ly ngoài Mỹ và Anh và Trung hoa Quốc gia là nước (ngoài Cộng sản) có một

Trung tâm kiểm thính tối tân ngoại hạng. Nhờ Trung tâm kiểm thính này với máy móc điện tử tuyệt hảo, Đài Loan có thể kiểm soát được toàn bộ các làn sóng điện trên Hoa lục. Một sự đoàn của Trung Cộng di chuyển từ điểm A đến điểm B cũng không qua khỏi kiểm soát của Trung tâm kiểm thính Đài Bắc (nhờ khả năng bắt các làn sóng điện từ hệ thống vô tuyến điện của địch). Chính quyền VN ao ước thêm thường có được một trung tâm như thế thì khả năng tình báo chiến lược sẽ gia tăng vượt mức. Nhưng Hoa Kỳ từ chối viện trợ, VN đành bó tay.

Sau chuyến thăm viếng Đài Bắc của BS Trần Kim Tuyển thì Quốc Gia An Toàn Cuộc của Trung Hoa dân quốc quyết định viện trợ vô điều kiện cho VN cả chuyên viên lẫn máy móc để thành một Trung tâm kiểm thính (gồm một số đài cỡ nhỏ máy móc tối tân). Hành động này đã chứng tỏ sự giúp đỡ thực tâm của Đài Loan nhưng Hoa kỳ nhất là phía CIA tuy không công khai phản đối nhưng ngầm ngầm đã phát tức giận.

Sự tức giận của Hoa kỳ cũng có lý vì máy móc kiểm thính của Đài Loan đưa sang Việt-Nam lại chính là những máy móc do Mỹ viện trợ cho Đài Loan. Những máy móc ấy được đóng thùng rồi bí mật gửi qua Saigon mà không có một lời nào thông báo cho Mỹ, khi người Mỹ biết được thì sự đã rồi. Hơn nữa dù không bằng lòng cũng không thể nói gì khác hơn là im lặng. Hơn nữa, ai cũng biết Tướng Tưởng Kinh Quốc là một nhân vật uy quyền của Đài-Loan vừa với tư cách Tổng thư ký Hội đồng an ninh Quốc

Gia lại vừa là Tổng Thanh Tra Quân đội (59) nên ông có đủ thẩm quyền quyết định viện trợ đặc biệt cho Việt-Nam như vậy và qua mặt Mỹ « cái vù ». Và chẳng Tưởng Kinh Quốc vẫn nổi tiếng là con người không ưa gì Mỹ.

CHÍNH HOA-KỲ ĐÃ ĐẦY ÕNG NHU VÀO THẾ CHÂN TƯỜNG

Kể từ khi Trung Hoa Quốc gia thiết lập một số đài kiểm thính tại Việt-nam (chẳng hạn đài kiểm thính Phú Bài Huế) thì hiệu năng tình báo gia tăng mạnh mẽ. Điều đáng kể những đài kiểm thính này đều đặt dưới quyền kiểm soát trực tiếp của Sở nghiên cứu chính trị. Nhân viên Trung Hoa Quốc gia tự coi như nhân viên của Sở nghiên cứu chính trị Việt-Nam. Không những Đài kiểm soát được toàn bộ các làn sóng điện của Bắc Việt, Lào Quốc mà còn bao trùm cả miền Hoa Nam. Tuy nhiên có một điều Hoa-kỳ không vừa ý là vì kết quả khai thác của Đài kiểm thính đã không được chuyển giao cho Hoa-kỳ. Mãi sau này, khi chiến cuộc bộc phát mạnh, Hoa-kỳ mới thiết lập một trung tâm kiểm thính khác (1962) gần Bộ Tổng Tham Mưu để họ xử dụng riêng trong phạm vi cơ quan MAC.V. Qua vụ Đài kiểm thính ta cũng thấy rõ một phần nào bản chất của viện trợ Mỹ tại xứ này. Rồi vụ Đài phát thanh Saigon nữa. Khoảng đầu năm 60 Tổng thống Diệm muốn gia tăng hiệu năng vô tuyến truyền thanh mà Đài Saigon lại quá yếu. Ngân sách không cho phép có thể phát triển theo ý muốn

hầu có thể đương đầu với hiệu năng quá lớn mạnh của Đài phát thanh Hà Nội. Tất nhiên là phải yêu cầu Hoa kỳ viện trợ. Song người Mỹ chỉ đồng ý viện trợ máy móc tối tân cùng với chuyên viên điều khiển của họ. Tổng thống Diệm cho rằng đây là một trò chơi nguy hiểm. Ông Nhu cũng lo ngại vì nếu như máy móc đặt trong tay chuyên viên Hoa kỳ thì nếu có một biến cố lớn nào xảy ra, Hoa-kỳ có thể chơi xấu và phá đám bằng khả năng kỹ thuật của họ. Phía Việt-Nam có đề nghị Hoa-kỳ huấn luyện chuyên viên Việt-Nam và chỉ cần viện trợ máy móc cũng đã quá đủ. Đề nghị này không được Hoa-kỳ chấp thuận, cuối cùng Tổng thống Diệm bỏ qua không nhắc nhở đến nữa.

Kể từ năm 62 thế lực Mỹ mỗi ngày một gia tăng và bao trùm nhiều ngành sinh hoạt quốc gia, chiến tranh càng lan rộng thì thế lực Mỹ cũng có nhiều cơ hội thuận tiện nhất đề khống chế chính quyền Ngô đình Diệm. Theo Bác sĩ Tuyền ông Nhu tâm sự rằng : «Ngân sách Quốc phòng tăng như rứa viện trợ như rứa... buộc phải tìm lại thế quân binh. Chiến tranh càng kéo dài càng bất lợi cho chế độ». Theo ông Nhu (thường thổ lộ ý kiến với Bác sĩ Trần kim Tuyền cũng như một số cộng sự viên thân cận) thì chiến tranh sẽ phải sớm chấm dứt. Một là dốc toàn lực đề đề bẹp Cộng-sản. Nếu hai bên còn nghiêng ngửa và chiến tranh có chiều hướng kéo dài thì phải tìm cách chấm dứt bằng giải pháp chính trị. Ông Nhu tin tưởng Ấp chiến lược là một căn bản và một ưu thế cho giải pháp chính trị đề chấm dứt chiến tranh. Khi khả

năng Quốc phòng và chiến tranh phải tùy thuộc vào viện trợ Mỹ thì sự mất mát chủ quyền là một điều khó có thể tránh được. Theo Lương Khải Minh cũng như những nhân vật trọng yếu gần TT Diệm thì vấn đề chủ quyền quốc gia đối với TT Diệm là một vấn đề số 1. Chủ quyền quốc gia gắn liền với tính tự ái quá cao của ông Tổng thống. Bằng chứng là năm 61, 62 các cố vấn quân sự Mỹ khuyến cáo chính quyền Ngô đình Diệm bãi bỏ ngành Hiến Binh. Lúc đầu Tổng thống Diệm có vẻ thuận ý qua lời trình bày của Bộ trưởng Nguyễn đình Thuần. Ông Thuần cũng chỉ trình theo đề nghị của cố vấn quân sự Mỹ. TT Diệm có một điểm do dự là hiện ngành Hiến Binh đang phục vụ đắc lực, ông Tổng thống vẫn tin tưởng vào Hiến Binh vì cho rằng Hiến Binh «làm việc đúng đắn, rành luật pháp». Nhưng sau đó, TT Diệm cho xếp lại và vẫn duy trì ngành Hiến Binh. Tổng thống Diệm bảo ông Thuần : «Cứ thư thả, không có thay đổi gì hết, họ (tức Hoa-kỳ) nói sao mình cũng làm vậy thì còn gì thề thống Quốc gia». Sự thực lúc đầu TT Diệm cũng nghiêng theo lời trình bày của ông Thuần nhưng bỗng hăm hăm nôi giận khi ông Thuần cho biết, cố vấn quân sự Mỹ muốn bãi bỏ ngành Hiến Binh chỉ vì quân đội Hoa-kỳ không có ngành này (MP đảm trách mọi việc). Cố vấn quân sự Mỹ cho rằng đã có Quân Cảnh rồi thì Hiến Binh không cần thiết và sẽ có riêng loại Quân Cảnh Hiến Binh. Cố vấn Mỹ cho biết, nếu không bãi bỏ ngành Hiến Binh thì Hoa-kỳ không thể dành một ngân khoản viện trợ cho một ngành không cần thiết như vậy. TT Diệm coi đây như là một

áp lực và vô tình đã xúc phạm đến tự ái của một vị Tổng thống cai trị dân theo quan niệm « thiên mệnh ». Do đó mà ngành Hiến Binh bao nhiêu lần có tin đồn bãi bỏ rút cuộc vẫn được duy trì cho đến sau ngày đảo chánh 1-11-63.

Trên đây là một vài sự kiện trong bao nhiêu những sự kiện đau lòng khác và đó cũng là một nguyên nhân đẩy ông Ngô đình Nhu vào một lựa chọn mới.

KHÔNG THỂ LÀM TAY SAI MỘT CÁCH TRỞ TRÊN

Mâu thuẫn Việt-Mỹ càng trầm trọng khi chiến cuộc mỗi lúc càng gia tăng. Trước hết Việt-Mỹ đã xung khắc ngay từ buổi đầu của cuộc hôn nhân. Nói đúng hơn, Miền Nam trở thành một phận gái hãm hiu do cảnh ngộ của lịch sử mà phải ép duyên gán nợ cho anh chồng trợ phú. Xin trở lại vụ Đài phát thanh đề đề dàng sáng tỏ tính chất xung khắc qua cuộc hôn nhân miễn cưỡng này. TT Diệm khao khát có được một Đài Phát thanh tối tân và hiệu năng của nó có thể tương đương với Đài Hà-nội, trước hết vì đòi hỏi phải có một chiến lược chính trị trường kỳ tại Bắc-Việt với hiệu năng lớn mạnh của Đài Saigon thì chính quyền miền Nam mới đề dành một chương trình đặc biệt hướng về toàn thê miền Bắc và xa hơn nữa là đi Ailao và Bắc Thái-lan là những nơi có hàng ngàn Việt kiều cư ngụ Đài Saigon không đủ khả năng hoạt động trong một khu vực rộng lớn như vậy. Chính quyền miền Nam đành bỏ tay vì Hoa Kỳ từ chối lời yêu cầu tối tân hóa Đài Saigon. Trong khi đó thì Hoa-kỳ sẵn sàng viện trợ cho Việt Nam

một đài tiếp vận địa phương (mà ngân khoản tồn phí có thể gấp đôi ngân khoản tối tân hóa Đài Saigon).

Tại sao lại có vụ mâu thuẫn kỳ cục như vậy ? Điều giản dị là Hoa-kỳ muốn độc quyền truyền thanh «tiếng nói chống Cộng» của họ qua bức màn sắt, Hoa-kỳ không muốn miền Nam được quyền «chia sẻ»... Cho đến nay, Đài Saigon vẫn không có gì khả quan hơn xưa. Điều mà trước mắt năm 1963 TT Diệm ước ao có một chương trình phát thanh đặc biệt hướng về miền Bắc (với một hiệu năng tối đa) thì nay đã có (64-70) nhưng chương trình ấy lại nằm trong hệ thống Đài VOF (Voice of Freedom) tuy Đài đặt ngay tại Thủ-Đô Saigon và do nhân viên người Việt đảm trách nhưng thực chất của nó là của Hoa-kỳ qua miệng người Việt.

Tóm lại, Hoa-kỳ quan niệm Đài phát thanh Saigon chỉ có một nhiệm vụ thông tin tuyên truyền trong lãnh thổ miền Nam còn miền Bắc đã có Hoa-kỳ lo liệu (trước hết là Đài VOA sau là Đài VOF). Trí thức Ngô-đình-Nhu thúc thủ trong một thực tại viện trợ như vậy. Nếu cứ thúc thủ trong một thực tại như vậy thì chỉ còn một con đường là cam phận làm tay sai một cách thiếu thông minh trợ trên. Ông Nhu lựa chọn một thế đứng mới tức là lựa chọn một con đường giải thoát anh bạn chủ nợ keo kiệt. Tiếc thay con đường đó lại đem đến sự giải thoát vĩnh viễn cả ba anh em ông Nhu. Nói ra những mâu thuẫn Việt-Mỹ thì nhiều lắm, mâu thuẫn về quan điểm lập trường... mâu thuẫn về chiến thuật chiến lược. Khi

Ông Nhu trở lại thân thiện với Pháp, thì chỉ là một chiến thuật tạo thế chân vạc và cũng là điều kiện dọa Hoa-kỳ «nếu anh bắt bí tôi quá tôi bỏ anh»..

«Tôi sẽ không cô đơn. De Gaulle đã sẵn sàng». Một khi De Gaulle thân thiện với Miền-Nam thì lẽ tự nhiên Sihanouk sẽ không thể theo đuổi chính sách thù nghịch với Miền Nam nữa và đó cũng là con đường đưa đến thỏa hiệp với miền Bắc. Trước sau cái gút của vấn đề chỉ là Pháp. CIA không khi nào đề cho miền Nam một mặt sống vì viện trợ Mỹ, một mặt lại đưa tay nắm bàn tay De Gaulle (vẫn bị coi như kẻ thù của Mỹ) CIA không ngại những toan tính của ông Nhu trong việc tìm 1 thế thỏa hiệp với cộng sản Bắc-Việt nhưng CIA coi việc Miền Nam thân thiện với Pháp là một biến cố nguy hiểm và phải đập vỡ ngay từ trong trứng nước.

MỸ MUỐN VN CÓ MỘT THỨ CIA KIỂU MỸ

Năm 1963 Hoa kỳ chủ trương phải leo thang chiến tranh mạnh và quyết liệt.

Trong một chiều hướng như vậy thì làm sao ông Nhu có thể lựa một thế đứng mới ? (dựa vào Pháp để cân bằng thế lực Mỹ và giảm thiểu thế lực ấy sau đó mới tính chuyện với Cộng-sản) nhưng nực cười thay, giai đoạn 57-58, giai đoạn mà chế độ Ngô Đình Diệm toàn thịnh, miền Bắc đang phải đối phó với cuộc khủng hoảng kinh tế và hậu quả cuộc đấu tố đẫm máu thì Hoa kỳ lại chủ trương không can thiệp

vào Miền Bắc, duy trì sự bình thường giữa hai miền Nam Bắc như hai quốc gia !!!

Đây là những sự kiện rõ rệt chứng tỏ chủ trương của Hoa Kỳ trong giai đoạn 57-58.

Khi Sở Nghiên cứu Chính trị được thành lập do ông Vũ-tiến-Huân làm chánh sở thì Hoa kỳ muốn đặt Sở này vào vai trò tình báo chiến lược tương tự như CIA của họ. Với vai trò như CIA thì Sở nghiên cứu chỉ có nhiệm vụ hoạt động tại quốc ngoại, nhưng thân phận của một nhược tiểu như Việt Nam thì vai trò ấy quả không cần thiết. Chả lẽ Sở nghiên cứu lại gửi người qua Ấn độ để gây xáo trộn và lật đổ chánh phủ Ấn độ ? Chả lẽ Sở nghiên cứu lại cho nhân viên qua Indonésia để âm mưu lật đổ Sukarno ? Dù có muốn thế chẳng nhưng phương tiện ở đâu để làm gì ? Theo phương thức của Hoa-Kỳ thì Sở nghiên cứu chính trị VN là 1 thứ CIA lo phần ngoại quốc. Cảnh-sát Công an là một thứ FBI lo phần quốc nội. Quốc ngoại là những đâu ? Quanh đi quanh lại chỉ có mấy quốc gia láng giềng như Thái-Lan, Ai-Lao, Cam-bốt. Thái-Lan và Ai-Lao thì chỉ có Việt kiều là phạm vi hoạt động đáng kể. Vậy thì hoạt động quốc ngoại của Sở này chỉ có Cam-bốt là đáng kể nhất — nếu không muốn nói là duy nhất sau đó là đến miền Bắc và được tạm coi như một « quốc gia » (về mặt chuyên môn và thực tại chánh trị của nó).

Ở đây chúng tôi chỉ nói sơ qua về công tác tình báo tại Cambốt và Bắc Việt để một lần nữa thấy rằng, người Mỹ khó hiểu lắm và ta chớ lầm tưởng họ đại

khờ. Cá nhân họ có thể đại khờ nhưng cả một hệ thống cộng đồng Mỹ thì vô cùng tinh xảo và khôn lanh tuyệt mức dưới cái lớp vỏ đại khờ của mỗi cá nhân.

Đó cũng là lý do đề hiệu tại sao Đại tướng Hakkins (Tư lệnh Macv 1963) cũng như Đại tá Richardson (giám đốc CIA tại Việt-Nam 63) ủng hộ Tổng thống Diệm và dành cho ông Tổng thống một cảm tình nồng hậu nhưng cuối cùng chế độ Ngô-đình-Diệm vẫn bị lật nhào. Bởi chính tờ chức này được coi là nguy hiểm chỉ vì bản chất tồn tại của nó được phát biểu bằng năng biểu « tồn tại từ mâu thuẫn cá nhân cực độ trong đồng nhất tờ chức và toàn bộ. »

CÁI THỂ CỦA KẺ KHÓ ĂN ĐÔNG.

Riêng những công tác tình báo tại miền Bắc (phần đầu đã nói sơ qua) thì Hoa kỳ và chính quyền Miền Nam đã bắt đồng sâu xa. Chính quyền miền Nam muốn chú trọng về tình báo chiến lược. Hoa kỳ ngược lại chỉ chấp thuận những hoạt động có tính cách tình báo chiến thuật. Phương tiện hoạt động của Sở nghiên cứu lúc đầu đều tùy thuộc vào khả năng viện trợ Mỹ. Mà Mỹ viện trợ cho từng điệp vụ và những « vụ » này phải là những công tác phối hợp tay đôi (Việt và Mỹ). Năm 1957, Chính quyền miền Nam rất muốn thực hiện một kế hoạch tình báo chiến lược tại miền Bắc, trước hết nhằm vào các vùng Thượng-du (Móng Cái, Đầm Hà, Tiên Yên, Lai châu, Hòa Bình) sau là hai miền Bùi Chu Phát Diệm. Nếu kế hoạch này được thực hiện cùng với phương tiện dồi dào thì sẽ tiến đến sự thành lập một Mặt trận giải phóng miền Bắc làm động cơ phát động

du kích chiến chống cộng từ mỗi cục bộ địa phương nhằm đến toàn bộ miền Bắc.

Muốn được như thế phải đòi hỏi một ngân khoản quá lớn lao và một sự dài thọ liên tục và dồi dào. Cuối cùng kế hoạch ấy chỉ còn là mộng ảo vì Hoa kỳ chỉ thỏa thuận tài trợ cho những điệp vụ phối hợp có tính cách trắc nghiệm khả năng tình báo (cả miền Bắc lẫn miền Nam) Nhưng điệp vụ phối hợp đó chỉ nhằm thả người ra Bắc với nhiệm vụ thu lượm tin tức, gây rối; phá hoại như phá hoại đường xe lửa, ném lựu đạn, đặt chất nổ, nghĩa là hoàn toàn có tính cách chiến thuật giai đoạn. Chống Cộng mà lại chống ngay trong vùng Cộng-sản (Bắc Việt) thì như thế quả là ngây ngô lỗ bịch vì không khác gì kẻ cho ăn đong giữa khi đói kém, khốn nỗi Miền Nam lại ở vào cái thế của kẻ khó ăn đong mà Hoa kỳ thì nắm hầu bao rất chặt.

Đại cương sự bất đồng giữa Hoa kỳ và miền Nam là như vậy. Giai đoạn 57-58... Hoa kỳ chỉ chủ trương chống Cộng tại miền Nam mà thôi.

CHÍNH QUYỀN NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

SIHANOUK VÀ MỸ

Trong khi Hoa Kỳ cố tìm cách loại bỏ ảnh hưởng Pháp tại miền Nam thì ngược lại họ vẫn củng cố Sihanouk mặc dầu ai cũng biết Sihanouk chỉ là con cò của Pháp phải duy trì bằng bất cứ giá nào tại Đông Dương.

— Năm 1956, ông Ngô-đình-Nhu qua Nam-vang

cùng với chủ trương ve vãn Sihanouk. Lúc ấy Hoa kỳ chưa phải là thế lực đáng kể tại bán đảo Đông-Dương. Và Hoa kỳ tán trợ đường lối ve vãn Sihanouk của ông Nhu. Theo BS Trần-kim-Tuyển thì ông Nhu được Sihanouk tiếp đón một cách trọng thề. Tuy không có nghi lễ chính thức, nhưng Sihanouk đã dành cho ông Nhu một ngoại lệ nghĩa là tiếp ông như một quốc trưởng. Sau đó Sihanouk chính thức được mời qua thăm Việt-Nam và dịp này Sihanouk được tiếp đón hết sức trọng thề. Cuộc hội đàm Sihanouk Ngô-đình-Nhu được coi là rất tốt đẹp. Nhưng Tổng-thống Diệm vốn là người không khéo léo trong sự giao tế qua hình thức nghi lễ. Vẫn theo Bác Sĩ Tuyển, trong cuộc gặp gỡ Sihanouk, Tổng-thống Diệm vẫn giữ vẻ nghiêm trang đạo mạo... Do đó mà thiếu sự thân mật cởi mở cần phải có đối với một người xảo quyết và có tài « diễn xuất » như Sihanouk.

Kết quả là khi trở về nước Sihanouk lại tiếp tục chính sách ve vãn CS và bất thân thiện với miền Nam. Cũng từ đó VNCH và Cam-bốt giữ miếng nhau. Theo BS Tuyển, ông Nhu chủ trương « phải triệt hạ cho bằng được Sihanouk ». Khi ông Nhu chủ trương như vậy thì Hoa-Kỳ tiếp tục ve vãn Sihanouk. Một xa lộ thênh thang nối liền Nam-vang với Sihanoukville được Mỹ thực hiện để làm quà dâng cho ông vua xứ chùa tháp. Rồi một bệnh viện lớn cũng được Hoa-Kỳ xây cất tại Nam-vang. Nhưng Sihanouk vẫn tiếp tục chính sách riêng của ông ta và tiếp tục công kích Mỹ. Xa lộ Nam-vang Sihanoukville do Mỹ viện trợ khánh thành chưa được bao lâu thì Trung-Cộng

lại nhảy vào viện trợ cho Cam-Bốt và dựng lên cả một hệ thống cột điện chạy dài trên xa lộ của Mỹ. Bệnh viện tại Nam-vang do Mỹ xây cất thì lại do Nga-Sô viện trợ máy móc cùng các đồ trang bị thuốc men với một số bác sĩ Nga. Dù ve vãn, Mỹ vẫn bị Sihanouk đá bay khỏi Cam-bốt.

Tuy vậy, Mỹ vẫn cố gắng tìm mọi cơ hội ve vãn Cam-bốt và đồng thời ngăn chặn không cho miền Nam phá Sihanouk. Hậu quả là Mỹ vẫn « tay trắng » tại Cam-bốt. Nhưng Mỹ muốn tách biệt miền Nam với Cam-bốt. Chúng tôi kể lại đây một câu chuyện mưu sát Sihanouk do miền Nam chủ động nhưng Mỹ lại chịu tai bay vạ gió và nồng độ chống Mỹ của Sihanouk lại càng tăng. Đây cũng là một thí dụ cho biết rằng đối với Mỹ thì đừng có do dự, khúm núm và phải đặt Mỹ vào trước những việc đã rồi và phải trói chặt chân họ vào biển cố. Và ta phải làm chủ biển cố. Chính sách chủ nhân ông độc quyền. Dân nhược tiều phải biết điều đó. Tháng 8 năm 63, bà Ngô-dinh-Nhu nói trong phiên họp Phụ nữ liên đới rằng « Phải trói chân trói tay mấy thằng phiêu lưu đó (ám chỉ Mỹ) mà hành hạ ». Câu nói đó tuy có đại ngôn nhưng nghĩ lại cũng đáng cho ta suy nghĩ. Trở lại câu chuyện ám sát Sihanouk năm 1961 thì đó cũng là « trước ám sát Sihanouk » « sau hành hạ Mỹ cho vui ». Số là, sau khi ông Ngô-trọng-Hiếu rời khỏi chức vụ đại diện VN tại Cam-bốt thì tòa đại diện Việt-Nam vẫn duy trì cơ sở như cũ. Việt-Nam Cam-bốt tuy rất căng thẳng nhưng chưa đến nỗi đoạn giao. Dù vậy cơ quan tình báo Phủ Tổng-thống vẫn nhận được chỉ thị phải « hạ »

Sihanouk bằng bất cứ cách nào. Âm mưu này muốn đạt được kết quả thì trước hết phải canh chừng Mỹ. Xử lý chức vụ đại diện lúc ấy là ông Phạm-trọng-Nhơn một điệp viên của VN hoạt động tại Nam-vang có biết được một kỹ sư Mỹ (có trách nhiệm thiết lập xa lộ Nam-vang Sihanoukville) là chỗ quen thân của họ Sihanouk. Bà mẹ Sihanouk lại nổi tiếng là người thích nhận hối lộ và quà biếu. Điệp viên này được mật lệnh của Phủ TT là phải bám sát viên kỹ sư Mỹ và tìm cách « khai thác » ông ta nếu có thể được. Điệp viên kê trên báo cáo cho cơ quan tình báo Phủ TT biết là viên kỹ sư Mỹ sắp lên đường về Mỹ qua ngã Hongkong. Ngày lên đường về nước viên kỹ sư Mỹ có đến chào cáo biệt Quốc trưởng Sihanouk và Hoàng thái hậu. Đó cũng là ngày Saigon bật đèn xanh cho phép các điệp viên hành nghề. Réseau tại Nam-vang có chuyển về Saigon một tấm danh thiếp của viên kỹ sư Mỹ này cùng bút tích của ông ta. Lập tức cơ quan tình báo Phủ Tổng-thống in lại một số danh thiếp của viên kỹ sư Mỹ (rập đúng y khuôn) và trao phó cho một chuyên viên nghiên cứu tuồng chữ của ông ta và sẽ giả mạo tuồng chữ này cho công tác điệp vụ. Kế hoạch được trình bày lên ông Nhu và ông hoàn toàn tán thành. Sau đó, hai chiếc vali tuyệt đẹp được dùng vào việc giết Quốc trưởng Sihanouk. Chiếc vali thứ nhất thì bình thường trong đựng một số kỷ vật quý giá xuất xứ tại Hongkong. Chiếc vali thứ hai chính nó sẽ quyết định số mạng của Sihanouk ngoài một số kỷ vật còn có một cái hộp ngà hào hạng xuất xứ từ Đài loan, một loại chất nờ ghê gồm cực mạnh (dành

cho các điệp viên) được cho vào hộp cùng với một bộ phận cơ bảam tinh vi khác và bộ phận này được nối với nắp vali khi mở vali thì tự động chất nổ sẽ bộc phát ngay. Sau khi hóa trang và làm dấu cần thận... hai chiếc va ly này được giải lên xe mang số ngoại giao của ông xử lý đại diện Phạm trọng Nhơn. Chính ông Phạm trọng Nhơn có nhiệm vụ chuyên chở 2 chiếc va ly này lên Nam Vang nhưng ông cũng không được biết « nội dung » ra sao và ông Nhơn cũng chỉ « cảm thấy » có chuyện gì khác lạ sắp xảy ra.

SIHANOUK THOÁT CHẾT KẾ HOẠCH CỦA ÔNG NHU BẤT THÀNH

Nhờ xe mang số ngoại giao đoàn của ông Phạm trọng Nhơn nên hai chiếc va ly « nguy hiểm » đã vượt qua biên giới và đến tòa Đại diện hoàn toàn tốt đẹp. Tại Saigon, cơ quan tình báo Phủ Tổng thống theo dõi từng giây phút với bao nhiêu âu lo hồi hộp. Nếu như bị tình báo Cam bốt khám phá thì bang giao Miên Việt lần này sẽ đứt đoạn luôn không còn gì hàn gắn được nữa. Ông Ngô đình Nhu cùng mấy cộng sự viên thân cận đã tính toán thế này, nếu giết được Sihanouk thì việc đầu tiên phải đưa Sơn ngọc Thành về Nam Vang đề làm chủ tình hình.

Ngoài mấy điệp viên chủ chốt thì Tòa Đại diện VN không một ai hay biết gì về âm mưu này kể cả ông Đại lý Phạm trọng Nhơn cũng chỉ được « rỉ tai » qua loa là sẽ có một vụ nổ lớn tại Nam Vang.

Theo kế hoạch đã dự định, điệp viên Nguyễn Nhơn cải trang thành một nhân viên của nhà thầu Mỹ nơi mà viên kỹ sư Mỹ phục vụ. Khoảng 9 giờ sáng, điệp viên Nhơn dùng xe hơi vào Hoàng cung và xin yết kiến viên Giám đốc Nghi lễ hoàng cung để trao tặng phẩm của viên kỹ sư Mỹ. Nhơn nói là viên kỹ sư Mỹ khi ghé qua Hồng Kông đã mua hai va ly tặng phẩm này để gửi tặng Quốc trưởng Sihanouk và ông Giám đốc Nghi lễ.

Giám đốc Nghi lễ hoàng cung Cam-bốt cũng là chỗ bạn thân của Viên kỹ sư Mỹ nên không do dự gì cả và ông vui vẻ nhận hai va ly quý giá. Chiếc va ly thứ nhất tặng viên Giám đốc Nghi lễ cùng với danh thiếp của viên kỹ sư Mỹ và trên danh thiếp không quên viết mấy hàng thăm hỏi viên Giám đốc Nghi lễ.

Sau vụ ám sát hụt này, báo chí Cam-bốt đã có dịp tường thuật khá đầy đủ. Riêng về phía tình báo Phủ Tổng thống lúc bấy giờ được báo cáo nội vụ như sau : Khi viên Giám đốc Nghi lễ mở chiếc va ly phần tặng của ông ta thì chiếc va li này chứa đựng toàn tặng phẩm đắt tiền. Sau đó, ông ta đem chiếc va li vào phòng khách riêng của Sihanouk. Chiếc vali này niêm phong kỹ càng đề chữ « kính tặng Hoàng thái Hậu và Quốc trưởng Khmer » cùng với phong thư đựng tấm danh thiếp của viên kỹ sư Mỹ với những lời lẽ rất đẹp « kính thăm » và chào cáo biệt hoàng thái hậu và Quốc trưởng Sihanouk. Phòng khách lúc ấy lại có mặt cả hai mẹ con Sihanouk. Nhưng lại nhằm đúng vào giờ Thái tử Sihanouk và Hoàng thái Hậu phải ra đại

sảnh đề tiếp đón phái đoàn sinh viên Trung quốc cùng đi với một số sinh viên Cam Bốt.

Thái tử Sihanouk vừa cất lời khuyên nhủ sinh viên thì một tiếng nổ kinh hoàng làm rung động cả hoàng cung. Số là, khi Sihanouk và Hoàng thái Hậu ra đại sảnh tiếp Sinh Viên thì có nhẽ, viên giám đốc mở vali lấy tặng phẩm đề dâng Thái tử nên chiếc vali phát nổ, viên giám đốc Nghi lễ chết tan thân. Cả thủ đô Nam vang náo động. Buổi phát thanh vào lúc 12 giờ trưa đài VOA cũng như Mạc-tư-khoa đều loan tin và cho biết vẫn tất Thái Tử Sihanouk thoát hiểm, nhưng dân Nam vang lại không tin và cho rằng Sihanouk đã chết tan thân.

12 giờ trưa nghe tin đài VOA, cơ quan tình báo phủ Tổng thống đã lấy làm mừng và sửa soạn thực hiện giai đoạn II nghĩa là cấp thời đưa Sơn ngọc Thành về Nam vang nhưng chỉ ít phút sau, một tài liệu từ Nam vang gửi về Saigon cho biết, âm mưu bất thành. Cho đến lúc ấy, tòa Đại sứ Mỹ vẫn chưa được biết tình báo Việt Nam chủ động vụ này. Nhưng chỉ một ngày sau thì báo chí Cambốt đều chia mũi dùi vào Mỹ và cả quyết Mỹ âm mưu sát hại thái tử Sihanouk. Bang giao Mỹ Cambốt lại một lần nữa thêm căng thẳng. Có một điều lạ là Cambốt không nghi ngờ là Saigon. Hoa kỳ lãnh đủ cơn tai hay vạ gió này. Dư luận báo chí Cambốt lại có dịp được ồn ào và mạt sát Mỹ thậm tệ nhất là mấy nhật báo như La Dépêche Cambodge, Bang Khoeum Monous. Sau đó ít lâu một người Việt Nam bị bắt vì Cambốt tình nghi ông ta là nhân

viên tình báo CIA có liên quan đến vụ mưu sát Sihanouk. Thực ra, Phạm thanh Tông (tên đương sự) hết sức oan uổng ông ta chỉ làm nghề viết báo. Đương sự bị kết án tử hình. Mãi gần đến sau cuộc đảo chánh của Lon Nol ông mới được trả tự do.

Cuộc mưu sát Sihanouk bất thành nên kế hoạch đưa Sơn ngọc Thành về Nam vang đành xếp lại. Miền Nam bắt đầu nghiên cứu một kế hoạch mới mà Sơn ngọc Thành sẽ giữ một vai trò chủ chốt.

Trước vấn đề nan giải này, ông Nhu hỏi Bác sĩ Tuyền xem có cắt xén ngân sách và ngoại viện được không. Điều này không thể được vì sẽ lộ ngay và khi tòa Đại sứ Mỹ biết được thì họ sẽ không bao giờ chấp thuận dùng khoản tiền ngoại viện để viện trợ cho họ Sơn. Do đó chỉ còn cách trích trong quỹ đen của Phủ Tổng thống. Nếu dồi dào phương tiện thì Sơn-ngọc-Thành có đủ khả năng phát triển tờ chức của ông đến mức độ lớn mạnh. Nhưng rút cuộc, ông ta đành thúc thủ trong một hoàn cảnh hết sức thiếu thốn. Mỗi tháng Phủ Tổng-thống chỉ có thể viện trợ cho Sơn-ngọc-Thành vài ba trăm ngàn bạc mặt.

Tuy có điều số tiền này được trao tận tay cho họ Sơn và ông ta có thể chi tiêu như thế nào tùy ý. Điều đó theo Bác sĩ Tuyền đã làm cho Sơn-ngọc-Thành rất cảm động vì tuy nhận tiền của VN ông vẫn không bị xúc phạm vì lòng tự ái quốc gia của một lãnh tụ lớn.

Nơi ăn chốn ở và sự di chuyển của Sơn-ngọc-Thành hoàn toàn bí mật. Cơ quan CIA của Mỹ cũng biết nhưng không có một phản ứng nào vì lẽ tiền mà VN tài trợ cho Sơn-ngọc-Thành không thuộc ngân sách ngoại viện. Đầu năm 1960 lực lượng họ Sơn qui tụ vào khoảng hơn 400 tay súng phân tán trong hai vùng mật khu Châu-Đốc và Bình-Long. Sĩ-quan VN trực tiếp đảm nhận huấn luyện và làm cố vấn cho lực lượng võ trang này. Tuy họ có tinh thần chiến đấu hoàn toàn gan dạ nhưng lại hoàn toàn thiếu về mọi phương diện nhất là vũ khí, quân trang, quân dụng. Trong khi đó Hoa-kỳ thì vũ khí đồ đi không hết nhưng tuyệt nhiên Hoa-kỳ không viện trợ cho lực lượng Sơn-ngọc-Thành lấy một cây súng Garant. Chính quyền Ngô-đình-Diệm chỉ còn cách vơ vét một số khí giới thuộc loại phế thải của Pháp, như MAT 49 MAS 36 đề giúp họ Sơn. Nếu nói rằng Mỹ viện trợ vũ khí cho VN và VN có toàn quyền sử dụng số vũ khí ấy thì không đúng. Cố vấn Mỹ kiểm soát một cách khắt khe nên Phủ Tổng-thống không thể dùng một khẩu Garant MI của Mỹ đề tặng họ Sơn. Bởi nhất nhất đều không thể qua con mắt nhòm ngó của tình báo Mỹ. Về phía Tây, Sơn-ngọc-Thành được Thái-Lan yểm trợ nhưng bản doanh vẫn là Saigon.

Trên đây cũng tạm đủ nói lên sự mâu thuẫn và bất đồng giữa Việt-Mỹ.

CHỦ TRƯỞNG CỦA HOA-KỲ THEO NGÔ-ĐÌNH-NHU LÀ MỘT SỰ LƯỜNG GẠT XẤU XA

Kể từ năm 59, theo BS Trần-kim-Tuyến thì ông

Ngô đình-Nhu chủ trương quyết hạ cho bằng được Sihanouk vì nếu không thì chính Sihanouk sẽ là một mũi dùi cực mạnh đâm ngang hông VNCH. Biên giới Việt-Miên nếu còn Sihanouk thì đây sẽ trở thành vùng chiến lược bất khả xâm phạm của CS. Đối với Sihanouk, ông Nhu chỉ có hai giải pháp một là lật nhào ông ta hai là trở lại ve vãn thân thiện với ông ta. Giải pháp ve vãn thân thiện đã bất thành cho nên miền Nam chỉ còn một cách là đương đầu quyết liệt với Cambốt.

Con đường này lại đi ngược với chủ trương Mỹ. Kể từ năm 60 khi chiến cuộc gia tăng và nhất là trận đánh Kiến Phong (tháng 10-60) giữa lực lượng chính quy của Cộng sản với Tiểu đoàn 1 Nhảy Dù, người Mỹ mới bắt đầu nhận ra sự thực : Cam Bốt đã trở thành căn cứ địa an toàn của MTGPMN. Lực lượng Cộng sản đã xuất phát từ bên kia lãnh thổ Cam-bốt tiến qua đánh Kiến-phong. Tuy biết sự thật như vậy nhưng vẫn giữ vững chủ trương ve vãn o bế Sihanouk. Không phải là các chiến lược gia Mỹ không hiểu rõ tầm mức quan trọng của lãnh thổ Cam-Bốt đối với cuộc chiến tại Việt-nam. Nhưng lúc ấy Hoa-thịnh-Đốn vẫn còn chủ trương giới hạn cuộc chiến trong cục bộ Miền Nam. Đầu năm 63, với trận Ấp Bắc tuy không có gì đáng gọi là một trận thua lớn (sự thiệt hại giữa VNCH và MTGP được coi là cân bằng) nhưng Hoa-kỳ lại lợi dụng trận đánh này và ồn ào áp lực mạnh với Tổng thống Kennedy buộc chính quyền Ngô đình Diệm phải thay đổi chiến lược và chiến thuật. Cũng từ năm

63. VN Task Force mà chủ chốt là Hilsman nhận định rằng, phải thay đổi thái độ với Sihanouk nghĩa là chấm dứt giai đoạn o bế ve vãn. Trong khi đó thì ông Ngô đình Nhu lại làm ngược lại nghĩa là bắt tay với Pháp tìm ở De Gaulle một điểm tựa, ông Nhu đồng thời cũng muốn hâm nóng lại mối bang giao Việt — Miên đã nguội lạnh từ lâu. Hoa-kỳ coi chủ trương này như một đe dọa cho thể đứng của họ tại bán đảo Đông Dương. Bởi vì khi Hoa-kỳ muốn đẩy mạnh cuộc chiến, muốn mở rộng địa bàn hoạt động thì toan tính của ông Nhu lấy Pháp làm thế tựa, tìm ở Cam-Bốt một thái độ trung lập tích cực (nghĩa là trung lập giữa VNCH và CS Bắc-Việt) thì chủ trương ấy tự đã nói lên tính cách đe dọa nguy hiểm đối với toan tính Hoa-kỳ. Đó cũng là lý do khiến người Mỹ nóng lòng muốn thanh toán ngay Ngô đình Diệm. Ngày 19-7-63, Nghị sĩ Wayne L. Morse thuộc Ủy Ban Ngoại giao Hoa-kỳ tuyên bố : «Việt-nam không đáng nhận được sự hy sinh của một trẻ em Hoa kỳ». Ông còn nói rằng, không đồng ý cho một Đòla nào nữa đề ủng hộ một chế độ độc tài tàn bạo của TT Ngô đình Diệm. Tại sao như thế ?

ĐƯỢC NHẬP VIỆT TỊCH, NGƯỜI MIÊN 1959 COI ĐÓ NHƯ MỘT THẮNG LỢI

Trong vụ tranh đấu Phật giáo 63, Cambốt được ghi nhận là nước công kích chính quyền Ngô-dình-Diệm mãnh liệt nhất. Ngay từ tháng 7-63, khi cuộc tranh đấu của Phật giáo trở nên mãnh liệt thì Sihanouk đã tìm mọi cách vận động khối người Việt gốc

Miền tham gia cuộc tranh đấu này với chủ ý lật đổ cho kỳ được chế độ Ngô-đình-Diệm. Nhưng Sihanouk đã không thành công như ý muốn. Bởi cộng đồng người Việt gốc Miên tại miền Tây vốn có cảm tình đặc biệt với cựu Thủ Tướng Sơn-ngọc-Thành và dĩ nhiên trong hoàn cảnh lúc ấy Sơn-ngọc-Thành phải giữ thế trung lập giữa chính quyền Việt-nam và Phật-giáo. Nói đến Cộng đồng người Việt gốc Miên thì không thể nào bỏ qua thế lực của các sư sãi Miên. Các vị sư sãi này luôn luôn là các thủ lĩnh có uy quyền đối với đồng bào họ và đa số lại có cảm tình đặc biệt với Sơn-ngọc-Thành. Khi phái đoàn Phật-giáo đến yết kiến Tổng thống Diệm vào ngày 15.5 (sau vụ nổ Đài phát thanh Huế) Hòa thượng Lâm Em đã phát biểu: «Được gặp Tổng thống như thế này, tôi thấy tốt đẹp lắm». Từ đó, tuy có tiếng trong Ủy ban Liên phái nhưng Hòa thượng Lâm Em cũng như cư sĩ Sơn thái Nguyên vẫn giữ thái độ ôn hòa đối với chính quyền Ngô đình Diệm nếu không muốn nói là họ vẫn giữ sự thân thiện với chính quyền. Nhờ vậy trong suốt cuộc tranh đấu Phật giáo năm 63 người Việt gốc Miên tại miền Tây vẫn thụ động. Những tỉnh có nhiều người Việt gốc Miên (chiếm đa số) như Trà-Vinh, Sóc-Trăng đều không có một phản ứng nào đáng ghi nhận. Trong 4 vùng chiến thuật thì vùng 4 và nhất là miền Tây kể từ tháng 5 đến ngày 1-11-63 được coi là yên tĩnh về mặt Phật giáo. Mặc dù Sihanouk với sự hỗ trợ đắc lực của tổ chức giáo vận thuộc MTGPMN song ông vẫn không sao kích động được Cộng đồng người Việt gốc Miên đề họ đứng lên chống lại chính phủ Ngô đình Diệm.

Được như vậy là nhờ ảnh hưởng Sơn-ngọc-Thành và uy quyền lớn lao của Hòa Thượng Lâm-Em, vị thủ lĩnh của các sư sãi Miên tại miền Nam. Điều đáng kể là chính quyền Ngô đình Diệm nắm vững Cộng-đồng người Việt gốc Miên chính là nhờ trực Lâm Em, Sơn-thái.Nguyên, Sơn-ngọc-Thành. Năm 50 đã có đề nghị yêu cầu Tổng thống Diệm đặt người Việt gốc Miên thành thiểu số (như đồng bào Thượng) các thủ lĩnh của họ phản đối. Hòa thượng Lâm Em cũng như Sư sãi Miên cho như thế là «hạ nhục» người Miên. Đề nghị này được hủy bỏ, các thủ lĩnh Miên coi đó như một chiến thắng và một ân huệ mà TT Diệm dành cho họ.

Với chánh sách ve vãn Cam-bốt và nắm vững cộng đồng Miên tại miền Tây, TT Diệm đã dành cho họ nhiều ưu tiên và đó cũng là cách nhằm nâng cao uy tín của thủ lĩnh Sơn-ngọc-Thành và vượt ve lòng tự ái dân tộc của cộng đồng Miên vốn có nhiều mặc cảm với người Việt. Khi người Miên được nhập Việt tịch họ coi như một thành công đáng kể tức là được đối xử ngang hàng với người Việt. Có điều rất khó hiểu là năm 1969 người Miên lại muốn trở thành dân thiểu số tại Miền Nam. Theo sự tiên liệu thì đây cũng chỉ là một chiến thuật nằm trong sách lược của ngoại bang muốn biến người Việt gốc Miên thành dân thiểu số rồi từ nhãn hiệu thiểu số sẽ dễ dàng bước qua một giai đoạn khác tức giai đoạn phát động phong trào tự trị của người Miên tại miền Tây.

1963 Sihanouk được dịp trả thù. Kể từ năm

1959 Thái tử Sihanouk tìm mọi cách phát triển uy tín và cơ sở mật tại hạ tầng cộng đồng người Việt gốc Miên nhưng như trên đã viết uy tín của Thái Tử Sihanouk vẫn mờ nhạt trước một Sơn-ngọc-Thành và Lâm Em. Vụ tranh đấu Phật giáo 63 là một thất bại lớn của Sihanouk tại miền Tây vì Sihanouk không đạt được âm mưu khuấy động tại miền Tây với danh nghĩa tranh đấu cho 5 nguyện vọng của Phật giáo.

Trong khi đó thì tại Nam Vang Sihanouk dùng mọi nỗ lực để yểm trợ tinh thần cho cuộc tranh đấu của Phật giáo VN. Báo chí từ phe Miên hữu đến phe tả đều nhất loạt lên án chính quyền Ngô-đình-Diệm. Điền hình là nhật báo Neak cheat Niyum (tờ báo của chính phủ) kể từ ngày 19-5 cho đến 1.11.63 nhật báo này mở cả một chiến dịch tấn công chính quyền NĐD về vụ gọi là « kỳ thị và tàn sát Phật Giáo ». Ngôi chùa Onnalum, một ngôi chùa lớn mới được xây cất tại Nam Vang đã trở thành trung tâm tranh đấu của Phật Giáo tại Miên. Trong buổi lễ khánh thành ngôi chùa này vào đầu tháng 6-63, Thái Tử Sihanouk đã tuyên bố những lời nảy lửa lên án chính sách kỳ thị tôn giáo của chính quyền NĐD. Sihanouk cũng đã dự lễ cầu siêu cho Phật tử VN mà ông cho rằng là « nạn nhân của chính phủ NĐD. Chính phủ Diệm sau khi tàn sát nhiều sư sãi và Phật tử Miên tại Miền Nam nay lại ngược đãi tàn sát cả đồng bào họ theo Phật Giáo » Ngày 9-6-63 Chính phủ Miên tổ chức một cuộc mít tinh tại Chùa Onnalum đề gọi là

biểu dương tinh thần đoàn kết với Phật tử VN đề phản kháng chính quyền NĐD về sự đàn áp Phật giáo. Hội Việt kiều Phật giáo do ông Trần-văn-Được làm chủ tịch cũng được chính phủ Cambot dành mọi sự dễ dãi trong công cuộc vận động Việt kiều chống chính quyền NĐD. Ngày 16-6-63 chính phủ Cambot lại cho phép hội này được tổ chức một cuộc biểu tình rầm rộ trước tòa đại diện VNCH tại Nam vang đề lên án chính quyền NĐD và Đế quốc đàn áp Phật giáo VN. Trước đó 3 ngày tức là ngày 13-6. Cam-bốt bày tỏ lòng căm phẫn của chính phủ và nhân dân Cam-bốt trước các vụ đàn áp đối với người Cam-bốt tại miền Nam và cũng bày tỏ niềm âu lo trước các biện pháp đàn áp PG và Phật tử của chính phủ VNCH. Trong văn thư kể trên chính phủ Cam-bốt đòi hỏi chính phủ VNCH phải tôn trọng các nguyên tắc của bản tuyên ngôn nhân quyền của LHQ.

Tổng trưởng Ngoại giao Cam-bốt đã chánh thức mời viên Đại lý tòa Đại diện VN đến bộ Ngoại giao và trao cho ông này một văn thư gửi Bộ trưởng Ngoại giao VNCH. Trong văn thư ngày 16-6 Sihanouk lại tuyên bố hỗ trợ chính phủ Tích Lan của bà Sikimawo Bandaranaike về việc vận động với U-Thant, Tổng Thư Ký LHQ đề đưa vụ Phật giáo VN ra trước Đại hội Đồng LHQ.

KHI SIHANOUK TRANH ĐẤU CHO PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Đối với Sihanouk thì vụ Phật giáo 63 là một cơ

hội ngàn vàng để ông có dịp tố cáo VNCH về một điều giả tạo nhưng Sihanouk vẫn cho rằng chính quyền NĐD đã đàn áp và giết hại người Miên và các sư sãi Miên tại miền Nam.

Sihanouk gắn liền lời tố cáo này với chiêu bài « ủng hộ triệt đề cuộc tranh đấu của PGVN » Sihanouk không ngừng phát động cả một chiến dịch báo chí tấn công và bôi đen chính quyền NĐD trong khi đó cộng đồng người Việt gốc Miên lại tỏ ra thờ ơ lạnh nhạt. Nhờ vậy mà Vùng 4 Chiến thuật không gặp một khó khăn nào trong vụ tranh đấu ngoại trừ một vài địa phương như Bền-tre và Mỹ-tho nhưng lại rất không đáng kể. Căn cứ theo tài liệu thì trong suốt thời gian tranh đấu của Phật giáo, Vùng 4 Chiến thuật chỉ phải đối phó với áp lực quân sự mạnh mẽ của MTGPMN.

Miền Tây coi như không có vụ tranh đấu của Phật giáo nếu không theo dõi báo chí và đài VOA và BBC. Khi yết kiến Tổng-thống Diệm cũng như Bộ trưởng Bùi-văn-Lương, ông Đại biểu Nguyễn-văn-Vàng đã trình bày rõ ràng như vậy và Tướng Huỳnh-văn-Cao, Tư lệnh Vùng 4 cũng xác nhận như vậy trong tập hồ ký của ông mới xuất bản gần đây.

Tại Nam-vang ngày 2-11-63 tức là sau ngày đảo chánh và trước cái chết của anh em TT Diệm, Thái tử Sihanouk đã biểu lộ niềm hân hoan chưa từng có. Đêm 2-11 Sihanouk mở tiệc liên hoan trong hoàng cung. Tờ La Dépêche du Cambodge số ra ngày 3 cho rằng, cái chết của Nhu, Diệm đã đem lại cho nhân dân Cam-bốt một niềm vui mừng vô hạn. Thái tử Sihanouk

chính thức tuyên bố : «Ngô đình-Diệm, kẻ thù của nhân dân Cam-bốt và Phật giáo đã đến tội... đó là ngày lớn của lịch sử Đông Dương ». Liên tiếp trong 3 ngày liền, Thái tử Sihanouk mở tiệc liên hoan làm như chính ông ta đã ra tay hạ được kẻ thù không đội trời chung. Sự thực thì anh em Tổng-thống Ngô đình-Diệm chính là kẻ thù không đội trời chung của Sihanouk.

Sihanouk biết rõ chính quyền Ngô-đình-Diệm đã tài trợ và dùng dưỡng tồ chức Khmer tự do của Sơn-ngọc-Thành chỉ một điều này đã đủ khiến Sihanouk căm thù chính quyền Ngô-đình-Diệm bởi vì Sơn-ngọc-Thành đối với Sihanouk vốn là kẻ thù bất cộng đái thiên. Sihanouk đã dùng đủ cách để hạ sát Sơn-ngọc-Thành kể cả âm mưu dùng bàn tay của Phòng Nhì Pháp và MITGPMN. Nhưng Sihanouk không thể làm gì được họ Sơn bởi vì chính cái uy tín lớn lao của họ Sơn trong Cộng đồng người Miên ở miền Nam đã tạo nên bức tường thành bảo vệ Sơn và tồ chức Khmer tự do.

MỐI THÙ BIÊN GIỚI

Trong chuyến công du tại Việt-nam 1957 Thái tử Sihanouk đã đặt vấn đề biên giới Việt Miên với ông Nhu. Kết quả là Sihanouk và ông Nhu đã thỏa thuận như thế này «Hầu chánh phủ Việt Miên sẽ không đặt vấn đề biên giới như một tiên quyết cho việc thiết lập bang giao Việt Miên. Tuy nhiên hai nước vẫn mãi nhiên công nhận thừa hiệp Dupré - Norodom 1873». Theo thỏa hiệp Dupré-Norodom ký kết giữa thống đốc

Nam kỳ (Đô Đốc Dupré) và Miên Hoàng Norodom thì biên giới Việt Miên được phân định bằng 124 cột trụ kéo dài từ ngã ba biên giới cho đến phía Bắc Kinh Vinh Tế qua sông Tonly tree, Soc Stroc tum, Ban Chung, Paplan.

Kết quả cuộc hội đàm giữa Sihanouk và Ngô-đình Nhu là Cambốt sẽ không công nhận chính quyền miền Bắc nhưng vì tôn trọng tinh thần Hiệp ước Genève 1945, Cambốt chỉ thiết lập bang giao với Việt-nam trên hàng Đại diện ngoại giao (với cấp bậc Đặc sứ).

Ít lâu sau Sihanouk lại làm ngược lại lời cam kết khi ông ta tính chuyện kết thân với chính quyền Bắc-Việt và Trung Cộng.

Sihanouk lại đưa ra hai mục tiêu đề gây hấn với chính quyền Ngô-đình-Diệm. Trước hết là vấn đề biên giới Sihanouk lại phủ nhận thỏa hiệp Dupré.

Sihanouk thường lên tiếng tố cáo chính quyền Ngô-đình-Diệm đã vi phạm và đã lấn qua lãnh thổ Cambốt, sau nữa, Sihanouk lại phủ nhận các nghị định mà các toàn quyền Đông Dương của Pháp trước đây đã ký ấn định ranh giới các tỉnh Tây Ninh và Prey Veng, Thủ Dầu Một và Kompong Chàm, Châu-đốc... Những găm 59, 60, 61 tại các vùng biên giới Việt Miên, lãnh Miên được lệnh nhờ cột trụ cắm sâu vào lãnh thổ Việt-nam cả 6, 7 cây số. Quân đội Việt-Nam lại phải mở cuộc hành quân nhờ cột trụ đem chôn vào vị trí cũ. Cứ mỗi lần như thế Sihanouk lại hô hoán là quân đội Việt-Nam vi phạm biên giới. Vấn đề thứ hai

là người Miên tại miền Nam, Sihanouk chống lại việc Việt tịch hóa người Miên, ông ta lại còn «bản tiếng» sẽ đòi lại một số tỉnh Miền Tây. Khi TT Ngô-đình-Diệm đặt tên tại một địa danh của các tỉnh miền Tây là có ý biểu dương uy quyền quốc gia trên một số lãnh thổ còn mang nhiều di tích của người Miên (như Sóc-trăng chẳng hạn) và đó cũng là cách Tổng thống muốn làm sống lại một quá khứ xa xưa dưới thời Minh Mạng, Tự Đức với những địa danh như Kiên Giang, An-Giang, Phong-Dinh... giai đoạn vinh quang kết thúc cuộc Nam Tiến.

Trên đây chúng tôi trình bày sơ qua về mối cừu hận của Sihanouk đối với chế độ NĐD và đó cũng là lý do khiến cho Sihanouk vô cùng hân hoan trước cái chết của anh em TT Diệm. Sihanouk hận thù chính quyền NĐD vì chính quyền này đã dung dưỡng và hỗ trợ Sơn-ngọc-Thành. Một điều khác nữa là đã có một lần chính quyền NĐD âm mưu lật đổ chế độ Sihanouk vào tháng giêng năm 1959.

Giai đoạn đầu TT Diệm vẫn giữ vững chủ trương giao hảo tốt đẹp với Sihanouk (1957-1959). Vào cuối năm 1956 Việt-Miên đồng ý thiết lập bang giao trên cấp bậc Đặc sứ. TT Diệm hỏi ý kiến PTT Thơ về việc này và yêu cầu ông chọn một nhân vật giữ chức vụ Đặc sứ VN đầu tiên tại Cambot. TT Diệm đưa ra 3 tiêu chuẩn đề ông Thơ dễ dàng lựa chọn. 1— Viên Đặc sứ ăn nói phải hoạt bát lanh lẹ và giỏi về Pháp ngữ. 2— Am tường nội tình Cambot. 3— Có mưu mẹo tháo vát và quen biết nhiều các giới Miên, Pháp. Phó

TT Thơ đề bạt người bạn tâm giao của ông tức Ngô-trọng-Hiếu lúc ấy đang giữ chức vụ Tổng Giám Đốc Ngân Khố. Cũng nên ghi thêm là suốt chín năm cầm quyền TT Diệm rất tin cần ông Thơ. Khi muốn tìm một người giữ chức vụ quan trọng nào thì thường thường TT Diệm hỏi ý kiến ông Thơ. Một khi ông Thơ đề bạt ai thì người đó rất nhiều hy vọng được bổ nhậm. Mặc dầu bổ nhậm một Đặc sứ đáng lý ông Tổng-thống phải hỏi ý kiến ông Bộ Trưởng Ngoại Giao, nhưng TT Diệm vẫn có thành kiến là Phó Tổng thống Thơ am tường về miền Nam và nội tình Cambot. Khi TT Diệm nói : « Người cụ Phó giới thiệu ». Câu nói này có nghĩa là người đó đáng tin cần của chế độ. Người duy nhất mà ông Thơ đề bạt giữ chức vụ đặc sứ tại Miên là ông Hiếu (hai người này được coi như đôi bạn cố tri, khi ông Thơ lãnh Tỉnh Trưởng Long-xuyên thì ông Hiếu giữ chức Trưởng ty Ngân khố) Phó TT Thơ có trình bày với TT Diệm là Ngô-trọng-Hiếu hội đủ những tiêu chuẩn mà TT Diệm đưa ra. Ông Thơ cũng nhấn mạnh là Ngô-trọng-Hiếu nói được tiếng Miên rất thông thạo từng sống nhiều năm tại Cambot và là một viên chức của ngành Ngân khố Pháp tại Cambot. TT Diệm đồng ý nhưng sau đó hỏi lại ý kiến ông Nhu thì ông Nhu cho rằng « tùy Tổng thống, cắt cử ai cũng được ăn thua là chính sách của mình, tôi thấy Ngô-trọng-Hiếu cũng được ». Ông Nhu thắc mắc : « Hiếu còn hơn là dân Tây mà ? » TT Diệm nói một hơi dài như thè biện minh cho ông Hiếu : « Hẳn hồi Việt tịch rồi ». Ông Nhu đáp nhất gừng : « Như vậy cũng được ».

Trước khi chính thức bỏ nhậm, Ngô trọng Hiếu phải trải qua một cuộc « thi vấn đáp » mà giám khảo là TT Diệm. Sau khi hỏi kỹ về nội tình Cam-bốt TT Diệm chất vấn Ngô trọng Hiếu : « Tình hình như vậy thì đối với Miên bây ông sẽ tính sao » — Vốn là người nói năng lưu loát, ông Hiếu đáp ngay : « Trình cụ, đối với Miên thì tôi có hai điều cần bàn, một là dùng tình cảm, hai là hối lộ mua chuộc họ » TT Diệm hỏi : « Dùng tình cảm như thế nào ? » Ông Hiếu đáp : « Người Miên có nhiều mặc cảm với người Việt lắm vậy ta phải làm mọi cách thân thiện với họ, đề cao họ và đề họ thấy rằng ta coi họ như bạn bè ». TT Diệm lại căn vặn : « Lúc này ông nói là hối lộ vậy hối lộ như thế nào ? » Ông Hiếu đáp : « Thừa cụ xin được tùy cơ ứng biến, bà mẹ của Sihanouk ham được hối lộ lắm ».

TT Diệm hỏi : « Ông có quen ai ở bên đó không ? » Ngô trọng Hiếu đáp : « Dạ thưa quen nhiều, tôi có quen thân ông Hoàng Monireth » TT Diệm hỏi tiếp : « Ông ta là người thế nào ? » Ông Hiếu đáp : « Theo thứ tự trong hoàng tộc Miên thì Hoàng thân Monireth mới là người nối ngôi vua Cao Miên chứ không phải Sihanouk ». TT Diệm lại hỏi : « Ông ta với Sihanouk như thế nào ? » Ông Hiếu đáp : « Hoàng thân Monireth là cậu ruột của Sihanouk. Thời Pháp Monireth là Trung úy trong Quân đội Lê Dương của Pháp, ông ta rất được mẹ Sihanouk tin cậy ». Tổng-thống Diệm hỏi : « Bà ta như thế nào ? » Ông Hiếu đáp : « Thừa cụ bà ta nổi tiếng là tham lam hay nhận hối lộ ». TT Diệm lại hỏi : « Ông còn quen ai khác nữa không ? » Ông Hiếu đáp : « Thừa cụ còn một vài bạn thân như Samsary

Yam Sambaur. TT Diệm gạt đầu : « Thôi được ông về lo thu xếp rồi sang bên đó giúp tôi ». TT Diệm thắc mắc : « Ông đi sang bên đó ai có thể thay ông làm Tổng Giám Đốc Ngân Khố » Ông Hiếu đáp « nhân viên cao cấp của ngành ngân khố hiện nay hầu hết còn giữ Pháp tịch vậy xin cụ cho Trần-văn-Minh tạm thời thay quyền Tổng Giám Đốc » TT Diệm nói vắn tắt : « Thôi được, ông sang bên đó cố gắng làm sao cho tốt đẹp ». Trước khi ra về ông Hiếu được TT Diệm chỉ thị thêm : « Mình phải tạo được thể liên minh với Miên Lào thì hai nước ấy cùng r khỏi với mình thì mình sẽ đủ sức chống CS ».

NGÔ-ĐÌNH-NHU VÀ VỤ ĐÀO CHÁNH HỤT CỦA DAP CHOUN

Khi Tòa đại diện VN được thiết lập chính thức mở đầu cho giai đoạn bang giao tốt đẹp giữa Việt Miên thì Pháp cũng như chính quyền Hà Nội bắt đầu lo ngại. Tòa đại diện VN đã thành công qua giai đoạn « thân thiện và mua chuộc » theo đúng chỉ thị của TT Diệm « tốn phí thế nào cũng được miễn sao mua chuộc được Miên, rồi lần về Saigon, Ngô-trọng-Hiếu lại mua sắm đủ thứ của ngon vật lạ dè đưa lên Nam Vang « hối lộ » Hoàng hậu Kossamack. Bà ta cũng như Hoàng thân Monireth đều có cảm tình tốt đẹp với người Việt.

Từng giỏ soài, cam, ổi sá lị của ông Hiếu dâng tặng Hoàng hậu Kossamack đã có tác dụng ngay. Siha-mouk qua ảnh hưởng của người mẹ đã có một thái

độ tốt đẹp và cởi mở đối với chính quyền Saigon. Tòa Đại diện Việt-Nam sử dụng phương thuật « phóng tài hóa thu nhân tâm » nên không những hối lộ quà cáp với Hoàng hậu Kossamack mà còn mua chuộc các giới chức cao cấp Miên cũng như Hoàng thân Monireth bằng cách biếu quà, tổ chức tiệc tùng, săn bắn... Nhờ vậy, Ngô-trọng-Hiếu mọc nổi được tướng Dap Choun, mệnh danh là phó vương Cao-miên, một mình ông ta thống lãnh cả vùng Siemreap miền Tây Cambốt.

Giữa năm 1958, Sihanouk thay đổi chính sách ngoại giao... việc đầu tiên là Sihanouk chấp thuận cho Trung-Cộng đặt tại Nam-vang 1 đại diện Thương mại. Đồng thời Sihanouk cũng tìm cách mở rộng bang giao với khối Cộng và bắt tay với chính quyền Hanoi. Cuối năm 1958, Sihanouk thiên hẳn về khối Cộng.

Sự thực Sihanouk chủ tâm gây hấn về vấn đề biên giới Việt Miên, về việc Việt tịch hóa người Miên cũng như đòi lại mấy tỉnh miền Tây chẳng qua chỉ là một chiến thuật gây rối và tạo áp lực trước hết đề chính quyền Ngô Đình Diệm không tạo được cơ hội gây rối nội bộ Miên sau nữa là nhắm đến việc sửa soạn đón tiếp « ông bạn » Bắc Việt. Sihanouk đã từng tuyên bố « Cộng sản Bắc-Việt và Việt-Nam Cộng-Hòa đều nguy hiểm như nhau » nhưng Bắc-Việt là mối nguy hiểm còn ở đằng xa — Việt-Nam Cộng-Hòa mới là mối nguy hiểm trực tiếp đối với Cam-bốt.

Rõ rệt nhất là sự tài trợ và dung túng tổ chức Khmer tự do của Sơn-ngọc-Thành, họ Sơn là một âm ảnh lớn đối với Sihanouk đó cũng là mối thù của

Sihanouk đối với chính quyền NĐD. Nhưng không có mối thù nào lớn cho bằng vụ Dap Choun đã gây nên mối cừu hận giữa Sihanouk và chính quyền NĐD. Đó cũng là lý do cho ta thấy tại sao liên tiếp trong 3 ngày sau cuộc đảo chánh 1-11-63 Sihanouk đã tỏ chức liên hoan như đại hội hoa đăng để ăn mừng Diệm Nhu bị thảm sát.

TƯỚNG DAP CHOUN VÀ 100 KILO VÀNG CỦA VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Vụ Dap Choun diễn tiến như thế nào ? Ông Đặc sứ Ngô-trọng-Hiếu trở về Saigon trong chiều hướng mới của Sihanouk đối với Cộng Sản BV và Cambot với chiều hướng này sẽ là mối đe dọa lớn cho VNCH. Ông Ngô-dình-Nhu chỉ thị nếu không kéo được Sihanouk về phe mình và nếu Sihanouk trung lập thân Cộng thì chỉ còn cách mưu đồ hạ bệ ông ta. Ông Ngô-trọng-Hiếu đề nghị nên làm một « cú » đảo chính Sihanouk. Về đề nghị này, TT Diệm hỏi : « Ai có thể làm được » Ngô-trọng-Hiếu đáp : « Trình cụ, tướng Dap choun có thể làm được » Tổng-thống Diệm lại hỏi ông Hiếu : *Vai trò của Dap choun hiện nay ra sao ?*

Ông Hiếu trình bày : « Tướng Dap choun nắm hết quyền binh tại miền Tây Cambot, lực lượng phòng vệ Hoàng cung tại Nam.vang đều là tay chân của Dap choun » TT Diệm đồng ý « ông cứ làm đi, liên lạc với Dap choun xem sao ».

Trở lại Cambot, ông Ngô trọng Hiếu bắt liên lạc ngay với Tướng Dap choun. Trong một chuyến sẵn

tại khu rừng phía Bắc Siemreap, ông Hiếu cùng đi với Dap choun và tìm lời ngỏ ý... Tướng Dap choun đang có chuyện bất mãn với Sihanouk và cho rằng Sihanouk chưa đủ trưởng thành để lãnh đạo. Dap choun thuộc phe quân Phiệt cực hữu Cambot và ông ta chống lại chủ trương trung lập thân Cộng của Sihanouk. Dap choun lại có cô vợ bé người Việt mà ông ta đang sủng ái, chính người vợ bé này đã giúp Tòa Đại diện Việt Nam trong nhiệm vụ giao liên đề thuyết phục Dap choun.

Sau nhiều lần gặp gỡ và thảo luận, Tướng Dap đã đồng ý với Đặc-sứ Ngô trọng Hiếu về kế hoạch đánh chiếm Nam-vang và lật đổ Sihanouk.

Tướng Dap choun ngỏ ý, ông cần một số dollars hoặc vàng để làm phương tiện dưỡng quân trong vòng hai tháng. Điều kiện này không có gì quá khó khăn và ông Ngô trọng Hiếu lại trở về Saigon trình lại với Tổng thống Diệm và ông Nhu. TT Diệm nói đơn giản :

«Nếu thấy làm được thì cứ làm, tiền phí cũng phải ráng chịu cho nó xong việc».

Ông Nhu cho mời Bác sĩ Tuyền vào phòng để thảo luận cho kỹ lưỡng cân nhắc lợi hại trước khi bắt tay hành động. Kế hoạch này tuyệt đối bí mật không một nhân vật cao cấp nào được biết rõ ngoại trừ Phó Tổng thống Thơ, ông Nhu, Bác sĩ Tuyền và ông Hiếu. Vấn đề khó khăn nhất là tìm đâu cho ra 100 kilô vàng để tài trợ cho Dap choun ? Điều này TT Diệm trao cho Phó TT Thơ giải quyết vì còn là Bộ trưởng Kinh tế nên nếu rút 100 kilô vàng trong số trữ kim của

ngân khố sẽ không ai đề ý, nghi ngờ và sau đó sẽ tìm cách giải quyết. Phó TT Thơ đã góp công đắc lực trong phần vụ này.

Một trăm kilô vàng được đóng vào thùng, niêm phong cẩn mật và tự tay ông Hiếu lái xe đưa lên Nam-vang, rồi từ Nam-vang ông Hiếu dùng xe hơi chở lên tận Siemreap trao tận tay cho tướng Dap choun. Trong khi đó thì Phủ Tổng thống cũng gọi lên Siemreap hai chuyên viên. Hai chuyên viên này đáp máy bay AIR VN lên thẳng Siemreap qua lộ trình Saigon Nam-vang. Hai chuyên viên này không biết mặt ông Hiếu và cũng không rõ chính phủ Việt-nam toan tính gì.

Hai chuyên viên vô tuyến ăn ở ngay trong Dinh Thống Đốc tỉnh Siemreap. Tại đây, đặt một điện đài liên lạc thẳng với Saigon và Tòa đại diện Việt-nam. Đặc sứ Ngô trọng Hiếu vẫn tiếp tục liên lạc bí mật với tướng Dap choun và người em của Dap choun cũng là Dân Biểu Quốc hội Miên. Tướng Dap choun khi nhận được 100 kilô vàng ông đã đánh một điện văn cảm ơn TT Ngô đình Diệm và cho biết ông đã nhận được quà biếu. Từ đầu tháng 1-59 hàng ngày cứ lúc 7 giờ sáng, 12 giờ sáng, 12 giờ trưa và 9 giờ đêm, điện đài vô tuyến từ Dinh Dap choun vẫn gửi tin tức đều đặn về cơ quan tình báo Phủ Tổng thống. Phía Dap choun cũng đã sửa soạn kế hoạch tiến đánh Nam-vang. Lần gặp gỡ cuối cùng giữa Dap choun và Ngô trọng Hiếu nhằm ngày 10.1-59. Dap choun cho ông rõ là công việc mưu đồ đang tiến hành tốt đẹp và hai bên ấn định là ngày H sẽ ra tay.

Tại Saigon, ông Nhu cũng như BS Tuyên chỉ còn thảo luận về việc đem Sơn-ngọc-Thành trở lại Nam-vang. Một khi cuộc đảo chánh bùng nổ thì lực lượng của Quân Khu V (tức Quân khu IV bây giờ) và Quân khu II sẽ động binh tiến về phía biên giới giúp Dap choun nắm khu vực miền Đông và Đông Bắc Cambot.

Sơn-ngọc-Thành lại qua Vọng Các và liên lạc với chính quyền Thái-Lan đề hồ trợ ông ta về phía Tây. Cũng vì Sơn-ngọc-Thành qua Thái-Lan nên ngày H phải hoãn lại và đó cũng là nguyên nhân làm cho âm mưu bị bại lộ.

TRƯỚC KHI BỊ XỬ TỬ HAI ĐIỆP VIÊN VN HỒ LỚN : « VIỆT - NAM MUÔN NĂM »

Nếu ngày H theo đúng kế hoạch và thời hạn ấn định thì Sihanouk không kịp trở tay. Như trên đã viết sở dĩ phải dời lại thêm 10 ngày nữa vì còn chờ đợi cho Sơn-ngọc-Thành đi tiếp xúc với nhà cầm quyền Thái-Lan. Trong thời gian này, có lẽ tướng Dap choun sơ hở và quá chủ quan cho nên âm mưu đảo chánh lọt đến tai tòa Đại sứ Pháp. Dĩ nhiên là Pháp phải cấp báo cho Sihanouk.

12 giờ đêm ngày 21, Đại sứ Pháp cùng Đại sứ Nga vào Hoàng cung gặp Sihanouk và tiết lộ âm mưu đảo chánh của Dap choun. Hai giờ sau, Sihanouk cho lệnh động binh trao cho tướng Lon Nol thống lãnh lực lượng Dù mở cuộc tấn công chớp nhoáng thành phố Siemreap, 6 giờ sáng, tướng Dap choun còn đang

ngủ, quân của tướng Lon Nol đã tràn ngập thành phố Siem Reap. Dap choun không kịp trở tay, ông cải trang trốn thoát.

Quân của Lon Nol chiếm dinh Thống đốc Siem Reap và bắt được đầy đủ tang vật gồm 100 kilô vàng, hai chuyên viên VN và đài vô tuyến cùng một số vũ khí. Khi quân của tướng Lon Nol tiến về Siem Reap, tòa Đại sứ VN biết rõ nhưng đành bó tay vì không còn một phương cách nào cấp báo cho Dap choun.

Tại Saigon theo thông lệ 7 giờ mỗi sáng đều nhận được tín hiệu từ Dinh Dap choun nhưng suốt buổi sáng hôm đó bặt tín. Cơ quan tình báo Phủ Tổng-thống linh cảm thấy nguy cơ... Âm mưu lật đổ Sihanouk chắc là bất thành.

Ngày hôm sau, Thái tử Sihanouk mời tất cả ngoại giao đoàn lên Siem Reap xem chiến lợi phẩm trong đó có Ngô-trọng-Hiếu. Ông Hiếu ở thế « tiến thoái lưỡng nan » nhưng cuối cùng vẫn quyết định đi theo phái đoàn Ngoại giao cùng với toàn thể nội các Cambốt. Ngòi sao Lon Nol bắt đầu rực sáng. Đó là thành tích huy hoàng của ông đối với Thái tử Sihanouk. Từ thành tích này, tướng Lon Nol trở nên một cận thần có thể lực nhất sau Sihanouk.

Tại Dinh Thống Đốc Siemreap, Sihanouk vênh vang đắc thắng nhưng không ngớt lời thóa mạ « kẻ thù dân tộc Khmer » mà Sihanouk tuy không nêu đích danh VNCH nhưng ám chỉ bằng những danh từ « tay sai đế quốc »... Sihanouk trình bày tất cả bằng chứng

100 kilô vàng và hai điệp viên VN cùng Điện đài. Sihanouk quay về phía Ngô-trọng-Hiếu và hỏi « Thừa ngài Đại diện. Ngài nghĩ thế nào về những bằng chứng rõ rệt này ». Ông Hiếu cố làm vẻ thản nhiên, đáp : « Thừa Thái tử Quốc trưởng chúng tôi đến đây để được nghe ngài trình bày nên không có gì để trả lời cả ». Ngoại giao đoàn im phắc... Thái tử Sihanouk không biết nói sao nhưng bằng chứng thật là rõ rệt, 100 kilô vàng còn giữ nguyên dấu hiệu của ngân khố Việt-Nam. Hai chuyên viên vô tuyến là người Việt, lại mang theo cả giấy thông hành VN.

Tuy vậy Sihanouk vẫn không lên án đích danh VNCH mặc dù ông ta đã biết rõ tường tận từ bằng chứng cụ thể đến âm mưu kế hoạch. Khi Ngô-trọng-Hiếu và Ngoại giao đoàn được mời đến quan sát hai chuyên viên vô tuyến người Việt (bị trói chặt tay) ông Hiếu đưa tay tát yêu trên má họ và mỉm cười không nói một lời nào. Hai chuyên viên này cũng không biết ông là đặc sứ của VN. Ít lâu sau bị kết án tử hình và hành quyết ngay. Trước phút lia trần 2 chuyên viên này đồng thanh hô lớn «VN muôn năm». Thái độ bình tĩnh gan dạ và đầy khí phách của họ đã làm cho nhà cầm quyền Cambot phải kính nể.

Riêng tướng Dap chuan trốn thoát vào rừng nhưng ông ta vốn nghiện thuốc phiện và ôm cả thuốc nằm gục dưới một gốc cây. Lực lượng Dù của tướng Lon Nol bắt gặp và hạ sát Dap chuan tại chỗ.

Tại Saigon, Tổng-thống Diệm cũng như ông Nhu đều phập phồng lo âu cho số mạng của Đặc sứ Hiếu

vì biết đầu Sihanouk có thể làm hoảng. Nhưng trái lại, Sihanouk chỉ yêu cầu chính phủ VN triệu hồi Ngô-trọng-Hiếu.

Linh mục François từ Nam Vang qua Saigon vào cuối tháng 7-63. Trước khi đặt chân lên thủ đô miền Nam, Linh Mục có cảm tưởng Saigon đang là một hỏa ngục thiêu đốt hàng ngàn sư sãi và Phật tử. Sở dĩ có cảm tưởng như vậy vì xuyên qua báo chí Tây phương và nhất là những lời đồn đại và dư luận báo chí tại Nam Vang. Linh mục tuy vẫn tin tưởng nơi cá nhân TT Diệm, nhưng Linh mục cảm thấy ghê tởm những trại tù lộ thiên « giam hàng ngàn Phật tử bỏ đói, phơi nắng và bị tra tấn rất dã man ». Trong cuộc gặp gỡ tư giữa Linh mục François và Thủ tướng Cambot (hoàng thân Norodom Kantol) chính Thủ-tướng Kantol đã nói như vậy. Nhưng sự thật có như vậy không? Linh mục François lưu ngụ tại Saigon hai tuần lễ và tìm mọi cách đề điều tra xem chính quyền NĐD đã đàn áp Phật Giáo đến mức độ nào?

Trong cuộc gặp gỡ thủ tướng Kantol ông ta có nói với Linh Mục :

— Thái Tử Quốc trưởng và chính phủ Cambot rất lo ngại cho số phận của hàng trăm ngàn Phật tử Miền thuộc giáo phái Theravada nếu chính quyền Ngô-đình-Diệm không ngừng đàn áp Phật tử thì các nước Phật giáo Á-Châu sẽ có một thái độ quyết liệt và có thể tiến đến một hành động, chúng tôi sợ rằng lúc ấy sẽ bất lợi cho tín đồ Thiên Chúa giáo Á-châu.

Linh mục đáp : Chúng tôi rất hồ thẹn có một tín hữu dùng quyền bính Tông-thống mà đàn áp ngược đãi đồng bào Phật tử của ông ta như vậy. Nếu cứ như lời Thủ tướng nói thì sự đàn áp này có thật. Chắc chắn Giáo hội Thiên Chúa Giáo tại miền Nam sẽ có thái độ » Thủ tướng Kantol « Cuộc biểu tình ngày 17 vừa qua (17-7) của hàng trăm ngàn Phật tử tại Saigon chính quyền Thiên Chúa Giáo thẳng tay đàn áp. Hiện nay có cả hàng ngàn sư sãi đang bị giam giữ, một số bị thủ tiêu.

Linh mục François lắc đầu : « Tôi không biết phải thưa chuyện với Thủ tướng như thế nào.

Nhưng nếu Thủ tướng nói là chính quyền Thiên Chúa Giáo thì hoàn toàn không đúng. Tôi nghĩ chỉ có chính quyền Miền Nam do ông Ngô-Đình-Diệm lãnh đạo. Giáo hội Thiên Chúa Giáo không liên hệ gì đến công việc chính quyền đó ».

Có lẽ Thủ tướng Kantol biết là mình lỡ lời nên mỉm cười, nói : « Xin lỗi cha đó chỉ là cách nói của tôi theo dư luận báo chí. Tuy nhiên Giáo Hội Thiên Chúa Giáo cũng có trách nhiệm nhất là vụ « bắn giết » Phật tử lại xảy ra ngay nơi mà người anh của ông Diệm làm Tổng Giám Mục và điều khiển chính quyền. »

Linh mục François « Tôi có đến thăm giáo khu Huế một vài lần, tôi có thể cả quyết với Thủ tướng là Tổng Giám Mục Ngô-Đình-Thục không có một quyền hạn đối với chính quyền do người em ông lãnh đạo. Dù nếu có thì Giáo hội cũng không cho phép Tổng Giám Mục Ngô-Đình-Thục được làm như vậy ».

Thủ tướng Kantol có vẻ không tin lời cha François. Ông ta dẫn chứng qua một vài bài báo của Mỹ và khẳng định rằng « Tổng giám Mục Ngô-đình-Thục đang chia xẻ một phần lớn quyền hành của em ông và theo chỗ tôi được biết thì Tổng giám Mục Ngô-đình-Thục đang chỉ huy chiến dịch đàn áp Phật giáo».

Thủ tướng Kantol dịp này cũng tiết lộ là ông mới gặp một Đại diện cao cấp của chính phủ Hà Nội. Đại diện này đã trao tất cả tài liệu (?) về chiến dịch đàn áp Phật giáo của chính quyền Ngô-đình-Diệm và đặc biệt về tài liệu « bắn giết giam cầm » hàng ngàn Phật tử tại miền Trung do Đức Tổng Giám mục Ngô-đình-Thục chỉ huy. Linh mục François hỏi thẳng Kantol : « Ngài Thủ tướng, có thể tin vào tài liệu của chính phủ CS miền Bắc VN ?? » Kantol đáp : « Thưa cha ít nhất thì tài liệu đó cũng giúp chính phủ Cambot tìm hiểu được sự thật ».

Bróc xuống phi trường Tân sơn Nhất, Cha François vẫn còn bị ám ảnh... về những vụ thủ tiêu giam cầm đàn áp. Có đúng như vậy không ? Cha François vẫn tin tuyệt đối nơi cá nhân thánh thiện của TT Ngô-đình-Diệm nhưng cha cũng bắt đầu nghi ngờ... Cha François bỗng nhớ lại những trang sử đẫm máu của cuộc bách đạo Thiên Chúa Giáo dưới thời Thiệu Trị, Tự Đức. Không lẽ vào giữa năm 63 lại tái diễn một cuộc bách đạo như vậy mà nạn nhân lại là Sư sãi và Phật tử ?

Những ngày đầu ở Saigon, Linh mục François

thấy thành phố không có gì thay đổi nhiều. Tuy nhiên ở đâu đâu cũng như âm i một lò than hồng. Việc đầu tiên là Cha đến xin yết kiến Đức Khâm Sứ Tòa Thánh. Đức Khâm Sứ cũng đang sửa soạn về Lamã. dịp này Đức Khâm Sứ sẽ tường trình với Tòa thánh Lamã về cuộc tranh đấu của Phật giáo cùng thái độ của chính quyền Ngô-đình-Diệm. Gặp Cha François, Đức Khâm Sứ tỏ vẻ thất vọng và nói : « Tình hình rất nguy nập nếu TT Diệm không cải tiến thì chắc chắn chế độ của ông ta sẽ sụp đổ. »

Cha François hỏi : « Thưa Đức Khâm Sứ ngài có thể dùng uy tín đề thuyết phục Tổng-thống Diệm không ? Con thấy dư luận các nước Á.châu không những bất lợi cho chính quyền ông Diệm mà bất lợi cho cả giáo hội VN. »

Đức Khâm Sứ phác một cử chỉ lạnh lùng đáp : « Làm thế nào được ? Dù là Tổng-thống của một nước dân chủ nhưng con người ông Diệm vẫn là vị Hoàng đế của nước VN thời xa xưa. »

Cha François hỏi : « Lúc này Đức Khâm Sứ có hay gặp Đức Tổng Giám Mục Ngô-đình-Thục không ? Con tin rằng Đức Cha Ngô-đình-Thục sẽ tuân theo lời khuyến cáo của Đức Cha ? »

Đức Khâm Sứ đáp : « Đã lâu tôi không gặp ngài. Theo Linh mục Cao-văn-Luận cho tôi biết thì ngài cũng có một phần trách nhiệm về vụ biến cố này ! »

Cha François hỏi : « Vậy thì lời tố cáo của phái Phật Giáo cũng không phải là sai ? »

Đức Khâm Sứ đáp : «Không sai nhưng không hoàn toàn đúng. Tôi nói là Đức Cha Ngô-dình-Thục phải chịu một phần trách nhiệm. Đây chỉ là trách nhiệm tinh thần đối với lương tâm Công giáo ».

Cha François hỏi : «Thưa Đức Khâm Sứ có thực là chính quyền Ngô-dình-Diệm đàn áp Phật giáo như báo chí ngoại quốc tường thuật không ?» Đức Khâm sứ im lặng một lát rồi khẳng định : « Đây chỉ là một chiến dịch thổi phồng quá đáng. Cha đã từng sống ở Việt-nam chắc Cha hiểu rõ hơn tôi. Trí tưởng tượng của họ ghê gớm lắm tôi tin rằng chắc cũng có những vụ bắt bớ giam cầm đánh đập Phật tử nhưng làm gì đến độ ghê gớm như sự tường thuật của báo chí ».

Đức Khâm Sứ kể : « Mới đây có một giáo dân đến thăm tôi. Ông là một nhân vật cao cấp trong Chính phủ ông ta quả quyết có bàn tay của người Mỹ, dàn cảnh trong cuộc biểu tình của Phật tử ngày 17-7 vừa qua, ông ta nói có một Bác sĩ bên Phật giáo đã chế tạo cả hàng mấy chục ngàn lọ thuốc mê (chloroforme) trao cho các nhà sư trẻ và Phật tử để khi biểu tình mà xô sát với Cảnh sát thì đưa thuốc lên mũi người lúc ấy thuốc mê sẽ làm họ lao đảo quy ngã rồi lúc ấy các phóng viên ngoại quốc sẽ quay phim chụp hình. Nhân vật này cũng cho biết sau cuộc biểu tình ngày 17-7 Cảnh sát đã tịch thu được cả hàng chục chai thuốc mê như vậy. Ông ta cũng tiết lộ với tôi là truyền đơn của phía tranh đấu được quay ronéo bằng những

loại giấy mà chỉ có cơ quan USAID mới có. Đó là thứ giấy tốt đặc biệt ».

Cha François lại hỏi : « Thưa Đức Khâm Sứ ngài có nghĩ rằng đã có bàn tay CS trong phong trào tranh đấu Phật giáo hay không ? »

Đức Khâm Sứ ngần ngại rồi đáp : « Đây là một vấn đề quá tế nhị, cho đến bây giờ chưa có một dữ kiện nào khiến chúng ta có thể nghi ngờ như vậy. »

Cha François nói : « Tại sao TT Diệm lại có thể hành động thiếu khôn ngoan khi ông ra lệnh cấm treo cờ Phật giáo ? »

Đức Khâm sứ đáp : « Có nhiều nguyên nhân sâu xa lắm, lệnh cấm treo cờ của ông Diệm đâu có phải chỉ dành riêng cho Phật giáo mà quy định cho cả Giáo Hội Công giáo nữa. Cha phải hiểu rằng Ông Diệm là một nhà quốc gia cực đoan. Ông ấy coi tồ quốc trên Giáo hội, chứ không phải Giáo hội trên tồ quốc ».

Cha François nói : « Con vẫn tin TT Diệm là một người hoàn toàn thánh thiện.» Đức Khâm sứ gật đầu đáp : « Đúng, Ông ấy là một giáo dân có một đời sống rất thánh thiện ».

Nhưng ông ấy không phải là một giáo dân thức thời. Ông ấy cũng là một nhà nho, cuồng tín với lý tưởng an dân trị quốc của ông ấy ».

Cha François hỏi : « Con nghe nói một số Linh mục và giáo dân đang tham gia phong trào tranh đấu Phật giáo ».

Đức Khâm sứ đáp : « Đúng, tôi có nghe nói như vậy. một số Linh mục có đến hỏi ý kiến của tôi như thế nào khi họ tỏ thái độ thân thiện và hỗ trợ Phật giáo. thì tôi trả lời các ngài hãy cứ làm theo lương tâm của các ngài».

CON SỐ 80% : SỰ THỰC HAY LÀ HUYỀN THOẠI ?

Cha François trong cuộc gặp gỡ Đức Khâm sứ cũng không được thỏa mãn cho lắm. Đức Khâm sứ đã tỏ ra sự thiếu thiện cảm với chính quyền Ngô-Đình-Diệm và ngài bị ảnh hưởng sâu xa bởi những dư luận đồn đãi về đời sống của Bà Nhu cũng như quyền bính của ông Nhu và Đức Cha Ngô-dình-Thục. Khi Cha François sắp cáo từ ra về thì một Giáo sư Đại học và một Linh mục trẻ cũng vừa đến xin thăm Đức Khâm sứ. Ngài bảo Cha François : « Cha có thể ngồi lại đây... nếu Cha muốn biết rõ tình hình VN như thế nào thì hai ông khách này có thể giúp Cha nhiều tài liệu xác thực ».

Lúc đầu hai vị khách còn dè dặt nhưng sau hai ông bắt đầu cho nổ máy, công kích chính quyền hết sức mãnh liệt. Cha hỏi : « Tôi vẫn nghĩ rằng chính quyền này có thực thi dân chủ và thực hiện nhiều công tác lớn lao cho xứ sở ».

Vị Linh mục trẻ, «Thưa Cha chúng tôi chưa thấy dân chủ ở đâu cả, Quốc Hội là Quốc Hội bù nhìn, toàn thứ nghị gặt do Đảng chỉ định. Quyền hành đều nằm gọn trong tay Tổng thống hay đúng ra ở trong tay ông bà Nhu ».

Vị Giáo sư Đại học : « Thừa Đức Khâm sứ và thừa Cha, tình hình đến lúc nghiêm trọng lắm rồi... Thiết tưởng Giáo hội không thể đứng ngoài vòng... Giáo hội phải lên tiếng ». Đức Khâm sứ mỉm cười : « Ông bảo Giáo hội phải lên tiếng như thế nào ? Giáo hội không đứng ngoài vòng thì Giáo hội phải làm sao bây giờ » ?



Làm thế nào để giết một Tổng Thống

— TẬP HAI —

- * Nhiều pha sôi nổi, gay cấn
- ★ **Diễn tiến của cuộc tranh đấu Phật giáo 1963 :**
- * Ai phát động cuộc tranh đấu Phật giáo ?
- * Vụ nổ Đài phát thanh Huế : Cộng sản hay Mỹ ? Đại úy Scott là ai ?
- * Thượng tọa Thiện Minh, Trí Quang : ai đi với Chính quyền Ngô Đình Diệm ? Ai đi với Mỹ ?
- * Bí mật của kế hoạch tự thiêu ?

Máu thuẫn trong hàng ngũ lãnh đạo Phật giáo

- * Hàng ngàn khuôn mặt : Chính khách sôi thịt, ăn có, tuổi trẻ hăng say, nhà tu đội lốt...
- * Dư luận quốc tế đối với cuộc tranh đấu của Phật giáo
- * Cộng Sản và Mỹ âm mưu và cấu kết như thế nào ?
- * Ai là Cần Lao ? Ai là mật vụ ?
- * Từ vụ tự thiêu của Hoà Thượng Quảng Đức đến cái chết bi thảm của Nhất Linh

★ **Diễn tiến của cuộc binh biến 1963 :**

- Cuộc đấu trí giữa Cố vấn Ngô Đình Nhu và Đại Sứ Cabot Lodge
- Vì sao người Mỹ quyết lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm ?
- Bí mật chưa từng tiết lộ trong cuộc binh biến.
- Mâu thuẫn trong hàng ngũ tướng lãnh
- Vai trò của tướng lãnh trong cuộc binh biến.
- Mỹ chủ trương giết TT Ngô Đình Diệm ?
- Từ cuộc đảo chánh giả cho đến cuộc đảo chánh thật.
- Từng phút và từng phút gay căng : tướng tá loát mồ hôi lạnh — Chế độ Ngô Đình Diệm bị lật đổ trong gang tấc.
- Ai chủ mưu giết TT Ngô Đình Diệm và ông Cố Vấn Nhu ?

★ **Cơn hấp hối của Thành Cộng Hòa và Dinh Gia Long :**

- Phút cuối cùng của TT Diệm và Ông Nhu dưới hầm Dinh Gia Long :
- Đêm dài vô tận tại nhà Mã Tuyên :
- Phút cuối cùng của anh em TT Diệm tại nhà thờ Cha Tam.

- * Phút cuối cùng TT Diệm nói gì? Ông Nhu nói gì?
- * Tại sao TT Diệm từ chối tị nạn tại các tòa Đại Sứ ngoại quốc?
- * Ai bắn anh em T T Diệm?
- * Tại sao đến ngày 8.1, mới chôn cất hai anh em TT Diệm?
- * Vai trò của Tướng Dương văn Minh? Chủ động hay gặp may hay cơ hội?
- ★ **Tất cả bí ẩn sâu xa nhất trong cuộc binh biến được phơi bày trong Tập Hai: Làm thế nào để giết một Tổng Thống — phát hành tiếp theo ngay Tập Một.**

★ **Làm thế nào để giết một Tổng Thống :**

— *Bản dịch Anh Ngữ của GS Trần Kim Nở sẽ xuất bản tại Hoa Kỳ.*

— *Bản dịch Pháp Ngữ của một số Giáo Sư Đại Học Sài Gòn sẽ xuất bản tại Belgique (Bruxelles.)*